TRẦN VĂN KHẢI

nghệ-thuật sân-khấu VIỆT-NAM

HÁT-BỘI, CẢI-LƯƠNG, THOẠI-KỊCH,
THÚ XEM DIỄN KỊCH





INSTITUT DE L'ASIE DU SUD-EST



Tên sách : NGHỆ-THUẬT SÂN-KHẤU VIỆT-NAM
Tác giả : TRẦN VĂN KHẢI
Nhà xuất bản : INSTITUT DE L'ASIE DU SUD-EST
Năm xuất bản : 1987

Nguồn sách : tusachtiengviet.com

Đánh máy : Khongtennao, alittleNu, Kim Ho, thuantran46, dacxeru, Laithuylinh, kd1995, ThaiThaiCJ, Meo_beo_123, bhp, little_lion, Thuong Nguyen

Kiểm tra chính tả : Lưu Đỗ Thanh Tâm, Ngô Thị Thu Hiền, Ngô Tùng Sơn, Nguyên Anh, Trương Đình Tý, Đào Tuấn Giang, Nguyễn Thanh Hải, Ngô Thanh Tùng

Biên tập ebook : Thư Võ
Ngày hoàn thành : 03/10/2019

MỤC LỤC

TRẦN VĂN KHẢI

NGHỆ-THUẬT SÂN-KHẤU VIỆT-NAM

HÁT-BỘI, CẢI-LƯƠNG, THOẠI-KỊCH,
THÚ XEM DIỄN KỊCH

INSTITUT DE L'ASIE DU SUD-EST
1987

INSTITUT DE L'ASIE DU SUD-EST, 1987
269, rue Saint-Jacques 75005 PARIS

ISBN 2-86813-024-0

TỰA

Người ngoại-quốc, khi đến du-lịch trong một nước nào, muốn biết trình-độ văn-minh của dân-tộc nước ấy, thường hay đi xem diễn tuồng để thưởng-thức nghệ-thuật sân-khấu của bản-xứ.

Hiện nay sân-khấu Việt-Nam có ba bộ môn : Hát Bội, Cải-Lương và Thoại-Kịch. Thiết-tưởng nước nhà có thể tự-hào để trình cho người ngoại-quốc xem ba điệu diễn tuồng của mình, mà mỗi điệu, nếu biết thưởng-thức, đều có cái hay của nó.

Hát Bội hay về lối cổ-điển. Về hình-thức tuy cổ-lỗ, nhưng về tinh-thần nó có thể tượng-trưng cho cái « Nho phong sĩ khí » của dân-tộc Việt-Nam. Nó nêu lên được những gương nghĩa-sĩ trung-thần, nghĩa-phu tiết-phụ, những cảnh bạn thiết, tớ trung và phụ từ, tử hiếu. Những trạng-huống éo-le gay-cấn trong lịch-sử Tàu hay lịch-sử nước nhà đều được hát Bội đem ra trình-diễn để làm gương cho hậu thế.

Song nghệ-thuật hát Bội rất sâu-sắc. Muốn thưởng-thức cái hay, cái đẹp của điệu hát ấy, khi xem cần phải chú-ý rất nhiều và quan-sát kỹ-càng mới lĩnh-hội được chỗ sâu sắc của hát Bội.

Trái lại điệu Cải-Lương là một lối hát bình-dân. Ai xem cũng hiểu được. Nó có thể hấp-dẫn một số đông khán-giả nhờ tính-cách bình-dân của nó. Gia-dĩ cách bố-cục, phân màn và dàn-cảnh của điệu Cải-Lương đều phỏng theo lối

Âu-châu, nên dễ xem. Lối hát nầy khi diễn tuồng xã-hội, được hạp nhãn người ngoại-quốc hơn.

Về Thoại-Kịch, mới phát-khởi trong lúc sau này, nên còn trong thời-kỳ phôi-thai. Nhưng có một vài vở kịch có thể nói là vừa xem đặng, nhờ tài diễn-xuất khả-quan của một ít kịch-sĩ ưu-tú.

Trong sách nầy, chúng tôi xin tuần tự lược-khảo ba điệu diễn-kịch của nước nhà để cống-hiến quí độc-giả những đặc điểm của mỗi điệu.

*****

Trong hai chương đầu, chúng tôi có trích-dẫn những câu hát Bội và những bài ca Cải-Lương của các soạn-giả hữu-danh để làm tài-liệu biên-khảo. Vì không rõ địa-chỉ của mỗi Vị nên chúng tôi rất tiếc không thể biên thư riêng để thỉnh-ý trước.

Chúng tôi xin Quí Vị vui lòng lượng-thứ cho và xin thể nhận nơi đây lời chơn-thành cảm-tạ của chúng tôi.

Sàigòn, Mạnh-Xuân Bính-Ngọ

Thanh-Trung TRẦN-VĂN-KHẢI

CHƯƠNG THỨ NHỨT : HÁT BỘI

Hai danh-từ « Hát Bội » và « Hát Bộ » đã làm cho nhiều người phân-vân vì không biết phải gọi thế nào cho đúng. Theo thiển kiến chúng tôi, nên gọi « Hát Bội » bởi danh-từ nầy đã có từ lâu và nó đúng với ý-nghĩa của điệu hát ấy. Muốn minh-xác điều nầy, chúng ta nên tham-khảo những bộ tự-điển xưa hơn hết đã xuất-bản trong nước.

Trong quyển nhứt « Đại-Nam Quốc-âm tự-vị » của Huỳnh-tịnh Paulus CỦA, in tại Saigon năm 1895, nơi trang 67, có chữ BỘI (倍) thích nghĩa : Hơn, bằng hai. Có chua ở dưới : Gia bội = Thêm bằng hai, bằng ba. Trò bội = Cuộc ca hát. Hát bội = Con hát, kẻ làm nghề ca hát.

Xem trong quyển « Dictionnaire annamite-français » của J.F.M. GENIBREL, in năm 1898 cũng tại Saigon, nơi trang 47, có chữ BỘI (倍) thích nghĩa : Bằng hai = double ; Bội số = Multiple ; Bội-nhị = Doubler.

Có chua thêm phía dưới : Bội bè = Comédie ; Hát bội = Jouer la comédie.

Chiếu theo hai bộ tự-điển trên đây, chúng ta có thể kết-luận rằng : tiếng « Hát Bội » do chữ « Bội » trong Gia Bội, Bội Nhị mà ra, nghĩa là : Thêm bằng hai, bằng ba.

Ai đã từng đi xem hát Bội đều nhận-chân rằng trong điệu hát nầy, việc gì cũng « gia bội » (thêm lên). Một người Tướng có tánh nóng thường vẽ mặt rằn-rực quá dữ, bộ-tịch hung-hăng, nói năng nóng nảy. Thật ra, Tướng hồi xưa đâu có những cử-chỉ, ngôn-ngữ và mặt mày quá hung tợn như

thế. Nhưng muốn cho khán-giả dễ thấy tánh-tình bên trong của vai tuồng, nên diễn-viên phải gia-tăng điệu-bộ và hóa-trang cách hung bạo như vậy.

Bởi thế, chúng ta chẳng nên lấy làm lạ cho sự diễn trò quá sự thật của điệu hát Bội vì là một điệu hát « Gia-tăng bội nhị, bội tam ».

Còn tiếng « Hát Bộ » mới có lúc sau nầy, hồi Cải-lương mới ra đời. Một số khán-giả đi xem Cải-lương, thấy điệu hát tả chân ấy ít có múa men ra bộ nhiều như hát Bội, nên gọi điệu hát sau nầy là hát Bộ, nghĩa là hát có múa bộ nhiều để phân biệt với điệu hát Cải-lương. Những người dùng tiếng hát « Bộ » là dùng sai ý-nghĩa của điệu hát cổ-điển nước nhà. Thế nên, chúng ta phải dùng tiếng « Hát Bội » mới đúng nghĩa.

I. LƯỢC SỬ HÁT BỘI

Trước khi điệu hát Bội từ Tàu sang Việt-Nam, dân-tộc ta chắc có một điệu hát riêng biệt vì một dân-tộc, dù còn man-mạch đến đâu, cũng có một điệu hát riêng của mình. Trong các cuộc lễ công-cộng, thường nhân dân trong thôn-ổ hội họp lại để ăn uống, múa hát vui chơi. Đó là một sự dĩ-nhiên không ai chối cãi được. Hiện nay chúng ta thấy các dân tộc thiểu-số ở miền sơn-cước đều có điệu múa hát của họ. Nhờ những giọng hát của ta có sẵn, nó sẽ làm nền móng cho điệu hát Bội sau nầy.

Qua đến đời Nguyên bên Tàu (1285), tướng Toa-Đô sang xâm chiếm nước ta, bị Hưng-Đạo-Vương đánh đuổi. Khi quân Tàu thua chạy, quân ta bắt sống được một số tàn-quân, trong đó có tên Lý-nguyên-Cát biết múa hát.

Nhà Trần bèn hậu đãi tên kép hát ấy để dạy cho người mình điệu hát Bội. Song dạy về hình thức mà thôi, như cách múa men, vẽ mặt, mặc xiêm giáp, v.v… Còn về nội-dung các giọng hát, người mình đã có sẵn từ trước, nên không cần ai dạy. Nếu nói một người kép hát Tàu qua dạy cho người Việt các giọng hát thật là phi lý.

Vả lại, âm-nhạc hát Bội của mình khác với âm-nhạc Tàu xa lắm, mà giọng hát là do âm-nhạc phát-sinh. Thế nên cái hay của tiền-nhân ta là biết dung-hòa cái hình-thức điệu-bộ của Tàu với cái nội-dung âm-điệu của mình sẵn có, để tạo nên một lối hát đặc-biệt Việt-Nam. Thật tiền-nhân ta rất am-tường về nghệ-thuật sân-khấu mới sáng chế được một

điệu hát cổ-điển có qui-củ hẳn-hòi cho nước nhà. Trong các giọng hát Bội, có điệu hát khách hơi mường tượng giọng hát Tàu, nhưng không giống hệt.

II. NHỮNG ĐẶC ĐIỂM CỦA HÁT BỘI

Hát Bội là một nghệ thuật tượng trưng (art symbolique). Từ cách dàn cảnh trên sân-khấu đến các điệu-bộ đều có tánh cách tượng-trưng.

A) SÂN-KHẤU HÁT BỘI

Cách dàn cảnh của sân-khấu hát Bội rất đơn-giản. Chính giữa sân-khấu có trải một chiếc chiếu trắng. Kế đó phía trong, để một cái bàn. Hai đầu bàn có để mấy cái ghế ngồi. Phía sau có treo một tấm màn thêu rất đẹp và có thể vẹt ra hai bên đặng. Trong tấm màn, để một cái rương lớn, trên rương để một cái ghế lên cao dùng cho vua hoặc tướng-soái ngồi, khi có thiết đại triều hay có hội-nghị nơi soái đường.

Hai bên phía vô buồng, có hai cửa buồng có treo màn. Còn hai bên sân-khấu, có đặt hai cái rào sơ-ly bằng cây sơn son để dựng tàn lọng và cờ xí. Hai rào sơ-ly nầy làm tăng vẻ trang-nghiêm của sân-khấu mà cũng có dụng ý để ngăn những trẻ em xem hát không cho tràn vô sân-khấu làm trở-ngại cuộc diễn tuồng.

Nhờ lối dàn-cảnh đơn giản ấy, nên rất thuận tiện cho soạn-giả sắp đặt lớp lang bổn tuồng. Sân-khấu hát Bội chẳng khác nào một trang giấy trắng, trên đó soạn-giả vẽ-vời thế nào tùy ý, chẳng cần đổi cảnh, phân màn.

Chốn triều-đình cũng đó, chiến trường hay núi non rừng-rậm cũng đó. Khán giả nghe câu hát của vai tuồng rồi tưởng-tượng trong trí, biết nơi ấy là nơi nào. Vả lại người Việt đi xem hát Bội phần nhiều đã đọc truyện Tàu nên biết

rõ các chi-tiết trong tuồng, không cần trưng bày cảnh thực, khán giả cũng ý-thức được những nơi đã xảy ra các lớp tuồng. Lúc sau này hát Bội có bày ra tranh cảnh, nhưng nhiều người thích để sân-khấu như xưa.

B) ĐIỆU BỘ

Các điệu-bộ của hát Bội đều theo những qui-tắc nhứt định. Từ cách cầm thương lên ngựa đến cách vuốt râu đều có vẻ tượng-trưng.

Một ông Tướng khi xuất trận, đòi thương mã, trong buồng tên quân đem cái roi ngựa và cây thương ra đứng cách như dắt một con ngựa thiệt đến cho chủ (Nơi đây xin mở một dấu ngoặc để xét coi nên bỏ hay nên để cách dắt ngựa ra như vậy). Theo thiển kiến chúng tôi, nên bỏ nếu việc ấy không có điều chi quan-hệ cho lớp tuồng. Nhưng có một ít trường-hợp đặc-biệt phải để, vì nếu bỏ, lớp tuồng sẽ mất hay. Như lúc Đơn-hùng-Tín vào trào hay tin các tướng đều bị tử-trận, lập tức trở về nhà để giã từ vợ và lấy thương mã đặng đi thích-khách Vua Đường.

Vợ cản không muốn cho chồng đi vì biết thế nào cũng bị hại. Nhưng Đơn-hùng-Tín là người anh-hùng, quyết tâm phục hận, bèn kêu quân đòi thương mã. Nếu lúc nầy không cho quân dắt ngựa, đem thương ra, tất lớp tuồng sẽ bị hỏng.

Nhờ có cử-chỉ cầm thương lên ngựa rất quyết-liệt mà Đơn-hùng-Tín mới tỏ ra được cái chí-khí anh-hùng và vợ tỏ lòng trọn nghĩa với chồng khi ba lần ra cản đầu ngựa.

Về sự vuốt râu cũng có nhiều cách để thể-hiện được tánh tình bề trong của vai tuồng. Một ông quan văn trung vuốt râu nhẹ-nhàng kéo phớt qua bên mặt hay bên trái (nếu tay mặt cầm quạt). Ông quan võ trung cầm ngọn râu phía dưới rồi hất qua một bên. Vai nịnh hai tay ôm bộ râu rồi vuốt xuôi xuống và cười hơi nịnh bợ. Tướng có tánh nóng hai tay khấu lại và quào-quào hàm râu rìa bộ dữ tợn. Người nghĩa khí như Quan Công xòe ngón tay trỏ và ngón giữa vuốt râu mép tai rồi đưa thẳng ra phía trước.

Hiện nay ở sân-khấu hát Bội có một vài nghệ-sĩ có những điệu-bộ rất hay. Ví như cách đưa tay lên, ngồi xây lưng lại đều ăn rập với nhịp đờn. Đi bước chậm rãi ăn theo nhịp trống, nên xem có nghệ-thuật.

C) MÀU MÈ

Về phương-diện tâm-lý, muốn kéo khán-giả theo cùng cảnh ngộ vui, buồn, giận, sợ… của vai tuồng, diễn-viên thường làm những màu-mè theo những lệ thông-thường như sau :

VUI. – Khi vui thì nét mặt hân-hoan, hai mắt sáng lên, giọng cười giòn-giã. Nhưng một ông quan trung cười cách khác, còn vai nịnh cười một cách khác. Nghe giọng cười cũng rõ người trung kẻ nịnh.

BUỒN. – Lúc gặp cảnh ngộ bi đát, giàn đờn rao xuân-nữ trước. Người hát nói lối thương, nước mắt rưng-rưng chảy. Khi dứt lối thương, bắt qua hát Nam Ai, nước mắt tuôn dầm, làm cho khán-giả cũng phải động lòng rơi lệ.

GIẬN. – Khi giận, diễn-viên dùng một miếng cây bằng bàn tay đập mạnh xuống bàn hay ghế nghe bốp-bốp. Tay chỉ, miệng la lớn và dùng lời rầy la dạy bảo. Ví như lúc Triệu-hoàng-Cô giận rầy Cao-quân-Bảo kết hôn không cho cha mẹ hay trước. Cũng có khi dùng điệu-bộ và lời nói để tỏ sự giận, không dùng miếng cây.

SỢ. – Cao-quân-Bảo sợ mẹ quở phạt, rạp mình xuống, mắt láo-liên, mặt thất-sắc, hai bàn tay chắp lại và chơn bước nhẹ, bộ cóm róm. Có nhiều điệu-bộ khác để chỉ sợ hãi, nhưng đây là một điệu-bộ sợ-sệt điển-hình của hát Bội.

GANH-GHÉT. – Một bà chánh-hậu mưu toan giết mẹ con bà thứ vì bà sau này mới sanh một hoàng nam. Sợ để hoàng-tử ngày sau nối ngôi vua thì mình sẽ mất quyền-thế và bà thứ sẽ lên ngôi quốc-thái, nên bà chánh-hậu lập mưu cùng người tâm-phúc để ám-hại kẻ thù. Trong lúc đàm-thoại, bà thường nghiến răng, sắc mặt hầm-hầm, tay giận run. Những sự ghen tức ở nội tâm đều tỏ ra ngoài bằng cử-chỉ hay lời nói.

THƯƠNG YÊU. – Theo phong-tục đông phương, tình yêu không bộc lộ ra ngoài. Cha thương con, con thương cha, vợ thương chồng đều để trong lòng, không biểu lộ ra ngoài. Trừ trường hợp vợ chồng phải xa cách nhau thì chồng vịn vai vợ hoặc vợ vịn vai chồng để than vãn là cùng, không có sự âu-yếm quá mức như người phương Tây.

III. CÁC GIỌNG HÁT BỘI

Hát Bội có nhiều giọng : nói lối, hát nam, hát khách, xướng, bạch, ngâm, thán, oán, quân bang, quân bài, v.v… Sau đây xin lần lượt khảo về các giọng.

A) NÓI LỐI

Tuy nói lối, song cất giọng cao gần như hát. Nói lối có bốn cách : lối xuân, lối ai, lối xẳng và lối thường.

1) Lối Xuân

Lối xuân nói chậm rãi, nghiêm nghị, thường dùng trong khi xưng tên và đàm-thoại. Trong tuồng « **Kim-Vân-Kiều** », lúc Túy-Kiều xưng tên có nói lối xuân :

(Túy-Kiều) :

Thiếp Túy-Kiều lạm dự hồng quân,
Nhà Vương-thị sớm roi giai lệ
Thượng uyển hoa còn bé nhụy,
Ngự câu lá chửa đề thi.
Sắc hổ trang lạc nhạn trầm ngư,
Tài ví kẻ đằng giao khởi phụng.
Ca vịnh não nề lòng chúng,
Tân thinh nổi tiếng hồ cầm.
Tác cập kê xấp-xỉ trăng rằm,
Nết trinh tịnh trau-giồi giá ngọc.

(Túy-Vân) :

Trịnh, vệ chi màng thói bạc,
Mạnh, Tào dốc đúc gương trong.

Tường đông ai đem dạ bướm ong,
Mái tây cũng mặc người trăng gió.

2) Lối Ai

Lối Ai nói lúc buồn để tả tâm sự đau-đớn thê-lương. Khi cha mẹ nhớ con, con nhớ cha mẹ, tôi chúa thất lạc, vợ chồng xa nhau, đều dùng lối Ai. Trong tuồng « **Địch-Thanh ly Thợn** », lúc Địch-Mẫu nhớ con nói lối Ai :

Trông con chi ngớt cơn sầu,
Nhớ trẻ lại thêm nỗi thảm.
Con ôi !
Cố quốc tam thu vân sắc ám,
Tây thiên vạn lý cổ thanh xa.
Thối não đưa hơi gió bên nhà,
Đem tin vắng cánh hồng ngoài ải.
Mẹ chẳng biết :
Cam-tuyền đã vắng hơi lửa dậy
Hay là :
Tế-liễu còn lộn tiếng quân reo.
Tai chẳng nghe lạc ngựa bình Liêu,
Mắt luống nhắm ngọn cờ thối Lỗ.

Trong tuồng « **Kim-Vân-Kiều** » lúc Túy-Kiều nhớ cha mẹ và người tình cũ có nói lối Ai :

Từ thuở lầu xanh treo giá,
Biết bao đất khách nhơ danh.
Trông mấy luống những ngẩn-ngơ tình,
Hỏi nguyệt càng thêm lai-láng lụy.
Sân hòe quế đủ mùi thục thủy,

Ôi cha mẹ ôi !
Nhà xuân huyên xế bóng tang du.
Ôi Kim-lang ôi !
Người qua thăm cây đa cũ, bến đò xưa
Em đã nối mối tơ thừa sợi chỉ mới.
Thổn-thức nỗi chung tình cựu ngỡi,
Ngổn-ngang lòng cố quốc tha hương.
Hàm sầu cố ảnh tự thương,
Bão hận thống tâm trường thán.

3) Lối xẳng

Lối nầy nói mau hơn lối xuân và lối ai, cũng bằng văn vần. Dùng trong lúc giận hay khi tỏ lời khí-khái.

Trong tuồng « **Sơn hậu** » khi Tạ-thiên-Lăng bị Triệu-Khắc-Thường xỉ mạ, nói lối xẳng :

Nổi lôi đình chi nộ.
Phấn thích lịch chi oai

(Ôn-Đình) :
Phú Ôn-đình em khá ra tài,
Chém đầu gã, để răn muôn chúng.

Trong tuồng « **Tam-Quốc** », lớp Trương-Phi ở Cổ-Thành nghe quân báo : Dạ dạ ! Hữu xa mã đáo thanh, xung Quan-Hầu nhập yết :

(Trương-Phi nói lối xẳng) :
Tâm như hỏa liệt ! hỏa liệt !
Nhĩ tợ lôi oanh, lôi oanh !

(Vả chăng Quan-Hầu bội ngô huynh trưởng, hàng Tào lập công, Phi hỏi) : Hà sư đáo ngã thành. Tất kỳ trung hữu trá.

(Chư Tướng) :

Truyền chỉnh tu binh mã.

Mau bố liệt can qua,

Huy xà mâu sát phá oan gia.

Huyền thủ cấp báo ngô ca trưởng.

4) Lối thường

Lối thường dùng văn xuôi. Thí dụ Địch-Thanh nói với Thoại-Ba : « Công Chúa giận cũng phải, nhưng xin Công-Chúa nghĩ lại. Nay thằng Bàng-Hồng nó xàm tấu cùng Thánh-Thượng rằng hạ quan là kẻ phản quốc tư cừu, nên lịnh trên đã dạy giam từ mẫu nơi ngục nội… »

B) HÁT NAM

Giọng Hát Nam là một giọng đặc-biệt của Việt-Nam. Có người nghe giọng Hát Nam hơi buồn rồi đoán là giọng hát nầy gốc của người Chàm. Chúng tôi không đồng ý-kiến ấy vì trải mấy ngàn năm lịch-sử nước Nam ta không có một giọng hát đặc-biệt của mình để biểu-thị sự buồn thảm thê-lương hay sao ? Vả lại những câu văn dùng trong điệu hát Nam đều là văn đặc-sắc Việt-Nam như : Thượng-lục hạ bát, Song thất lục bát hay Lục bát gián thất.

Hát Nam có năm điệu tùy cảnh ngộ : Nam Xuân, Nam Ai, Nam dựng, Nam chạy và Nam biệt. Sau hết có điệu Lý Nam qua Ai.

1) Nam Xuân

Hát Nam Xuân hơi thư-thái và có vẻ bi-hùng. Thường dùng trong khi đi đường để tả cảnh hoặc tả tình. Trước khi hát Nam Xuân, vai tuồng thường nói bốn câu hoặc hai câu lối xuân, rồi bắt qua Nam Xuân.

Trong tuồng « **Kim Vân Kiều** » lúc chị em Túy-Kiều đi tảo mộ có nói lối xuân và hát Nam Xuân để tả cảnh Xuân Thiên thích thú :

(Túy-Kiều) (lối xuân) :
Một sắc thiều-quang tỏ rạng,
Đôi nhành mai liễu đua tươi.
Trời xuân cảnh vật chào người,
Nội tử chị em tách dậm.

(Hát Nam Xuân) :
Nội tử chị em tách dặm,
Cảnh vật nhìn vẻ gấm càng tươi.

(Túy-Vân) (hát Nam Xuân) :
Thiều-quang vừa ngoại sáu mươi,
Đầy đường hoa nở, lắm người đạp thanh.

(Vương-Quang) (hát Xuân tiếp) :
Trời thanh rạng vẻ xuân xanh.
Một tiền tê tảo phỉ tình cửu u.

Trong tuồng « **Huê-dung đạo** » lớp Quan-Công hồi thành thọ tội, có hát Nam Xuân để tỏ tâm-trạng người anh hùng vì muốn trả ơn nên chẳng sợ tử tội cam đoan :

(Quan-Công) (nói lối Xuân) :

Đứng trượng phu xử thế,
Hà úy tử tham sanh ?
Trói mình nầy thọ tội trào đình,
Dầu mặc lịnh Quân-sư tha giết.

(Qua Nam Xuân) :
Mặc lịnh Quân-sư tha giết,
Ơn đền rồi, sống thác nài bao.
Sự tình phú có thiên cao,
Gươm Lưu đổi nặng, ơn Tào nỡ vong.
Những dầu xương rụi cốt tàn,
Ngàn năm để tiếng miếu đàng thơm danh.

2) Nam dựng

Hát Nam dựng có hơi Xuân nhưng tiếng phát âm hơi dựng đứng để tỏ sự cứng-rắn của tâm-tư. Ví như trong tuồng « **Tam Quốc** » khi Quan Công thất thủ Hạ-Bì, phò nhị Tẩu qui Tào, đáng lẽ phải hát Nam Ai để tỏ lòng buồn thảm của mình đối với Lưu-Bị. Nhưng Quan Công hát hơi *Xuân dựng* mấy câu dưới đây để biểu-lộ cái khí-tiết của bậc cái-thế anh-hùng, dù phải bại trận, song tinh-thần vẫn bất khuất :

(Quan-Công) (nói lối) :
Tuyển toàn quân tôn thập nhị đinh,
Phò tẩu-tẩu tấn kỳ xa… thượng.

(Qua Nam dựng) :
Tẩu tẩu tấn kỳ xa thượng,
Giã Hạ-bì, chỉ dặm Hứa-Xương.
Lau lau tiết rạng dường gương,

Chơn noi Bắc-Ngụy, dạ hằng nhớ Lưu.
Tuy là khác thửa đồng bào,
Lời thề ngày trước vườn đào đâu nguôi.

3) Nam Ai

Hát Nam Ai giọng buồn thảm ai bi để tả tâm-sự đau thương của vai tuồng. Khi nào một vai tuồng bị cảnh ngộ chia rẽ như mẫu tử, phu thê, huynh đệ, quân thần phân-ly, v.v… thường hát Nam Ai để tỏ tình thê-lương của mình đối với người cách-biệt. Phần thường đào kép Hát Bội nhờ điệu hát Nam Ai để làm mủi lòng khán-giả và cũng để phô-diễn tài-nghệ về hơi-hám của mình.

Ví như trong tuồng « **Địch-Thanh ly Thợn** » lớp Địch mẫu, mẹ của Địch-thanh, bị Vua sai bắt, em Địch-Thanh là Địch-kim-Lan theo đưa mẹ có hát Nam Ai :

(Địch-kim-Lan) (nói lối) : Bất tận ai bi, ai bi ; vô cùng thảm não, thảm não. Mỏi mắt nhắm theo hình vân cẩu. Đau lòng cho mấy cuộc tang thương. Vầng ô đã xa cách Trường-an. Đàng thỏ kíp trông chừng cố-lý.

(Hát Nam Ai) :
Đàng thỏ trông chừng cố-lý,
Mượn sương trời rơi lụy đỗ-quyên.
Tình con nghĩa mẹ không yên,
Nghĩ thôi càng thảm càng phiền cho đây.
Cách rồi một đoạn ai bi,
Trời xanh soi xét có khi tương phùng.

Trong tuồng « **Phụng-Nghi-Đình** » lớp Điêu-Thuyền xuất-giá có hát Nam-Ai để từ-biệt Tư-Đồ.

Điều-Thuyền (nói lối) :

Ơn dưỡng-dục chưa thỏa tình báo-bổ.
Nghĩa minh-linh phải gắng sức tài-bồi.
Một lạy xin giả nghĩa tôi đòi,
Trăm năm quyết ghi lời dạy nhủ.

(Hát Nam Ai) :

Dạy nhủ ghi lời vàng đá,
Luống ngậm ngùi ngày hạ đêm đông.

(Tư-Đồ) (tiếp Nam Ai) : Thưa Thừa-Tướng ! Xin nhờ mở lượng bể sông. (Nầy con ôi ! Rồi con nhờ cũng tại đó, mà chi nhờ cũng tại đó). Mượn tay cân quắc đỡ lòng tu mi.

(Điêu-Thuyền) (tiếp Nam Ai) :

Dằn lòng một bước ra đi,
Cha lui ngọc các, con về tướng môn.

Trong tuồng « **Kim-Thạch kỳ-duyên** », lớp Kim-Ngọc giã-từ Hòa-Thượng Hư-Vô có hát Nam Ai :

(Kim-Ngọc) (nói lối) :

Thưa, lòng kính thành bái tạ cao tăng,
Dặm diêu viễn trông chừng làng hạnh.

(Nam Ai) :

Diêu viễn trông chừng làng hạnh,
Cúi đầu từ, đài kính cửa không.
Khuôn linh đã đúc anh hùng.
Dẫu ra gan chuột cánh trùng quản bao. [1]
Cha mẹ ôi !
Ngùi ngùi chín chữ cù lao,
Công ơn cha mẹ, trời cao đất dày.

(Dũ-Đức) (Người tớ trung của Kim-Ngọc) : Thưa cậu, sách có chữ rằng : Trí giả bất dĩ hoạn-nạn nhi diệt kỳ tâm, còn Nhân giả bất dĩ bần tiện nhi cải kỳ tiết. Rất đỗi là, trăng còn có khi tròn khi khuyết, huống chi người sao không thuở nhục thuở vinh. Hễ là, đá cứng biết tuổi vàng, đường dài hay sức ngựa.

(Hát Nam Ai) :
Sức ngựa đường dài mới tỏ,
Đứng làm người không khó sao khôn.
Chiều theo ống thẳng bầu tròn,
Dẫu trong gian hiểm, cũng còn thảo ngay.

Trong tuồng « **Địch-Thanh ly Thợn** » lúc Thoại-Ba Công-chúa chia tay Địch-Thanh để trở lại Thợn-Quốc có hát Nam Ai :

(Thoại-Ba) (nói lối) :
Phò-Mã ôi ! Chưa lạt rượu giao-hoan một chén,
Đã văng mình vĩnh-biệt ngàn trùng.
Khó theo chân thảo tặc Nguyên-Nhung,
Xin soi dạ tư quân thục-nữ.

(Nam Ai) :
Soi dạ tư quân thục-nữ,
Đoạn thâm tình nhứt khứ nhứt lưu.

(Địch-Thanh) (tiếp Nam) :
Ruột dường dao cắt chín chìu,
Sương bay trước mặt, gió hiu bên đàng.

(Thoại-Ba) (Nam) :
Chút duyên Chức-Nữ Ngưu-Lang,

Cầu ô đã bắc loại toan dứt cầu.

(Địch-Thanh) (Nam) :
Dùng-dằng nghĩa trước tình sau,
Dây phiền đó cột, chuỗi sầu đây mang.

(Thoại-Ba) (Nam) :
Phân tay một khúc dương-quan,
Tây-Liêu chàng tới, Thợn-Bang thiếp hồi.

Sau hết cũng trong tuồng « **Kim-Thạch kỳ-duyên** » (s.g. Bùi-hữu-Nghĩa), con gái của Thạch-đạo-Toàn là Thạch-vô Hà xin làm nô-tỳ cho nhà Lâm-Vượng để lấy tiền chuộc tội cho cha, bị hàm-oan. Lúc giã-từ mẹ là Châu-Thị và em Thạch-hữu-Quang, Thạch-vô-Hà tỏ lòng đau xót bằng điệu Nam Ai :

(Châu-Thị, Hữu-Quang) (ngâm) :
Phù vân vô ngữ các tây đông,
Chi thượng đề quyên lụy nhiệm hồng.

(Vô-Hà) (tiếp) :
Dương liễu kiều đầu ly biệt thọ,
Lạc hoa vô ngữ oán xuân phong.

(Hữu-Quang) (hát Nam Ai) :
Xuân phong tấm lòng chua xót,
Đoạn ly kỳ mấy giọt tuôn rơi.
Trời làm chi cực bấy trời,
Nào ai tráo chác cho người hiệp tan ?

(Châu-Thị) (lối) :
Khôn lớn tưởng định bề đôi lứa,

Rủi ro xui ra phận tội đời.
(Con ôi) !
Nuôi mới vừa con mắt đương coi,
Thương đâu dứt tấm lòng cho đoạn.

(Nam Ai) :
Đâu dứt tấm lòng cho đoạn
Lạc cửa người chích nhạn bơ vơ.
Nuôi con kiếm chốn xe tơ,
Tưởng là sum hiệp, ai ngờ rẽ phân.

(Vô-Hà) (lối) :
Xin mẹ chớ nhiều ngày đeo thảm,
Liều như con trong tháng đứt nôi.
Giơ chơn một bước hóa mười lui,
Trơ mắt ba nhìn ra sáu giọt.

(Nam Ai) :
Trơ mắt ba nhìn sáu giọt,
Nhạn lạc bầy thảnh-thót đầu non.
Thà rằng liều một thân con,
Huê dầu lìa cội, lá còn xanh cây.
Nỗi nước nầy từ đây rời rã,
Tấc cỏ liều lo trả ba xuân.

4) Nam bán Xuân Ai

Trong điệu hát Nam, có khi hát nửa Xuân nửa Ai gọi Nam bán Xuân Ai. Những câu vui thì hát hơi Xuân, câu buồn trở qua Ai, tùy câu văn mà hát. Như đương hát Nam Xuân, muốn qua Nam Ai, diễn-viên cần phải ra dấu « Gạt nước mắt » cho giàn ngoài biết để đờn qua Ai. Như trong lớp

« **Tô-Võ chăn dê** » sau đây có hát hơi Xuân, kế qua Ai rồi trở lại Xuân :

(Tô-Võ) (nói lối) :
Đuổi dê ra ải bắc,
Lòng bát ngát sầu tây.
Miễn Võ-Hoàng cao ngự đài mây,
Thân chi sá nài bao lao khổ.

(Hát Nam Xuân) :
Đứng làm trai nài bao lao khổ,
Vái Phật Trời phò hộ chứng minh.
Võ-Hoàng còn ngự nam thành,
Có hay nông nỗi sự tình nầy chăng ?
Căm hờn Vệ-Luật Lý-Lăng,
Làm cho lỗi thửa đạo hằng quân thân.
Bao giờ (gạt nước mắt ra dấu qua Nam Ai) về tới cựu lân.

(Qua Nam Ai) :
Mẹ ôi ! ngõ cho thấy mặt từ thân chăng là.
Ngùi-ngùi hầu bước chơn ra,
Nhớ vua thương mẹ, xót xa đoạn trường.
Trách Hồ-Nhung đem lòng hãm-hiếp,
Biết ngày nào xum hiệp chúa tôi.
Đầm-đầm lụy ngọc sụt-sùi,
Ở Hồ nhớ Hớn chi nguôi tấc lòng.

(Trở lại Xuân) :
Tiết mao một cán cờ không,
Một người một bóng, bạn cùng sớm khuya.

Hồ-Vương độc dữ nhiều bề,
Trời ôi có biết gian nguy đỗi nầy !

5) Nam chạy

Lúc bị tướng giặc truy-nã cấp-bách, hay bị lạc vào rừng, vai tuồng vừa chạy vừa hát Nam gọi « Nam chạy ». Trong tuồng « **Sơn Hậu** » khi bà Thứ-Hậu và Đổng-kim-Lân bị Tạ-ôn-Đình đuổi theo có hát Nam chạy :

(Thứ-Hậu) (lối) :
Đạo viễn nhơn tâm bất viễn,
Cơ-đô di, thần tử mạc đi.
Chỉ Sơn-thành thượng mã cao phi,
Nơi đẳng nhạn từ từ giơ vọt.

(Hát Nam chạy) :
Giơ vọt trông chừng Sơn-Hậu,
Vái Phật Trời soi thấu lòng ngay.

(Kim-Lân) (tiếp Nam) :
Nguyệt lờ vì bởi tại mây,
Tuần hoàn thiên địa đổi thay vận thời.

Trong tuồng « **Tiết-Cương chống búa** » lớp Tiết-Cương và Kỹ-Lan-Anh bị Võ-Tam-Tư đuổi theo, chạy lạc vào rừng, có hát Nam chạy.

(Tiết-Cương) (nói lối) :
Hồ-nô đã biết đường xa thẳm,
Lâu-la tua nối gót lần dò,
Chớ ngại ngùng núi rậm hang sâu,
Miễn thoát đặng dây oan lưới họa.

(Hát Nam chạy) :
Thoát đặng dây oan lưới họa,
Bước gập ghềnh dìu đỡ lấy nhau.

Hồ-Nô (hát tiếp Nam) :
Một đoàn tớ trước thầy sau,
Chim kêu vượn hú thêm đau đớn lòng.

(Lan-Anh) (Nam) :
Lao-xao sóng vỗ ngọn tùng,
Gian-nan là nợ anh hùng phải vay.

(Tiết-Cương) (Nam) :
Sơn đình đoái đã gần đây,
Nhẹ chơn kỳ ký, thoát bầy khuyển ưng.

6) Nam biệt

Trong một lớp tuồng, khi hai vợ chồng hoặc mẹ con, anh em, v.v… sắp xa cách nhau, kẻ đi người ở, thường hát Nam để giã-biệt nhau, gọi hát Nam biệt hay Nam dứt. Khi người đi quay vô buồng rồi, người còn ở lại nhìn theo và kêu : Bớ phu-quân, hoặc bớ mẹ, bớ anh, rồi hát liền câu hát Nam biệt. Văn Nam biệt thường dùng câu song thất, nhưng cũng có khi dùng câu lục bát :

(Văn song thất) :
Bớ phu quân !
Én quy nam, nhạn hồi lãnh bắc,
Ngựa quay đầu, ruột thắt từng cơn.

(Văn lục bát) :
Bớ mẹ !

Dứt tình, tình lại vấn vương,
Cũng đeo một tấm đoạn trường mà đi.

Phần thường vai tuồng không nói lối khi bắt qua hát Nam biệt vì lúc chia tay nhau gấp rút không thể nói chi dài dòng hơn là hát dứt một câu Nam cho hết cơn nhớ thương bịn rịn.

Nhưng cũng có khi soạn-giả muốn tăng vẻ tha-thiết của mối tình chia rẽ, nên đệm thêm một câu « lối tán » cho người ở lại nói trước khi bắt qua câu Nam biệt. Câu « lối tán » nầy phải nói cho mau mới hợp tình cảnh :

(Lối tán) :
Sơn cách, thủy cách, tình nan cách,
Tinh di, nguyệt di, chi bất di.

(Qua nam biệt) :
Chi bất di, lưỡng đồ ly biệt,
Lụy sụt sùi, chi xiết lòng thương.

7) Nam thoàn

Nam thoàn hay nam thiền là một giọng hát Nam đặc-biệt của những người xuất-gia. Trong tuồng « **Sơn-hậu** », bà Nguyệt Kiểu hát Nam thoàn lúc từ-giã các em và tướng-sĩ đặng đi tu :

(Nguyệt Kiểu) (lối) : Nam Mô A-di-đà Phật. Xe rồng em trở lại, dặm liễu chị trải qua ; giã năm em an hưởng vinh hoa, phò một mối cho toàn huynh đệ.

(Nam thoàn) : Một mối cho toàn huynh đệ, Mặt giã-từ tướng-sĩ quần liêu. Mặc ai giàu mến sang yêu ; Mưa mai dễ

biết, nắng chiều nào hay. Hư vô là đạo mầu thay ; Hữu công Phật độ, có ngày siêu thăng.

8) Lý Nam Qua Ai

Điệu Lý Nam Ai dùng khi vai đào ngồi thêu, như Cửu-nhỉ công-chúa thêu Trân-châu-kỳ, hoặc lúc hồn ma đưa người qua núi, hay người chinh-phụ ru con, v.v… Điệu nầy thường dùng lối văn « song thất lục bát » :

(Lý) :
Trong cửa nầy, đã đành phận thiếp,
Ngoài mây kia, há kiếp chẳng vay ?

(Qua Ai) :
Những mong cá nước xum vầy,
Ai ngờ đôi ngả nước mây cách vời.
(Chinh-phụ ngâm).

Muốn gài vô câu Lý qua Ai phải nói hai câu lối Ai rồi xuống chữ Hồ : Tuồng « **Lê-Lợi »** .

(Lối Ai) :
Ngón kinh-luân kéo-kết tơ vàng,
Khuôn nhựt nguyệt lần đưa thoi ngọc… Hồ !

(Nếu câu ngâm lục-bát) :
Xuân đi rồi lại xuân về,
Nước non cũng vẫn một bề buồn xuân.

(Lý) :
Kia một dãy non sông gấm vóc,
Trách ai làm tang tóc cỏ cây (cỏ ư ứ cây).

(Qua Nam Ai) :

Buồn xuân càng gạt càng dầy,
Bâng-khuâng nước mất, ai hoài nhà tan.

(Lý) :
Tiếc cho mình hồng nhan phận gái,
Biết thế nào đem lại giang-san (giang ư ứ san).

(Qua Nam Ai) :
Hỡi ai nam tử bồng tang,
Thây bao da ngựa dậm ngàn chí trai.

(Lý) :
Lần tay ngọc dệt ngày tươi sáng,
Cảnh thanh bình chiếu rạng trời Nam (trời ư ứ Nam).

(Qua Nam Ai) :
Ngậm cay em đứt ruột tằm,
Hở môi sợ vách âm thầm nghiểng tai.

C) HÁT KHÁCH

Hát khách cũng gọi Bắc-xướng là một giọng hát có đờn kèn đưa hơi, mường-tượng giọng điệp khúc « Đại-quá-trường » của Tàu. Ngày xưa người mình gọi người Tàu là Khách nghĩa là người Khách ở phương Bắc đến, chứ không gọi người Huê-Kiều như hiện nay. Giọng hát Khách rất hùng-hồn và dũng-cảm. Tuy nó hơi giống giọng Tàu, nhưng cũng vẫn giữ được âm điệu và tinh thần Việt-Nam. Hát Khách dùng khi tướng võ cầm thương lên ngựa để ra trận hoặc truy nã giặc hay sắp làm một việc gì quan-trọng.

Hát Khách có năm điệu : Khách thi, Khách phú, Khách tử, Khách tẩu-mã, Khách tửu. Sau hết có lối hát « Khách

Nam liên-xướng ».

1) Khách thi

Khách Thi là một bài Đường-luật « Thất ngôn tứ tuyệt » soạn bằng Hán-văn. Trong tuồng « **Tiết-Cương chống búa** » khi Võ-tam-Tư truy nã Tiết-Cương có hát khách thi :

(Võ-tam-Tư) (khách thi) :
Vũ sậu lôi đăng vạn kỵ lai,
Huy qua đáo xứ tảo trần ai.
Thệ tương kỉnh khí trừ cường địch,
Khẩn hứa ngu phu độc sính tài.

Trong tuồng « **Triệu-Tử đoạt ấu chúa** », lúc Triệu-Tử đi tuần ban đêm có múa rọi và hát Khách thi :

(Triệu-Tử) (ở trong buồng nói lớn) :
Hắc dạ vãn tuần Nam Bắc,
Sơ canh mật thám Đông Tây.

(Nam lao quân, Bắc lao quân, canh giờ cho nghiêm nhặt à !) (bước ra ngoài cầm rọi múa một vòng rồi nói) : Đông trại, tây trại, tuần-thủ tứ vệ môn à : Cho vào chớ khá cho ra, ai nghịch mạng chém đầu làm lịnh.

(Xướng) : Hắc dạ sơ canh thám đông tây.

(Hát khách thi) :
Vị chúa tương tùy bá chiến trung,
Binh cơ tận lực thị anh hùng.
Não can đồ địa tâm bất tại,
Bất phách Tào mang kỷ vạn trùng.

2) Khách phú

Khi nào câu hát khách soạn trên bảy chữ thì gọi Khách phú. Khách phú dùng văn Phú-lục có vấn đáp. Trong những lớp tuồng hai tướng gặp nhau hỏi nguyên do về việc giao-chinh hoặc các vai tuồng hỏi nhau về điều quan-trọng, thường hát khách phú.

Trong lớp « **Cổ-Thành** » (Tuồng Tam-Quốc), nhị tẩu phân-giải cho Trương-Phi nghe bằng điệu Khách phú :

(Nhị tẩu) : Tẩu tẩu tại tư (chị có nghe tin) Lưu-Hoàng-Thúc Nhữ-Nam quy tỵ ; Lao lao chi thử, Quan Quân-Hầu nhứt lộ phò trì.

(Trương-Phi đáp) : Thậm nghi, thậm nghi ! Bất thính, bất thính ! Phi nghĩ lại.

(Hát Khách phú) : Tào-Tháo gian-hùng, bỉ tàng dĩ thiên phương loạn chí ; Quan-Hầu nghĩa-khí, hà bất năng nhứt tử thù tri.

(Quan-Hầu đáp) : Hiền-đệ vật đa từ, đa từ ; Ngu huynh chân hữu quá, hữu quá.

(Hát Khách phú) : Thử nhựt hàng Tào, bất tế sự thi kỳ ngu dã ; Kim triệu khử Ngụy, hạnh tương phùng duy nguyện thứ chi.

3) Khách tử

Trong điệu hát khách còn có khách tử dùng khi lâm chung. Thái-tử Na-Tra lóc thịt hát khách tử :

(Na-Tra) :

Khả lân, khả lân a, khả tích khốc, càn khôn, tú khí.

Kham ta hồ, nhứt nguyệt chi tinh di.

Hườn kỳ cốt nhục, hườn kỳ mạng,
Thủy lưu thanh bạch, chỉ lưu danh.
Hổn thiên lăng hưu sát phạt,
Càn khôn quyện bãi tung hoành.
Tiểu-nhân triêu mộ thường ân oán,
Quân tử tồn vong bất đảo khuynh.
Huy đao tự bá ly tình kiếm,
Tam xich hương hồn vãng Ngọc-cung.

4) Khách tẩu mã

Lối hát khách nầy dùng khi lên ngựa chạy mau để trốn giặc, trốn tình nhân hoặc đi phi báo việc gấp. Trong tuồng « **Sơn Hậu** » lúc Tạ-Ôn-Đình chạy trốn binh Tề có hát khách tẩu :

(Tạ-Ôn-Đình) (nói lối) :
Thậm cấp chơn thậm cấp,
Chí nguy thị chí nguy.
Nó ùng ùng như lửa muôn xe,
Ta chẳng khác nước kia một gáo.
Âu là :
Thượng mã hườn hườn tỵ,
Đề thương lẫm lẫm khai.

(Hát khách tẩu) :
Trực vãn sanh phương lữ hổ oai,
Đề thương khóa mã tốc bôn khai,
Vọng khán Tề binh truy bá vạn,
Ngô đơn thân tấn thối cùng đồ.

Địch-Thanh trong tuồng « **Ly Thợn** » khi trốn Thoại-Ba lên ngựa chạy có hát khách tẩu :

Địch-Thanh (lối) :
Kình ngư du đại hải,
Hường mao ngộ thuận phong.
Âu là :
Đề thiết kỵ cao xung.
Huy kim thương trực tấn, a…

(Khách tẩu) :
Đề đao dược mã tẩu khinh khinh.
Khắc nhựt trường xu vạn lý trình.
Thừa hỉ chinh Liêu tiền lộ cấp,
Trân-kỳ hữu nhựt thượng đơn đình.

(Quân phi báo việc gấp hát khách tẩu mã) :
Hoang mang sách mã tẩu như phi,
Báo lai trào nội đắc tương tri.
Hành điểu đạo na từ vạn lý,
Vọng hồ tung mạc nại thiên lao.

5) Khách tửu

Lối hát khách nầy dùng khi uống rượu. Trong tuồng « **Sơn Hậu** » Vua Tề cùng các quan uống rượu có hát khách tửu :

(Tề Vương) (lối) :
Truyền khai đại yến triều đàng,
Tứ đẳng đẳng công khanh hoan lạc.

(Bá Quan) (uống rượu rồi hát khách) :

Diên trung bảo tửu chúc long nhan,
Ngự hưởng xuân tiêu lễ tạ an.
Phong xuân phất phất triều đơn phụng,
Võ lộ phiêu phiêu yến thưởng lang.
Kiến chúc Tề trào an bàn thạch,
Thế như đông hải, thọ nam san.

6) Khách Nam liên xướng

Trong một lớp tuồng, có khi một vai hát Nam rồi mấy vai khác hát Khách, gọi là « Khách Nam liên xướng ». Như trong tuồng « **Kim-Vân-Kiều** », lúc Kim Trọng đi trấn-nhậm có hát Nam và gia-quyến hát Khách :

(Kim-Trọng) (nói-lối) : Vậy thời vầy một đoàn cầm hạc, tác ngàn dặm quan san. Sấp lưng từ cố lý gác an, bắc mặt chỉ Lam-Tri giơ vọt. (Xong)

(Hát Nam) :
Bắc mặt Lam-Tri giơ vọt,
Chăn dân trời giữ một niềm ngay.

(Vương Ông, Vương Bà, Túy-Vân, Vương-Quan) (đồng hát Khách) : Lam-Tri huề quyến mã đề khinh ; Cầm hạc tiêu dao tráng thử hành.

(Kim-Trọng) (hát Nam) :
Tang bồng đã trả nợ trai,
Nghĩ mình vinh hiển, thương người lưu ly.

(Tứ nhơn đồng hát Khách) : Hoa huyện phong thanh, thục thủy thừa hoan gia khánh hậu ; Cầm đường nhựt vĩnh, đảnh chung đãi dưỡng quốc ân vinh.

(Kim-Trọng) (hát Nam) :
Nhộn nhàng lạc ngựa tiếng vang,
Huyện đàng vừa tới, xuống an vỗ về.

Đ) XƯỚNG

Xướng nghĩa là nói lớn lên một cách chậm rãi cho mọi người đều nghe. Một vai tuồng, mới ra mắt khán-giả thường xướng bốn câu để tỏ tâm sự hoặc hoàn-cảnh của mình : Tuồng « **Kim-Vân-Kiều** »

(Túy-Kiều) (xướng) :
Thâm quê tịch mịch chánh hoài xuân,
Băng ngọc hồn vô bán điểm trần.
Thượng uyển danh hoa khoa phú quí,
Đông tường điệp sứ uổng lao thân.

Điêu-Thuyền, trong tuồng « **Phụng-nghi-Đình** », ngồi một mình trong khuê phòng, than thở tình duyên bằng điệu « xướng ».

(Điêu-Thuyền) (xướng) :
Khổ tâm à…
Độc tọa thâm khuê ám tự thương.
Hàm tình vô ngữ lệ lan lan,
Tẫn kê cầu mẫu tàm vô diện,
Hà xứ tình nhân giải muộn khan.

E) BẠCH

Bạch là bày tỏ rõ-ràng cho mọi người biết. Những vai tướng võ, kép núi, thầy rùa, đào chiến, v.v… trước khi xưng tên, thường bạch bốn câu hay hai câu để biểu-thị cái chí-

hướng hoặc tài-lực của mình. Bạch thường dùng câu Hán-văn bảy chữ.

Trong tuồng « **Tam-Quốc »**, ba anh em Lưu, Quan, Trương bạch như sau :

(Lưu-Bị) (bạch) :
Tam phân đảnh tức liệt can qua,
Cái thế công danh độc ngã kỳ.

(Quan-Công) (bạch) :
Vạn cổ trung can huyền nhựt nguyệt,
Nhứt tâm nghĩa khí định sơn hà.

(Trương-Phi) (bạch) :
Thinh nhược cự lôi khu hổ báo,
Oai như điển xiết tẩu long xà.
Ba người đồng xưng tên :
Hội đào viên tá nghiệp Hán gia.
Ngã Lưu-Bị… Quan-Công… Dực-Đức.

Có khi bạch bằng một bài thi tứ-tuyệt. Châu-Du, trong tuồng « Tam-Quốc », bạch như sau :

(Châu-Du) (bạch) :
Hoành hành tứ hải chiếm trung đô,
Danh quán anh hùng thế thượng vô.
Dõng quá long môn oai lẫm lẫm,
Thân phi thiết giáp sáng cơ đồ.

Bạch cũng có thể dùng những câu văn ngoài bảy chữ. Như Tiêu-hóa-Long, trong tuồng « Kim-Thạch kỳ duyên », bạch :

(Tiêu-hóa-Long) :
Thần cung nhứt bả, quải phò tang,
Thiên hạ anh hùng mạc cảm đang,
Sử ngã cẩm phàm, kình ngạc tiềm tôn bắc hải,
Huy ngô bửu kiếm, tỳ hưu viễn tích nam san.

G) NGÂM

Ngâm là điệu ngâm thi Đường-luật. Giọng ngâm nghiêm-nghị và tha-thiết dùng để tỏ tình luyến-ái khi vợ chồng hay tôi chúa sắp xa nhau. Thường các vai tuồng ngâm thi và hát Nam trong bữa tiệc tiễn hành. Kim-Trọng và Túy-Kiều ngâm như sau :

(Kim-Trọng) (lối) :
Rượu tống biệt lưng vơi một chén,
Lụy tương tư chua xót hai hàng.
Hàm sầu thiên các nhứt phang,
Tiễn biệt thi ngâm sổ cú... Hồ...

(Ngâm) :
Cung thềm mới đặng bóng trăng kề,
Tin nhạn mây chia kẻ ở về.

(Túy-Kiều) (ngâm) :
Bờ liễu vó câu trời mấy dặm,
Biển sầu lai láng lụy thâm quê.

(Kim-Trọng) (hát Nam) :
Thâm quê ở về chua xót,
Đôi mắt nhìn mấy giọt thâm bâu.

(Kiều) (hát Nam) :

Mới gần nhau lại xa nhau,
Chơn rồi một bước, ruột đau trăm vòng.

(Trọng) (hát Nam) :
Trăm năm đã gắn chữ đồng,
Tỳ Bà xin chớ tay bồng thuyền ai.

(Kiều) (hát Nam) :
Phân tay kẻ tới người lui,
Bâng-khuâng mặt bắc, ngầm-ngùi niềm tây.

Trong tuồng « **Bá-ấp-Khảo** », lúc Nghi-Sanh và bá quan thiết tiệc tiễn hành Ấp-Khảo về Kinh để thục tội cho cha là Tây-bá-Hầu, có ngâm thi và hát Khách :

(Ấp-Khảo) (lối) :
Kim triêu tửu phiếm tam bôi thiểu,
Lãnh ngoại vân thâm vạn lý tràng.
Thảm lụy sái song hàng,
Hoài tỉnh ngâm sổ cú (Hồ)

(Ngâm) :
Nhứt biệt Tây kinh kỷ độ trình,
Bồi hồi không vọng nguyệt cô minh.

(Nghi-Sinh) (ngâm) :
Vân hàng thiên ngoại đê mê sắc,
Tửu phiếm diên trung áo não tình !

(Ấp-Khảo) (ngâm) :
Tráng sĩ bổn vô nhi nữ lụy,
Hành nhơn yên hữu biệt ly thinh.

(Hát Khách) :

Cảnh cảnh hoàn đô, thiên lý quan san thiên lý mục,
Du du cố quốc, giá ban cảnh sắc giá ban tình.

(Nghi-Sanh) (hát Khách) :
Phất phất chinh trần, vạn lý lan đình thôi dịch lộ,
Sô sô hành sắc, thiên chi liễu ngạn tống diêu an.

Xem đoạn trên, chúng ta thấy cái khéo trong cách hạ câu hát của người soạn tuồng cổ. Cũng trong tình cảnh phân ly, nhưng Kim-Trọng và Thúy-Kiều *ngâm* rồi qua hát Nam (bi), còn Bá-Ấp-Khảo và Nghi Sanh ngâm rồi hát Khách (hùng).

Xét kỹ trường-hợp của Kim-Trọng xa Túy-Kiều buồn thật. Vợ chồng vừa hứa hôn cùng nhau, kế bị tang chú, Kim-Trọng phải đành xa người yêu để về thọ-tang. Song về phương diện tâm-lý, cái « đi » của Kim-Trọng không có chi gọi là nguy-hiểm cả, nên trong tiệc rượu Kim-Trọng ngâm rồi hát Nam để tỏ tình phu-thê quyến-luyến trong lúc chia bâu.

Trái lại cái « đi » của Bá-Ấp-Khảo thật đầy nguy-hiểm. Ấp-Khảo đem bửu vật đến dưng cho Trụ-Vương để chuộc tội cho cha bị giam-cầm nơi Dữu-Lý. Ai ai cũng dư biết Trụ-Vương là kẻ hôn-quân, lại sủng-ái Đắc-Kỷ, nó nói điều gì cũng nghe theo cả. Thế nên chuyến đi của Ấp-Khảo có thể gọi là chuyến đi vĩnh-biệt. (Thật ra Ấp-Khảo bị giết trong chuyến đi nầy vì lời xàm-tấu của Đắc-Kỷ). Nhưng bởi hiếu với cha và trung với nước, nên Ấp-Khảo phải cất bước ra đi. Nay Nghi-Sanh và bá quan thiết tiệc tiễn-hành, trong lòng Ấp-Khảo vẫn buồn vì tôi chúa phải xa nhau, nên khởi Ngâm

rồi kế đó, thay vì hát Nam như Kim-Trọng, lại bắt qua hát Khách, để tỏ cái chí-khí của người anh-hùng, vì nghĩa-vụ nên không sợ chỗ gian-nan nguy-hiểm. Soạn câu hát như vậy thì đúng tâm-lý và rất hay !

H) THÁN

Thán là than-thở. Đêm khuya canh vắng xa nhà xa xứ sở quê-hương, một mình than thân trách phận, thường vai tuồng tự thán bốn câu hoặc nhiều câu bằng chữ Hán.

Cũng trong tuồng « Bá-Ấp-Khảo », khi Tây-Bá-Hầu tức là Cơ-Xương, bị giam nơi Dữu-Lý, cô thân độc-thán như sau : Thiên cao đản đản ! Địa hậu minh minh ! Bất thức ngã ưu quân chi ý. Vô tri ngô ái quốc chi tình ! Vọng khán Tây-Đô, tịch tịch vô tùng âm tín đoạn. Hồi chiêm cố-quốc, du du đốn giác mộng hồn kinh !

Trong tuồng « **Ly-Thợn** » lúc Địch-Thanh ở Thợn-bang (Thiện-bang) đêm khuya nhớ chúa và nhớ mẹ, thán rằng :

Bi phong ngũ dạ quá tường đông,
Não khách thời văn cổ tự chung.
Ngô-quân hồ !
Ngọc khuyết cửu thiên lao mộng mị,
Mẫu thân hồ !
Đình vi thiên lý trướng âm-dung.

(Tạm dịch : Đêm năm canh, ngọn gió buồn, thoáng qua bên tường đồng. Người khách buồn thảm thỉnh-thoảng nghe tiếng chuông của một ngôi chùa cũ ở xa vọng lại. (Người khách chỉ Địch-Thanh. Nằm mơ tưởng đến quân vương

(ngọc khuyết) mà lòng băn-khoăn thương nhớ. Lo lắng cho mẹ ở nhà cách xa ngàn dặm và nhớ đến tiếng nói cùng hình-dung của mẹ).

I) OÁN

Oán là ai-oán, dùng khi khóc người quá cố, hoặc khi oán-trách vận-mạng :

(Túy-Kiều khóc Từ-Hải) (Oán) :
Can tràng đoạn, can tràng đoạn !
Phế phủ phân ! Phế phủ phân !
Sử quân tao uổng tử, thị thiếp ngộ lương nhân
Kỷ tải kinh dinh bá chiến công,
Kim triều vị thiếp ngộ anh hùng.
Dụ hàng thùy thị tiềm gian kế,
Sơn hải chung tình nhứt mộng trung !

Trong tuồng « **Sơn Hậu** » Đổng-kim-Lân khóc Khương-linh-Tá, bị Tạ-ôn-Đình giết :

(Lối) :
Ta Linh-Tá, ta Linh-Tá !
Mạng dĩ vong, mạng dĩ vong.
Thủ cấp lưu tại thử.
Công hà nhựt kiến công (Hồ).

(Oán) :
Ta Linh-Tá, Ta Linh-Tá
Thán thiên vương, thán thiên vương !
Thán thích thích can trường sầu đoạn đoạn,
Hốt đê mê lụy ngọc sái uông uông.

Đãn ước bách niên tồn huynh đệ,
Thủy tri nhứt đán biệt sâm thương !

K) QUÂN BANG

Khi một nước kéo binh đi dẹp giặc biên thùy hay một tướng-soái cử binh về trào vấn tội nghịch thần, thường cho quân cầm cờ hiệu đứng tại cửa buồng hay đi ít vòng trên sân khấu, đồng thanh hát bốn câu gọi quân ban để thị oai ?

Phàn-định-Công trong tuồng « Sơn Hậu » kéo binh về trào để trừ Họ Tạ, cho Quân bang :

Phụng thiên oai, phụng thiên oai.
Thừa tướng lịnh, thừa tướng lịnh.
Nguyện tận phế sanh cầm Tạ-thị,
Quyết phơi can khôi phục Tề-bang.

L) HÁT BÀI

Khi chúc thọ cho Vua, các Mỹ-Nữ vừa múa vừa hát bài như sau :

(Mỹ-Nữ) (Dạ) :
Cúi đầu dưng thánh thọ.
Ngửa mặt chúc thiền ca.

(Hát Bài) :
Lâu đài thập nhị tấu sanh ca,
Tịnh xướng tiêu hoa hiến tuế hoa.
Điểm đích đồng long lưu bích thủy,
Linh lung ngọc thố chiếu sơn hà.
Nhơn nhơn phách thủ xang cầm nhạc,
Xứ xứ khai nhan hiến thọ hoa.

Đệ tử lê viên phùng hảo cảnh.
Sơn hà đảnh trỉ chúc hoàng gia !

M) TÁN

Đường hát Nam, vai tuồng đệm thêm một câu chữ Hán gọi Tán.

Bà Nguyệt-Kiều xuất gia đầu Phật, trong tuồng « Sơn-Hậu », hát Nam và Tán như sau :

(Nam) : Phật đạo non tiên chí thiếp, tấm lòng thành sở mộ nào nguôi.

(Tán) : Hà thời phân thuyết nhân tình tận, nhứt nhựt công phu nhứt nhựt nan.

(Nam) : Bận lòng muốn dứt dây oan, sự đời mặc thế biến han sự đời.

(Tán) : Ác nghiệp mãn bồng vô đơn tải, Bất tri phong tống hữu khách thoàn.

(Nam) : Cám thương vì tổ vì tiên, liều thân tu trước ngõ đền ơn sau ; Phăng phăng tách dặm thuyền từ, ngao du nước trí, ta lìa non tiên.

N) HƯỜNG

Gọi Hường là những tiếng Việt đệm ở giữa hai câu hát hoặc hai câu lối để phụ nghĩa. Thí dụ : Úy a ! chừ thôi thời ! Ôi, mẹ ôi ! Ôi, Kim lang ! Chư tướng ! Thế nữ ! á thôi nào ! Hay a ! Thưa Phu-quân ; nầy nầy, ới mầu răng ; ủa lạ nầy v.v…

O) VĨ

Khi nói dứt một câu lối, vai tuồng muốn bắt qua hát Nam, hoặc hát Khách, hay muốn Ngâm, Thán, v.v… thường nói một tiếng kéo dài ở sau để ban nhạc biết đặng khởi đờn Nam hay đờn Bắc. Ấy là tiếng Vĩ hay Vĩa. Xin đơn cử một ít tiếng Vĩ thường dùng :

- *Hồ* (nghĩa muốn qua Ngâm, Thán hay Lý)
- *Xong* hay *Tới a* (muốn qua hát Nam)
- *Thưa thính bẩm* (muốn hát Khách)
- *Hảo a* (muốn hát Khách tẩu)
- v.v…

P) LÁY

Trong điệu hát Bội đào kép thường phải thêm những tiếng a, ư, ý a, ừ, hừ ở sau một câu hát để cho ăn theo đờn kèn. Đó là những tiếng *láy* đặc-biệt của điệu hát Bội.

Q) GIÁO ĐẦU VÀ CHÚC VÃN

Một tuồng hát Bội lúc khai-diễn thường có mấy câu của vai tuồng ra trước nhất, khoan-thai nghiêm-nghị hát lên gọi là « Giáo-đầu ». Trong tuồng « **Bá-ấp-Khảo giáo đầu** » :

Hải yến trình điềm thạnh trị,
Hà thanh mở vận xương kỳ.
Rạng đền nam cửu ngũ long phi,
Ngời sân bắc tam thiên hổ bái.
Long vân hội, long vân thiên tải,
Ngư thủy phùng, ngư thủy nhứt tràng
Ngô lịnh tử Cơ-Xương, biểu tự xưng Ấp-Khảo.

Khi gần chấm dứt buổi hát, các vai tuồng còn lại ở lớp chót đồng thanh hát bốn câu gọi là « Chúc Vãn ». Bốn câu chúc Vãn trong tuồng « Bá-Ấp-Khảo » :

Mừng đã đặt an thổ võ,
Toại thay hội hiệp quân thần.
Chúc Nam trào thọ khảo như san,
Nguyện Tứ Hải dân khương vật phụ ?

R) CÁC GIỌNG PHỤ

Trước đây là các Giọng hát chánh của hát Bội, còn nhiều giọng hát phụ khác, dùng vào các trường hợp đặc-biệt như : Giọng đào điên ; Điệu thiền hay thoàn (của sư tăng) ; Điệu phù thủy (của pháp sư) ; Thài (đào cầm quạt vừa múa vừa hát) ; Giao duyên (hát lúc vợ chồng hiệp cẩn giao bôi) ; Giọng gian nan (của các vai hề) ; Lý quân canh ; Lý mọi ; Lý quảng ; Ru con, v.v…

IV. VĂN CHƯƠNG HÁT BỘI

Văn hát Bội hay về lối cổ-điển. Những câu nói lối thường dùng thể văn biền-ngẫu có cân đối. Lời văn chen lẫn chữ nho và tiếng nôm và kết-cấu từ 4, 5, 6, 7, 8 chữ hoặc nhiều hơn.

- *Văn nói lối* có nhiều câu rất tao-nhã và dùng để tả cảnh tả tình rất hay. Văn tả cảnh nghèo như câu trong tuồng « **Kim-Vân-Kiều** » :

(Kim-Trọng) (nói lối) :
Xịch-xạc ba gian lều cỏ,
Bơ thờ một bức mành gai.
Khi sao vào các ra dài,
Chừ lại dầm mưa đãi nắng.

Hoặc câu :
Nhà dột ba căn, trời đẻ trứng,
Vách xiêu bốn phía, nhện ru con.

- Văn tả cảnh thanh-phong minh-nguyệt : « **Kim-Thạch kỳ duyên** »

(Kim-Ngọc) :
Trời xanh nguyệt rạng,
Gió mát sóng trang,
Trăng thanh mặt nước rơi vàng,
Sao tỏ da trời nhận ngọc.

- Văn tả tình như lúc Địch-Thanh nhớ mẹ nói lối : Tuồng « **Địch-Thanh ly Thợn** »

Lỡ bước vì ngươi Đình-Quí,
Gá duyên tạm với Thoại-Ba,
Trăng hồng-lầu giục não cùng ta,
Gió cố-quốc đưa sầu cho mỗ.
Mẹ ôi !
Mẹ nương cửa nhọc tình triêu mộ,
Con trông mây tủi phận thần hôn,
Bồi hồi vạn lý ngọc môn,
Trù trướng tam canh hồ sắt…
Mặt lơ láo hổ cùng trời đất,
Lụy vắn dài khóc với non sông.
Nỗi thần hôn con đã thẹn-thùng,
Vòng hoạn nạn mẹ mang lao-lực.
Tưởng tới dầu sôi sục sục !
Nhớ thôi lửa dậy phừng phừng !

(Giận nỗi thằng Bàng-Hồng) Cứ đem thói tật năng, vu cho người phản quốc.

Cơm Tăng-thị chưa đền một tấc,
Mây Thái-hàng trông mỏi ngàn trùng.
Đơn-bang hoa-thảo tỏa sầu dung,
Tổng-quốc sơn-hà di biệt hận.

Trong các tuồng hát Bội, văn nói lối thường chiếm một phần quan-trọng. Ngoài lối văn biền-ngẫu, soạn-giả cũng có khi dùng *tục-ngữ ca-dao* Việt-nam để phô-diễn ý-nghĩ của mình.

Ví như trong lớp tuồng « **Kim-Thạch kỳ-duyên** » sau đây Cụ Bùi-Hữu-Nghĩa tả cảnh vợ lớn, vợ bé đay-nghiến nhau bằng câu tục-ngữ ca-dao rất hợp tình :

(Lợi-Đồ viết) : Tân thăng tri-huyện, mỗ hiệu Lợi-Đồ ; Đường khoa mục không ngơ, việc phụng thù quá kỹ.

(Nói với hai vợ ở chung một nhà) : Hai em ngồi, Tế thử thanh phong minh nguyệt ; Lại có hai em là, Đỗ tư quốc sắc thiên hương ; Như ta, *làm trai hai vợ thương đồng* ; Ấy đó, *lời thề ba bà giúp một.*

(Bạch-thị) (vợ lớn) :
Thưa xin đừng nói tốt, tôi gẫm ở không bằng
Từng thấy nhiều, *tham đó bỏ đăng,*
Hãy để vậy, *chẻ tre nghe lóng.*

(Điêu-thị) (vợ nhỏ) :
Thưa chị, nói làm chi cái giọng,
Chớ em, cam chịu thiệt là phần.
Như chị em ta là, *thân cậy da, da cũng cậy thân,*
Chớ đừng, *kiến ăn cá, cá thời ăn kiến.*

(Lợi-Đồ) : Á thôi, *khéo gây nên chuyện, nói ít suýt nhiều : Mụ lớn đừng nói ớt nói tiêu ; Đĩ nhỏ chớ cà riềng cà tỏi.*

Cũng trong tuồng « **Kim-Thạch kỳ duyên** » lúc thầy thuốc Thạch-đạo-Toàn bị bắt giam vì hàm oan [2] ở nhà con gái là Thạch-vô-Hà xin với mẹ đem đợ nàng đặng kiếm tiền về chuộc tội cho cha. Văn nói lối của hai mẹ con có nhiều câu tục-ngữ như sau :

(Châu-Thị) : Con ôi ! như mẹ con ta chừ, *nước không một gáo, lửa có muôn xe ;* Như gia đạo người ta, *nát giỏ hãy còn tre* ; Chớ như gia đạo mẹ con mình, *rán sành sao ra mỡ* ; Thời, việc không nên một thuở, họa ắt đến ngàn

đời. *Ngóng cổ kêu, kêu chẳng thấu trời ; Ôm bụng tính, tính không ra nước.*

(Thạch-vô-Hà) :
Thưa mẹ, trẻ xin dưng một chước
Già ngõ bớt ba lo.
Vả con chăng chút phận liễu bồ,
Thương cha luống mắc vòng hạ sở.
Việc ni, một là tốn của, hai nữa thiệt thân ;
Vậy thời, xin đem con kiếm chốn đợ đần,
Ngõ đặng của chuộc nơi ràng buộc.

(Châu-Thị) :
Ai từng cắt ruột, mi biểu đành lòng ;
Thà với nhau một cửa chung cùng,
Nỡ khiến trẻ riêng mình lưu lạc.

(Thạch-vô-Hà) :
Thưa mẹ,
Gặp cơn tráo chác, sao đặng vuông tròn.
Như con là :
Tóc tơ chưa trả nợ nước non,
Son phấn quyết giày nơi gió bụi.
Nếu lắm lời riềng tỏi,
Thêm đau dạ bưởi bòng.
Con nói thiệt :
mẹ dầu chẳng ưng lòng,
Con nguyện không thấy mặt.

(Châu-thị) :
Con đà quyết chắc, mẹ phải đánh liều :

Cắt ruột rà chẳng đã phải theo
Chia máu thịt nghĩ đau quá đỗi.
Chừ, biết ai hầu đem mối, đặng kiếm chốn trao thân.
Trách lòng trời, khéo gây cuộc phân vân,
Nhìn mặt trẻ, luống đau lòng ly biệt.

Khi hai vai tuồng công-kích lẫn nhau, dùng *văn xuôi* để nói lối sẽ gợi được sự sôi-động trong câu chuyện.

Trong lớp tuồng « **Địch-Thanh ly Thợn** » trích sau đây, khi Địch-Thanh trốn qua Tây-Liêu, công chúa Thoại-Ba theo bắt kịp, vợ chồng đối thoại bằng văn xuôi xen văn vần, nghe rất gay cấn :

(Địch-Thanh) : Thưa, tôi chào công-chúa, trông thế công chúa làm ngơ đó chăng ?

(Thoại-Ba) : Làm ngơ chẳng làm ngơ ?

(Địch-Thanh) : Công chúa giận đó chăng ?

(Thoại-Ba) : Giận chẳng giận !

(Địch-Thanh) : Công chúa giận cũng phải lắm chứ, nhưng xin công-chúa nghĩ lại cho kẻ hạ quan nhờ : Nếu bó tay hào-kiệt, sao gọi đứng anh hùng ; bận nỗi vợ nỗi chồng, sao rằng trung rằng hiếu ?

(Thoại-Ba) : Á thôi, ai không cho ông trung, ai không cho ông hiếu. Nếu muốn hiếu trung cho đặng chữ thủy chung, thời đàng khứ tựu phải cho minh bạch. Đã trốn đi lậm-lạch, lại nói chuyện bơ-thờ ; còn trách thiếp làm ngơ, nghĩ không nên giận hay sao ?

(Địch-Thanh) : Công chúa nghĩ đó coi : Nay thằng Bàng Hồng nó xàm tấu cùng Thánh-thượng rằng hạ quan là kẻ phản-quốc sự-cừu, nên lịnh trên dạy bắt giam từ mẫu nơi ngục nội. Thôi thôi, oan ấy ỷ khôn đôi chối, lụy nầy đòi bữa chứa chan (Công chúa là dâu) đó dâu hiền còn động lòng vàng (huống chi) đây con thảo há đem thói bạc.

(Thoại-Ba) : Nguyên soái biết thương mẹ, chớ thiếp đây không biết thương mẹ hay sao ? Thời mẹ Tề như mẹ Tấn, lòng đó cũng lòng đây. Như nguyên-soái có thương mẹ thời nói với thiếp, thiếp vào tâu cùng Phụ Vương, dầu có chi cũng chẳng can chi, cái nầy ông trốn ông đi, bởi thương lắm cho nên giận lắm !

(Địch-Thanh) : Có thương thời đừng giận, còn giận cũng như không thương. Xin công chúa cho tôi đi, đặng trả nợ quân vương, cho thỏa tình mẫu tử.

(Thoại Ba) : Tệ bởi ai sanh sự, chớ trách thiếp sự sanh ; quyết nắm chú vô tình, cho biết tay độc thủ (T.B. núm áo Địch-Thanh).

(Lưu Khánh) : Thưa công-chúa, đã biết : đạo mạc tiên hồ phu-phụ, đó chút ; nhưng mà, nghĩa tối trọng giả quân-thân. Xin buông nguyên soái tôi ra đặng : chinh Liêu đoạt thủ quốc trân, hồi Tống thúc khai sanh diện. Công chúa hãy buông nguyên soái tôi.

(Thoại Ba) : Răng răng tao cũng không buông mà thôi.

(Lưu Khánh) : Thưa nguyên-soái, liệu hà mưu, coi nỗi nguyên-soái tôi, ăn xôi chùa ngọng miệng, bị nước bí bó tay…

Văn nói lối có khi để tả địa-vị và nghề-nghiệp của vai tuồng rất hay. Ví như đoạn văn sau đây, trích trong tuồng « **Kim-Thạch kỳ-duyên** » là những câu nói lối của ông thầy thuốc bắc Thạch-đạo-Toàn vừa tả gia cảnh theo ý-nghĩa câu tuồng, vừa là những tên các vị thuốc bắc.

(Thạch-đạo-Toàn) : Thú vui sanh-địa, nghiệp dõi Huỳnh Kỳ. Đất Tư-môn từ thuở đương-qui ; Dòng Thạch-thị nghề y quán-chúng. [3]

Như ta,

An-tức Thanh-nang vận dụng, [4]

Thung-dung đơn-táo luyện thành ; [5]

Phương thang tô-hạp bịnh tình, [6]

Mạch lý quyết-minh sanh tử.

(Lính lệ đến) : Thưa, quan huyện mời thầy sang coi mạch.

(Đạo-Toàn) :

Đây qua đó vốn đà thục-địa, [7]

Vưng lịnh đòi nguyện bất lưu hành.

(Lợi-Đồ) :

Mừng thầy, minh sư tăng hữu đại danh.

Số là, chuyết phụ ngẫu triêm vi dạng. [8]

(Chừ thời) : Mạch nọ coi qua cho hản, thuốc kia đầu lại mới linh.

(Đạo-Toàn) : Như bịnh bà nay, Kim-anh thử bịnh tình [9]. Chỉ thiệt phi ác hậu [10] ; Chẳng qua là, Chướng-não trí

thương tạng phủ [11]. Chừ thôi thời : Tôi đầu, phòng-phong điều dưỡng tinh-thần [12]. Thưa, Dược phương dưng lại sứ-quân, thảo thất xin lui Thạch-tử.

Sau hết, xin trích một đoạn văn nói lối trong tuồng « **Tượng kỳ khí xa** » (Cờ tướng thí xe) của Hoàng-cao-Khải, tượng-trưng cho lối văn có khí-phách của quí vị anh hùng tuẫn-tiết vì đại-nghĩa : *Thành Binh-Định cùng nhau ba tử-tiết* (Quân báo đã gần hết lương-thực rồi).

(Võ-Tánh) :
Nay nhứt đán sự-cơ tương bách,
E tam quân tánh mạng nan toàn.
Thà mình ta êm giấc suối vàng,
Cho quân-sĩ thoát vòng mũi bạc.

(Ôi quan phó-soái, tôi nói thiệt cùng người như tôi bây giờ) :
Lầu tám góc đành chôn lửa đỏ,
Cửa chín lần ngõ giải lòng đau.

(Tôi nghĩ rằng : quân giặc nó giết thì chỉ giết một mình tôi thôi)
Thế cho nên :
Người văn-quan lo lấy sự toàn,
Tôi võ-tướng đã cam chịu thác.

(Ngô-tùng-Châu) : (Dạ, Nguyên-soái dạy làm vậy, nhưng tôi nghĩ rằng văn võ đều là tôi triều đình cả. Bởi thế cho nên). Người đã không ái tử, tôi cũng quyết quyên sinh. Do lai văn võ lưỡng đồ, đông thị tôn thân nhứt niệm.

(Võ-Tánh) : Hảo trượng-phu chi chí-khí a !

(Ngô-tùng-Châu) : Tôi xin lui.

(Võ-Tánh) : (Tống-binh Nguyễn-tấn-Huyên, như ta cùng ngươi lâm cơ hoạn-nạn, không lẽ hai ta đều chết cả ; một người mất thời phải một người còn, bởi vì) Nước còn đương nhiều nạn, tôi đâu dễ mấy người. Ta đã đành hết đạo làm tôi, ngươi cũng phải dành mình giúp chúa.

(Nguyễn-tấn-Huyên) : Dạ, dám bẩm quan Nguyên-soái, người dạy vậy, song thiết tưởng : còn thì ta còn cùng nhau, mất phải mất cùng nhau, lẽ nào để cho kẻ mất người còn. Vậy tôi hết lòng vì chúa tớ, trả nghĩa cùng thầy. Như tôi, tử sanh quyết ở phen nầy, giúp nước thiếu gì người khác.

(Võ-Tánh) : Hảo nam tử chi hung-khâm a ! (Người nam tử dữ-tợn mà đáng kính thay !) Hai người ta quyết kế, lầu bát-giác sửa sang, củi khô thuốc súng sẵn-sàng, ba ngày sẽ lên giàn hỏa. (Đồng hạ)

(Ngô-tùng-Châu) : (Ra) Như ta nay : Thân quản gì lâm cát, lòng đối với giang san ; dẫu không tài dược-mã khóa-an (cỡi trên yên ngựa phóng chạy), chẳng kém kẻ thao-chùy bỉnh-tiết (múa chùy cầm cương giục ngựa). Chí nầy đã quyết (quân), độc-dược (khả) tương lai. (Quân đem thuốc độc lại)

(Ngâm) : (Xưa nay ai cũng nói văn thần ái-tử, nay ta là văn thần, nào ta có sợ chết đâu).

Này thực gan già chẳng phải non,
Cũng như vàng đá đỏ như son
(Thuốc nầy là thuốc độc hả ?)

Thuốc nầy xin chớ cho là độc,

(Bởi ta có chết đi nữa, cũng là được thơm danh về sau, thế thì uống vào chẳng là ngon lắm ru ?) Danh tiết mùi thơm chắc của ngon.

(Ngô-tùng-Châu chết).

(Quân báo) : Dạ dạ, quan Hiệp-Trấn đã mất rồi.

(Võ-Tánh) : (Nào ở đâu ? Quan Hiệp-trấn đã mất thiệt rồi !) Như mần ri : Khóc vì tình bầu bạn, mừng vị nghĩa vua tôi ; khen cho xem thác như chơi, tiếc chẳng đợi ta ít nữa.

(Than) : (Hiền huynh ơi !)
Ai là không thác, đạo phải cho tròn ;
Thương thay hiền-hữu, lòng đỏ như son ;
Vì nòi vì giống, vì nước, vì non,
Dẫu ngàn năm nữa, bia miệng không mòn.

(Hựu viết) : Cảm thương nghĩa cũ, mai táng đã an, cách hai ngày ta sẽ đăng đàn (quân) truyền chư tướng đông lai hội diện.

(Đem xác Ngô-tùng-Châu vào, rồi các hàng chư tướng đều ra).

(Võ-Tánh) : (Chư tướng) Tờ nầy hiểu-thị khắp các quan binh (ta xin cám ơn các ông nghe) từ khi ta trấn-thủ cố-thành ; nhờ tướng-sĩ hết lòng trung-phẫn ; nay binh bì thực tận mà lực kiệt thế cùng ; (Ta nghe lời cổ ngữ có nói rằng : « Thành tồn dữ tồn, thành vong dữ vong », nhưng rứa mà ta dầu có chết đi nữa, không thể để giặc thấy mặt ta đâu, bởi vậy cho nên) Thành nầy thệ dữ câu vọng, giặc nọ bất

dung kiến diện. (Tướng-quân Nguyễn-văn-Thịnh, nghe ta dặn). Gởi tây tướng phong thư nhất phiến, ta mất rồi người khá giao lai. (Gởi thơ cho tướng Tây-sơn xin đừng giết quân-sĩ trong thành). Thôi thôi, xin từ giã mọi người (Nguyễn-tấn-Huyên) sẽ lên lầu đồng tọa.

(Võ-Tánh giao thư cho Nguyễn-văn-Thịnh rồi cùng Nguyễn-tấn-Huyên lên ngồi trên lầu Bát-giác).

(Nguyễn-văn-Thịnh cùng chư tướng đồng viết) : Trông thấy lầu cao tám góc, nhìn qua củi chất tư bề ; xương đồng da sắt khôn bì, dạ ngọc gan vàng mấy kẻ.

(Đồng vãn) :
Dạ ngọc gan vàng mấy kẻ,
Tấm lòng nầy hầu dễ đan thanh ;
Cô-thân đối với cô-thành,
Dẫu ngàn năm nữa thơm danh vẫn còn.

(Võ-Tánh) : Thiên niên y thành quách, vạn cổ thử giang san ; thương thay trăm họ lầm than, hầu dễ một mình êm mát !

(Vãn) :
Hầu dễ một mình êm mát ;
Quyết phen nầy ngọc nát vàng tan.
Mình nầy đổi với giang san,
May ra xã tắc lại hoàn như xưa.

(Nguyễn-tấn-Huyên) : Trên hết ngay với chúa, dư trọn nghĩa cùng thầy ; thủy chung mong trả ơn dày, biệt càng thương nghĩa cũ.

(Vãn) :
Ly biệt càng thương nghĩa cũ,
Tấm lòng nầy biết thuở nào khuây.
Âm dương hai ngả chia tay,
Tồn vong âu cũng thảo ngay một niềm.

(Võ-Tánh) : Truyền phóng hỏa !

(Nguyễn-văn-Biên lấy lửa, song lại rụt rè, không dám đốt, rồi bỏ chạy).

(Hựu viết) : Thôi thôi xin các ông lui ra, đừng khóc làm chi nữa mà ! Một lời xin từ giã, các tướng phải lui xa, tàn thuốc ném ra, tức thời phóng hỏa.

(Ông Võ-Tánh ném tàn thuốc, tức thì thuốc súng bén lửa).

A) VĂN HÁT NAM

Văn đặc-sắc nhất của điệu hát Bội là những câu hát Nam. Văn hát Nam thường dùng câu tiếng Việt lục-bát, song-thất lục-bát, hay lục-bát gián-thất. Một đôi khi có đệm câu chữ nho.

Lúc đi đường vai tuồng thường hát Nam Xuân để tả cảnh vật thiên-nhiên. Tây-Bá-Hầu, tức là Cơ-Xương, sau bảy năm Dữu-Lý, được tha về nước, dọc đường hát Nam Xuân tả cảnh như sau : Tuồng « **Bá-ấp-Khảo** »

(Cơ-Xương) (nói lối) :
Ngao ngán tợ thất lâm phi điểu,
Bơ vơ dường lậu võng kinh ngư,
Chỉ ải quan giục ngựa từ-từ,

Trông cố quốc đưa roi nhẹ-nhẹ.

(Hát Nam) :
Cố quốc đưa roi nhẹ-nhẹ,
Đoái lộ đồ quạnh-quẽ trước sau,
Đòi ngàn lố xố bút lau,
Vẽ đồ bích hán giặm màu ngàn quang.
Trải qua mấy dặm quan san,
Lăng xăng sát khí, nhộn nhàng chinh vân.

Thoại-Ba công-chúa (Tuồng « **Địch-Thanh ly Thợn** ») đi dạo cảnh mùa Xuân với thế-nữ, có hát Nam-Xuân như sau :

(Thoại-Ba) (nói lối) :
Các con ! nay đã đến xuân rồi.
Rước gió, liễu giương mấy sắc,
Chào sương, đào nhuốm trăm màu.
Chừ thôi thời :
Mượn ngàn mai giải thửa cơn sầu,
Vầy một cuộc dạo chơi cảnh lạ.

(Hát Nam Xuân) :
Cảnh lạ dạ cho thỏa dạ,
Kẻo lâu ngày lã chã châu rơi.
Vừng mây dệt gấm giữa trời,
Cá trừng mặt nước, chim cười đầu non.
Giang sơn dầu trước hãy còn,
Nửa vừng phong nguyệt vuông tròn như xưa.

Chúng ta nên thưởng-thức mấy câu hát Nam Xuân tả cảnh đi đường trên đây. Nó gợi lại trong trí nhớ chúng ta

những kỷ-niệm êm-đềm về các phong cảnh hữu tình mà chúng ta thường mục-kích trong khi đi du ngoạn nơi chốn lâm-tuyền sơn-dã.

Nam Xuân thì tả cảnh đi đường lúc vui tươi. Nam Ai lại tả cảnh buồn-phiền đau-khổ. Ví như mấy câu Nam Ai của Thoại-Ba hát sau đây để tỏ nỗi sầu thảm của người vợ đi tìm chồng là Địch-Thanh đã trốn thoát Thợn-bang.

(Thoại-Ba lối) :
Thôi, thôi !
Giục vó lừa xông lướt non xanh,
Cấp bửu kiếm dò lần dặm tía.

(Nam Ai) :
Bửu kiếp dò lần dặm tía.
Giữ một lòng trọn nghĩa tùng phu.

(Thế-nữ) :
Nghĩ thầy tớ cũng đeo sầu,
Chim cưu ngao ngán, hà châu một mình.

(Thoại-Ba) :
Hữu tình mà hóa vô tình,
Bơ vơ phận thiếp, lênh đênh nỗi chàng.

(Thế nữ) :
Non xanh nước bích muôn trùng,
Người quen cảnh lạ thẹn thùng với ai.

(Thoại-Ba) :
Cang thường một gánh hai vai,
Thề cùng sông dải núi mài mà thôi !

Trên đây là những câu hát Nam bằng thơ lục-bát. Cũng có khi dùng câu thơ lục-bát gián-thất, như lớp Khương-Thượng hát Nam dưới đây :

(Khương-Thượng) (hát Nam) :
Thương thầy nhớ bạn nào an,
Phất phơ trông gió, mơ màng đợi mây.
Đoái cỏ cây, xa miền tiên động,
Khinh phiêu tùng, phong tống mang mang.

Trong tuồng « **Tiết-Nghĩa phục rượu Tiết-Cương** », lớp Tú-Hà, vợ Tiết-Nghĩa, tự-ải có hát Nam Ai bằng thơ « lục-bát gián-thất » :

(Tú-Hà) (hát Nam Ai) :
Chịu dại đường ân nỗi ái,
Tâm sự nầy khó hỏi ông xanh.
Mảnh gương phút đã tan-tành,
Xuân vi giá lạnh, thu đình trăng trong,
Bước non sông ngại-ngùng đâu xiết,
Nợ phong trần rửa hết từ đây.

B) VĂN HÁT KHÁCH

Hát Khách thường dùng câu *chữ nho thất ngôn*, gọi Khách thi, hoặc dùng lối văn phú-lục gọi khách phú. (Xin xem mấy thí dụ trong đoạn hát Khách trước kia).

Có một ít soạn-giả tuồng cổ chủ-trương việc đặt câu hát Khách bằng tiếng Việt, cố ý muốn cho khán-giả dễ hiểu hơn những câu hát Khách soạn bằng Hán-văn. Thiết-tưởng về các câu nói lối hay ngâm lý, đổi như vậy có thể đặng. Còn

điệu hát Khách, nếu đổi như vậy sẽ mất hay vì câu tiếng Việt không cảm-kích khán-giả bằng câu Hán-văn.

- *Văn Bạch, Xướng, Thán Oán, Bang, Bài* dùng toàn Hán-văn.

- *Văn Ngâm, Lý* dùng vừa Hán-văn vừa Việt-văn.

V. LỐI VẼ MẶT VÀ XIÊM-Y CỦA HÁT BỘI

A) LỐI VẼ MẶT

Việc vẽ mặt để đóng trò của hát Bội bắt nguồn từ thời xưa vì hồi trước các tướng khi ra trận thường dùng mặt nạ. Trong sách Nhạc-phủ tạp-lục có chép rằng : « *Dùng mặt nạ để đóng kịch sanh ra trước nhứt ở Bắc-Tề (479-501 sau T.C.) Lan-lăng-Vương có sức mạnh, đánh giặc giỏi, nhưng nét mặt không có oai hùng, nên mỗi lần ra trận đều đeo mặt nạ, trăm trận trăm thắng* ». (Kẻ nghịch thấy mặt nạ rất ghê sợ nên mất tinh thần).

Lúc sau nầy hát Bội bỏ lần việc đeo mặt nạ rất phiền phức và vẽ mặt bằng màu sắc để thế vào. Trong việc vẽ kiểu mặt, đại khái các màu sắc được chia ra như sau : Đỏ tươi, đỏ bầm, hồng lợt, vàng, màu vàng kim, tím, xanh da trời, xanh lá cây, xám tro, màu bạc (ngân), đen và trắng. Cũng có khi để mặt thiệt.

Mỗi màu đều tượng-trưng tánh-tình bên trong của vai tuồng, không thể vẽ hỗn loạn được. Thí dụ :

1) Quan văn trung thường để mặt thiệt. Nếu lão thì vẽ lông mày trắng, râu bạc.

2) Quan võ trung vẽ mặt đỏ (Quan Công, Cao-hoài-Đức, Địch-Thanh, v.v…) hay đỏ có tròng táo (Phàn-định-Công, Nhạc-Phi, và các con cũng theo sắc mặt của cha như Phàn-Diệm, Nhạc Vân, Nhạc-Lôi). Hoặc đỏ có tròng táo (Hoàng-phi-Hổ, Dương-chấn-Tử).

3) Quan võ trung cũng có khi để mặt thiệt có giặm phấn lợt (Tiết-nhơn-Quí, Dương-lục-Sứ. Tiết-đinh-San, Triệu-tử-Long, v.v…)

4) Gian-thần hay Nịnh-thần vẽ mặt trắng mốc, mặt xám hoặc hồng lợt, vỏ cua mày rõ (Tào-Tháo, Bàng-Hồng, Tư-mã Ý).

5) Thầy rùa : mặt rần-rực có cặp mắt thao (Dư-Hồng, Dư-Triệt, Hổ-Ngươn).

6) Tướng võ : mặt vẳn đen và trắng (mắt tròng trứng) (Trương-Phi, La Oai, Trương-Bào, v.v…)

7) Tướng võ nịnh vẽ mặt vằn đen trắng có xen chấm đỏ (Tạ-ôn-Đình, Từ-hải-Thọ, Đổ-Kiển, v.v…)

8) Tướng Phiên mặt rằn-rực, xen lẫn nhiều màu (ngụ ý mọi rợ).

9) Yêu : mặt nhiều màu rằn-rực, xen đỏ (Yêu Hồ-ly, Mật-đà-Tăng).

10) Kép núi : mặt xanh-xám, mắt tròng xéo, má đỏ, đen hay xanh. Đầu chít khăn đen.

11) Trường hợp đặc biệt như Tôn-ngộ-Không, Trư-bát-Giái, Ngưu-Thần, Hạc-Đồng, Kim-tiền-Báo, Hồ-tứ-Vân, đều mặt giống như Khỉ, Heo, Trâu, Hạc, Beo, Chồn.

12) Thần, Tiên để mặt thiệt có hai điểm son trên gò má, râu đen dài.

13) Đào : mặt thiệt giồi phấn son (trừ ra Chung-vô-Diệm mặt đen và Điền-tam-Xuân mặt nửa trắng, nửa đỏ, nhưng thường cũng để mặt thiệt).

Sự dùng màu sắc để vẽ mặt trên đây không tuyệt-đối. Một đôi khi diễn-viên sửa đổi một vài chi-tiết để hợp với hoàn-cảnh đặc-biệt của vai tuồng, nhưng luôn luôn phải tôn trọng nguyên-tắc căn-bản. Trong việc vẽ kiểu mặt in vào sách nầy, chúng tôi dung hòa hai lối hóa-trang Tàu và Việt-Nam.

Ngoài việc áp-dụng màu sắc để biểu-thị bản-tính trung, nịnh, hiền, ngu của vai tuồng, hát Bội còn chủ tâm đến việc vẽ các loại mày, khoen mắt, miệng và trán, cùng một mục-tiêu ấy.

Điểm quan-trọng nhứt là vẽ cặp chân mày. Để miêu tả người lành, phải vẽ mày hiền-từ ; người ác phải vẽ mày thô, mặt lớn ; người đắc ý vẽ mày như bay, như múa ; người tánh nóng hay giận vẽ đôi mày dựng đứng ; người hay sầu muộn vẽ đôi mày cau-có, v.v…

Ô. Đới-ngoạn-Quân, một nhà điêu-khắc trên ngà và vẽ kiểu mặt hát Bội Trung-hoa, có phân-định *các loại mày như sau :* Mày thường, mày thẳng, mày xụ, mày thưa, mày rậm, mày răng cưa, mày răng sói, mày dùi đục, mày bươm-bướm, mày tằm, mày vòng-nguyệt, mày chữ nhứt, mày chữ vạn, mày lưỡi dao, mày lửa ngọn, mày lá liễu, v.v…

Ông cũng có phân biệt các loại khoen mắt, các loại miệng và trán như sau.

Các loại khoen mắt. – Khoen mắt thẳng, khoen mắt già, khoen mắt chim, khoen mắt tròn, khoen mắt nịnh, khoen mắt gian hùng, khoen mắt xụ, khoen mắt bầu dục,

khoen mắt bầu thúng, khen mắt tròng táo, mắt tròng xéo, mắt tròng trứng, v.v…

Các loại miệng. – Miệng nén bạc, miệng cọp, miệng lôi-công, miệng vịm lửa, miệng củ ấu, miệng quai xách, v.v…

Các loại trán. – Trán thái cực, trán bắc-đẩu trán, quải tượng, trán não vàng, trán núi lửa, trán chữ hổ, trán chữ thọ, trán trái bầu, trán trái chùy, trán mặt trăng, trán trái đào, trán hình vật, trán thường, v.v…

Việc vẽ kiểu mặt, theo như trên đã thấy, là một nghệ thuật có nghiên-cứu rất công-phu, nhưng phần nhiều khán-giả ngày nay không để ý cho lắm.

B) MÃO VÀ XIÊM-Y

Mão hay mũ và xiêm-y đều là sắc-phục của vua ban cho các quan mặc để đi chầu. Từ thiên-tử đến các quan, mỗi phẩm-cấp đều có sắc-phục riêng biệt của mình.

Hát Bội cũng trang phục giống như các quan trong triều và cũng dùng mão, áo rộng, áo giáp, cân đai, hia, hốt, cờ xí và binh khí của các quan văn võ xưa.

VUA. – Vai vua đội mão « Cửu Long », mặc áo « Long bào » hay « Long-cổn » có thêu rồng.

QUAN VĂN. – Đội mão « Văn-công » chóp mão tròn (quân sư, hoạn quan) hoặc đội mão « Bình-thiên » chóp bằng màu đen (thái-sư, hoàng-đệ). Khi thường triều, mặc áo Bào tay rộng thường. Còn khi thiết « Đại triều » phải mặc Mãng có Gai và thêu rồng.

QUAN VÕ. – Đội « Ngạch », mặc áo « Long-chấn » màu xanh hay đỏ, tay hẹp có Đai, xem gọn gàng.

TƯỚNG XUẤT TRẬN. – Đội mão « Kim khôi », mặc giáp nam, mang hia. Sau lưng có hai chùm cờ « lịnh tiễn » hình vuông. Nếu nữ tướng thì mặc giáp nữ, sau lưng có cờ lịnh tiễn hình xéo.

THẦY RÙA. – Đội mão « Hiệp chưởng », mặc áo pháp-sư, chơn mang giày tàu đen.

KÉP NÚI. – Đầu chít khăn đen, dưới vành khăn có hai vành xếp con bằng vải trắng và đỏ. Mặc áo đen thường, lưng có thắt « xiêm trường » và quân giáp, từ lưng trở xuống, đi chơn không hay mang giày đen.

ĐÀO. – Hoàng-Hậu đội mão « Cửu Phụng », có gắn bông và chạm chín con phụng vàng. Vợ quan thì cài trâm giắt bông, mặc áo rộng thêu, dưới mặc xiêm trường, mang vớ trắng hay mang giày thêu.

Đào chiến đeo đai, trên đầu giắt lông trĩ thường cầm song kiếm, trừ Lưu-kim-Đính cầm siêu.

Mặt Quan-Công (Tam-Quốc) (Xích-diện, thanh-tu, tàm-my, phượng-nhãn)



Mặt Tướng-trung (mắt tròng trứng) Trương Phi (Tam-Quốc)



Mặt kép võ trung (mắt tròng táo) Phàn-Diệm – con Phàn-định-Công (Sơn-Hậu)



Mặt tướng nịnh Tạ-ôn-Đình (Sơn-Hậu)



Mặt quan võ trung (con mắt tròng xéo) Hoàng-phi-Hổ (Phong-Thần)



Mặt Bao-Công (Tống) (Trán có mặt trăng và liên my sao Bắc đẩu)



Mặt Thầy rùa (con mắt thao) Dư-Hồng (Tam hạ Nam Đường)



Mặt Yêu Hồ-Ly (Phong-Thần)



Quan văn



Quan võ



Công chúa



VI. ÂM-NHẠC HÁT BỘI

Trước khi khảo về âm-nhạc hát Bội, tưởng nên nói sơ lược về trống « Chầu ».

Trống chầu là thứ trống lớn để trên cái giá ba chân. Nó không thuộc về âm-nhạc của sân khấu mà thuộc quyền « sử dụng » của khán-giả. Người cầm chầu đại-diện cho khán-giả để thưởng phạt các diễn-viên trên sân khấu. Nếu người cầm chầu thưởng phạt công-bình, biết chỗ hay để thưởng, chỗ dở để chê thời diễn-viên sẽ được phấn khởi trong lòng và hát hay thêm.

Một điệu-bộ đúng quy-tắc, một hơi hát xuất sắc, một câu văn hay, đều được thưởng. Như hay vừa, thưởng một tiếng « thùng », đánh ngay giữa mặt trăng của trống. Nếu hay khá hơn, được thưởng hai tiếng gọi « chầu đôi ». Nếu thật hay tuyệt-diệu, được thưởng ba tiếng gọi « chầu ba ». Muốn chầu có phương-pháp, nên để cho đào kép hát dứt một câu Lối, một câu Nam hay Khách, một câu Ngâm, Lý, v.v… rồi mới chầu. Chẳng nên chầu « lấp họng » là diễn-viên vừa mới mở miệng hát, đánh chầu liền trong họng, làm họ bực tức chớ chẳng hân-hoan chút nào. Ngoài ra, người cầm chầu có thể nhấn mạnh một hai roi chầu để tưởng-thưởng một kịch-sĩ có nghệ-thuật già-dặn, diễn-xuất tài-tình. Chẳng nên làm khổ con ráy của khán-giả bằng những tràng trống chầu đánh muốn vỡ rạp.

Còn khi muốn phạt một điệu-bộ không trúng cách, một câu hát dọc, hát gãy, thay vì đánh dùi trống chính giữa mặt

trăng, người cầm chầu đánh ngoài bìa trống, nghe « tang » không nghe « thùng » làm cho diễn-viên phải hổ-thẹn và sửa mình. Những lỗi trọng đại hơn bị phạt bằng cách gõ vào vành trống nghe « cắc » để cảnh-cáo diễn-viên.

Trống chầu cũng có vai tuồng giục khách. Trước khi « ra tuồng », chừng 15 phút, thường người ta đánh chầu ba, có trống chiến phụ theo, để cho khán-giả nghe đặng chuẩn-bị đến rạp.

Câu tục ngữ : « Nghe trống chầu, cái đầu láng mướt. Nghe trống chiến, nó điếng trong bụng » mô-tả cảnh bận-rộn của các bà, các cô lúc sửa soạn đi xem hát.

ÂM-NHẠC. – Âm-nhạc hát Bội gồm có trống, chiêng, chập-chỏa, đờn, kèn và ống sáo.

TRỐNG. – có 5 thứ :

- *Trống-chiến* : dùng khi đánh giặc cùng lúc múa hát. Trống chiến thường dùng hơn các thứ trống khác. Người đánh trống chiến có thể nói là « điều-khiển-viên » của ban âm-nhạc hát Bội.

- *Trống cái* : là thứ trống nhỏ để ra hiệu trong 3 nhịp đờn đưa hơi cho diễn-viên biết đặng bắt qua nói lối hay bắt qua hát Nam.

- *Trống cơm* : thứ trống dài dùng khi hát Nam Xuân hay Nam Ai để đưa hơi phụ với đờn.

- *Trống « bắc cấu »* : dùng với chập-chõa khi các quan ra lâm triều hoặc khi vãn hát.

- Trống « lịnh » : có hai cái treo trong buồng dùng khi vua ra đại-triều hoặc lúc mới ra tuồng khởi-diễn.

CHIÊNG. – Chiêng treo dưới cái giá để phụ họa với trống chiến. Người đánh chiêng dùng hai miếng tre hoặc hai miếng cây, gọi cặp « sanh » để đánh.

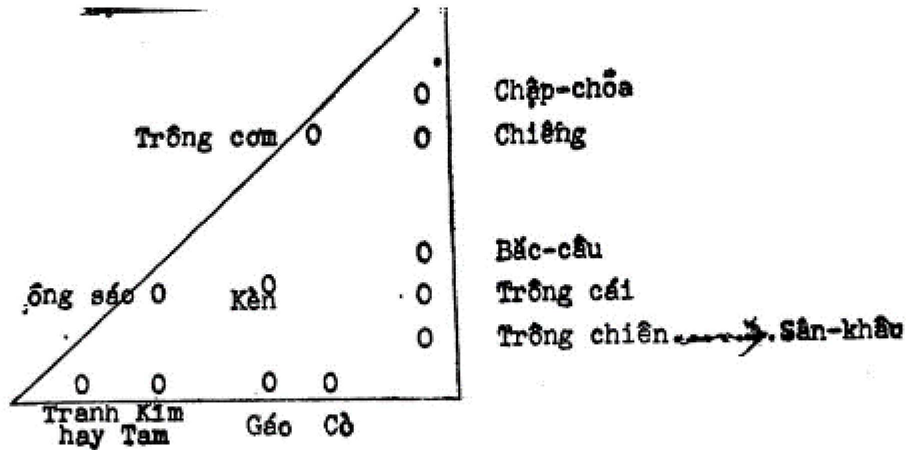
CHẬP-CHÕA. – Chập-chõa dùng với trống bắc-cấu.

ĐỜN. – Đờn chánh trong điệu hát Bội là cây đờn Cò (đờn nhị). Kế đó là đờn Gáo, đờn Kìm, đờn Tam, đờn Sến. Cây Guitare mới thêm vào lúc sau nầy, nhưng nghe không hạp với điệu hát Bội. Tốt hơn dùng cây Tranh thế cho cây Guitare, nghe hay hơn.

KÈN VÀ ỐNG SÁO. – Kèn dùng khi hát Khách hoặc để gợi cảm giữa hai câu hát Nam. Ống Sáo dùng phụ họa các cây đờn khi hát Nam hay hát Khách (cho nữ diễn viên). Nếu có hát giọng Hồ-Quảng thì thêm cây « Cuổn » để đưa hơi Quảng.

VII. NHẬN XÉT VỀ HÁT BỘI

VỊ-TRÍ CÁC NHẠC-KHÍ HÁT BỘI



Trong mục nầy, chúng tôi xin trình bày một ít nhận xét về hát Bội. Trước hết, chúng tôi bàn góp ý-kiến về âm-điệu và nghệ-thuật hát Bội. Kế tiếp chúng tôi thử tìm những lý-do chánh về sự sa-sút của hát-Bội. Sau hết, chúng tôi đề-nghị những biện-pháp thích-nghi để chấn chỉnh lại và ước mong cứu-vãn phần nào tình-trạng khó khăn hiện hữu.

A) NHẬN XÉT VỀ ÂM-ĐIỆU

Luận về âm-điệu, hát Bội đặng hoàn-toàn. Người hát không bị bó buộc trong câu đờn nên được tự-do phô-diễn hết tài-nghệ của mình.

Khi người hát nói « lối Xuân », ban âm-nhạc cứ đờn « bài Hạ » của mình và người hát cứ hát câu lối bằng văn vần của mình. Người hát không hạt theo câu bài Hạ, miễn hơi cao thấp của giọng hát ăn với hơi cao thấp của đờn thời được.

Còn khi người hát nói « lối Ai », ban nhạc khởi đờn bài « Xuân Nữ » đặng đưa hơi buồn, chứ câu đờn không ăn theo từ chữ của câu lối.

Nói lối Ai rồi, muốn bắt qua hát « Nam Ai », ban nhạc liền ngưng đờn Xuân Nữ, khởi qua đờn bài « Nam Ai » đặng đưa hơi Ai. Người hát cũng tự-do hát câu Nam Ai « lục bát » của mình, không hát theo câu đờn Nam Ai, như bên Cải-Lương.

Các giọng hát Bội đều có bài đờn đặc-biệt đưa hơi, để gợi cảm-giác vui buồn cho khán-giả, nhưng đờn không theo sát câu hát. Trừ ra trong điệu hát Khách, đờn kèn ăn-rập câu hát. Song nên để ý, kèn thổi đưa hơi người hát, chứ không phải người hát phải theo bài kèn. Nên trong điệu hái Khách, người hát cũng đặng tự-do trình bày hết hơi hám của mình.

Chỗ lợi của âm-điệu hát Bội là điều đó và nó giúp cho nghệ-sĩ có khả-năng, có kinh-nghiệm càng ngày càng tiến-triển trên đường thi-thố tài-nghệ của mình.

B) NHẬN XÉT VỀ NGHỆ-THUẬT

Về nghệ-thuật, hát Bội là một điệu hát có nhiều qui-tắc và phương-cách để gợi những cảm-giác về « thẩm-mỹ » cho khán-giả.

Từ cách múa men có cầm binh-khí, đến cách ra bộ tay không, đều rập nhau với các giọng hát. Thử bảo một diễn-viên hát Khách mà cấm không cho múa bộ tất nhiên không thế nào người ấy hát hay được. Thế nên các điệu bộ của hát

Bội đều có khảo-cứu kỹ càng ăn khớp với các lối hát, chứ chẳng phải múa hát bừa bãi không có quy-củ hẳn hòi. Muốn học tập nghề hát Bội, phải theo từ thuở thiếu niên mới mong trở thành một nghệ-sĩ ưu-tú được.

Nhưng than ôi ! cái nghề rất khó học và phải nhiều năm tập luyện mới thành-thục được, song hiện nay nghề hát Bội không được bù đáp cho xứng công. Hồi Cải-Lương chưa ra đời, nghĩa từ năm 1918 trở về trước, điệu hát Bội được công chúng hoan-nghinh và ủng-hộ, nền tài chánh được dồi-dào. Đào kép nhờ đó được dư ăn, dư để, và tài-nghệ được phát triển không ngừng. Kể từ năm 1918 trở lại sau, hát Bội bị sa-sút lần và bị lu-mờ bởi những lý-do chánh sau đây :

1) Bị Cải-lương và Điện-ảnh cạnh-tranh ráo-riết.

2) Hát Bội nhuộm chất buồn nhiều hơn chất vui.

3) Có người cho rằng điệu hát Bội tượng-trưng cho thời-kỳ phong-kiến nên lỗi-thời.

*

1) Hồi thuở nho học còn thạnh, trong dân-gian còn nhiều nhà nho nên khi xem hát Bội, phần đông khán-giả hiểu rõ các câu văn chữ Hán và biết thưởng-thức nghệ-thuật của điệu hát cổ-truyền ấy. Đến sau nho học bị mai-một lần và nhường chỗ cho nền tân-học, dân chúng được hấp-thụ văn-minh Âu-châu nên thích xem lối hát mới-mẻ của điệu Cải-Lương, đã phỏng theo lối diễn-kịch Âu-châu từ hình-thức đến nội dung. Từ khi Cải-Lương ra đời, hát Bội bị cạnh tranh ráo-riết, phải lùi bước trước sự phát-triển không ngừng của điệu hát mới-mẻ ấy. Lúc mấy năm gần đây bị

Điện-ảnh xen vào tấn-công dữ-dội làm cho hát Bội đã bị sa-sút lại càng thêm sa-sút.

2) Muốn cứu-vãn phần nào tình-trạng hiện-tại, cần nên chấn-chỉnh điệu hát Bội lại cho hạp thời hơn. Phần thường tuồng hát Bội có chất buồn nhiều hơn chất vui, nên không hấp-dẫn đối với hạng khán-giả trẻ tuổi, từ ba bốn mươi trở xuống. Hạng khán-giả nầy đang buổi xem đời với con mắt lạc-quan nên không thích thấy những những cảnh buồn thảm thê-lương hoặc nghe những giọng hát ngâm não-nùng ai-oán. Họ không thể ngồi lâu để xem những tuồng mô-tả dài-dòng những cảnh than khóc vì chia-ly, vì chạy giặc, vì chết-chóc hoặc vì bị nịnh thần hãm hại kẻ tôi trung. Nói một cách khác là họ không thích xem những tấn « Bi-kịch » thuần-túy.

Thế nên các ông Nhưng, các ông thầy tuồng hát Bội cần san-nhuận lại các bổn tuồng cổ. Nên bớt những câu lối Ai và những câu hát Nam, Thán, Oán, v.v… rồi thế vào bằng những câu lối Xuân hoặc lối thường. Thêm những lớp có vai Hề, nhưng cấm không cho giễu cương mà phải theo lời-lẽ của thầy tuồng đặt ra. Hề hát Bội thường hay giễu cương nên đôi khi nghe rất khiếm-nhã.

Chúng tôi đề-nghị việc nầy vì thấy công-chúng hiện nay thích xem tuồng « Sơn Hậu » là một bổn tuồng cổ có nói lối nhiều, ít câu hát Nam, Khách. Tuy văn-chương tuồng Sơn-Hậu có hơi kém, nhưng cách sắp đặt lớp-lang rất gay-cấn và có pha vai hài-hước như Lôi-Nhược, Lôi Phuồng, v.v… Những tuồng cổ còn ăn khách hiện nay đều có vai khôi-hài như Tống-Tửu Đơn-hùng-Tín có vai Giảo-Kim, tuồng Phụng-

Kiều Lý-Đáng có vai Từ-Anh, tuồng Tống-Địch-Thanh có vai Mạnh-đình-Quốc, Tiêu-đình-Quí, v.v… Hồi thời-kỳ hát Bội còn hưng-thạnh, các ban lớn như ban Cô Tám ở Chợ-lớn, ban Cô Ba Ngoạn ở Cầu-ông-Lãnh, ban Hội-đồng Ninh ở Saigon, ban Phủ Trọng ở Đakao, đều có ít nhứt vài nghệ-sĩ thủ vai Hề xuất-sắc. Có khi nữ diễn-viên như Cô Năm Nhỏ ở rạp Cô Ba Ngoạn cũng thủ vai trào-lộng rất tài-tình.

3) Có người không thích xem hát Bội vì cho rằng điệu hát nầy tượng-trưng cho thời-kỳ phong-kiến nên không còn hạp-thời nữa. Đã gọi hát Bội là một lối hát cổ-điển thì không thế nào biểu nó tránh đặng sự diễn tả lại những chuyện xưa tích cũ của thời-kỳ phong-kiến. Nhưng nếu xét kỹ, chúng ta sẽ thấy những gương « Trung, Hiếu, Tiết, Nghĩa » rút trong lịch-sử Tàu hay lịch-sử Việt-Nam, đã được Hát Bội đem ra trình-diễn, đều rất có ích cho chúng ta hiện ở thế-kỷ hai mươi nầy. Người mình thường nói : « Ôn cố tri tân » nghĩa xem cái cũ mà biết cái mới. Đây là một lời nói còn có thể áp-dụng cho những khán-giả hát Bội. Khi xem một tuồng hát ví như Sơn-Hậu chẳng hạn, thấy Đổng-kim-Lân và Khương-linh-Tá tận-trung với nhà vua bị nịnh-thần soán ngôi, chúng ta có thể noi gương ấy để trung-thành với một lý-tưởng, một chủ-nghĩa hay một chế-độ.

Xem tuồng Tống-tửu Đơn-hùng-Tín, thấy Quận-chúa Thanh-Anh liều mình tử-tiết để cho chồng là Hùng-Tín rảnh tay đi báo thù và cũng để tỏ dạ trung-trinh liệt-nữ đối với chồng, thì người đời nay há chẳng noi gương ấy đặng làm rỡ danh thục-nữ hay sao ?

Tựu-trung những tuồng hát Bội đều có phần nội dung hạp với luân-thường đạo-lý mà hiện nay không ai phủ-nhận được cái giá-trị tinh-thần, dù chúng ta đang ở vào thời-kỳ nguyên-tử nầy. Nếu người đời nay biết lấy cái nghĩa-khí thọ tội tử-hình của Trịnh-Ân để tận trung, cái nghĩa-khí thọ tội cam-đoan của Quan-vân-Trường để đền ơn, cái nghĩa-khí hy-sinh tánh mạng của Dự-Nhượng để báo thù cho chúa, thì trong đời này dù việc chi khó-khăn đến bực nào cũng có thể làm đặng tất cả.

Thế nên, chúng ta chẳng nên quá khắt-khe cho hát Bội là lỗi thời rồi tuyệt-nhiên không đi xem. Phần nhiều tuồng hát Bội đều là những bài học rất bổ ích cho chúng ta. Tuy bề ngoài nó khoác cái áo phong-kiến, nhưng bên trong nó hàm-súc một cái triết-lý uyên-thâm. Nó nêu lên nhiều tấm gương sáng của người đời xưa cho người đời nay noi theo đó đặng giữ tròn bổn phận làm người. Dù bậc thượng-lưu tri-thức bậc trung-lưu hay bậc hạ-lưu cũng đều được bổ-ích cho tinh-thần khi đi xem hát Bội. Vả lại, nhiều tấn tuồng Tàu hay đến đổi các ban Cải-Lương cũng phải phóng-tác theo để lôi cuốn khán-giả.

VIII. NHỮNG VỠ TUỒNG DANH TIẾNG CỦA HÁT BỘI

Tuồng « **Sơn-Hậu** » là một bổn tuồng sáng-tác không trích ở truyện hoặc sử sách nào cả. Tuồng nầy có nhiều kịch-tính và đáng làm một vở tuồng gương mẫu cho phái cổ-điển. Nội-dung có nhiều lớp gay cấn rất hay, làm nổi bật những vai trung, nịnh, hiền, ngu. Đây là một bổn tuồng được công chúng biết nhiều nhứt và luôn luôn được chọn trình-diễn ở các lễ cúng Thần.

Kế tiếp là những lớp tuồng hay rút trong truyện Tam-Quốc như : Triệu-Tử đoạt ấu-Chúa, Huê-Dung-Đạo, Cầu-hồn Giang-Tả, Đơn đao Phó-hội, Tam chiến Lữ-Bố, Phụng-nghi-Đình, Tam-khí Châu-Du, v.v…

Thứ nữa là những lớp tuồng đặc-sắc trong truyện Phong-Thần : Bá ấp-Khảo dạy đờn, Hoàng-phi-Hổ quy Châu, v.v… Sau hết những vở rút trong truyện Đường, Tống, Tam-hạ Nam-Đường, Đông-Châu Liệt-Quốc, v.v… như Tống-Tửu Đơn-hùng-Tín, Tiết-nhơn-Quí hồi hương, Tiết-đình-San cầu Phàn-lê-Huê, Thần-nữ dâng Ngũ-Linh-Kỳ, Tiết-Giao đoạt ngọc, Tiết-Cương chống búa, Dự-Nhượng đả long-bào, Phụng-Kiều Lý-Đáng, Ngũ-vân-Thiệu tẩu Nam-Dương-thành, Trảm Trịnh-Ân, Lưu-kim-Đính giải giá Thọ-Châu, Địch-Thanh ly Thợn, Âm-Dương-Trận, Tống-tửu Ô-hắc-Lợi, Xử-án Bàng-quí-Phi, Thoại-Ba giải vây Bạch-hạc-Quan, Đãi yến Đoàn-hồng-Ngọc, Mộc-quế-Anh dâng cây, Chung-vô-Diệm đại-hội kỳ-bàn, v.v…

Sau cùng những tuồng Lý-phụng-Đình, Mao y thần cung, Lục-văn-Long, Trần-trá-Hôn, Diễn-võ-Đình, Hồng-môn Hội-Yến, Thôi-Tử thí Tề-Quân, Tam-nữ Đồ-Vương, Bá-lý-Hề, Trần-nhựt-Chánh, Tứ-Trạng tân-khoa, Ngũ biến báo phụ cừu, Thất-hiền-quyến, Nhứt-Điện, Nhị-Điện, v.v…

Soạn-giả tuồng hát Bội thường giấu danh-hiệu, nên không thể để tên vào đây. Phần thường có một ít bổn tuồng có để tên người phiên-dịch ra Quốc-văn, chứ không biên tên tác-giả chính-thức bổn tuồng.

Ngoài ra, còn có những tuồng hát Bội xuất sắc về phương-diện văn chương và có để tên tác-giả như : Kim-Thạch kỳ duyên của Cụ Thủ-khoa Bùi-hữu-Nghĩa, sanh năm 1807 tại Long-Xuyên (Cần thơ), tuồng Tượng-kỳ khí xa của Cụ Hoàng-cao-Khải sanh tại làng Đông-Thái (Hà-Tĩnh) và tuồng Địch-Thanh ly Thợn của Nguyễn-văn-Diêu bản chữ nôm, do Phan-văn-Hùm dịch ra Quốc-Ngữ.

IX. DANH-SÁCH NGHỆ-SĨ HÁT BỘI

Sau đây chúng tôi xin lược-kê danh-sách những nghệ-sĩ phái nữ và phái nam mà chúng tôi được hân-hạnh thưởng-thức tài-nghệ từ xưa đến nay, trong điệu hát Bội. Nếu có chỗ sơ sót, chúng tôi xin cáo lỗi trước.

A) NỮ NGHỆ-SĨ

Lớp tiền-phong : Các Cô Năm Chung, Tư Bổn, Năm Nhỏ, Sáu Xển, Ba Quyên, Tư Minh... Và các Cô Ba Đắc, Cao-Long-Ngà, Sáu Bê, Năm Sadec, v.v...

Lớp hiện tại : Các Cô Ba Út, Năm Đồ, Hai Nhỏ, Ba Sáng, Kim Anh, Ba Ngãnh, Kim Bông, Tư Nết, Ngọc-Lượng, Lệ-Hồng, Bảy Sự, Sáu Buôi, Lệ Ánh, Thúy Manh, Huỳnh-Mai, Thanh-Thế, Mộng-Lành, v.v...

B) NAM NGHỆ-SĨ

Lớp tiền-phong : Nhưng Trì, nhưng Do, nhưng Lắm, nhưng Phi, bầu Thắng, bầu Lễ, bầu Luông, v.v...

Lớp hiện-tại : Minh-Tơ, Thành-Tôn (trưởng ban Vân Hạc), Hữu-Thoại, Hoàng-Sóc, Năm Gòn, Mười Sự, Chí Tài, Thiệu Của, Ba Kiên, Tám Hiễn, Sáu Hẩu, Bầu Tảo, Chín Luông, Bảy Lập, Tám Văn, Hoàng-Nở, Hai Thảnh, Thanh-Tòng, Văn-Thịnh, Ba Luông, Năm Thao, Ba Thán, Long-Ẩn, Bửu-Truyện, Thanh-Bình, Hoàng Bá, v.v...

Những Ban hát Bội hay hát Hồ-Quảng hiện-hữu :

- Ban Khánh Hồng diễn thường-trực tại đình Cầu quan (Saigon).

- Ban Thanh-Bình Kim-Mai I, tại đình Cầu-Muối (Saigon).

- Ban Hiệp-Thành Minh-Tơ tại đình Chánh-Hưng (Saigon).

- Ban Phước-Thành I tại rạp chùa Ông, Phú-Nhuận (Gia-định).

- Ban Phước-Thành II tại đình Xóm Củi (Chợ lớn).

- Ban Tài-Đức tại rạp Phú-Thọ (Tân-Bình).

- Ban Thành-Công tại đình Phú-Hòa (Tân-Định).

- Ban Nghĩa-Hiệp tại đình Bình-Tiên (Chợ lớn).

- Ban Hoa-Xuân tại đình Hòa-Hưng (Saigon).

- Ban Thanh-Bình Kim Mai II tại đình Minh Phụng (Chợ lớn).

CHƯƠNG THỨ NHÌ : CẢI-LƯƠNG

I. LỊCH-SỬ CẢI-LƯƠNG



Năm 1912, tài tử Nguyễn tống-Triều đưa đờn ca cổ-điển lên sân-khấu tại Mỹ-Tho, đã đặt viên đá đầu tiên cho nền ca-kịch Cải-Lương ở Nam-Phần.

*

Hai tiếng « **Cải-Lương** » có nghĩa « Sửa đổi cho tốt hơn ». Từ xưa ở Việt-Nam không có lối diễn-tuồng nào khác hơn là hát Chèo hay hát Tuồng (ở Bắc-Phần) và hát Bội (ở Trung và Nam-Phần). Đến năm 1917, khi Cải-Lương ra đời, người mình nhận thấy điệu hát nầy có vẻ tân-tiến hơn điệu hát Bội, nên cho đó là một việc cải-thiện điệu hát xưa cho tốt đẹp hơn. Vì lẽ ấy người mình dùng hai tiếng « Cải-Lương » để đặt tên cho điệu hát mới-mẻ nầy. (Tiếng Cải-Lương gốc ở câu Cải-Lương phong-tục mà ra).

Dưới đây, chúng tôi xin lược-thuật lịch-sử của điệu Cải-Lương đã phát-sinh tại mấy tỉnh trung-tâm Nam-Phần.

Trước kia ở rải-rác trong các tỉnh Nam-Phần có những ban tài-tử đờn ca trong các cuộc lễ tại tư gia tân-hôn, thăng quan, giỗ quải, v.v… Nhưng không bao giờ có đờn ca trên sân khấu hay trước công chúng.

Qua lối năm 1910, ở Mỹ tho có ban tài-tử của Nguyễn-Tống-Triều [13] tục gọi Tư Triều (đờn kìm), Chín Quán (đờn độc-huyền), Mười Lý (thổi tiêu), Bảy Vô (đờn cò), Cô Hai Nhiễu (đờn tranh), Cô Ba Đắc (ca). Ban tài-tử nầy đờn ca rất hay vì phần đông đã được chọn đi trình bày cổ nhạc Việt-Nam tại cuộc triển lãm ở Pháp mới về. Kế năm 1911, tài-tử Nguyễn-tống-Triều muốn đưa ca nhạc ra trước công chúng, nên thương-lượng với Chủ nhà hàng « Minh-Tân khách-sạn » ở ngang ga xe lửa Mỹ tho-Saigon để ban tài-tử đờn ca giúp vui cho thực-khách, đến nghe càng ngày càng đông. Nhận thấy sáng-kiến nầy có kết-quả khả-quan Thầy Hộ, chủ rạp hát bóng Casino phía sau chợ Mỹ tho, muốn cho rạp hát mình được đông khán-giả bèn mời ban tài-tử Tư Triều đến trình-diễn mỗi tối thứ bảy và thứ tư trên sân khấu, trước khi chiếu bóng. Lối đờn ca trên sân khấu được công chúng hoan-nghinh nhiệt-liệt.

Lúc bấy giờ, lối năm 1912, chúng tôi tòng học tại tỉnh-lỵ Mỹ tho, có đến xem. Cách chưng dọn sân khấu còn đơn sơ. Cái màn bạc dùng làm bối cảnh (fond), kế đó có lót một bộ ván, trước bộ ván có để một cái bàn chưn cheo. Hai bên sân khấu có để cây kiểng, xem rậm rám và khán-giả có cảm-

giác đứng trước một cái phòng khách hạng trung-lưu. Cách bài trí sân khấu nầy tuy đơn giản, nhưng nó gợi cho các nhà dàn cảnh Cải-Lương mai hậu những ý-niệm về việc trang-hoàng sân khấu. Các tài-tử đều ngồi trên bộ ván và mặc quốc-phục xem nghiêm trang. Cô Ba Đắc ca rất hay và biết đủ các bài-bản cổ điển. Nhất là cô ca bản « Tứ-Đại oán » Bùi-Kiệm Nguyệt-Nga rất duyên-dáng : **Bản Tứ-Đại (lớp đầu)**

(Kiệm từ khi thi rớt trở về)

(Bùi Ông mắng nhiếc nhún trề) : Cũng tại mầy ham bề vui chơi.

(Kiệm thưa) : Tài bất thắng thời ; Con dễ nào không lo bề công danh ; Tuổi con còn xuân xanh ; Công ơn mẹ cha, con chưa đáp đền, đó cha ôi !

(Bùi-Ông nghe tiếng nỉ-non vuốt-ve khuyên Kiệm) : Thôi con ở lại nhà ; Đặng hôm sớm với cha.

Trên đây là bài ca Tứ-đại oán, soạn theo lối văn truyện. Khi muốn ca-kịch hóa bài Tứ-đại, người ta phải sửa đổi câu ca bằng lối vấn-đáp như sau :

(Bùi Ông đương ngồi ở phòng khách, Bùi-Kiệm bước vào xá một cái).

(Bùi-Ông hỏi) : Sao, việc thi cử thế nào con ?

(Bùi Kiệm Vô ca Tứ-đại lớp đầu) : Dạ thưa cha, con nay thi rớt trở về.

(Bùi Ông ca tiếp) : Kiệm à, nghe qua tao tức tối trăm bề ; Cũng tại bởi mầy, sao ham bề vui chơi.

(Bùi Kiệm) : Thưa cha, tài bất thắng thời ; Con dễ nào không lo bề công danh ; Tuổi con còn xuân xanh ; Công ơn mẹ cha, con chưa đáp đền, đó cha ôi !

(Bùi Ông) : Già đây nghe tiếng nỉ-non. (Xây qua nói với Kiệm) : Thôi thôi, con Kiệm, con hãy ở lại nhà ; Đặng hôm sớm với cha.

Đây là một bài ca có đối-thoại giữa Bùi Ông, Bùi Kiệm và Nguyệt-Nga. Nó khơi nguồn cho các soạn-giả đặt những bài ca có vấn đáp cho điệu Cải-lương sau nầy. Cô Ba Đắc ca bài Tứ-Đại oán với một giọng như có vấn-đáp, nhưng cô không ra bộ. Ngoài ra Cô Hai Nhiễu cũng có phụ ca với cô Ba Đắc, ra trước công chúng trên.

Cái sáng kiến đưa đờn ca tài-tử lên sân khấu của Tư Triều từ năm 1912 tại Mỹ tho đã lan tràn đến Saigon và nhiều tỉnh ở Nam-Phần. Trước hết lối năm 1913-14, ông chủ nhà hàng « Cửu-long-giang » ở sau chợ mới Saigon nghe tin ban tài-tử Tư Triều ở Mỹ tho được ăn khách, xuống mời về đờn ca tại nhà hàng của ông (sau đổi hiệu Mékong).

Lần lần bài Tứ-Đại oán Bùi-Kiệm Nguyệt-Nga của cô Ba Đắc ca được phổ-biến trong mấy tỉnh trung-tâm Nam-Phần như Vĩnh-Long, Sadec, Mỹ tho, v.v…

Đến năm 1915, Ô. Tống-hữu-Định, tục-danh Ô. Phó Mười-Hai ở Vĩnh-Long quy-tựu anh em tài-tử, rồi cho ba người thủ vai Bùi-Ông, Bùi-Kiệm và Nguyệt-Nga, đứng trên ván vừa ca vừa ra bộ.

Qua năm 1916, Ô. André Thận, người Sadec, lập ban hát xiệc có thêm vài ba màn ca ra bộ. Kép có Bảy Thông,

Tám Cang, đào có cô Hai Cúc.

Kế tiếp năm 1917-18, Ông Châu-văn-Tú, tức Ô. Năm-Tú, một nhà khá giả ở Mỹ tho, chuộc ban ca kịch của Ô. Thận, rồi kêu thêm đào kép mới và chấn-chỉnh lại được hoàn-toàn hơn. Ô Năm Tú là người có công nhứt trong việc gầy dựng lối hát Cải-Lương buổi ban đầu. Ông mướn thợ vẽ tranh cảnh phỏng theo lối trang-trí rạp hát Tây ở Saigon. Ông mua sắm y-phục cho đào kép rất chu-đáo và cậy nhà văn Trương-duy-Toản soạn tuồng. Ông cất một cái rạp hát rộng lớn và đẹp-đẽ gần chợ Mỹ tho để cho ban ca-kịch của ông trình-diễn. Mỗi tối, trước khi khai-diễn, ông bày ra lối chưng « Tableau vivant » (Màn chưng đào-kép) để cho công chúng thấy trước những mặt làm tuồng trong đêm hát. Điệu hát Cải-Lương chánh-thức thành-hình từ đó. Mỗi tuần gánh ông Năm Tú hát tại Mỹ tho ba đêm rồi lên rạp Eden Cholon ba đêm. Ông cũng cho thâu thanh vào dĩa nhựa các tuồng hát của ông với mục-tiêu phổ-biến điệu Cải-Lương trong toàn quốc. Sau đó ít lâu, cũng tại Mỹ tho, cô Tư Sự lập ban « Đồng bào Nam » và Ô. Hai Cu, thợ kim-hoàn, lập gánh « Nam-đồng-ban » rồi kế « Tái-đồng-ban ». Trong bốn ban Cải-Lương đầu tiên nầy có nhiều đào kép trứ-danh xuất hiện như cô Năm Phỉ, cô Bảy Phùng-Há, cô Tư Sạng… và kép Hai Giỏi, Năm Châu, Tư Chơi, Tám Mẹo, Tư Út, Ba Du, Năm Long, v.v…

Từ đó điệu Cải-Lương càng phát-triển mạnh và nhiều Ban được thành-lập : Văn-Hí-Ban (Chợ lớn), Sĩ-đồng-Ban (Long xuyên), Kỳ-lân-Ban ở Vũng Liêm (Vĩnh-long) và Phước-Nam (Sóc trăng).

Trên đây lược-kê những ban ca-kịch trong đợt đầu của Cải-Lương từ năm 1917 đến năm 1922. Kế đợt nhì trong khoảng 1923 đến 1945, có nhiều đại-ban ra đời : Tân-Thinh, Tập-ích-ban, Trần-Đắt, Tân-hí-ban, Võ-hí-ban, Phước-Cương, Huỳnh-Kỳ, Nhạn-Trắng, Mộng-Vân, Sao-mai, Hề-Lập, Nam-Phi, Phụng-Hảo, Kim-Thoa, Việt-Kịch, Năm-Châu, Hậu-Tấn, v.v… Sau khi được phổ-biến trong toàn cõi Nam-Phần, lần lần điệu Cải-Lương đem trình-diễn tại Trung-Phần và Bắc-Phần và được đồng-bào các nơi mến-mộ.

Sau hết tới đợt Ba từ năm 1946 (sau thế-chiến thứ hai), đến năm 1965, rất nhiều ban ca-vũ nhạc-kịch Cải-Lương ra đời. Nhưng phần đông bị yểu-tử vì không được đồng-bào ủng-hộ. Hiện nay còn những ban hạng A-B, xin kể ra như sau : Thanh-Minh Thanh-Nga, Dạ-lý-hương, Hương mùa Thu, Bạch-Lan Thành-Được, Kim-Chung, Thủ-Đô, Kim-Chưởng, Thống-Nhứt, Thanh-Hương, Phước-Chung Hoa-Sen, Thanh-Tao, Tuấn-Kiệt, Trăng mùa Thu, Sao ngàn phương, v.v…

II. NHỮNG ĐẶC-ĐIỂM CỦA CẢI LƯƠNG

Cải-Lương là một nghệ-thuật tả-chân. Từ cách dàn cảnh đến các điệu-bộ, màu mè đều hướng về lối tả-thực như ngoài đời. Sau đây xin lược-khảo về ba đặc-điểm của Cải-Lương.

A) SÂN-KHẤU CẢI-LƯƠNG (DÀN CẢNH VÀ Y-PHỤC HÓA-TRANG)

Cách dàn cảnh của Cải-Lương phỏng theo lối Âu : có phân màn, phân hồi. Mỗi màn đều có tranh cảnh vẽ theo chỗ đã xảy ra tấn kịch. Mấy ban hát lớn chưng nhiều cảnh rất khả-quan. Một nhà dàn cảnh hữu tài góp phần vào cái hay, cái đẹp của vở kịch rất nhiều và giúp cho soạn giả xây-dựng vở kịch của mình được dễ-dàng theo ý muốn.

Về hình-thức kỹ-thuật sân-khấu, điệu Cải-Lương càng ngày càng phát-triển. Song cách phục-sức cho diễn-viên còn nhiều khuyết-điểm. Khi Cải-Lương diễn tuồng Tàu, nhờ y-quan của Huê-Kiều có sẵn để bán nên ít có điều chi đáng phê-bình.

Trái lại, khi Cải-Lương diễn tuồng « **Hương-Xa** » như tuồng Mông-Cổ, La-Mã, Ai-Cập, Ấn-Độ, Ba-Tư, v.v… thấy còn nhiều sơ-hở đáng chỉ-trích. Ví như một ban kia diễn tuồng Mông-Cổ, nhưng lại để cho phần nhiều đào kép trang-phục không có vẻ Mông-Cổ chút nào hết. Hiện nay chúng tôi còn thấy có Ban để cho Kép trong những tuồng kiếm-hiệp Hương-Xa mặc quần áo bằng hàng màu có thêu bông rất đẹp nhưng trên đầu không có mũ hay ngạch chi cả

và cột dựng đứng lên như hề hát Bội, thật xem không có mỹ-thuật chút nào. Nếu có người ngoại quốc đến xem hát, họ sẽ bình-phẩm thế nào về lối ăn-mặc « đầu Ngô mình Sở » của kịch-sĩ nước nhà. Tại sao sáng chế quần áo đặng lại không thể chế đồ đội trên đầu.

Thế nên các soạn-giả và các đạo-diễn cần lưu-tâm về vấn đề này cho lắm. Khi mình soạn một bổn tuồng về thời-đại nào, nên tìm trong sách vở lưu-trữ tại Thư-viện hay Bảo-tàng-viện, để thấu-đáo cách ăn-mặc, từ quần áo đến nón mũ, giày dép, của những nhân-vật trong thời-đại ấy hầu khỏi vướng những khuyết-điểm nói trên.

Khi diễn tuồng xã hội cũng phải thận-trọng như vậy. Nên phân biệt tấn-kịch đã xảy ra hồi thời-kỳ tiền chiến hay mới xảy ra độ mươi năm sau nầy, đặng cho diễn-viên mặc y-phục và hóa-trang đúng vào thời-kỳ của tuồng.

Tóm tắt, những người có trách-nhiệm về cách dàn cảnh, trang-trí và phục-sức diễn-viên trong một vở tuồng nên quan-sát kỹ-càng các chi-tiết của vở tuồng cho hợp với hoàn-cảnh thời-gian và không-gian, vì khán-giả ngày nay có con mắt thẩm-mỹ tinh-đời, chứ chẳng phải như khán-giả ngày xưa nữa. Và có khi người ta xem rồi bất mãn, nhưng cũng để bụng, không muốn nói ra.

B) ĐIỆU-BỘ

Điệu-bộ của hát Bội hay về lối tượng-trưng. Điệu-bộ của Cải-Lương hay về lối tả-chân. Phải ra bộ thế nào cho giống hệt ngoài đời. Đó chẳng phải là một việc dễ làm và đó là

chỗ biểu-lộ cái biệt-tài của một kịch-sĩ có một nghệ-thuật với một nghệ-sĩ tầm-thường.

Ví như trong một cái chỉ ngón tay : lúc bình thường chỉ khác, lúc giận chỉ khác, lúc buồn chỉ khác, lúc cười chỉ khác, chứ không giống nhau. Thế nên mỗi điệu-bộ đều phải khảo-cứu kỹ-lưỡng và theo một quy-tắc nhứt-định.

Hiện nay tại trường Quốc-gia Âm-nhạc, do sự sáng-kiến của Bộ Quốc-Gia Giáo-dục, có một bộ-môn dạy về ca-kịch và thoại-kịch. Đây là một việc đáng mừng cho nền kịch-nghệ nước nhà vì các điệu-bộ sẽ được khảo-cứu tỉ-mỉ trước khi đem ra giảng dạy cho các diễn-sinh. Trong ít lâu, chúng ta sẽ có một lớp nghệ-sĩ có khả-năng xuất-lộ trên sân-khấu, như bên Âu-Mỹ.

c) MÀU MÈ

Điệu-bộ màu mè là hai yếu-tố căn-bản để thể-hiện cái tài diễn-xuất của kịch-sĩ. Diễn-viên Cải-lương phải có kinh-nghiệm thực-tế ngoài đời cho nhiều mới lột hết tinh-thần vai trò của mình. Một cái cười, cái nhìn, liếc, trừng, nhíu mày, rớm lệ, v.v… cũng có thể diễn-tả tâm-trạng bên trong của vai tuồng.

Nhất là trong các tuồng xã hội những màu mè : hỉ, nộ, ái, ố… cần phải có vẻ tự-nhiên, chẳng nên gia-bội nhiều như bên hát Bội. Có một ít kịch-sĩ Cải-lương có tật hay la hét lớn như hát Bội, thật không có nghệ-thuật tả-chân chút nào.

III. CÁC GIỌNG CẢI-LƯƠNG

Điệu Cải-lương cũng có nhiều giọng như hát Bội : Giọng Bắc, giọng Oán, giọng Nam, Lý, Bình, Ngâm, Hò, Nói thơ, Thán, giọng Quảng và giọng Tân-nhạc.

A) GIỌNG BẮC

Trong giọng Bắc có nói lối Bắc và ca Bắc.

1) Lối Bắc

Nói lối Bắc của Cải-lương không có đờn đưa hơi như lối Xuân bên hát Bội, song nói chậm-rãi, rõ-ràng và nghiêm-nghị.

Trong tuồng « **Lưu-kim Đính giải-giá Thọ-Châu** » (T.V.K.), lớp Cao-quân-Bảo đi săn bắn cùng hai đứa ở, có nói lối Bắc như sau :

(Cao-quân-Bảo) :
Nay đắc lịnh mẫu thân điền-điệp,
Cùng gia thần hai gã tùy-tùng.

(Nầy hai cháu) :
Chốn lâm sơn nhẹ bước ruổi giong,
Tìm thắng cảnh hữu tình giải muộn.

(Nói thường) : Thật mình vào chốn nầy cảnh-trí xinh đẹp biết bao !

(Lối) :
Nẻo xa thấy liễu dương muôn cụm,
Lối gần xem tòng bá ngàn cây.

Khá khen cho tay tạo khéo bày,
Nào nhượng chốn bồng-lai tiên cảnh.

2) Ca Bắc

Ca Bắc hơi vui và dùng để tả cảnh vật thiên-nhiên, như lớp Cao-quân-bảo nói dứt mấy câu lối trên đây, bắt qua ca bài Bắc : « **Lưu-thủy-trường** »

(Bảo) :
Vào chốn này thỏa tình ước mong,
Nhìn xem phong cảnh rất toại lòng :
Kìa nhành thung gió thổi lao-xao,
Nọ hoa cỏ đượm trăm màu,
Hương đưa mùi vị ngạt-ngào,
Cảnh chào người rất xinh thay ?

(Bèo) :
Xem trên cội tòng chim bay,
Dưới cụm cây, thú kia đang chạy,
Bướm ong qua lại.
Rừng nhuộm màu quan san,

(Bốp) :
Mặt trời chiếu điệu ngàn thông.
Cảnh sắc xuân có thêm vẻ đẹp.
Nước khe chảy dợn,
Rỉ-rả nghe như đờn.

(Bảo) :
Vui, thú vui thanh-lịch,
Non cao xanh-mịch,
Đá gành cheo-leo, lá hoa chen lộn,

Đỏ đen ngũ sắc như màu tranh nhuộm.
Lại thêm gió mát, khoái dạ ước mơ,
Chiếc lá trên nhành phất-phơ,
Con oanh vàng chuyền nhởn-nhơ.
Sơn lâm sơn tay trời khéo đặt,
Cảnh-trí bày xinh-lịch,
Thức mây rồng bay chớn-chở.
Cuối khe nhịp cầu bắc ngang,
Liễu rủ mành lơ-thơ,
Bóng chiếu nước sóng gợn ngàn tơ !

(Bèo) :
Mau bước đến thạch bàn,
Ngồi ẩn bóng tàn,
Đặng chờ đàn hươu nai.
Tìm kiếm tìm khắp ngàn đông tây,
Chim thú đi gần lối đây,
Chắc cậu mình sẽ bắn hay.

(Bốp) :
Cung xạ tiễn như thần,
Xem khắp trong trần,
Cậu nào nhượng chi ai.

(Bèo) :
Tài cậu đành không hai,
Nội Tống trào chẳng ai,
Không một ai sánh tày.

(Bốp) :
Kia đã nghe con chim gọi. (Tiếng chim kêu)

Khá đi nhè-chẹ,
Lại gần cậu hãy nhắm coi.

(Bảo) :
Tai vẳng nghe tiếng nhạn lạc bầy,
Ẩn cội tòng nầy,
Giương cung thần ra tay.
Thương tiếc thương cho nhạn,
Vì ta mi vong mạng.

(Bèo) :
Kìa tên đã trúng ngang
Thật con nhạn rõ ràng.
Mừng lắm thay,
Ta đem về giúp bữa hôm nay.

Lối ca Bắc có thể dùng để tả cái chí-khí nam-nhi phải tận trung báo quốc, khi nước nhà hữu sự.

Trong tuồng **« Vì nghĩa liều mình** » (T.V.K), Huỳnh-công-Nghĩa, một quân-nhân, lúc ra trận có nói lối và ca Bắc :

(Nghĩa) :
Nay đắc lịch tiền binh nhập đảng,
Đứng anh hùng trả nợ râu mày,
Lo làm sao rạng vẻ cân đai.
Cho rỡ mặt nhà trai Nam-Việt.

(Khóc-hoàng-thiên) (Ca) :
Phải lo báo quốc ! Phải lo báo quốc !
Cái nợ mày râu, nam nhi lo đến.
Bốn biển chống vững giang san,

Anh hùng nệ chi.
Chí trung tử sanh chớ sợ,
Vì nước dầu có lâm nguy,
Tiếc chi giọt hồng,
Tiếng đời ngợi phong.
Chúng ta cháu con tiên rồng,
Dễ hòng sợ ai.

Ca Bắc cũng dùng tả tình cảnh sinh ly tử biệt. Như trong tuồng « **Gia-Long tẩu quốc** », Công-chúa Ngọc-Truyền than thân phận bằng điệu Xàng-Xê (lớp đầu) :

(Công-chúa) :
Bền lòng, ôm hận trường thê lương thảm não.
Tào khang nghĩa thâm chia đoạn,
Ngàn sầu chan-chứa trong cảnh cô đơn.
Vì nước chàng cam máu đổ thây phơi,
Lìa ái ly tình như thế ni,
Thiếp phải sao cho trọn đạo phu thê.
Quyết noi lấy gương Tỉnh vệ,
Dày công lập cho đầy bể đông.
Trời ôi, cảnh đời chi khắt-khe,
Nỗi khốn nguy cảnh tình ly nghĩa đoạn.
Hận nước với thù chồng,
Nặng đôi gánh thiếp phải đền đáp xong.
Hờn thay lũ Tây-sơn bây tán tận,
Ta thệ rằng hận bất cọng thiên.

Lớp Nguyễn-Huệ bắt được Lê-phước-Điển, dụ hàng ca bài « **Bắc Xuân-Tình** » :

(Nguyễn-Huệ) :

Ta thương xót đấng nghĩa khí anh hùng,
Không đành sát hại người trung.
Vậy tướng quân suy nghĩ cho cùng.
Nếu như cượng lời bất phục, e tánh mạng nan tồn,
Ta tiếc cho bậc anh hùng,
Mới nhiều lời khuyên lơn.
Tướng quân nên bình tâm tự thuận,
Người khôn phải biết kinh quyền,
Đừng nê-chấp hẹp hòi,
Mà chịu thiệt đời không hay.

(Phước-Điển) :

Ôi, đã ngay chúa, dẫu thác ta có sá gì,
Phải nào như hạng tham sanh,
Mà bán rẻ tâm hồn,
Phận ta vì nghĩa vụ,
Nay rủi gặp vận cùng,
Được chết là toại lòng,
Chớ có nhiều lời khuyên dụ thất công !

Ca Bắc cũng dùng để tả chí-hướng của mình. Đoàn-thế-Trung trong tuồng « **Bội-phu quả báo** » (s.g. Mộc-Quán) tả chí thư-sinh của mình bằng bài : **Khổng Minh tọa lầu**

Chí của nam-nhi, cung thỉ tứ phang !
Khí võ tu văn, theo buổi nước an.
Gương thánh hiền truyền để sử xanh,
Khá giữ gìn nhờ thuở nên danh.
Cội rễ tánh lý ; sử sách biên thành,
Đạo nghĩa cách-trí, Tây-hớn thông rành,

Lòng trau giồi mựa nại hèn sang,
Mình chuyên cần nghiệp lại càng ngoan.
Nhờ cha mẹ áo cơm bảo bọc,
Thầy cùng bạn thương mến dạy khuyên !
Hay gắng sức mình :
Hầu về sau vạn tải lưu danh.

Trên đây chúng tôi lược-kê một ít bản Bắc để tỷ-dụ. Trong điệu Cải-lương, còn rất nhiều bài Bắc vì lối ca Bắc và lối thông dụng nhất của Cải-lương. Bản Bắc có bản dài và bản vắn :

Những bản Bắc dài có : Lưu-thủy-trường, Phú-Lục, Tây-Thi, Cổ-Bản, Bình-bán-chấn, Xuân-Tình. Và bảy bài Tổ như : Xàng-Xê, Ngũ Đối thượng, Ngũ Đối hạ, Long-Đăng, Long-Ngâm, Vạn-Giá, Tiểu-Khúc.

Hạng bản vắn như : Lưu-thủy-đoản, Hành-vân, Bình-bán-vắn, Kim-Tiền, Ngũ-điểm-Mai, Bài Tạ, Khổng-Minh tọa-lầu, Mẫu-tầm-tử, Xang-xừ-líu, Lưu-thủy cao-sơn, Thu-Hồ, Tam-pháp nhập-môn, Khóc hoàng-thiên, Long-hổ-hội, Sơn-đông hướng-mã, Ngự-giá, Bá Hoa, Mạnh-lệ-quân, Tứ-đại-cảnh, Minh-Châu, Bắc-sơn-trà, Lưu-thủy tẩu-mã. Trạng nguyên hành-lộ, Hướng-mã hồi-thành, v.v…

Những bản mới áp-dụng cho điệu Cải-lương : Minh-hoàng thưởng nguyệt, Ngự-giá đăng-lâu, Phò-mã giao-duyên, Tùng-lâm dạ-lãm. Tống-Phong, Giang-Tô, Phong-Nguyệt, Uyên-ương hội-vũ, Tô-Võ mục-dương, Cung-thiềm bán-nguyệt, Nguyệt gác xuân-đài, Hồ-điệp song-phi, Tứ-bát-chánh, Dạ-hành lữ-khách, Túy-Nguyệt, Võ-biền xuất-

tội, Thượng-uyển dạ-hành, Liễu-thuận-nương, Thu-Phong, Long-Nguyệt, Phong-ba-đình, Duyên kỳ-ngộ, Nặng tình xưa, Lạc-xuân-hoa, Đăng-sơn lãm-thúy.

Và những bản mới sáng-tác lúc sau đây có những cái tên rất tân kỳ : Sương chiều, Tú-Anh, Ánh nắng. Trôi nổi phong trần, Lệ rơi thấm đá, Gió hờn, Nhạn về, v.v…

Ngoài ra còn tám bài Ngự và mười bản Tàu của các ban Tài-tử thường đờn, nhưng giới Cải-Lương có dùng một ít bản mà thôi.

Tám bài Ngự : Đương-thái-Tôn, Vọng-Phu, Chiêu-quân Ái-tử-kê, Bát-man tấn-cống, Duyên kỳ-ngộ, Tương-tư (hơi Nam biến thể), Quả phụ hàm-oan (hơi oán biến thể).

Mười bản Tàu : Thẩm-Tuyết, Ngươn Tiêu, Hồ-Quảng, Liên-Hườn, Bình-Nguyên, Tây-Mai, Kim-tiền Huế, Xuân-Phong, Long-Hổ, Tẩu-Mã.

B) GIỌNG OÁN

Giọng Oán là giọng đặc-biệt miền Nam, Đờn Oán thường dùng dây hồ tư (tục gọi dây Chinh) và dây Tố-Lan. Hai dây nầy do các tài-tử miền Nam chế ra và bài Oán đầu tiên là bài Tứ-Đại. Giọng Oán tuy có hơi bi-đát nhưng không kém vẻ trang-nghiêm và hùng dũng. Những vị nào biết ca Tứ-Đại đều công-nhận điều ấy.

Người sáng-chế bản Tứ-Đại là một nhạc-sư kiêm thi-sĩ. Theo sự nhận xét riêng, bản Tứ-Đại là một bài thơ bát cú vì cách kết cấu bài Tứ-Đại giống như cách kết cấu bài Đường luật.

Dưới đây xin phân-tách bản Tứ-Đại trích trong tuồng « **Vì nghĩa liều mình** » (T.v.K), lúc Trần-tuấn-Kiệt từ biệt cha và vợ, con, đi tùng chinh (Xã trưởng làng Thiện-Lương vì thầm yêu cô Ái-Hoa, vợ Tuấn-Kiệt, nên ép chàng phải đi lính mộ). (Tuồng diễn tại Biên Hòa năm 1925).

1) Tứ-Đại Oán

(Tuấn-Kiệt ca lớp nhứt) :
Đâu vì đâu sóng dậy đất bằng,
Làm cho phân rẽ đôi đàng.
Nỗi ức lòng biết *đâu mà minh oan*.
Trời sao nỡ phụ kẻ bần hàn,
Chốn sa tràng thân nầy quản chi.
Ngặt nỗi nhà khuynh nguy,
Bề thần hôn, ai đền ơn sanh thành !
(Lớp nhứt ăn với câu Phá bài bát cú).

(Tuấn-Kiệt ca tiếp lớp nhì) :
Đạo tam cang.
Chữ hiếu trung biết sao giữ vẹn.
Thương bấy cha già.
Kìa vợ yêu, nọ con thơ.
Cám nỗi nhà hiu quạnh bơ vơ.
(Lớp nhì ăn với câu Thừa bài hát cú)

(Trần-Lão lớp ba) :
Con ôi : Thân cách thiên san,
Con chịu nhọc nhằn gian nan,
Chốn sa trường lằn tên mũi đạn.
Nỗi khổ lòng ai đâu có hản.

Giày sương đạp tuyết.
Cha thương con vô hồi.
Xót cho chăng hỡi trời !
Trách bấy chú Xã tráo chác đổi dời.
Phu thê phụ tử rã rời.
Thảm nỗi tình biệt ly.
Khuyên con gắng gượng ra đi.
Đặng chữ trung mất lòng chữ hiếu.
Làm trai há trọn hai thờ.
Con nên giả lấp làm ngơ.
Cha ở nhà dìu dắt trẻ thơ.
(Lớp ba cũng gọi lớp *Xang dài, ăn với* vế trên cập Trạng).

(Ái-Hoa lớp tư) :
Ngày nay chàng phải xuất chinh.
Em ở lại nhà giữ bề kiên trinh.
Chốn gia đình em lo báo bổ.
Nuôi cha già, con khờ em dạy dỗ.
Dầu cho lao khổ đến thế mô em cũng thờ.
Trách bấy, thảm bấy cho trời.
Khiến chi cái cuộc đổi dời,
Làm cho người phân ly.
Thương thân chàng ra đi,
Vai mang sao đầu đội nguyệt,
Lắm lúc lộ đồ,
Đường nguy hiểm xiết bao.
Nỗi dữ lành ai tỏ âm hao.
(Lớp tư hay lớp Xang dài nhì, ăn với vế dưới cập Trạng).

(Tuấn-Kiệt lớp năm) :

Sao, tôi dám hỏi cớ sao ?
Thân bần hèn thêm điều lao đao.
Hay là, vận thời
Xui khiến cuộc bi hoan,
Làm cho người hiệp tan.
Ghen ghét chi chữ mạng với chữ tài.

(Lớp năm, cũng gọi lớp Xang vắn nhứt, ăn với vế trên cập Luận).

(Ca tiếp lớp sáu) :

Hổ ! Hổ bấy phận làm trai,
Ơn cha còn mang nặng hai vai.
Phụ tử đành chia hai.
Thôi thời, ở lại nhà,
Em rán nuôi dưỡng thân cha,
Xin đừng phôi pha.
Cảm thương thay cha già, thương thay cho phận cha già !

(Lớp sáu, cũng gọi là lớp Xang vắn nhì, ăn với vế dưới cập Luận).

(Trần-tử-Minh ca lớp bảy)

Ôi, cha ôi ! Xin chớ ngại ngùng.
Cha dầu tách dặm ngàn trùng.
Chốn gia trung mẹ con tôi toan liệu,
Lo việc nhà bình an.
Vái cho cha bền quân thắng trận.
Nam địa phản hồi.
Chừng ấy hiệp thê nhi.

Tên ký lỡ rồi, xin cha hãy rán đi.

(Lớp bảy cũng gọi là lớp Hồi thủ, ăn với câu chuyển của bài bát cú).

(Trần-Lão lớp tám) :

Con ôi, cách mặt từ đây.

Biết ngày sau có đặng xum vầy.

(Tuấn-Kiệt ca tiếp) :

Ôi ! cha ôi ! Thác gởi sống về,

Xin cha ở lại dắt-dìu thê nhi.

(Lớp tám, gọi lớp Dứt, ăn với câu kết của bài bát cú).

Sự phân tách trên đây cho chúng ta thấy người sáng-tác bản Tứ-Đại đã dựa theo thể-thức cấu-tạo bài Đường-thi.

Giọng Oán còn nhiều bản khác như : Giang-Nam, Phụng Cầu, Phụng-Hoàng, Văn-thiên-tường, Bình-sa lạc-nhạn và Thạnh-dạ đề-quyền (hai bản sau nầy giới Cải-Lương ít khi dùng).

2) Cửu-khúc Giang-nam

Bản Giang-nam có hơi Ai-oán. Đêm khuya canh vắng, một nhi nữ cô phòng than thân tủi phận bằng điệu Giang-nam :

Xuân đêm, đêm xuân,

Đêm ; đêm xuân,

Than thở thân duyên nợ.

Ngơ-ngẩn chốn loan phòng,

Linh-đinh cái phận liễu-bồ,

Hồng, ông Tơ Hồng ôi !

Thân thương, thương thân,
Thương, thương thân
Số long đong theo bận bịu.
Lùng lạnh lùng gối loan,
Giọt sầu chứa chan,
Ngơ, ngẩn-ngơ canh tàn.
Sầu vất-vả thuyền tình,
Bẩn theo mình,
Tình chi xiết nỗi cưu mang
Non nước non.
Nầy có thấu cho chăng !

3) Phụng cầu hoàng

Phụng cầu hoàng là bản của Tư-Mã Tương-Như đờn để tỏ tình cùng nàng Trác-văn-Quân.

Trong tuồng « **Lưu-kim-Đính** » (T.V.K.), lớp Cao-quân-Bảo trốn đi Thọ-Châu-ải bị Lưu-kim-Đính theo bắt kịp, có ca Phụng cầu hoàng để xin lỗi như sau :

(Bảo) :
Lưu-nương hỡi nàng,
Lưu-nương hỡi nàng !
Nàng bao nỡ phụ-phàng.
Lòng nầy vì xốn xang,
Trung hiếu vẫn chưa toàn,
Mới bỏ thiếp vội băng ngàn,
Xa nhau giọt sầu chứa-chan,
Chữ tình cưu mang.
Anh nguyền kết nghĩa tào-khang.

(Kim-Đính nói) : Bỏ người ta mà đi còn kết nghĩa tào-khang nỗi gì ?

(Bảo ca) :
Anh dễ đâu phụ rãy tình nàng,
Sợ mây mưa đánh đổ đá vàng,
Chớ ý muốn vầy phụng loan.

(Đính) :
Đôi ta nay kết duyên vợ chồng.
Dầu sao cũng giữ một lòng,
Thiếp cam gởi phận má hồng.
Nguyện một lòng chung vẹn,
Em không lỗi hẹn,
Có ông xanh chứng lòng.

(Bảo) :
Điều lỡ lầm xin tha,
Miễn lòng đôi ta,
Giữ cho trọn giềng ba.

(Đính) :
Khen thay trang anh hùng,
Biết khi quyền biến nhi tùng.
Nay thiếp xin cùng bạn,
Lập lời thề cho tạn,
Ai sau chẳng quản,
Trên chứng minh có Thiên-Hoàng.

4) Phụng-hoàng

Bản Phụng-hoàng cũng hơi oán, nhưng không bi-đát bằng mấy bản kia. Dưới đây xin biên một lớp Phụng-Hoàng

lấy tích Túy-Kiều và Kim-Trọng :

Kim-Lang vi tấn qui hương cố,
Đọc sách nhớ Túy-Nương,
Mãn tang hằng trông.
Tuy bắc nam cầm sắt phân kỳ,
Tùy nguyện trọn,
Một cùng chàng Kim.
Vương Ông phút đâu họa gởi thình-lình,
Có tên đi bán tơ-đinh,
Trú một đêm mà vong mạng.
Quan sai người lại tra,
Chánh chủ hoa tơ không giấy lậu,
Pháp quan gia hình,
Của tịch-ký, người cầm giam.

5) Văn thiên-tường

Văn-thiên-tường là một bài oán có nhiều hơi trầm bổng rất hay. Nó thường dùng cho các vai đào kép ca trong lúc chia ly để tỏ tình phu thê quyến-luyến.

Khi Cao-quân-Bảo thuận-tình cùng Lưu-kim-Đính rồi có ca Văn-thiên-tường để phân tay :

(Bảo) :
Vì trời xui nên đôi ta kết duyên,
Xuyến kim giao cho bạn ngọc,
Của tin nầy gọi chút ghi,
Em giữ lấy chớ phụ-phàng.
Sầu vì tình vừa đeo mang,
Chung vui chưa phỉ chén hoan,

Ai khiến xui rẽ phân đôi đàng.
Câu tiết hạnh đó gìn trọn nghĩa,
Nghĩa đá vàng đừng vong, đó em ôi !

(Đính) :
Lang quân chớ lòng ngại nghi,
Đây em xin,
Chỉ thề non sông chứng chiếu cho lòng,
Của tin em giữ,
Dẫu sao cũng vẹn chữ tòng.
Còn lo cho anh,
Bước đường Thọ-châu rừng núi chập-chồng,
Anh phải rán.
Khá tua vẹn giữ mình vàng,
Vì tướng Dư-Hồng,
Nó có phép thần thông.

(Bảo) :
Em chẳng nên lo, sức dám kình ngàn binh.
Dễ đâu để lụy đến mình,
Ngọn gươm hiếu-nghĩa ai đương.
Nội Tống trào đều kinh !

Trong giọng oán còn hai bài Bình-sa lạc-nhạn và Thanh-dạ đề-quyên được các ban Tài-Tử thường đờn, nhưng giới Cải-lương ít hay dùng.

C) GIỌNG NAM

Giọng Nam là giọng thê-lương nhất của điệu cổ-nhạc Việt-Nam. Trong giọng Nam có lối Ai và ca Nam.

1) Lối Ai

Lối Ai nói thật chậm nghe não-nùng ai-oán và thường dùng câu văn vần. Trước khi bắt qua ca Oán hoặc ca Nam, vai tuồng thường nói lối Ai. Có ban Cải-lương cho đờn đưa hơi câu lối Ai bằng bản Xuân-Nữ. Bản Xuân-Nữ, tục gọi Nam rịn, có vai tuồng gợi cảm xúc thê-lương cho khán-giả. Dưới đây xin biên ít câu lối Ai và bản Xuân-nữ.

Trong tuồng « **Tham phú phụ bần** » (T.V.K) lúc cô Ái Châu bị cha gả ép cho con nhà giàu và phụ lời giao ước cùng một gã thư sinh nhà bị thủy tai, có nói lối Ai và ca Xuân Nữ.

(Ái Châu lối Ai) :
Trách bấy trời xanh độc ác,
Khiến cho tơ đỏ xe lơi.
Trái lứa đôi, đành thảm một đời,
Rời cầm sắt, chịu sầu đôi trẻ.
Cha vì bạc, ham nơi quyền-thế,
Thiếp bởi nguyền, mến chỗ nghĩa nhân.
Chạnh khúc sầu ruột thắt như dần,
Xót phận bạc lòng đau tợ xẻ.

(Ca Xuân-Nữ) :
Bởi cha già, khiến cho trẻ ôm sầu riêng than.
Vì ai xui duyên nợ lỡ-làng,
Nên lứa đôi rẽ phân hai đàng.
Nghĩ thôi xót đan gan vàng,
Ông xanh khéo phỉnh phờ hường nhan.
Nguyền xưa tóc tơ trăm năm kết giao,

Thệ một lòng cùng nhau.
Nào hay gia thế phải cơn nguy nan,
Rày cha nỡ ham đều giàu sang,
Khiến cho trẻ ôm sầu ngàn thuở,
Nguyện dứt rồi ngày thơ.
Thà cam chiếc thân một thác cho an,
Nào đâu để hổ đời hường nhan.
Tiếng hứa như châu ngọc, lời giao hơn bạc vàng,
Cha nỡ bỏ cho rã rời phụng loan !

2) Ca-Nam

Những bản Nam chia ra hai hạng :

- Hạng Nam chính-thức có : Nam Xuân, Nam Ai, Nam Chạy, Nam Bình và Đảo Ngũ-Cung.

- Hạng Nam do hơi Bắc biến thể : Hành-Vân, Chuồn-chuồn và Vọng-cổ.

a) Nam Xuân

Nam Xuân ca nhịp lơi hơi ca Bắc và đờn nhấn công-phu hơn đờn Bắc. Hơi Nam Xuân nghe dịu-hòa và thâm-trầm, nhưng ít thê-thảm như Nam-Ai. (Ba bản Nam sau đây do Ô.Phan-trúc-Quân soạn theo điệu đờn Tư Triều ở Mỹ tho).

Trước kia bản Nam-Xuân có 8 lớp, mỗi lớp 8 câu. Ngày nay đờn tắt có 20 câu đầu rồi qua Nam Ai. Tám câu trong mỗi lớp đều hạ một vần, nên nghe rất thi-vị. Dưới đây xin biên vài lớp Nam-Xuân lấy tích « **Kiều-du Thanh-Minh** » :

(Lớp Nhứt) :

Thương thân người cõi trần trăm năm,

Khắp chín Châu, mấy ai người tri-âm,
Như Kim-Lang cùng Vương-túy-Kiều duyên âm thầm
Gian nan rồi, nên bạn tình thâm.
Nhớ xưa tiết Thanh-Minh, cỏ hoa tươi rậm,
Hiệp một đoàn, đạp thanh hành ngâm.
Xem thấy cô phần, chạnh cám cổ cầm.
Câu thi đề hương nguyện lâm râm, than thân tủi thầm.

(Lớp Nhì) :
Xảy đâu thấy Kim-Lang đương khi lạ lùng,
Tình thừa ưa, ý-còn ngại ngùng.
Vội vàng chia nhành tơ, vó ký thẳng xông,
Trăng già lẳng lơ, khiến tấm lòng ước mong.
Cơn hội ngộ, tưởng đến thủy chung,
Nỗi tóc tơ ủ ê màu phù-dung.
Chưa yên giấc loan phòng, Đạm-Tiên ứng đoạn-trường mấy khúc,
Thức ngồi đau lòng vàng, nghĩ thương người tình chung !

b) Nam Ai

Qua Nam Ai, ca nhịp lơi hơn Nam Xuân nhiều và nghe bi ai thống-thiết hơn Nam Xuân. Nam Ai dùng tả tình cảnh thê-lương của vai tuồng. « Bản Nam Ai » có 14 lớp (có 4 lớp phản Xuân), mỗi lớp cũng có 8 câu và cũng hạ một vần : **Túy-Kiều** (tiếp theo)

(Lớp Nhứt) :
Đưa tin gà, chưa tàn hơi nhang,
Ý thiết-tha, dám đâu rời bạn lang.

Xảy đâu nghe thơ đồng, đem tin nhà thưa bên màn,
Đặng tin nhà, tấc dạ nào an.

(Qua Ai) :
Cỏ tin thúc phụ sớm từ đàng,
Não nùng thay, tha hương dặm ngàn.
Nghiêm đường dạy về quê sinh kíp hộ tang,
Thương chàng Kim chi xiết nỗi kinh hoàng.

(Lớp Nhì) :
Xót xa tấm lòng, bằng vào đài trang,
Tỏ trước sau than với nàng,
Vẳng nghe thảm sầu khan,
Cái nhơn duyên gì, khiến xui cho phận lỡ-làng,
Tình lang ôi ! hỡi Kim-Lang !
Đôi duyên trìu mến chưa đầy mấy tháng,
Sự bởi đâu, mới hiệp rồi lại tan.
Xót xa thay tấm lòng, lụy tuôn theo vài hàng.
Tống ly-biệt, xa-xôi niềm quan-san.

c) Đão-ngũ-cung

Bài Đảo là một bài độc nhất của cổ nhạc Việt-Nam có một giọng đặc biệt nghe dội-dạc lắm. Sáu câu đầu bài Đảo đều hạ vần trắc nên nghe xóc dựng. Bài Đảo có 8 lớp, mỗi lớp 8 câu cũng hạ một vần : **Túy-Kiều ngộ Từ-Hải**

(Lớp Nhứt) :
Gái đức tài văn-chương nết-na trọn vẹn,
Sánh cùng trai râu hùm hàm én.
Đứng nam nhi chi chí bốn phang khi lâm kỳ, khi lỗi hẹn.
Sông Tấn Dương mây rồng may có phen,

Trai anh hùng xem Từ-Công sắt son nói ra không thẹn,
Cơn phong trần, gươm anh hùng mài bén.
Thục nữ chờ đó, nào đoái thân hèn,
Câu tiết nghĩa cũng khá khen.

(Lớp Nhì) :
Trai như Từ đáng giá khách hào hoa,
Chí hộc-hồng lướt biển trời cao xa.
Nơi cõi Nam, tóm thâu năm tỉnh thành vang danh lạ,
An tam quân vui vầy câu khải ca.
Kiều nàng bền sắt son chỉ tin một lòng dạ.
Cơn hiểm nghèo chi phai lòng vàng đá.
Bỗng liền thấy mười tướng rước bên nhà,
Rực rỡ thay loan phụng giá !

đ) Nam chạy

Trong điệu Cải-lương, khi một vai tuồng bị giặc truy nã, vừa chạy vừa ca gọi Nam chạy. Lớp Nam chạy là hai lớp Trống của Nam Ai rút ra, nhưng ca nhịp thúc để phù-hợp với bộ điệu chạy giặc.

Công chúa Ngọc-Truyền (Năm Phỉ) trong tuồng « **Gia-Long tẩu quốc** », bị binh Tây Sơn đuổi nà, có ca Nam chạy.

(Công chúa) (nói lối) :
Khổ cha chả nầy ! Trước mặt minh-mông biển cả,
Sau lưng dội tiếng truy binh.
Bạch yến con ôi ! Chẳng có tài bộ hổ đoạn kình,
Ắt khó nỗi thoát vòng nguy-hiểm.

(Ca Nam chạy) (Lớp Nhứt) :
Lâm cảnh nầy e mạng nan tồn.

Sau trước lại không có nẻo thoát thân !
Hỡi nầy cao xanh đành khiến chi
Cái cảnh khốn nguy,
Họa dập-dồn, câu phước bất trùng lai.
Kìa binh chúng áp-bức ngặt nghèo,
Lẽ tấn thối, đành rằng cùng phương,
Khổ rồi, binh giặc vây chặt tư bề !

(Nói lối) :
Vương-mẫu cùng Vương-đệ ôi !
Giặc hung-hăng trước mặt,
Biển thăm-thẳm sau lưng
Không cánh hồng khó nỗi thoát thân,
Phiền mạng bạc sa cơ thất thế.

(Lớp Nhì ca) :
Trời hại ta rồi, không phương thế thoát ly,
Sau lưng binh vây, trước biển ngăn,
Ngộ cảnh nầy, chỉ chết mới xong.
Ta thệ rằng, chẳng cho danh giá của ta,
Bị quân thù bôi xóa nơi đây.
Đều nguy khổ xem rắp đến bên mình ;
Đoái biển thẳm đau-đớn lòng anh thơ,
Đã đành đem thân phận đền ơn nước nợ nhà !
(Tự tử)

d) Nam Bình

Bản Nam Bình, cũng gọi Trường-Tương-Tư, gốc ở Trung-Phần mới đem vào Nam trong vòng bốn mươi năm nay.

Giọng Nam Bình hơi nhẹ-nhàng thư-thái, nhưng ít thê-lương như Nam Ai. Dưới đây xin biên lớp đầu bản Nam-Bình :

(Nguyệt-Nga than Vân-Tiên) :

Giữa đêm khuya, lòng em thổn-thức lệ mãi tuông tràn,
Đau đớn thay, chim quyên gọi đàn.
Tình đời sầu lìa tan,
Thân trẻ nổi trôi trôi trong thảm cảnh, khổ tâm suốt canh tàn.
Trời cao trớ-trêu, đau thương mãi vương mang,
Đạo hiếu không gìn trọn phận làm con.
Hoa nhụy lạt phi mong gì trời sáng soi.
Dầu hao tim lụn, gió thổi tái-tê lòng,
Xe lơi tơ-hồng, càng sầu trông.
Hỡi hóa công…

D) GIỌNG NAM DO HƠI BẮC BIẾN THỂ

Đại-diện cho giọng nầy có bản Hành-Vân, Chuồn-chuồn và Vọng-cổ.

1). Hành-Vân hơi Nam

Bản Hành-Vấn là bản ca Bắc, nhưng khi dùng để tả tâm-sự buồn phiền lại biến-thể hơi Nam vì ca nhịp lơi và ngân-nga nhiều.

Trong tuồng « **Vì nghĩa liều mình** » Trần-tuấn-Kiệt, một chiến-sĩ, lìa cách quê-hương và gia-quyết, tả tâm sự của mình bằng giọng Hành-Vân hơi Nam :

Chạnh chung tình. Lụy nhỏ đôi hàng.
Cha con, chồng vợ hai phang.

Trời ôi có thấu những nỗi gian nan,
Từ khi cách biệt.
Cảnh nhà vợ yếu,
Với con thơ, cha lại bóng xiêu,
Ruột trăm chiều, phải cam đánh liều.
Cho rồi bổn phận,
Phận đứng làm trai,
Trả nợ râu mày,
Giày sành đạp tuyết, nào ngại chốn chông gai đắng cay !
Kìa xem non nước, khác hẳn xứ mình,
Binh mã rập rình,
Cuộc chiến-chinh hồn kinh.
Giận trò đời nhiều việc trớ-trinh,
Khiến chi binh cách, làm cho đồ-thán sanh-linh.

2) Chuồn-chuồn hơi Nam

Bản Chuồn-chuồn, trước kia hơi Bắc, sau đổi lại hơi Nam và vô mùi Vọng-Cổ. Thường dùng để tả cảnh tình của vai tuồng trong khi gặp cơn hoạn-nạn.

Công-chú Ngọc-Truyền (Năm Phỉ) trong tuồng « **Gia-Long tẩu-quốc** » có ca Chuồn-chuồn như sau :

(Công-chúa nói lối) : Vương mẫu ôi ! Bởi con quyết chống vững giang-san xã-tắc, nên con đành cam lướt đạn xông tên. Con buồn là buồn cho Từ-Cung sức yếu tuổi cao, vì loạn-lạc nên phải chịu nay đầu gành mai góc bể.

(Ca chuồn chuồn) :
Nay đầu gành, mai góc bể, hoạn-nạn biết là bao !

Nghĩ đến càng thêm chua xót bấy cho lòng con.
Bởi con đây không tròn câu mộ-khang thần-tỉnh,
Vì nặng nợ quốc gia, nên con phải lo đáp đền.
Cầu xin ơn trên cho mẫu-thân với vương-đệ,
Qua khỏi tai nàn, khôi phục lại giang-san.
Còn phận con đây vạn nhẫn bao nài,
Quyết đem lực tàn mà chống chỏi với thời-cơ,
Cho rạng danh nữ kiệt với lưỡi gươm nầy !

3) Vọng-cổ Hoài-lang

Bản Vọng-cổ hoài-lang là bản ca hiện nay được thông-dụng nhất trong giới Cải-Lương. Ngoài ra nó được triệt-để khai-thác trên các dĩa nhựa và được phần đông đồng-bào ưa-thích.

Cái công-dụng đặc-biệt của bản ca ấy đáng được giới mộ-điệu lưu-ý. Sau đây chúng tôi xin trình bày những vấn-đề liên-quan đến bản Vọng-cổ :

- Lược-sử bản Vọng-cổ.

- Những thời-kỳ tăng nhịp của bản Vọng-cổ.

- Những thể-thức cấu-tạo bản Vọng-cổ. Cách hạ-vận và lối giặm giữa hai câu Vọng-cổ.

- Các phương-pháp gối đầu bản Vọng-cổ.

- Vì sao bản Vọng-cổ được công-chúng hoan-nghinh. Sự áp-dụng bản Vọng-cổ trong tuồng Cải-Lương và nơi khác.

- Dân-tộc-tính của bản Vọng-cổ.



Ông Cao-văn-Lầu, ở Bạc-Liêu, người đã sáng chế bản Vọng cổ hồi năm 1920

a) Lược-sử bản Vọng-cổ

Bản Vọng-cổ, trước hết có tên là Dạ-cổ, do Ô. Cao-văn-Lầu tục gọi Sáu Lầu ở Bạc-liêu sáng-chế hồi năm 1920. (Sau ba năm khi Cải-Lương ra đời). Sanh năm 1890, ông Sáu Lầu được 30 tuổi khi ông chế bản Vọng-cổ. Lúc ấy ông cưới vợ được 10 năm, nhưng không có con. Cha mẹ ông buộc phải cưới vợ khác vì sợ tuyệt tự. Ông buồn rầu không còn muốn làm ăn gì nữa. Ban ngày ra ngoài đồng, ông nghiền-ngẫm những lời vợ ông nói với ông trước khi chia tay, ông vẫn biết đờn cổ-nhạc nên trong tâm-trạng người chồng đau khổ trước cảnh gia-đình tan-rã, ông cảm-hứng tạo ra bản nhạc 20 câu gọi « Dạ-cổ hoài-lang » (Đêm khuya nghe tiếng trống nhớ chồng), có ý để kỷ-niệm mối tâm-tình của vợ ông đối với ông. (Lời gạnh riêng : Có lẽ vì Hoàng Thiên bất phụ hảo tâm nhơn, nên khi ông sáng-tác bản Vọng-cổ rồi, ít lâu vợ ông thụ thai và hiện nay Ông Bà còn song toàn, được sáu người con).

Về sau bản nhạc ấy đổi tên là « Vọng-cổ hoài-lang » cho rộng nghĩa thêm. (Trông mối tình xưa mà nhớ đến chồng).

Sau đây chúng tôi xin biên bản « **Dạ cổ hoài lang** » nguyên thủy của ông Sáu Lầu sáng-tác hồi năm 1920 : *(nhịp đôi)*

1 : Từ là từ phu-tướng,
2 : Bửu-kiếm sắc phong lên đàng.
3 : Vào ra luống trông tin chàng,
4 : Đêm năm canh mơ-màng,
5 : Em luống trông tin nhàn,

6 : Ôi, gan vàng quặn đau.

7 : Đường dầu xa ong bướm,

8 : Xin đó đừng phụ nghĩa tào khang.

9 : Còn đêm luống trông tin bạn,

10 : Ngày mỏi mòn như đá vọng phu,

11 : Vọng phu vọng, luống trông tin chàng,

12 : Lòng xin chớ phụ-phàng.

13 : Chàng hỡi chàng có hay,

14 : Đêm thiếp nằm luống những sầu tây.

15 : Biết bao thuở đó đây xum vầy,

16 : Duyên sắt cầm đừng lợt phai.

17 : Thiếp cũng nguyện cho chàng,

18 : Nguyện cho chàng hai chữ bình an.

19 : Mau trở lại gia đàng,

20 : Cho én nhạn hiệp đôi.

Kế đây xin biên bản đờn « ***Dạ cổ Nguyên thủy*** » (Dây Bắc) :

1 : Hò lìu xang xế cống,

2 : Líu cổng, líu cổng xê xang,

3 : Xừ xang xê hò líu cống xê xang hò,

4 : Liu xế xang xự xể xang lìu hò,

5 : Xừ liu, xáng ũ liu cống xề,

6 : Liu xáng xàng xề liu xề xáng ú liu.

7 : Hò lìu xang, xang xế cống,

8 : Xê xê líu xừ, liu lĩu xừ xang.

9 : Xừ xang xế, líu xê xang xự,

10 : Xê líu xừ, líu lĩu xừ xang,

11 : Xừ, xê líu xừ, líu liu cống xê líu hò,

12 : Liu xề xang xự, cống xê xang lìu hò.
13 : Xừ xang xừ cống xế,
14 : Xê líu xừ, líu lĩu xừ xang,
15 : Xừ xang xề, hò líu cống xễ xang hò,
16 : Liu xáng xàng, xề liu xề xáng ú liu.
17 : Hò xự cống xê xang hò,
18 : Xê líu xừ, líu lĩu xừ xang,
19 : Xừ xang xế, hò líu cống xê xang hò,
20 : Líu xáng xàng xề liu xề xáng ú liu.

b) Những thời-kỳ tăng nhịp của bản Vọng-cổ

Bản Vọng-cổ nguyên-thủy « Từ là từ phu tướng » trên đây ca giọng Bắc, nhịp đôi, và được thông-dụng từ năm 1920 đến năm 1926.

Kể từ năm 1927 về sau bản Vọng-cổ biến chuyển không ngừng và mỗi thời-kỳ ước-độ tám, chín năm thấy tăng nhịp gấp đôi một lần.

Dưới đây xin tạm phân các thời-kỳ tăng nhịp của bản Vọng-cổ, dựa theo chỗ đại-đồng, nhưng vẫn có chỗ tiểu-dị xê-dịch một ít năm :

- Thời-kỳ I (1920-1926) nhịp đôi nguyên thủy.
- Thời-kỳ II (1927-1935) tăng lên nhịp Tư
- Thời-kỳ III (1936-1945) tăng lên nhịp Tám.
- Thời-kỳ IV (1946-1954) tăng lên nhịp 16.
- Thời-kỳ V (1955-1964) tăng lên nhịp 32.
- Thời-kỳ VI (1965-…) tăng lên nhịp 64.

Mỗi thời-kỳ tăng nhịp trên đây có thể chia làm hai đợt. Đợt đầu bài ca hơi ít chữ, qua đợt nhì bài ca nhiều chữ hơn,

song số nhịp vẫn giữ y.

Trước hết bản Vong-cổ nguyên-thủy ca nhịp Đôi, giọng Bắc vì có một ít câu Vọng-cổ giống câu Hành-vân. Sau lần lần tăng lên nhịp Tư, ca nhiều chữ hơn, hơi kéo dài có ngân-nga, nên bản Vọng-cổ từ giọng Bắc đã biến thể ra giọng Nam có pha hơi Oán và được công-chúng thích nghe hơn giọng Bắc.

Sau đây xin biên 12 câu Vọng-cổ nhịp Tư, rút trong tuồng « **Giá-trị danh-dự** » của soạn-giả Nguyễn-thành-Châu do Tư Chơi ca hơi Nam. (Từ nhịp Tư đến sau đờn đây Bắc-Oán, chứ không đờn dây Bắc-chánh nữa) : (Vọng-cổ nhịp Tư, đợt đầu)

1 : Con ôi ! ở đời mà càng gặp cơn khó xử,
2 : Thì mới biết ai là sắt đá, ai vàng thau.
3 : Có tuyết sương mới hản dạ bá tòng,
4 : Có lửa đỏ lại mới biết gan anh hùng.
5 : Con ôi ! cha thương cho con một gánh hiếu tình,
6 : Khó mà con xử cho vẹn đôi bề gồm cả hai.
7 : Cha cũng biết rằng nếu nay con vì chữ hiếu,
8 : Tất thế nào rồi đây cũng phải chịu lỡ duyên con.
9 : Nếu vì cha mà để cho con phải mang khóc hận,
10 : Thì cái tuổi già nầy dẫu cho có vui cũng gạt nước mắt mà làm vui.
11 : Nhưng giữa trận giặc có thắng nổi muôn đội tướng tài.
12 : Thì cũng không có gan cho bằng con thắng nổi một trận giặc tình !

Kế đây là một bản Vọng-cổ nhịp Tư (đợt hai) rút trong tuồng « **Khúc-oan vô-lượng** » của soạn-giả Huỳnh-thủ-Trung tức Tư Chơi, do cô Phùng-Há ; đơn ca. (Cô Phùng Há thủ vai Bích-Vân than-thở với con gái về việc chồng là Lê-gia-Khanh (Năm-Châu) bị hàm oan vì tội sát nhơn và bị đày ra Côn-Đảo. (Sân khấu Trần-Đắc) : (Vọng cổ nhịp Tư, đợt nhì)

1 : Đêm nào ngọn đèn khuya, mẹ đây chong trắng đĩa.

2 : Chàng ôi, nếu có gặp nhau họa chỉ trong giấc mộng huỳnh-lương

3 : Trời đất ôi ! Vợ chồng tôi đang vui câu đầm ấm nơi cảnh gia đường,

4 : Vì ai gieo oan mà để cho thiếp phải cam dồn dập nơi khốn cảnh đoạn trường.

5 : Hơn bốn năm trường tựa nơi cánh cửa thiếp trông chờ.

6 : Đã biết rằng tuyệt vô hy vọng mà lòng mong thiếp những hoài mong.

7 : Con ôi ! có lẽ khi cha con bây giờ, vì nỗi cách xa vợ con, lìa nơi cố quán,

8 : Nên đã tóc rối với da chì, chịu hàm sầu nơi hải đảo, mòn mỏi mình ve.

9 : Lại còn lúc đêm khuya, mẹ vẳng nghe tiếng con hàn quyên, kêu lẻ bạn,

10 : Mẹ đây ngơ-ngẩn tâm hồn, mẹ mở cửa trông ra kia là muôn dặm trùng dương.

11 : Mờ mịt xa trông phù vân bích thủy, gió đưa cơn sóng dợn muôn đường.

12 : Cái cánh buồm ai xa xa, khi ẩn khi hiện trên mặt bể, mẹ tưởng khi cha con về, nhưng nào đâu phải cha con về !

- Vọng-cổ (nhịp Tám). – Trong thời-kỳ nhịp Tám bản Vọng-cổ được phổ biến khắp Nam Phần nhờ nghệ-sĩ Lư-hoài-Nghĩa, tức Năm Nghĩa, mở màn với lối ca chậm rãi và ngân-nga nhiều ở mấy chữ cuối câu.

Sau đây là bản « **Nặng gánh nợ đời** » của Năm Nghĩa ca độc chiếc đồng thời với bản « Văng-vẳng tiếng chuông chùa », cùng một ca-sĩ. (Chép theo dĩa ASIA, không rõ tên tác-giả và xin cáo lỗi nếu có chỗ sai sót) : (nhịp Tám, đợt đầu)

1 : Oằn-oại gánh nợ đời, tôi khó trả cho xong, sao lại còn cứ vay thêm mãi.

2 : Tôi nhớ đến ân dưỡng tình, thì suy lại câu « một dục tịnh nhi phong bất đinh ».

3 : Xem gương xưa luống thẹn cùng ai, ăn rau, nhịn gạo, khóc măng, đốn củi, để đền đáp cho vẹn mối thâm tình.

4 : Rồi nghĩ lại nỗi mình, cũng phận mày rau, mà thua loài điểu thú, thì tội bất hiếu ấy đành cam mang lỗi phần.

5 : Tôi tưởng đâu vay lấy chút văn chương, để cùng Châu-Công ký dẫn hầu có học hỏi mối đạo lành.

6 : Than ôi ! nhưng mà chẳng biết bao nhiêu là sách sử, nó không giúp mình hầu cứu vãn sự thân nầy.

Để giới-thiệu bản Vọng-cổ nhịp Tám, đợt nhì, chúng tôi xin trích trong tuồng « **Tô-ánh-Nguyệt** » của soạn-giả Trần-hữu-Trang, bản Vọng-cổ sau đây do Tư Út ca. (Thầy Minh, lúc lâm chung, trối với cậu Tân, em cô Nguyệt) : (nhịp Tám, đợt nhì)

1 : Sau khi tôi có chết đi rồi, xin Cậu chứng kiến cho tấc lòng tôi mà tỏ hết khúc nói cho ai kia được rõ nỗi khổ tâm của tôi trước giờ tôi nhắm mắt.

2 : Dưới nấm mộ xanh, thân người mạng bạc, ngàn muôn năm linh hồn tôi họa chăng được tiêu tan khối hận chốn tuyền đài.

3 : Mười tám năm dư lắm lúc tôi muốn vạch mật phơi gan mà than thở với đất trời.

4 : Nhưng mà mối hận tình nó nấu nung trong tim phổi, nghĩ bao nhiêu tội lỗi, gặp mặt ai tôi nói chẳng nên lời.

5 : Ngày hôm nay, tôi sắp lìa xa bao nhiêu kẻ thân yêu quí mến mà từ giã cõi đời.

6 : Cậu ôi, tôi nhờ cậu nói lại với má thằng Tâm rằng tôi mong giũ sạch nợ trần ai đặng thoát ra khỏi vòng tình thiên hận hải, vậy tôi xin có một đôi lời nhắn nhủ cùng với ai.

- Vọng-cổ (Nhịp 16). – Dưới đây là bản « **Tôn Tẫn giả điên** » do nghệ-sĩ Nguyễn-thành-Út, tức Út Trà-Ôn, ca độc chiếc trên dĩa ASIA (không rõ tên soạn-giả). Với một nghệ-thuật kỳ-xảo, tuyệt-diệu, đệ-nhứt danh-ca đã khai

sanh cho lối ca buông nhịp rất mới-mẻ và rất già-dặn về nhịp-nhàng : (Nhịp 16, đợt đầu)

1 : Úy trời đất ôi ! nỗi đoạn trường, cũng vì tôi đây quá tin thằng Bàn-Quyên là bạn thiết cho nên ngày hôm nay thân của tôi phải ra nông-nỗi.

2 : Còn như công-cuộc ngày hôm nay đây, bởi tôi không cẩn thận cho nên bạn tôi nó mới đành nhẫn tâm chặt lấy một bàn chơn tôi.

3 : Khi tôi còn ở trên non thì tôi quyết ẩn thân tu tâm dưỡng tánh, luyện thuốc trường sanh mong thành chánh quả đặng có tọa hưởng Bồ-Đoàn.

4 : Nào hay đâu thằng Bàn-Quyên nó lên năn-nỉ ỷ-ôi, lời ngon tiếng ngọt, nó nói rằng chúa của nó là một đấng minh quân chơn mạng. Bởi vậy cho nên nó bảo tôi một một, hai hai cũng phải xuống mà đầu hàng.

5 : Cho nên khi ấy tôi mới hạ san, thì thầy của tôi có cho tôi một bức cẩm nang lại dặn tôi rằng : hễ khi nào lâm nạn thì dở ra xem rồi liệu chước biến quyền.

6 : Vậy thì tôi đây vọng-nguyện với Tôn-sư, khai thơ cứu mạng, ủa sao tôi chẳng thấy điều chi lạ, chỉ thấy trong thơ có một chữ « Cuồng ». Ờ, ờ, phải rồi, đây thầy tôi bảo tôi giả điên đặng có thoát thân.

*****

Qua đợt hai của nhịp 16, cô Tư Sạng ca bản « **Xử tội Bàng-quí-Phi** » dưới đây với một làn hơi thanh-thản và

cảm-xúc gợi cho người nghe một mối thương-tâm não-nùng ai-oán. (Không rõ tên soạn-giả) : (Nhịp 16, đợt nhì)

1 : Trước đền rồng, tội nữ dập đầu, mong ơn trên nhị mẫu hậu xót thương, mở đức tái-sanh, dung cho kẻ tiện-nhân khỏi thác nơi tam ban trào điển.

2 : Thiếp may đặng toàn thân, đành cam lòng nơi lãnh cung trọn đời an phận, nguyện minh tâm khắc cốt, ơn nặng nhị mẫu hoàng, sánh tợ nhị thiên.

3 : Bởi cha tôi, kỷ trưởng cao niên, trí mờ tâm-tối, mới gây ra nông-nỗi, phải mang trọng tội, ngoại-quốc thông-đồng.

4 : Nhưng con xin lịnh mẫu hoàng, xét giùm cho thiếp mấy thu dư hết dạ hầu hạ lịnh cửu trùng, dưới trướng đỡ nâng, một lòng thành kỉnh, đành rằng thân khinh tội trọng, song tiện-nhân chỉ cầu xin với lịnh mẫu hoàng tưởng công chiết tội, nới tay xá lỗi cho thiếp nhờ.

5 : Bệ hạ ôi ! Bệ hạ nỡ đành lòng làm lơ ngảnh mặt, điềm nhiên tọa thị, ngồi xem thiếp thọ lãnh gươm linh, độc dược cùng ba thước lụa điều.

6 : Bệ hạ nỡ để người yêu, chịu dập liễu vùi hoa, chẳng chút xót xa, không một lời kêu ca bào chữa, để thiếp đây máu rơi tắt thở, bệ hạ ôi, bao nỡ đành lòng, đi đoạn tơ tình đang buổi của đôi ta nồng nàn !

- Vọng-cổ (nhịp 32). – Bản « **Đội gạo đường xa** » sau đây của soạn-giả Kiên-Giang do nghệ-sĩ Hữu-Phước đơn ca trên dĩa Lam-sơn, có thể đại-diện cho Nhịp 32, đợt I. Đây

là một bài ca nêu Gương hiếu thảo của Thầy Tử-Lộ : (Nhịp 32, đợt I)

(Lối) :
Thầy Tử-Lộ vào chầu Khổng-Tử,
Gục đầu nức nở khóc như mưa.
Nhớ những ngày rau cháo muối dưa,
Con đội gạo đường xa nuôi mẹ.

1 : Nhưng hỡi ôi ! Sau khi chiếm bảng khôi nguyên thì mẹ cha đã vội bước qua đời… Trên đường vinh quy bái tổ, lòng con đau xót vô hồi… Tiếng trống dập-dồn, tiếng chào mừng rộn rã, lời chúc tụng hoan hô, không có che lấp được nỗi buồn riêng của một vị tân quan, khi liên tưởng đến phút trở về gặp lại mẹ cha trong làn hương khói.

2 : Thầy ôi ! Nhớ những ngày cùng song thân náu nương dưới mái thảo đường. Bên án thư con dùi mài kinh sử suốt đêm trường. Ngày ngày, mang giày cỏ mặc áo rơm, vượt trăm dặm đường xa đội gạo qua tiếng hát thiết-tha. (Thơ Vân-Tiên) : Còn cha còn mẹ như tiên, Mất cha mất mẹ như chim lạc đàn. Ai bỏ cha mẹ cơ hàn. Ngày sau trời phạt kêu đàng xin ăn.

3 : Trên đường gió bụi, sỏi đá gai chông, dầu làm rách chiếc áo rơm, đôi giày cỏ hay rướm máu gót chân, nhưng không có làm sờn lòng người đội gạo khi nhớ đến cha mẹ thường nhắc câu : « Ngọc bất trác bất thành khí, nhơn bất học bất tri lý » và thường khuyên con dùi mài kinh sử để chờ kịp khoa thi, chân con bước vội vàng trên đường gai góc

mà con đang ngỡ bước vào cửa trường thi hầu chiếm giải mây rồng.

4 : Nhờ chí công ăn học, người được bảng hổ đề tên nên vinh qui bái tổ cho rực-rỡ tông đường. Nhưng về đến quê xưa thì cha mẹ không còn. Ngày nay con được làm quan. Có xe song mã, có vàng đầy kho. Đi đâu có trống có cờ. Cổng chào kết tụi, bến đò rắc hoa. Nhưng con không còn mẹ còn cha. Lòng con nào khác đám ma ban chiều.

5 : Hỡi quân hầu ! Hỡi ngựa xe, hỡi cờ quạt, hãy cùng ta dừng lại phút giây trước nấm mộ hoang tàn. Vì ngày vinh qui bái tổ chính là giỗ của song đường, ta tạm cổi chiếc áo nhà quan mặc lại áo rơm, mang giày cỏ, đầu đội chiếc thúng rách ngày xưa, ta muốn đi, đi trên con đường cũ tưởng niệm song thân. Vì con đường gai góc từ nhà cũ đến làng xa chính là con đường đi đã đưa ta đến cổng quan trường.

6 : Nghe chuyện thầy Tử-Lộ đội gạo cúng tế mẹ cha cho nên vua nước Sở liền cho quân sĩ kiệu chiếc thúng rách, áo rơm và đôi giày cỏ tả tơi về tận triều ca rồi nhờ các văn gia thi sĩ viết lại một tấm gương hiếu thảo của một vị quan đã đội gạo đường xa nuôi mẹ nuôi cha từ thuở cơ hàn. Hỡi ai bất hiếu bất nhân, Xem gương Tử-Lộ ăn năn sửa mình. Lo cho cha mẹ tận tình, Tròn câu hiếu đạo, vẹn gìn phận con.

- Vọng-cổ (Nhịp 32, đợt II). – Những bài ca Vọng-cổ trích sau nầy phần nhiều của soạn giả Viễn-Châu, tức nhạc-sĩ Bảy Bá. Ô. Bảy Bá là một nhà thi-sĩ kiêm nhạc-sĩ nên những bài ca của ông soạn đều rất dễ ca và ý-tứ được dồi

dào, câu văn điêu-luyện, gọn-gàng, hấp-dẫn. Bài ca của ông xuất-bản rất nhiều và giới mộ-điệu thường tặng cho ông cái danh-hiệu « Vua soạn Vọng-cổ » ?

Sau đây là bài « **Nguyệt-Kiểu xuất gia** » của ông soạn, do Cô Thanh-Nga đơn ca trên dĩa Hồng-Hoa : (Nhịp 32, đợt nhì)

1 : Đêm nay Nguyệt Tam Cung cắt mái tóc xanh thành tâm phát nguyện, mong các em hãy mau mau thức tỉnh mộng công hầu… Chị xa em há lại chẳng âu sầu, nhưng chị muốn lánh xa vòng trần lụy bởi cõi đời là bể khổ sông mê, đêm nay chị đã quyết tâm thí phát trì trai lần chuỗi bồ đề, nương bóng từ bi giũ sạch ưu phiền, hồn lâng lâng với chuông chiều mõ sớm.

2 : Các em đừng trách chị sao nỡ rẽ chia tình cốt nhục, không cùng các em tọa hưởng sang giàu… các em không thấy đóa phù dung sớm nở tối phai màu… Cõi phù sinh chỉ là cõi tạm, cuộc dinh hoàng như một giấc chiêm bao, các em ham điện ngọc lầu son, chị vui hưởng cảnh trăng thanh gió mát, các em quen sống cuộc đời ngựa xe võng lọng, chị cam bề áo bả hài gai.

3 : Các em ôi ! có trải mùi trần thế mới biết vị đời là tân khổ đắng cay, sanh ra trong cõi tạm trần ai không có chi gọi là miên trường vĩnh viễn, hoa mới nở đã tàn, trăng vừa tròn lại khuyết, vừa mới thấy tóc xanh đang độ, sờ lên đầu đã lấm tấm điểm sương. Các em ôi ! cười vui chi trong giấc mộng đế vương để trăm họ lầm than thảm khốc, can em

không được nên chị đành xuống tóc chớ nào quên tỷ muội chi tình.

4 : Nhưng nghĩ lại ngôi tam cung thiếp còn không vọng tưởng thì đâu tiếc làm chi mái tóc nhuộm phong trần… đêm nay dưới vầng trăng xán lạn huy hoàng… xin Phật Trời chứng chiếu cho tấm lòng của Nguyệt-Kiểu tam cung, không màng câu chung đỉnh lợi danh ; tin nhân quả nên quyết một lòng tu niệm, sau mấy lời khấn nguyện thiếp thành tâm thí phát giữa đêm trường.

5 : Mây trắng báo hiệu bình minh trở lại nơi phương đông sắp rạng ánh dương hồng, hồn lâng lâng rũ sạch bụi trần thôi ném hết phấn son gương lược, thôi giã từ điện ngọc lầu son, mái tây cung nguyệt gác đầu non, chuông chiêu mộ ngân nga nhẹ điểm, lần dấu thỏ tìm nơi am vắng kể từ đây xa lánh bụi trần.

6 : Các em ôi ! các em còn say sưa với miếng đỉnh chung, chị lo tu niệm cho tròn quả phúc, các em đừng cười vui trên máu xương kẻ khác, đừng làm điều trái đạo nhân luân, ba tấc hơi gẫm chẳng bao lâu, kinh Phật có chữ « hữu sanh là hữu diệt » các em đừng tạo thêm nhiều oan nghiệt mà kiếp ký sinh thêm đau khổ buộc ràng. Các em ôi ! thôi thôi từ giã các em chị cất bước lên đường tu niệm.

(Thơ) :

Sương sa lác-đác hiên ngoài,
Chị đi tìm chốn Phật đài nương thân.

- Vọng-cổ (Nhịp 64). – Lúc sau nầy, bài ca đặt thêm nên có một ít nghệ-sĩ ca nhịp 64, nhưng đờn nhịp 128, vì

mấy cái láy của bài ca người đờn ni bằng chơn trái, nên nhịp chẻ bằng hai số nhịp của bài ca. Còn nhịp chánh ni bằng chơn mặt.

Dưới đây là bản Vọng-cổ « **Ba Râu đi Chợ-lớn** » của soạn-giả Viễn-Châu do Văn-Hường đơn ca trên dĩa Hồng-Hoa, có thể tượng-trưng cho nhịp 64. Bản nầy có tánh-cách khôi hài, nhưng hàm-súc ý-nghĩa mỉa-mai bọn tiểu-gian-thương ở thị-trường hiện-tại. Đây xin Quí Vị nghe giọng trào-phúng của nghệ-sĩ Văn-Hường chỉ-trích lối thương-mãi bất chánh : (Nhịp 64)

(Lối) :
Chú Hai ôi ! Tôi có đứa con gái út tên là con bảy Cưởng,
Nó theo chồng lên Chợ lớn đã ba năm.
Ba năm trường tôi mới được lên thăm,
Thân già cả giập bầm không chỗ nói.

1 : Nội cái vụ ra đến bến xe gặp một lũ tiểu yêu đứa lôi đứa kéo, làm tôi rách tiêu cái khăn xéo và điếu thuốc rê cũng văng tuốt xuống đáy xe đò… Tôi ngồi cả canh mà anh sớp-phơ ảnh vẫn ngáy khò khò… Ai nghĩ coi trong vé xe nó để khởi hành đúng năm giờ rưỡi mà gần tám giờ rồi nó chưa chịu « đề-ba » ; buồn miệng tính hút thuốc thì sợ khói bay làm ngộp cả cô em bên cạnh, muốn ăn trầu thì sợ cổ trầu nó trúng bà xã ngồi bên ; bực quá tôi hỏi thằng lơ thì nó đổ thừa cho anh sớp-phơ, hỏi thằng sớp-phơ thì nó đổ thừa cho thằng cha bán vé.

2 : Chừng chiếc xe è ạch lết đến bắc Mỹ-Thuận thì bị kẹt cả trăm cái xe hàng, đậu nối đuôi nhau dài gần hai cây số,

tôi mới ghé vào một quán cơm làm đỡ một dĩa cơm gà ; trời thần ơi ! gà chết từ tám đời vương mà nó cũng đem bán đại cho ông già… Rán nuốt cho hết dĩa cơm, hút hết một gói thuốc rê bự xộn, chiếc xe mới lù lù ở bển trôi qua, vừa leo lên xe thì tôi nghe ôi thôi điếc tai như là một đám giặc chòm : ổi xá lị đây cô, hủ tiếu bột lọc đây bà, bác đong thử vài lon ốc gạo, ông mua dùm ít chục nem chua.

3 : Tôi móc túi lấy tiền ra mua mỗi thứ một mớ tính lên Chợ-lớn cho mấy đứa cháu ngoại nó mừng. Xe chạy qua khỏi cầu An-Hữu một hồi tôi cầm gói ốc gạo lên coi thì trong 10 phần có tới tám phần ốc chết. Vạch gói ổi ra, thì ổi làm mặt chỉ có 2, 3 trái tốt, còn mấy trái ở dưới toàn là ổi thúi hoặc sâu. Tôi mở chín mười lớp lá chuối lấy ra một cục nem thì thấy cục thịt nhỏ bằng ngón tay út mà đen đen mốc mốc, tôi nổi đóa liệng cái giỏ xuống đường nghe một cái xạch, ngồi làm thinh mà chán nản sự đời.

4 : Khi xe đến Chợ-lớn, nghỉ xong rồi, tôi biểu chồng con Cưởng dẫn tôi đi chơi chỗ nầy chỗ nọ, từ Chợ-Quán, Năn-Xy, Chí-Hòa, Phú-Thọ, cho đến lăng Ông Bà Chiểu, Thị-Nghè… Tân-Thuận, Phú-Xuân, Xóm-Chiếu, Nhà-Bè… Nó lại đưa tôi đi coi cọp trong sở thú mà bây giờ họ gọi là Thảo-cầm-viên, sẵn dịp vui chưn, lên lăng Cha Cả, quẹo qua Ông Tạ xuống tới Hòa-Hưng đi dạo mấy vòng, tuốt lên Tân-Định, vòng qua Phú-Nhuận tôi mới trở về nhà.

5 : Chồng con Cưởng còn rủ tôi đi coi hát bóng, mèn ơi ! cái rạp lớn bằng mấy cái đình dưới tôi mà chỉ có 5 đồng bạc, là coi đặng hai người, vãn hát về nhà bằng xe thổ mộ mà tôi đây bắt tức cười, xe ngựa dưới mình ngồi ngó ra đằng

trước còn xe ngựa trên nầy ngồi thòng chưn xuống đất day mặt ra phía sau lưng, còn vô tiệm mua hàng đừng thấy nó để cái bảng « giá nhứt định » mà làm tàng mua đại thì có ngày tự vận, một cái mền rể tôi nó mua có bảy mươi đồng bạc mà nó thách tôi tới bốn trăm đồng.

6 : Bữa về dưới nầy tôi không dám đi chiếc xe bữa trước, tôi mua vé một chiếc xe khác và có hỏi kỹ : về tới Sa-Đéc đàng hoàng, chừng xe qua bắc Mỹ-Thuận, tới ngả ba chỗ cây xăng thì chiếc xe đậu lại và anh lơ lễ phép mời tôi xuống, tôi nói : Tôi đi Sa-Đéc mà ! Dạ, bác chịu khó đi xe lăm-bết-ta về Sa-Đéc, xe cháu chạy về Cà-Mau. Tôi nổi ôn nói : Chớ sao nãy anh bán vé nói xe nầy về Sa-Đéc ? Anh lơ nói : Dạ tại nó ẩu, chớ xe cháu về Cà-Mau. Nó vừa nói nó vừa lấy gói đồ, vừa kéo tôi xuống đất, tôi chưa kịp nói vài câu phải quấy thì chiếc xe đã rồ máy bỏ mình tôi đứng ở bên đường (Thơ Vân-Tiên). Chuyện đời nghĩ cũng vui vui. Khi không nó bỏ mình ngồi ở ngả ba. Tôi bao chiếc lăm-bết-ta. Lôi về Sa-Đéc hết ba chục đồng !

c) Những thể-thức cấu-tạo bản vọng-cổ

Hồi năm 1920 bản Vọng-cổ « Từ là từ phu-tướng » của ông Sáu Lầu ra đời với bản đờn nguyên-thủy « Hò lìu xang xê cống » (Xem đoạn trên). Trong bản đờn ấy 20 câu dứt như sau :

Câu 1 dứt chữ *công ;* Câu 2 dứt chữ *xang*
Câu 3 dứt chữ *hò ;* Câu 4 dứt chữ *hò*
Câu 5 dứt chữ *xề ;* Câu 6 dứt chữ *liu*
Câu 7 dứt chữ *cống ;* Câu 8 dứt chữ *xang*

Câu 9 dứt chữ *xự ;* Câu 10 dứt chữ *xang*
Câu 11 dứt chữ *hò ;* Câu 12 dứt chữ *hò*
Câu 13 dứt chữ *xê ;* Câu 14 dứt chữ *xang*
Câu 15 dứt chữ *hò ;* Câu 16 dứt chữ *liu*
Câu 17 dứt chữ *hò ;* Câu 18 dứt chữ *xang*
Câu 19 dứt chữ *hò ;* Câu 20 dứt chữ *liu*

Dựa theo thể-thức hạ giọng Bình, Trắc ở chữ đờn cuối cùng của mỗi câu trên đây, các soạn-giả tuồng Cải-Lương cấu-tạo bản Vọng-cổ ăn theo giọng Bình-Trắc của chữ dứt câu đờn.

Thí-dụ trong tuồng « **Tham phú phụ bần** » (T.V.K) trình diễn năm 1926 tại Biên-hòa, lúc cô Ai-Châu than vãn cùng Huỳnh-kỳ-Thoại là vị hôn phu bị cha nàng bội ước và muốn gả nàng cho chỗ khác giàu hơn, có ca Vọng-cổ nhịp đôi như sau : (Vọng-cổ)

(Ai-Châu) (đào) :
1 : Vì đâu nên xui khiến (cống)
2 : Cha nỡ rẽ thúy chia uyên (xang)
3 : Làm cho đôi ta đeo phiền (hò)
4 : Mang nặng lời nguyền (hò)

(K.k. Thoại) (kép) :
5 : Đành cam dứt câu nghĩa tình (xề)
6 : Trên Thiên-Hoàng xin chứng minh (liu)
7 : Rồi đây gia viên người phát mãi (cống)
8 : Tôi nghĩ hổ thầm cho phận đứng làm trai (xang)
9 : Nhà lâm nguy gặp cơn tai hại (xự)
10 : Chẳng đền bù chút ngãi cho song thân (xang)

11 : Từ đây đành tấm thân cơ bần (hò)

12 : Làm sao trả nợ nần (hò)

(Ái-Châu) :

13 : Lòng em nguyền thi ân (xề)

14 : Ngặt cha già yểm cựu nghinh tân (xang)

15 : Đành lòng tham phú phụ bần (hò)

16 : Trách bấy người ăn ở, chẳng cân (liu)

(H. k. Thoại) :

17 : Tôi cúi đội ơn nàng (hò)

18 : Tuy việc chẳng thành nghĩa nặng phải mang. (xang)

(Ái-Châu) :

19 : Mai sau duyên phận lỡ-làng (hò)

20 : Em cũng nguyện một thác cho an ! (liu).

Trên đây là bản Vọng-cổ nhịp Đôi. Qua thời-kỳ nhịp Tư và nhịp Tám, thể-thức cấu-tạo bản Vọng-cổ cũng vẫn giữ nguyên-căn, song chữ đặt thêm nhiều bằng hai và nhiều khi cho trôi vận.

Đến thời kỳ nhịp 16, với bản « **Tôn-Tẫn giả điên** » nghệ-sĩ Út Trà-Ôn làm xáo-trộn các thành phần của bài Vọng-cổ bằng cách lồng vào câu Vọng-cổ những điệu Hò, điệu nói Thơ Vân-Tiên, v.v… Thật là một bài ca đã đánh dấu bước tiến, một kỷ-nguyên mới cho bản Vọng-cổ. Dưới đây xin biên những câu kết-cấu theo thể-thức mới (Chép theo dĩa ASIA, không rõ tên tác-giả) : (Vọng-cổ nhịp 16 tiếp theo)

7 : Y xê xê ra bây ôi ! Dang dang bây ra đặng tao lên cung trăng kiếm chị Hằng-Nga, hỏi thăm chỉ coi năm nay được là bao nhiêu niên kỷ.

8 : Rồi tôi chun xuống đất coi đất mỏng hay là dày, đặng có dời non tát bể, lấp sông, bắt Long-Vương lên tra khảo hỏi coi nó có biết tên của tôi hay là không.

9 : Không, không có thế nào ai mà biết tôi đâu. Tôi đây là con của Trời, cháu của Phật, tôi là vua là chúa, là tướng là quân, là trù-phòng tể-nhục.

10 : Tôi giỏi lắm, tôi biết ca, tôi biết hát lại với biết đờn. Tôi biết hò mà biết nói thơ nữa, vậy thì bà con cô bác hãy ngồi lại đây, lẳng lặng mà nghe ngón đờn tuyệt-diệu của tôi : Hò xê cống xê xang hò, cống xang xề xang.

11 : Bây giờ buồn quá, để nói thơ cho bà con cô bác nghe chơi : Buồn cười vua Trụ đa đoan, mê nàng Đắc-Kỷ rồi lại giết oan hết cả trào. Nói qua đến lớp vua U mà yêu-ấp ả má-đào…

12 : Ẵm ôm nàng Bao-Tỷ giặc vào cũng không hay. Còn vua Kiệt có tánh rồi hay say, nghe lời của Muội-Hỹ mà lại giết ngay tôi Long-Phùng.

13 : Hò hơ chết tôi, tôi chịu xin đừng bận-bịu bớ điệu chung tình. Hò hơ… con nhạn bay cao rồi khó bắn, hò hơ… con cá ở ao quỳnh cũng khó câu…

14 : Than ôi ! nào là bả lợi danh, mồi phú quí, thường nó làm cho con người phải đắm chìm trong bể khổ trần ai ;

nào là xa cha, cách mẹ, lìa xứ xa quê, nên tấm thân nầy không có trọn hiếu, trọn trung.

*

Nhờ cách trình bày độc-đáo bài Vọng-cổ trên đây, Út-Trà-Ôn được biệt-tặng cái danh-hiệu « Đệ nhứt danh ca miền Nam ».

Qua thời-kỳ nhịp 32, điệu Hò và nói Thơ cũng được xen vào câu Vọng-cổ. Trong bài « **Đêm tân hôn** » dưới đây của soạn-giả Viễn-Châu do Văn-Hường đơn ca trên dĩa Lam-Sơn, các thể-thức trên cũng được áp-dụng : (Nhịp 32)

1 : Anh ôi, chẳng biết tại sao tôi vô duyên bạc số nên yêu đã mấy phen nhưng duyên nợ không thành... Nói ra tôi thêm thẹn cho mình, anh có biết không hồi tháng Mười năm ngoái, tôi có thương trộm nhớ thầm con gái của bà Hương-Lễ ở Cầu Kinh ; trời đất quỉ thần ôi, con nhỏ nó diện cách gì mà xinh thiệt là xinh, đôi môi nó đỏ chót như son tàu và cặp mắt nó long lanh như chứa đựng một trời tình biển ái.

2 : Mỗi khi nó chèo ghe dưới rạch, nước trong in hình bóng tha-thướt, gặp mặt tôi là mỉm miệng cười tình, nó cất tiếng Hò lên làm tôi rung động cả thân mình... Hò hơ... Quân tử có thương thì thương cho trót, đừng mê bóng sắc mà bỏ sót con bạn tình. Chừng nào cầu, ván hết đinh, mái chùa hết ngói... Hò hơ... mái chùa hết ngói, hai đứa mình mới xa nhau... Anh ôi, cái miệng nó có duyên còn hò nghe ngọt xớt, làm cho tôi về nhà tôi cứ mãi chiêm bao.

3 : Anh nghĩ coi : tôi đâu có phải là thằng ham vợ, nhưng ở theo sách vở thì có câu « Nam đại bất hôn như liệt

mã vô cương », cho nên tôi mới chạy đôn chạy đáo, cậy nhờ bà con lối xóm rồi lo mua trầu mua rượu, hai gói trà con khỉ, bốn chai rượu sâm nhung ; đó rồi hè nhau lội bộ qua ba bốn cánh đồng, mồ hôi mẹ, mồ hôi con nó rớt nghe lộp bộp, qua đến nơi nghe bà Hương bả nói thiệt là mát ruột mát gan, bả nói : (Điệu Lục-vân-Tiên) « Cậu mà thương đến con tôi. Thật là hữu phước cho đời con hai ». Tôi nghe qua thật mát lỗ tai. Cái mình nhẹ hểu như muốn bay lên trời.

*

Qua đến năm 1964, một thay đổi quan-trọng đã diễn ra trong việc cấu-tạo bản Vọng-cổ. Soạn-giả cổ-nhạc cho lồng vào câu Vọng-cổ những điệu tân-nhạc như : Mưa rừng, Trăng rụng xuống cầu, Hòn Vọng-phu, v.v…

Ví như trong bài « **Sầu vương ý-nhạc** » sau đây của soạn-giả Viễn-Châu do Minh-Cảnh đơn ca trên dĩa Lam-Sơn, có lồng tân-nhạc vào câu Vọng-cổ : (Nhịp 32)

1 : Mỗi khi có dịp xuống Hậu-Giang và đi ngang cầu Bến-Lức, tôi còn nhớ mãi những lời ca não nuột của em bé thơ ngây hát dạo ở ven đường… nắm chiếc gậy tre em dắt theo một ông lão tật nguyền… em cất lên tiếng ca buồn rười-rượi *: « Mưa rừng ơi mưa rừng, hạt mưa nhớ ai mưa triền miên, phải chăng mưa buồn vì tình đời, mưa sầu vì lòng người duyên kiếp không lâu »*, ôi buồn làm sao tiếng ca đầy thảm não.

2 : Không ai bảo ai nhưng cả xe đều im lặng và nghe đâu đây như có tiếng thở dài… gió lạnh từ xa như họa theo tiếng nhạc u hoài… ông lão sửa dây đờn em bé cũng trở

sang điệu khác : « *Ai đang đi, trên đường đê, ai có nghe vang câu hò đê mê, vô đây em, dù trời khuya, anh vẫn đưa em về…* » giữa trưa buồn nghe não nuột lòng ơi.

3 : Những đường tơ như chùng theo mấy ngón tay gầy guộc đang run run bấm nhẹ mấy cung đàn… chiếc đàn long phím tang thương như một kiếp cơ hàn… đôi hố mắt sâu thăm-thẳm như chứa đựng một nỗi niềm dĩ vãng xa xăm… xe đến rồi đi, kẻ xuống Hậu-Giang người về Đô-thị, ai không nghe cõi lòng bâng-khuâng với lời ca ngây thơ vụng dại vang-vang trong tiếng nhạc thâm trầm.

4 : Cầm chiếc lon rỉ sét đưa lên, vài bàn tay bỏ vào đây tờ giấy bạc, ông lão run run để lộ nét vui mừng, cô bé cũng hân hoan cất tiếng ca rằng : « *Qua thiên san kìa ai tiễn rượu vừa tàn, vui ca xang rồi đi tiến binh ngoài ngàn, người đi về vạn lý quan san, người mong chờ trong bóng cô đơn* » hỡi ôi buồn làm sao như người đi kẻ ở, buồn làm sao như rạn vỡ tâm hồn.

5 : Bảng trắng đã lên rồi ! Đoàn xe từ từ chuyển bánh, tôi nhìn lần cuối cùng hình ảnh của cha con người ca hát dạo, lòng bỗng dâng tràn ngập một niềm thương : người ly hương, ta cũng ly hương, họ nhạc-sĩ ta cũng nhạc-sĩ, đời của ai rày đây mai đó thì đời của ta cũng sương gió lâu rồi. *« Mưa rừng ôi mưa rừng, hạt mưa nhớ ai mưa triền miên, phải chăng mưa buồn vì tình đời, mưa sầu vì lòng người, duyên kiếp không lâu ».*

*

Rồi tiếp qua năm 1965, những bản Vọng-cổ mới gọi là « Tân cổ nhạc giao duyên » ra đời rất nhiều, trong đó xin lược biên : Phiên gác đêm xuân, Ngày tạm biệt, Đêm cuối cùng, Nhớ một chiều xuân, Mấy dặm sơn khê. Lẻ Bóng, Tôi viết tên Anh, Mưa rừng ơi, Anh cho em mùa xuân, Hòn vọng phu, Đò chiều, Quán nửa khuya, Giận Anh, Tình anh lính chiến, Mong ước, Lá thứ không gởi, Chiều mưa biên giới, Lá thư miền Trung, Biệt Kinh-Thành, v.v…

Về việc trộn lộn tân-nhạc vào câu Vọng-cổ, chúng tôi sẽ bàn góp một vài ý-kiến sau nầy.

- Cách thức gieo vần trong bài Vọng-cổ. – Về cách gieo vần trong bài Vọng-cổ, lúc ban đầu câu ca còn vắn, nên soạn-giả thường hạ vần ở chữ cuối cùng của mỗi câu.

Như trong bài « Tham phú phụ bần » trước đây vẫn để ở chữ dứt mỗi câu (chữ xiên) :

1 : Vì đâu nên xui *khiến*

2 : Cha nỡ rẽ thúy chia *uyên*

3 : Làm cho đôi ta đeo *phiền,*

4 : Mang nặng lời *nguyền.*

5 : Đành cam dứt câu nghĩa *tình*.

6 : Trên Thiên-Hoàng xin chứng *minh*.

Trong tuồng « **Tô-ánh-Nguyệt** » của soạn-giả Trần-hữu-Trang bài Vọng-cổ sau chót do cô Phùng-Há trình bày, vần mỗi câu cũng gieo ở chữ cuối cùng : (Vọng-cổ)

1 *(Nguyệt ca)* : Anh Minh ôi ! Như anh cùng với em đây sống trong thế-hệ giao thời, mới cũ đang đổi thay, cho nên

thân thế đảo điên, tan nát cuộc tình duyên, phải đành cam cảnh chia uyên rẽ thúy.

2 : Em không trách phiền anh, giữa chợ đời bán lợi mua danh, anh cũng chỉ là một nạn nhơn không hơn không kém, em chỉ thương hại cho anh, chưa thoát ly cái chế độ của gia-*đình*.

3 : Riêng phần em thì trái tim đầu tiên, đã trao cho ai, dầu cho trăm đắng ngàn cay, cảnh ngộ rủi may, lòng dặn lòng thề chẳng đổi thay, cho dơ dáng dạng *hình*.

4 : Anh Minh ôi ! Bấy lâu em còn sống đây, sống trong cảnh cô đơn với chuỗi ngày khô héo, để nhìn xem hạnh phúc của người yêu, và để chăm nom đứa con dại chớ phải đâu em sống riêng cho cuộc đời *mình*.

5 : Hôm nay con đã lớn khôn, anh đã gầy dựng trong cuộc hôn nhơn, ngày giờ này anh đã yên thân dưới nấm mồ xanh, thì em cũng nguyện theo anh cho trọn chữ chung *tình*.

6 : Mộng tình ái đã vỡ tan, thì nợ trần gian còn chi đâu bận bịu, mười tám năm riêng chịu… các bạn ôi đây là chế độ gia-*đình* xin nhắn với chị em cùng hội cùng thuyền, em xin vĩnh-biệt kể từ đây.

Đến thời-kỳ nhịp 32, 64, câu ca thêm nhiều chữ và dài quá nếu hạ vần ở chữ cuối câu như trên sẽ nghe hết hay, nên soạn-giả gieo vần liên-kết trong câu. Và cũng vào thời-kỳ nầy, bài ca soạn 6 câu thôi, không soạn 20 câu như trước vì dài quá nghe chán. Thí dụ trong bài « **Nắng chiều quê ngoại** » dưới đây của s.g. Viễn-Châu do Cô Thanh-Nga đơn

ca trên dĩa ASIA, những tiếng gieo vần liên-kết trong câu, viết chữ xiên :

1 : Mấy nếp nhà tranh ẩn mình sau hàng tre rủ bóng đang vươn lên ngọn khói lam *chiều*. Cảnh hoàng hôn sao nhuộm vẻ tiêu *điều*. Khóm lau thưa xào-xạc trên lối đường mòn vắng lặng cô *liêu* ; nhà Ngoại tôi khuất sau mấy dãy dừa xanh soi bóng dịu hiền, bên cạnh mái đình làng đìu-*hiu* cỏ phủ.

2 : Trước đỉnh trầm hương khói lam nhẹ tỏa, Ngoại tôi ngồi tụng kinh dưới bức tượng Di-Đà ; Mớ tóc trắng điểm lơ-thơ trên nét mặt hiền-hòa, tay lần tràng hạt tai mơ-màng theo tiếng chuông mõ ngân-nga. Tôi nhè-nhẹ bước đến khơi lại mớ tro than cho cháy bừng lên ánh lửa hồng trong đêm mưa lạnh, cho Ngoại của tôi được ấm thân *già*.

Kế đây là bài « **Giọt lệ Hàn-Giang** » của s.g. Viễn-Châu do Cô Thanh-Thanh-Hoa đơn ca trên dĩa Lam-Sơn, cách gieo vần theo một thể-thức khác :

1 : Giọt Lệ Hàn-Giang chứa chan một thiên tình *sử*, có phải chăng ngày Lê-Huê Phàn-*nữ* trở về đây với tâm sự của riêng *nàng*... nợ thiếp còn mang sao chẳng trọn duyên *chàng*... tưởng được vẹn niềm hương lửa ai có ngờ bình vỡ gương *tan*, nát lòng chưa khi rượu giao-bôi, chưa cùng ai cạn chén ân tình ; thiếp đã vội vã hồi quê, lệ tuôn rơi ngập ngừng thấm áo.

2 : Thiếp về đây, hỏi lá lá rơi, hỏi hoa hoa *rụng*, hỏi vầng trăng xế *bóng*, hỏi con tim đã rạn vết thương *rồi*... vườn cũ xơ-rơ chiếc én lửng-lưng *trời*... thôi thì duyên hẩm

hiu, thiếp đành cam *chịu*, ai phụ tình có trời đất chứng *tri*, tuấn mã bôn ba hồi cố quận, một màu quan tái nhuộm tà *huy*, chàng nhẫn tâm phụ phàng búng rảy, cảnh cô phòng thiếp chịu sầu *bi*.

Tiếp sau là bài « **Gánh chè bột khoai** » của s.g. Minh-Đức do cô Ngọc-Giàu trình bày trên dĩa « Dư-Âm », lối gieo vần theo một điệu khác :

1 : Chè bột khoai ngọt ngon thanh *mát*, xin mời bà con cô *bác* hãy mua *giùm*… Giúp em qua khỏi cảnh nguy *cùng*. Đêm nay mưa gió âm-u, em đã lê chơn khắp phố phường hoa-lệ. Gánh chè bột khoai vẫn nặng chĩu trên *vai*, nhìn giọt mưa lấm-tấm *bay*, mà em tưởng chừng đó là những giọt nước mắt mồ-hôi chảy *dài* trên đôi má.

2 : Ánh đèn điện huyền ảo mông lung, tỏa những tia sáng mờ nhợt-hoạt lên khắp mặt *đường*. Phản chiếu những hột mưa như muôn dòng lệ u-*buồn*. Ai có biết đâu em đang se thắt cõi lòng chua xót phận long-*đong*. (THƠ) : Em là cô bán hàng *rong*. Tháng ngày khổ nhọc nuôi *chồng* nuôi *con*. Tấm thân gầy yếu héo *don*. Úa tàn hương sắc hao *mòn* tuổi xuân.

Sau hết, trong bài « **Bạch-thu-Hà khóc Võ Đông Sơn** » của s.g. Viễn-Châu do Cô Lệ-Thủy ca trên dĩa Hồng-Hoa, có lối gieo vần liên-kết và ngâm thơ rất hay :

(Thơ) :
Lỡ giấc mơ tình giữa tuổi xuân,
Lầm than gió bụi biết bao lần.
Thiên thu điệp mộng hồn trinh nữ.

Vạn cổ tình hoài vọng cố nhân.

4 *(Vọng-cổ)* : Thiếp muốn xé tan áng mây trên tầng cao diệu *vợi*, để hỏi thử cao xanh ông ghét ghen chi mà để *tội* kẻ chương *đài*... Một kiếp quần thoa lận đận biết bao *ngày*... Nhưng mảnh kiên trinh thiếp nguyền vẹn giữ cho trọn lời đoan thệ cùng *ai*.

(Thơ Vân-Tiên) :
Thôi rồi đá nát vàng *phai*,
Cầu ô lỡ nhịp mộng *đời* dở *dang*.
Nhìn lên trướng rủ màn *tang*,
Chàng đi để thiếp khóc *than* một mình.

5 : Ánh nguyệt mới nhô lên đã bị phủ che bởi vầng mây xám, cũng như đời thiếp vừa thoát cơn khổ *nạn* đã đành cam vắng *bạn* chung *tình*... Quấn mảnh khăn tang thiếp quỳ trước tùng *đình*... Chàng ra đi muôn đời không trở lại, chén rượu đào thiếp đưa tiễn vong *linh.*

(Nhạc) :
Rượu sanh ly dưới làn hương khói,
Trước linh sàng thiếp thổn thức từng cơn,
Rượu đôi chung lễ người thiên cổ,
Tiễn đưa ai, đi mãi không về.

- Nói lối giặm giữa hai câu Vọng-cổ. – Thường trong tuồng Cải-Lương, khi một người ca dứt một câu Vọng-cổ, nhằm nhịp Song-Lang chót rồi, thì đờn nhồi 12 nhịp hoặc 8 nhịp mới bắt qua ca câu kế. Trong khoảng đờn nhồi, vai tuồng không ca nữa. Vậy để tránh cho khỏi nguôi tuồng, soạn giả thường cho vai đối thoại nói lối thêm một câu, gọi

« lối giặm » đặng trám vào khoảng trống, rồi người ca mới bắt qua câu kế.

Thí-dụ trong tuồng « **Lỡ bước sang ngang** » của soạn giả Thu-An và Hoàng-Khâm do đoàn Thanh-Minh trình-diễn, có nói lối giặm :

(CẨM-NHUNG) (Thanh-Nga) câu 4 : Lam-Sinh, em đến đây với cõi lòng tan nát, cố thu vào tim từng hơi thở lạnh của ân tình. Cho nên em mới cam tâm nhận tiếng bất bình. Anh hãy chửi em nữa đi cho tâm tình lắng xuống mà cảm xót đời em. Lạnh lùng như một tối tàn thu, gió đùa lá chết mà ở bên sông sương đông mờ giăng phủ như cỏ chận lối đi của một khách sang đò.

(*LAM-SINH) (Hữu-Phước)* nói lối giặm : Thôi cô trở lại đường quang đãng. Đào nở bên sông, kết nhụy vàng.

(NHUNG) (Thanh-Nga) ca tiếp câu 5 : Thôi, những mảnh tim tình tan vỡ ấy, hoa đào từng cánh rụng ly tan. Anh ôi ! Rồi bốn mùa đi qua mãi mãi mà lòng em không có một mùa nào. Lời thề năm xưa nằm trong tiếng khóc nghẹn ngào. Mặc cho người ta cứ tưởng-tượng rằng đời em như đôi chim nhạn giữa trời cao. Biết đâu chim ấy cô đơn quá. Dầu nhạn đủ đôi tắm nắng chiều. Nỗi buồn qua song cửa, dầu nơi lầu cao cũng thấm lạnh tâm hồn.

(LAM-SINH) nói lối giặm : Cái lạnh của người chăn ấm, đâu bằng cái lạnh kẻ dầm mưa…

(NHUNG) ca tiếp câu 6 : Anh Lam-Sinh ! Anh vẫn không tin em yêu anh bằng tình yêu trong trắng, nhưng tình yêu kia đã bất lực trước mẹ cha. Em thiếu kiên gan nghị-lực, vì

em chỉ là cô gái nặng hiếu thân. Thôi ! *(thơ)* : Quán trọ ân tình phong kín cửa. Em còn gì nữa nói yêu anh. *(Ca)* : Nhưng trước khi đôi ta rẽ bước, anh hãy dành cho em niềm thông-cảm sau cùng. Anh nhận nơi đây tất cả tấm lòng thành, lấy số tiền nhỏ mọn để anh tiêu dùng trong lúc bịnh nguy.

Trong tuồng « **Sầu quan-ải** » của soạn-giả Thu-An và Thiếu-Linh do đoàn Thủ-Đô trình-diễn, cũng có nói lối giặm như sau :

(Phương-Đài) (Ngọc-Hương) câu 4 : Không, ngài hãy cướp cha tôi về cõi sống, thì thân tôi dù nát tan muôn mảnh cũng không màng. Vì tôi là một đóa hoa héo úa tồi tàn. Đời nhung gấm cần chi hương cỏ dại, chim phụng hoàng đâu thích đậu cành tre. Cho nên tôi chỉ sợ ngài khinh tôi là bụi đường dơ áo mão, chớ đâu có tiếc gì một chút đào hoa đã phai lợt nét xuân hồng.

(Lữ-Mộc-Chinh) (Hoàng-Giang) lối giặm : Phương-Đài ! Nàng cần một người cha, ta có thể hy-sinh giành lại cho nàng nguồn hy-vọng ấy, tại sao nàng lại do dự với ta ?

(Phương-Đài) ca tiếp câu 5 : Ngài ôi ! Hoa dầu đẹp cũng có ngày tàn-tạ, còn ơn dưỡng sinh muôn thuở chẳng phai mờ. Tôi không muốn bị người ta cướp mất đi một hình ảnh tôn thờ, cho nên ngài là thánh là thần, là người ban cho tôi ơn tái-tạo, ngài có đủ quyền uy của thượng đế để đáp lại lòng ngưỡng vọng của chúng-sanh thì có lý đâu ngài lại vô tâm với một sanh-linh đang gào thét dưới chơn ngài.

(Mộc-Chinh) lối giặm : Phương-Đài ! Thực-tế trên đời chưa có một hy-sinh nào mà không cần bù đắp. Thì nàng đừng buộc ta liều lĩnh làm một việc chỉ lợi cho nàng.

(Phương-Đài) ca câu 6 : Không, Lữ-Mộc-Chinh ! Tôi không bao giờ bắt ngài làm một vật hy-sinh vô-lý, vì tôi không phải là gỗ đá vô tri. Ngài hãy cứu mạng cha tôi, để hồi sinh lại lòng tôi mối tình thiêng-liêng phụ tử. Thì tôi, tên Mạc-phương-Đài nầy, xin thề hiến trọn tấm thân hoa, đem tóc tơ để đền ơn tái tạo. Và tôi xin đặt vào tay ngài tất cả sinh mạng của tôi để cho ngài được tự-do sai khiến trọn đời. Lữ-Mộc-Chinh ! Ngài hãy tin tôi, mau ra tay cứu mạng cha già. Ngài đi đi, đừng do dự mà tử thần cướp mất mạng cha.

Cũng trong tuồng trên, lúc Thu-Yến khóc tỏ tình cùng Kim-Bình, có nói lối giặm : **Sầu Quan-ải** (tiếp)

(Thu-Yến) (Thanh-Thanh-Hoa) ca câu 1 : Ngài ôi ! tôi khóc cho một cuộc đời vô vọng của đóa hoa rơi rụng dưới chân đồi. Nó đã tàn phai hương sắc tự lâu rồi. Nó đã xa lìa sự sống của những ngày ủ mộng đời xuân sang. Cát bụi sẽ phủ lên mình nó để rồi mưa nắng thời gian không còn biết nó là hoa gì, được mấy tuổi ước mơ mà đã chôn vùi nguồn mơ ước.

(Kim-Bình) (Út Trà Ôn) nói lối giặm : Tôi không hiểu nàng có ví rằng : đời hoa tàn ấy, chính là đời… tàn tạ của Kim-Bình không ?

(Thu-Yến) Câu 2 : Dạ không, tôi muốn nói đời hoa ấy là tôi, là một Thu-Yến, đã hơn ba năm nay hầu hạ dưới chân ngài. Nó từng thức thâu đêm nghe gió lạnh thở dài, nghe lá

rụng, nghe tâm tình thổn thức và để buồn vui theo ánh mắt của người yêu… Ngài ôi ! Tôi đã yêu, nhưng tôi không có quyền thổ-lộ, vì tôi đã lỡ lầm yêu… Hương tình của thuở ban đầu nhạt phai. Thì không thể nào tôi nói lại tiếng yêu ai !

(Kim-Bình) lối-giặm : Thu-Yến đã yêu ? Yêu ai trong không-gian u tối nầy ?

(Thu-Yến) ca câu 3 : Ngài ôi ! Tôi là kẻ tàn tật, linh hồn trong trắng. Mà mảnh hường nhan không che kín được vết thương, nếu tôi có yêu là yêu người chung cảnh-ngộ, người trong sạch linh hồn mà tàn phế xác thân. Người ấy đang cùng quẫn lương tri, tâm hồn điên loạn cũng như tôi. Người ấy là người còn có quyền điều khiển đám tàn quân. Có quyền oán vua hận chúa và người ấy chính là người đã từng phen hạ lịnh cho tôi dưng cơm đưa nước, đốt lửa, giăng màn !

d) Các phương-pháp gối đầu bản Vọng-cổ

Để giúp nghệ-sĩ vò ca Vọng-Cổ cho êm, các soạn-giả thường áp-dụng nhiều phương-pháp khác nhau để gối đầu bản Vọng-cổ :

- Dùng những bản ngắn cổ-điển.

- Dùng câu lối văn xuôi.

- Dùng câu lối văn vần như : Thượng lục hạ bát, Song thất lục bát, Thơ tứ-tuyệt hoặc câu Thơ mới, v.v…

- Dùng bản Tân-nhạc mới chế có đệm nhạc hay Ngâm Tao-Đàn.

- Dùng bản Tân-nhạc có sẵn (Phương-pháp này dùng để soạn bài ca cho dĩa nhựa, chớ không thể dùng trong tuồng Cải-Lương).

*

Trước kia soạn-giả thường cho gối đầu vô Vọng-cổ bằng những bản ngắn cổ-điển như : Sơn-đông hướng mã, Cao-Phi, Giang-Tô, Thủ-Phong-Nguyệt, Hướng-Mã hồi-thành, Lý con sáo, Sương chiều, Lưu-thúy hành-vân.

Sau đây xin biên ít bản ngắn cổ-điển để làm thí-dụ « Sơn-đông hướng mã ». Trong tuồng « **Nhớ mẹ hiền** » của Văn-Hưng có lớp vô Vọng-Cổ bằng bản Sơn-đông hướng mã :

(Xuân-Mai) (đào) :
Lúc nguy biến nên bền tâm,
Anh dũng chớ sờn gan.
Làm sao ngày sau còn ghi,
Dẫu hoạn nạn, nên nghe lời em phân cạn,
Hiếu trung giữ tròn,
Muôn đời lưu truyền.

(Vọng-cổ) (Hồng-vân) (kép) 1 : Xuân Mai em ôi ! Có thử lửa đỏ mới biết vàng thau, có trải cảnh gian-lao mới rạng-rỡ chí anh hào…

Cũng trong tuồng nói trên, có ca bản « **Cao-Phi** » để gối đầu Vọng-cổ :

(Lão-Bà) (Mẹ của Hồng-Vân) ca :
Lòng nầy xót thương,

Nhưng bởi vì bổn phận phải đành.
Kìa là nước non,
Đường nguy biến phải cảnh chia ly.
Con nên yên tâm vững trí,
Đợi chờ cho đến chiến thắng,
Lứa đôi sẽ thành,
Vui chung hưởng những điều vinh hoa.

(Vọng-cổ) (Xuân-Mai) vô câu 1 : Mẹ ôi ! xin mẹ an tâm, chớ ưu-tư mà trí não phải hao mòn…

Trong tuồng « **Đời cô Phượng** » của soạn-giả Điền-Lang có ca « **Giang-Tô** » qua Vọng-cổ : (chót)

(Lão-Bà ca) :
Đầu đuôi cô khá tỏ phân,
Vì đâu nên phải nổi trôi ?
Cho già biết cùng…

(Vọng-cổ) (Phượng vô ca) : Bà ôi ! từ ngày trở về quê một tháng thì cháu lâm tai nạn hãi hùng…

Trong tuồng « **Tiết-Giao đoạt ngọc** » của Lê-văn-Đương có lớp ca « **Thủ Phong-Nguyệt** » để vô Vọng-cổ :

(Tiết-Giao ca) :
Sao đành dứt tơ tình,
Chẳng xót tưởng mối tình thơ,
Thuyền cũ cánh buồm xưa.
Hồ-Nguyệt-Cô (tiếp) :
Em những mong bóng hồng sưởi lòng ;
Duyên tình nồng nàn…

(Vọng-cổ) (Tiết-Giao vô) : Ôi, còn nhớ thương sao nàng vội tuốt lưỡi gươm vàng…

Trong tuồng « **Hồn liệt-sĩ núi Chí-Linh** » của Lâm-văn-Huệ, lúc Lê-Lợi bị quân Tàu vây ngặt tại trận Chí-Linh, Lê-Lai quyết tâm cứu Chúa :

(Lê-Lai nói lối) : Bệ hạ ôi ! Quanh thành lũy lửa tràn binh phủ. Nhìn quân ta oai vũ sắp mỏi mòn. Thôi thì thần quyết hy-sinh cho vẹn nghĩa tôi con. Bệ-hạ phải sống… Bệ-hạ sống ắt quân ta còn chiến đấu. *(Hướng-mã hồi thành)*

(Lê-Lợi ca) :
Non nước lúc suy vong,
Ta lâm vòng nguy nan,
Cái chết đã an,
Ta chỉ ngại lo,
Dân quốc khổ đau dưới tai ách gông xiềng.

(Lê-Lai) :
Xin gác ưu phiền,
Chúa thượng cứ lên đường,
Để cho kẻ hạ thần…

(Lê-Lợi) :
Ta có lẽ đâu, mưu sự sống an,
Trước cảnh lầm than,
Gót sắt xâm lăng dọc ngang giày xéo tan tành…

(Vọng-cổ) (Lê-Lai vô) 1 : Vậy thần xin Bệ-hạ kíp tìm phương đào tẩu, giờ báo nguy đã thúc điểm khắp quanh thành.

Trong « **Tình Lan và Điệp** » của s.g. Viễn-Châu, do cô Bạch-Lan trình bày trên dĩa Lam-Sơn, có « **Lý Con Sáo** » để qua Vọng-cổ :

Hoa bay theo, gió cuốn rụng đầy sân rêu,
Nhìn hoa tàn rụng rơi,
Lan bâng khuâng tê tái tâm hồn.
Bởi bao cay đắng dập dồn,
Tình đầu vừa tan theo khói sương.
Lan khóc than trong tháng năm sầu thương.
Mùi thiền đành quen câu muối dưa,
Mong lảng quên khổ đau ngày xưa.

(Vọng-cổ) (Vô) Câu 1 : Điệp ơi tiếng mõ chuông đã chấm dấu một cuộc tình duyên đầy trái ngang đau khổ, Lan phải lịm đời hoa trong lớp áo nâu sồng… nếu vẳng từng đêm suối lệ tuôn dòng…

Trong « **Thoại-Ba Công-chúa** » của s.g. Viễn-Châu do cô Thanh-Thanh-Hoa ca trên dĩa Lam-Sơn, có ca « **Lưu-thủy Hành-vân** » để qua Vọng-cổ :

Trông vó ngựa đường xa ruổi giung,
Sương trắng rơi chập chùng.
Lên yên, thân thiếp xông pha đâu nài quan san,
Nong nả sao cho gặp mặt chàng.
Nghe tiếng nhạc chìm trong gió sương,
Ai mải mê trên đường,
Phu Lang ! Ôi hỡi Phu Lang mau dừng cương yên
Cho thiếp đây tâm sự phân trần.

(Vô Vọng-cổ) 1 : Địch Lang ôi ! khá dừng cương để thiếp đây tỏ bày hơn thiệt, rồi sẽ lên yên lướt dặm băng ngàn, một năm dư nghĩa phu thê còn chạm khắc quả tim vàng…

Trong « **Chúc Anh-Đài** » của Viễn-Châu, Cô Lệ-Thủy cũng ca Lưu-thủy Hành-vân để vô Vọng-cổ. Nhưng thay vì ca hơi thấp rồi qua Vọng-cổ cất hơi cao như cô Thanh-Thanh-Hoa, cô lại khởi ca Hành-vân hơi rất cao, rồi khi qua Vọng-cổ, cô trở lại hơi thấp :

Sương trắng nhuộm rừng phong vấn vương,
Đưa tiễn em lên đường.
Nam Sơn đây chốn chia tay phản hồi gia trung,
Hoa lá bay rơi rụng theo dòng.
Oanh yến vang lời ca tiễn đưa,
Đôi mắt hoen lệ mờ.
Bao phen toan nói với ai những điều mai sau,
Nhưng bỗng dưng em lại nghẹn ngào.

(Vô Vọng-cổ)

1 : Suối biếc dãy Nam Sơn cuốn trôi từng bông hoa rụng đánh dấu buổi phân ly của Lương-sơn-Bá, Chúc-anh-Đài…

2 : Có khi soạn-giả dùng câu *văn xuôi* để gác qua Vọng-cổ. Tùy tài nghệ của kịch-sĩ, nếu biết nói lối mở hơi « mùi » cho câu ca của mình có hứng-thú, thì dù với câu văn xuôi thường cũng có thể vô Vọng-Cổ một cách ổn-thỏa.

Như trong tuồng « **Máu nhuộm Phụng-hoàng-Cung** » của s.g. Duy-Lân, lúc Kiều-Nhan nhìn nhận cha là Kiều-quốc-Sĩ, có vô Vọng-Cổ bằng câu văn xuôi :

(Kiều-Nhan) (Phùng-Há) : Cha ôi ! mười mấy năm xa cách nay mới được trùng phùng, tấm thân con trôi nổi bềnh-bồng, con là Kiều-Nhan đây cha ! Sao cha không nhìn nhận ? còn đắn đo e ngại ? Từ lúc con mới nên hai thì…

(Vô Vọng-cổ) 1 : Con đã sớm lạc loài, bởi chiến họa giữa hai nước Bảo, Liêu, xứ xứ tiêu điều, nhà nhà tan nát ; con cùng mẹ con mới đáp thuyền trở về quê ngoại trong lúc từ hướng non sông bừng khói lửa.

Trong tuồng « **Sầu-Quan-ải** » của Thu-An và Thiếu-Linh, do đoàn Thủ-Đô trình-diễn, có dùng văn xuôi để qua Vọng-Cổ :

(Kha-Cát) (Thanh-Hải) Nói lối : Trời ôi, các ngài có biết không ? Kẻ giết vua là một cận thần trung tín, là một võ tướng hiên ngang đã từng đánh Bắc dẹp Nam để dựng nên…

(Vô Vọng-cổ) 1 : …Cơ nghiệp của tiên triều. Rồi nay nó lại thi vua để mưu định việc gì. Các cửa cung-vi nó trọn quyền xuất nhập vì nó là người tín cẩn của nhà vua…

Trong tuồng « **Lỡ bước sang ngang** » của soạn giả Thu-An và Hoàng-khâm do đoàn Thanh-Minh trình diễn, có nói lối bằng văn xuôi để qua Vọng-cổ :

(Tân) (Việt-Hùng) Nói lối : Anh muốn nói tình thương, nhưng tình ấy… là tình con người có nghĩa có nhân… chớ không bao giờ dám xin chi chữ ái-ân. Trong lời nói đầu tiên anh muốn nói…

(Vô Vọng-cổ) 1 : Vì anh biết… Anh đã gây ngàn muôn tội lỗi qua nhiều năm đã chết ý ân tình… Say đuổi theo

muôn vạn bóng hình, bằng tất cả tham vọng của một người đã mất lương-tri, anh cũng là kẻ thông minh…

Trong tuồng « **Tấm lòng của biển** » của Hà-Triều, Hoa-Phượng, đoàn Thanh-Minh Thanh-Nga trình-diễn, có nói lối văn xuôi để qua Vọng-cổ :

(Bà Hai) (Ngọc-Nuôi) 1 *:* Cô Hai à ! Rồi đây cô sẽ thành gia thất và sẽ có con. Khi bồng trẻ sơ sinh trong lòng, tia mắt hồn nhiên cũng thâm-trầm tình mẫu tử. Đó là ngày nay nuôi con bằng sữa bò, sữa bột. Huống chi ngày xưa tôi phải ăn cơm đỏ, muối tiêu để tạo bầu sữa ngọt trong tấm thân…

(Vô Vọng-cổ) :

2 : …đã tiều tụy khô cằn… Tôi với cô tuy là nước lã người dưng, nhưng tôi coi cô là núm ruột của mình…

3 : Phần thường, soạn-giả dùng câu văn vần để gác qua Vọng-cổ cho êm như ngâm thi Tứ-Tuyệt, văn Thượng lục hạ bát, Song thất lục bát, hoặc câu thơ mới bát, cửu ngôn.

Ví như trong tuồng « **Tô-ánh-Nguyệt** » của Trần-hữu-Trang, cô Phùng-Há thủ vai Ánh-Nguyệt có ngâm « **Tứ-Tuyệt** » và nói lối Ai đặng qua Vọng-cổ :

(Ánh-Nguyệt) (Phùng-Há) :
Một giấc u minh rảnh nợ đời,
Tình còn mang nặng lệ còn rơi.
Nếu chẳng :
Mối duyên oan trái rồi vay trả,
Thì thiếp đây :
Lời hẹn khi xưa giữ lấy lời.

(Lối Ai) :
Than ôi !
Vòng tục lụy ai kia toan rũ sạch,
Nợ trần ai thiếp cũng nguyện đền xong.
Cõi dương gian nếu chẳng được hiệp vợ chồng,
Nơi tuyền hạ ta trọn lòng chung thủy.
Tiếng minh thệ vẫn bên tai còn nhớ kỹ,
Mười tám năm như giấc mộng buổi canh tàn.
Đã chán chê mùi tân khổ chốn doanh hoàn,
Đời hạnh phúc, ta tìm nhau trong kiếp khác.

(Ca Vọng-cổ) 1 : Anh Minh ôi, như anh cùng với em đây sống trong thế hệ giao thời…

Trong « **Thoại-Ba Công-chúa** » của Viễn-Châu, Cô-Thanh-Thanh-Hoa gác qua Vọng-cổ bằng câu Thơ Song-Thất Lục-Bát : (dĩa Lam-Sơn) :

(Lối) :
Thiếp tâm chánh tợ trường giang thủy,
Nhựt dạ tùy lang đáo Phúc châu.
Rồi đây cách mấy nhịp cầu,
Chàng Tương giang vĩ, thiếp đầu sông Tương.

(Ca Vọng-cổ) 1 : Địch Lang ôi ! đâu lẽ chàng đành tâm phản hồi cố quốc để cho Thoại-Ba vàng võ chốn cung hoàng…

Trong « **Lắng tiếng chuông ngân** » của Viễn-Châu, Cô Thanh-Nga gối đầu bài Vọng-cổ bằng câu Thơ lục-bát và Thơ Mới : (dĩa Việt-Hải) :

(Thơ lục-bát) :

Chiều nào nghe tiếng chuông ngân,
Lá rơi phủ kín mộ phần cha tôi.
Thẫn thờ quét lá vàng rơi,
Dế giun rền-rĩ muôn lời oán than.

(Lối Thơ mới) :
Ôi sương trắng phủ màu tang trên nấm mộ,
Quyện trầm hương theo ngọn gió buổi chiều thu.
Nghe mơ-hồ trong lặng-lẽ hoang-vu,
Như có tiếng nhạc sầu nơi cô-quạnh.

(Ca Vọng-cổ) 1 : Hỡi ôi, chiếc lá vàng bay vật-vờ trong gió lạnh giữa hoàng-hôn văng-vẳng tiếng chuông chùa…

Trong bài « **Dưới cội Bồ-Đề** » của Viễn-Châu, cô Lệ-Thủy gác qua Vọng-cổ bằng Thơ Tứ-Tuyệt và Thơ tám chữ (dĩa Việt-Hải) :

(Thơ Tứ-Tuyệt) :
Khoan nhặt tây lầu trống trở canh,
Sương lam mờ phủ khắp kinh thành.
Thiếp nghe trơ trọi hồn đơn chiếc,
Giữa chốn loan phòng lạnh gối chăn.

(Lối) :
Thái Tử ôi ! Thiếp lặng ngắm lá vàng bay trước gió
Nguyệt tàn canh vò võ rọi đầu non.
Chàng ra đi không từ giã vợ con,
Mong tầm đạo thoát ly vòng tứ khổ.

(Ca Vọng-cổ) 1 : Tiếng trống tàn canh điểm lên mấy hồi giục-giã, đó là lúc chàng rời bỏ cảnh vàng son để rảnh dạ tu hành…

Ngoài ra, soạn-giả cũng có dùng lối *văn-vần tự-do* để cho nghệ-sĩ gối đầu qua Vọng-cổ một cách khôi-hài. Văn-vần tự-do là lối văn tuy có vần, song câu dài câu vắn không đồng-đều nhau.

Ví như trong hai bài « Tôi đi hớt tóc » và « Pháp sư giải nghệ » của Viễn-Châu, do Văn-Hường diễn-tả trên mặt dĩa Hồng-Hoa và Lam-Sơn, lối văn-vần tự-do đã được áp-dụng :

- Tôi đi hớt tóc

(Lối) :

Mỗi khi nghe má thằng Nhái cằn nhằn cửi-nhửi. (10 chữ)

Nó nói đời bấy giờ mà tôi còn để củ tỏi hạ châu. (13 chữ)

Tía nó ôi, nghe lời tôi đi hớt tóc gội đầu. (11 chữ)

Cho được gọn ghẽ bảnh bao cùng thiên hạ. (9 chữ)

(Vô vọng-cổ) 1 : Tôi mới cải lại với má nó rằng : « Thân thể phát phu thọ chi phụ mẫu » tôi giữ cục si-nhông là để nhớ công ơn tổ phụ ông bà…

- Pháp-sư giải nghệ

(Lối) :

Thôi thôi, bỏ trống bỏ cồn, bỏ âm-binh thần tướng. (11 chữ)

Thầy hết thời đành giải nghệ cho xong. (8 chữ)

Bỏ đèn nhang, bỏ tiền tổ mấy trăm đồng. (9 chữ)

Bỏ con gà luộc với mâm xôi còn nóng hổi. (10 chữ)

(Vô Vọng-cổ) 1 : Chớ cô bác nghĩ coi từ làng trên xóm dưới ai ai lại chẳng biết tên thầy Tư làm pháp-sư đã bốn năm đời…

Dưới đây là tuồng « **Lương-Sơn-Bá, Chúc-anh-Đài** » của soạn giả Lê-văn-Đương trình-bày trên dĩa Hồng-hoa, lúc Anh-Đài nói lối qua Vọng-cổ, có dùng văn-vần tự-do, để diễn-tả nỗi đau thương :

(Tiếng, trống bập-bùng tiếp theo một bản nhạc buồn)

(Anh-Đài) (Út Bạch-Lan) :
Hãy dừng xe lại ! Kìa Mộ chàng Lương,
Một nấm đất bên đường trơ trọi,
Vừa đắp xong, không lá cỏ che sương.

(Gọi to) :
Bớ Lương huynh ! Mới hôm nào học chung trường.
Mới hôm nào đưa tiễn biệt. Hôm nào anh tha thiết,
Đến cầu hôn nhà Chúc-anh-Đài !
Anh ơi ! (khóc nức nở) :
Rồi ra đi bỏ lại chiếc khăn tay,
Đoạn mái tóc em gởi chàng kỷ-niệm.
Lâm bịnh nặng, không ngăn dòng huyết hận,
Sôi máu hồng, anh giã biệt ra đi. Còn em…

(Vô Vọng-cổ) Câu 6 : Anh tưởng em đã đẹp phận vu-quy, thì đây chiếc áo cưới em cổi ra để trả về cho lễ cưới, còn mảnh khăn tang phủ trắng oan mồ…

Lúc sau nầy, để đổi cách vô Vọng-cổ cho mới mẻ, soạn-giả thường cho ca những bản tân-chế có đệm nhạc êm.

Như trong bài « **Người ấy là anh** », của Viễn-Châu, do Cô Diệu-Hiền đơn ca trên dĩa Việt-Hải, có gối đầu bản Vọng-cổ bằng : **Ca Sắc Hoa Anh-Đào**

Hoa rơi nơi đầu thôn
Hoa rơi khi hoàng hôn.
Trông cánh hoa phai tàn
Gởi người bao thương nhớ.
Sương sa khi chiều đông
Bâng khuâng em chờ mong.
Ôi cách xa phương trời
Tình tha thiết bao lời.
Nghe gió lộng hồi chuông
Bao mối dây tơ vương.
Em nhớ ai biên thùy
Sao mong mãi không về.
Bao năm trên đường xa
Ai vui quân hành ca.
Em ngắm bông hoa tàn
Tơ lòng them vương vấn.
Hoa rơi nơi đầu thôn
Hoa rơi khi hoàng hôn.
Trông gió đưa duyên lành
Chờ trao gởi tâm tình.

(Vô Vọng-cổ) 1 : Pháo cưới nổ vang tiễn đưa những nàng xuân nữ hân hoan rộn rã bước theo chồng…

Kế đây là bài « **Người chồng lý-tưởng của em** » của Viễn-châu, do cô Thanh-Nga đơn ca trên dĩa Lam-Sơn, có gối đầu bản Vọng-Cổ bằng NHẠC : **Ánh đèn khuya**

Canh khuya rồi còn ngồi mong ai,
Bao nhớ nhung trôi về đêm dài.
Lớp phấn hồng mờ phai hương sắc,
Ngẩn-ngơ bên ánh đèn sân khấu,
Nhớ mong ai muôn lối đường về.
Gió lay lá cành bay tơi bời giữa khuya,
Lá rơi, lá rơi như đời phấn son,
Lắng nghe cung đàn nỉ non, em thấy buồn cô đơn.
Ta mơ nhìn bầu trời thê lương,
Muôn ánh sao chập chờn đêm trường.
Khách đã về đường xa muôn lối,
Đứng giữa nơi hí trường thanh vắng,
Khiếm tim em tê tái lạnh lùng.

(Vô Vọng-cổ) 1 : Khi em biết được ai là khách tri-âm, ai là người chồng lý tưởng, em sẽ thành tâm dâng trọn quả tim vàng…

Trong bài « **Cô hàng chè tươi** » của Viễn-Châu, do Cô Lệ-Thủy đơn ca trên dĩa Lam-Sơn, có gối đầu bản Nhạc để qua Vọng-cổ :

Ai đang tiến bước ra nơi tiền tuyến.
Súng trên vai đi đi dưới sương mờ.
Hăng hái lên khi sơn hà nguy biến,
Bước vinh quang em tha thiết mong chờ.
Bóng anh khuất dần, trên lối mòn gập ghềnh ra ải quan,
Em đứng nhìn anh, gởi mộng hồn theo bóng mây ngàn.
Anh ra chốn ấy trăng treo đầu súng,
Bước hiên ngang anh đi cứu quê nhà.
Mai mốt đây anh trở về thôn xóm,

Có em đang chờ anh dưới trăng tà.
Có em đang chờ anh dưới trăng tà…

(Vô Vọng-cổ) 1 : Các anh đi đâu khi vầng dương vừa lố dạng hãy vào đây uống cạn mấy chung trà…

Trong bài « **Lắng tiếng mưa rừng** » của Viễn-Châu, do cô Phượng-Liên đơn ca trên dĩa Việt-Hải, có bản Nhạc gối đầu :

Mưa cuối đông bâng khuâng buồn bay,
Nghe giọng kèn mà thương nhớ ai.
Mưa gieo buồn mưa ơi,
Khi cố nhân xa rồi.
Hồn theo vương vấn,
Theo muôn ngàn lá rơi,
Nghe gió reo đâu đây vi vu,
Xứ thượng sầu theo ai nhớ thu.
Mưa thu buồn rơi rơi,
Ôi nói không nên lời,
Cùng ai trao gởi,
Theo cánh chim tung trời.

(Vô Vọng-cổ) 1 : Ai nhớ thương ai qua tiếng kèn lau nức nở trong khi giữa đồi xa đang vọng lại gió mưa rừng…

Sau đây là lối Liên ca diễn khúc của s.g. Viễn-Châu, nhan-đề « **Hán-đế biệt Chiêu-quân** » do hai tài-tử Ngọc-Hương Thanh-Hải trình bày trên dĩa Lam-Sơn, có ngâm Tao-Đàn để vô Vọng-cổ :

(Hán-Vương) (Thanh-Hải) (Lối) :
Ái khanh ôi !

Buổi đưa tiễn thêm ngỡ-ngàng dạ trẫm,
Vạt cẩm bào ướt đẫm lệ quân vương.
Nén tim đau khanh cất bước lên đường,
Ôm đoạn thảm trẫm ngày thương đêm nhớ.

(Tao-Đàn) (Đệm nhạc) :

Chiêu-Quân (Ngọc Hương) :
Hán, Hồ đôi ngả tình dang dở,
Duyên kiếp ngàn năm cách biệt rồi.
Mấy tiếng tỳ-bà bao ngấn lệ,
Bên bờ biển thẩm, gió chơi vơi.

(Vô Vọng-cổ) (Hán-Vương) 1 : Ái khanh ôi ! Nhạn môn quan chia tay đầy nước mắt, trẫm xót đau như cắt đoạn can tràng... Nhìn mặt khanh trẫm càng thêm tủi thẹn với chiếc ngai vàng... Mấy thu qua mỏi mòn trong cung lạnh, trẫm để cho nàng vò võ kiếp hồng nhan, năm canh sầu mộng, sáu khắc tư lương, đốt đỉnh trầm hương soi lại dung nhan gầy héo võ vàng, khi nghe tiếng trống sang canh liên hồi khởi điểm.

2 : Trẫm đã vô tâm phụ phàng một bông hoa thắm để cho đóa hoa xuân phải rã cánh phai tàn... Khúc nhạc ái ân dở dang bản Phượng cầu hoàng... Có nhiều đêm trẫm nghe từ xa vọng lại những tiếng tỳ-bà réo rắt nỉ non, trẫm cữ ngỡ đó là nhạc điệu sầu thương của một cung phi đã tàn phai hương sắc, chớ có ngờ đâu đó là tiếng lòng thổn thức của kẻ vô phần sớm lỡ một đời hoa.

(Chiêu-Quân) (Lối) :

Quân Vương ôi !

Xin đừng nói những lời tha-thiết,
Tiếng ân tình như muối xát dạ Chiêu-Quân.
Buổi trước kia đã ruồng rẫy một dung nhan,
Nay nhắc chuyện đá vàng thêm thẹn tủi.

(Tao-Đàn) (Đệm nhạc) :
Hán-Vương :
Chia tay duyên thắm, hồn tê tái,
Nhắp chén ly bôi, dạ rã rời.
Người ngọc đi rồi, ta ở lại,
Nỗi niềm tâm sự tỏ cùng ai.
Đường tơ thôi đã dứt,
Đầy vơi lệ cảm hoài.
Chiêng trống vang vang, sầu viễn cách,
Lá vàng ải nhạn, gió tung bay.

(Vô Vọng-cổ) (Chiêu-Quân) 3 : Bệ hạ ôi ! Thần thiếp ra đi hôm nay như chim chiều bạt gió, như hoa trôi bèo giạt ở ven gành… Duyên kiếp trời xui như một mối tơ mành… đã không hưởng nhờ ơn Võ lộ mà lại còn chịu tấn cống Hồ bang, thiếp muốn gượng điểm trang nhưng thêm tủi cùng son phấn, thì mượn chiếc tỳ-bà chùng dây long phím để dạo lên một bản đoạn ly tình.

4 : Bệ hạ ôi ! Kiếp này duyên đã lỡ nguyện tái sanh cây lá giao cành… Rồi đây khi thu mãn đông sang, xuân mang về cho ngự uyển một nguồn hương sắc mới, bệ hạ có nhớ đến thiếp thần xin hãy nhìn cánh hoa đào còn cười cợt gió đông để nhớ người cung nữ một đi không trở lại, chưa được gần bên chín bệ lại phải cống Hồ để trả nợ quân vương ; nợ

gì đâu mà lãnh cung mòn mỏi, duyên gì đâu mà Hồ, Hớn đôi đường.

(Hán-Vương) (Lối) :
Ái khanh ôi !
Bởi Mao-diên-Thọ đem lời sàm tấu,
Trẫm vô tâm không suy nghĩ cạn cùng.

(Chiêu-Quân) :
Đày thiếp thần giữa chốn lãnh cung,
Năm tháng chịu lạnh lùng sương tuyết phủ.

(Hán-Đế) :
Nay vận Hán gặp hồi điên đảo,
Phải đưa khanh tấn cống sang Hồ.
Cậy nhờ khanh vãn cứu một cơ đồ,
Lòng quả đức xót xa niềm tủi hận.

(Ải Nhạn chiều mưa) (Nhạc)

(Chiêu-Quân) :
Nhạn môn quan, đây ngày chia ly, đây ngày chia ly,
Dưới mưa rơi tiếng tỳ-bà vẳng khúc bi ai,
Mây nước bao la chia rẽ tình ta.

(Hán-Vương) :
Thôi khanh ôi ! Cơn biến nguy đành rẽ đôi,
Duyên đôi ta như khói mây, bèo nước trôi.

(Chiêu-Quân) :
Xa non nước, tấm thân nầy có nài bao,
Nếu quân vương vẫn nặng tình khi nhớ nhau.

(Ngâm) :

Ban ơn cha yếu mẹ già,
Thần hôn hoạn dưỡng hải hà nặng mang.

(Vọng-cổ) (Hán-Vương) 5 : Ái khanh ôi ! Trao đóa hoa xuân cho người xa lạ, trẫm thấy lệ nghẹn ngào tuôn trong tấc dạ buổi chia lìa… Khanh ra đi đâu có hẹn ngày về… từ đây lãnh cung vắng tiếng đàn ảo não và muôn đời dứt đoạn nghĩa phu thê, khanh có oán trách trẫm chăng, trẫm cũng cam lòng nhận chịu, khi nhìn khanh đau khổ mà lòng trẫm nát tan như trường giang cuộn sóng ba đào.

(Thơ) (Hán-Vương) :
Trống chiêng giục giã lời ly biệt,
Cây cỏ còn đau nỗi đoạn trường.

(Chiêu-Quân) :
Một thuở ra đi, sầu vạn kiếp,
Hoa lòng héo hắt mộng lòng tan.

(Tao-Đàn) (Đệm nhạc)

(Hán-Vương) :
Tỳ Bà bặt tiếng, tình ly cách,
Một dãy sông xanh, lệ mấy hàng.
Sương khói chiều nay, mờ ải vắng,
Lệ tình ướt đẫm nhạn môn quan.

(Tiếng trống chiêng giục-giã).

(Vọng-cổ) (Chiêu-Quân) 6 : Quân vương ôi ! Phút chia ly giọt châu rơi tầm tã, trong khi tiếng trống chiêng rộn rã đổ liên hồi… Từ đây Hồ, Hớn đôi phang, vĩnh biệt nhau rồi… bến chia ly đượm một màu tang tóc và tiêu điều ải nhạn

môn quan, mấy dặm trường đình chứng kiến cảnh ly tan, Bệ hạ đối với thiếp thần đã tròn đạo nghĩa, kìa sương lam phủ giăng cây cỏ, xin quân vương hãy trở lại xe rồng.

7 : Từ đây có gặp gỡ nhau chăng hãy chờ khi nghe tiếng trống điểm tàn canh, lầu tây nghiêng bóng nguyệt, hồn thần thiếp sẽ hiện về trong giấc mộng để giây phút cận kề gần gũi lịnh thiên nhan. Quân vương ôi ! hãy lau giòng lệ chia ly, quay mặt đi, đừng nhìn theo chiếc thuyền loan từ từ tách bến mà thiếp đây thêm tê tái tâm hồn… Buồm đã căng lên đón gió trùng dương và đưa Chiêu-Quân về miền xa lạ, mang theo một tâm sự não nùng với tiếng tơ đồng giữa nhạn môn quan.

Để Quí vị độc-giả thưởng-thức mấy điệu ngâm thơ và ngâm Tao-Đàn, chúng tôi đã biên trọn mấy câu Vọng-cổ.

Sau hết, trong khoảng năm 1964-65, soạn-giả thường cho gối đầu bản Vọng-cổ bằng những bản tân-nhạc đã có sẵn như : Hòn Vọng-Phu, Phiên gác đêm xuân, Ngày tạm biệt, Đêm cuối cùng, Nhớ một chiều xuân, Mấy dặm sơn khê, v.v… Và nhiều khi soạn-giả cho lồng vào câu Vọng-cổ những thành-phần của các bản tân-nhạc ấy. Bản « **Hòn Vọng-Phu** » dưới đây do cô Mỹ-Châu đơn ca trên dĩa Lam-Sơn, có thể làm thí-dụ : (Tân-nhạc : Lê-Thương) (Cổ-Nhạc : Viễn-Châu)

Lịnh vua hành quân trống kêu dồn,
Quan với quân lên đường,
Đoàn ngựa xe cuối cùng,
Vừa ruổi theo lối sông,

Phía cách quan sa trường,
Quan với quân lên đường,
Hàng cờ theo trống dồn,
Ngoài sườn non cuối thôn,
Phất phới ngậm ngùi bay…

(Vô Vọng-cổ) Câu 1 : Qua thiên san có kẻ bồng con đứng bên dặm liễu tiễn đưa nhau khi chén rượu chưa tàn… Em tiễn người đi trong lệ thắm đôi hàng… Tiếng vó câu giẫm lên đường vạn lý lẫn tiếng trống bập bùng vọng lại giữa hoàng hôn, chàng đi rồi em vẫn đứng ôm con nhìn sương lam phủ kín lưng trời, em đưa tay nhặt lá vàng rơi để kỷ-niệm ngày chàng ra biên ải.

(Phần nhạc lồng vào câu 6) :
Bên Man Khê còn tung gió bụi mịt mùng,
Bên Tiêu Tương còn thương tiếc nơi ngàn trùng,
Người không rời khỏi kiếp gian nan,
Người hóa thành tượng đá ôm con.

(Trở lại câu 6 Vọng-cổ) : Bến cũ còn đây nhà xưa còn đó nhưng người năm xưa đã vắng bóng lâu rồi, trên sườn núi cheo leo có một hình đá tháng ngày soi bóng nước.

(Thơ) :
Bởi ai mòn mỏi trông chồng,
Cho nên đã hóa ra Hòn Vọng Phu.

Theo thiển kiến chúng tôi, nếu muốn gối đầu Vọng-Cổ (V.C.) bằng tân-nhạc, nên lựa những điệu nhạc êm vì gác qua V.C. phải có âm hưởng êm mới hạp giọng. Thế nên gối đầu V.C bằng cách ngâm TAO-ĐÀN, hay ca những bản tân-

chế có đệm nhạc êm như trong « **Hán-Đế biệt Chiêu-Quân** », v.v… cũng đủ hay rồi. Còn muốn cho ca tân-nhạc, tốt hơn để ca ở chỗ riêng, chẳng nên cho lồng vào câu Vọng-cổ, vì điều ấy làm mất « dân tộc tính » của bản V.C, và sợ một ngày kia chúng ta sẽ không còn nghe ca Vọng-cổ mà nghe hát « lai căn ». Vả lại, cái phương-pháp cấu-tạo nầy không thể áp dụng cho tuồng Cải-Lương.

đ) Vì sao bản Vọng-cổ được công-chúng hoan nghinh và sự áp-dụng bản vọng-cổ trong tuồng Cải-lương và các nơi khác

Người Việt chúng ta ưa thích Vọng-Cổ vì bản ca ấy thường được dùng cho tuồng Cải-Lương trong những lớp gay-cấn và cảm-động nhất. Một tuồng hát mà không có ca Vọng-cổ hoặc ca ít quá sẽ bị bỏ rơi.

Thế nên soạn-giả luôn luôn thừa những lớp tuồng « cụp-lạc » đem bản Vọng-cổ ra để thỏa-mãn thị-hiếu của khán-giả. Các vai tuồng khi muốn viện-dẫn lý-do để bênh-vực cho lập-trường của mình đều dùng một ít câu Vọng-cổ đặng thuyết-phục người đối-thoại.

Giọng ca Vọng-cổ được chậm-rãi, rõ-ràng, minh-bạch và người ca có thể nhấn mạnh những điểm quan-trọng để lưu-ý người nghe. Đây là một giọng ca đặc-biệt, vừa ca vừa nói chuyện rất hạp cho những cuộc tranh-luận có tánh-cách giải-thích và van-cầu mà các giọng ca khác không thể thay thế đặng.

Để minh-chứng điều nầy, chúng tôi xin trích một lớp tuồng « **Máu nhuộm Phụng-hoàng-cung** » của s.g. Duy-Lân trong đó bản Vọng-cổ được đem ra sử-dụng nhằm hồi

gây cấn nhất của tuồng. Ấy là lúc lão Kiều-quốc-Sĩ muốn thuyết-phục con gái là Kiều-Nhan để nàng đem gươm về thích-khách chồng hầu trả thù cho Tổ-quốc. Và con gái cũng dùng Vọng-cổ để van-lơn cha thông-cảm giùm hoàn-cảnh nan-giải của mình : **Máu nhuộm phụng hoàng cung**

(Kiều-quốc-Sĩ) (Duy-Lân) Lối : Con ôi ! Cha như nằm trên đống lửa, cha như đứng trên chông gai, để nhìn cuộc phú quí vinh hoa mà con đang tọa hưởng. Vả lại con là đứa con duy nhất của cha, con là nguồn sống của cha, con là hy vọng cuối cùng của cha, thế tất cha phải đem bao nhiêu tâm sự của cha giãi bày cho con được biết. Đây con hãy bình-tĩnh bước lại đây, lại gần đây rồi con…

(Ca Vọng-cổ) Câu 7 : Yên lặng con ngắm nhìn, con thử nhìn kỹ lại dung nghi của cha, xem cha có phải là hạng người mê đắm cuộc vinh hoa, hay có thể say sưa mùi chung đỉnh.

8. Con ôi ! từ ngày mẹ con mất đi thì cha vào ra hiu quạnh, lòng cha khác chi là tàn tro lạnh, cha có còn tham sống nơi đất Liêu nầy chỉ vì cha thương con là giọt máu của cha đã hoang rơi trong buổi con còn thơ ?

9. Khách địa bơ vơ, thân cha đương bị câu lưu nơi địch quốc, nên ngày nay cha vời con lên đây là cha muốn biết tự trong tâm hồn con có còn phưởng-phất chút tình quê hương hay là con phụ vong mà đi quên nguồn quên cội.

10. Đây, tóc cha đã bạc, lưng cha đã còm, cha không còn sống bao nhiêu lâu nữa, rồi đây cha sẽ gởi nắm xương tàn vùi chôn dưới ba tấc đất, nên cha muốn nghe một lời

chân thật của con cho trọn tình phụ tử, cho vẹn nghĩa với quân vương.

11. Con ôi ! Con là bực tuyệt thế giai nhân thông minh đĩnh ngộ, lời cha chưa cạn thì con đã hiểu xa, cha hỏi con, nếu một mai có kẻ nào nó toan hại mạng cha thì con phải làm sao mà đền báo thù nhà.

12. Chim khôn thì không quên ổ cũ, con hiếu không xao lảng thù cha, dân trung không hề vong đất nước, ổ cũ tan thì chim than ríu rít, thù cha chưa báo thì con phải nếm mật nằm gai, còn nếu chẳng may mà Tổ-quốc có ngửa nghiêng thì kẻ dân trung phải xả thân ra mà đền đáp cho sơn hà.

(Nói) : Cha không muốn dông dài luận lý, cha chỉ nói vắn tắt con một vài lời thôi : Đây, nếu có kẻ nào giết cha thì con phải làm sao ?

(Kiều-Nhan) (Phùng-Há) : Dạ thưa cha…

(Kiều-quốc-Sĩ) (Duy-Lân) : Sao ?

(Kiều-Nhan) : Nếu có kẻ nào cả gan hại mạng cha, thì con… nguyện sẽ đổ máu ra để rửa hận đó cha à.

(Kiều-quốc-Sĩ) : Hay lắm, giỏi lắm, vậy mới phải là con hiếu của cha. Nhưng nếu nước ta bị người xâm lấn, con mới liệu làm sao ?

(Kiều-Nhan) : Nếu nước ta bị người xâm lấn thì con sẽ hy sinh cả thân thể để đền bồi đó, cha à.

(Kiều-quốc-Sĩ) : Cha khen con, cha khen con, con như vậy mới xứng đáng là họ Kiều của cha. Nhưng… kẻ xâm lấn nước ta là người nước Liêu ?

(Kiều-Nhan) : Nhưng nếu kẻ xâm lấn nước ta là người…

(Kiều-quốc-Sĩ) : Nước Liêu, nước Liêu, thì sao con ?

(Kiều-Nhan) : Thì con không thể xem nước Liêu là thù địch được.

(Kiều-quốc-Sĩ) : Ồ… con không thể xem nước Liêu là thù địch ? Vì sao vậy con ?

(Kiều-Nhan) : Vì…

(Kiều-quốc-Sĩ) : Vì sao ?

(Kiều-Nhan) : Vì nước Liêu là nước của chồng con, nước của con con, vì nước Liêu là quê hương thứ hai của con, cha à.

(Kiều-quốc-Sĩ) : Ồ, vì nước Liêu là quê hương thứ hai của con, phải rồi, nên con mới đành ngồi yên để nhìn cái quê hương thứ hai ấy nó giày đạp, nó tàn phá cái quê hương thứ nhứt đi đã nghe. Thôi thôi (tiếng khóc).

(Kiều-Nhan) (ca tiếp Vọng cổ) Câu 13 : Cha ôi, xin cha hãy xót thương thân con trôi nổi bềnh bồng, nhờ ơn Liêu quốc bao dung từ khi con còn thơ ấu, số hệ khiến xui cho con phải chìm đắm giữa muôn trượng phong ba.

14 : Trước hết con nhờ ơn dưỡng phụ Thân-vương-Hầu, lúc nhai cơm khi bú mớm, dưỡng dục gian lao, nay có lẽ nào hữu ân vô oán, con lại đi phản bội cho đành sao ?

15 : Còn chồng con thì yêu quí con, nâng đỡ con, xây đắp cho con muôn ngàn danh vọng, nay có lý đâu rẻ khinh tình trọng mà con đang tay giết hại một đấng anh hùng.

16 : Cha ôi, cha thường dạy con rằng con là giọt máu di lưu của mẹ cha trong huyết quản, thì nay con của con vẫn là tinh hoa của con tạo thành. Nó là cháu ngoại của cha, cha ôi, cha nỡ nào chẳng xót thương.

(Kiều-quốc-Sĩ) Nói : Nay cha bị Liêu chúa nghi ngờ, tất cha phải dành sẵn cho cha một phương tiện, Lý-minh-Chương !

(Lý-minh-Chương) : Mô Phật.

(Kiều-quốc-Sĩ) : Cầm cái hộp gấm để trên bàn Phật kia đem cho lão.

(Lý-minh-Chương) : Mô Phật.

(Kiều-quốc-Sĩ) : Đây, con ngảnh nhìn xem.

(Kiều-Nhan) : Á… (với vẻ kinh hãi)

(Kiều-quốc-Sĩ) : Không, con đừng sợ, lưỡi độc kiếm nầy cha đã cố công rèn luyện nên trong hai năm trời khổ tâm nhọc trí, mũi kiếm chỉ đụng nhẹ ngoài da thôi, cũng đủ giết mạng người trong khoảnh khắc, vì cha có tẩm rất nhiều chất độc của núi rừng. Trước khi cha luyện nên nó, cha có nguyện với nước non rằng : lưỡi kiếm nầy nó sẽ giết…

(Kiều-Nhan) : Ai vậy cha ?

(Kiều-quốc-Sĩ) : …một người trong hai người mà số trời đã định sẵn.

(Kiều-Nhan) : (tiếng run rẩy) Người ấy là, là ai vậy cha ?…

(Kiều-quốc-Sĩ) : Người ấy là cha đây !

(Kiều-Nhan) : Có lẽ nào cha lại đi rèn độc kiếm để rồi tự giết cha hay sao cha ?

(Kiều-quốc-Sĩ) : Phải, con nói đúng lắm, nhưng nếu cho cha được sống thì phải có kẻ khác thế mạng vào.

(Kiều-Nhan) : Phải có người thế mạng, người ấy là…

(Kiều-quốc-Sĩ) : Là chồng con, Liêu-vương…

(Kiều-Nhan) : Không, không cha ôi, con không thể giết chồng con, con không muốn mang danh ác phụ, con không nỡ nhìn xác chồng con trên vũng máu, con không đành cho con dại mất cha ; thà là con đem thân thế tử cho chồng, thế cũng đủ cho con xử xong tình hiếu rồi cha à.

(Kiều-quốc-Sĩ) : Hay a, con quả một trang hiền phụ, con không nỡ giết chồng, thì cha sao lại đành đoạn giết con. Nhưng bởi tình thế nan phân cha phải trọng lời thề nguyện. Thôi vậy để cha tự sát cho xong.

(Kiều-Nhan) : Khoan đã cha, cha, con xin vâng lời cha, con đi giết chồng con đây, con đi giết chồng con đây ! Trời ôi, con không lãnh mạng thì cha chết, bằng vâng lời thì tan nát tình duyên, thôi thôi cắn răng âu là gặp biến phải quyền, vì Tổ-quốc cam dứt niềm phu phụ rồi.

(Kiều-quốc-Sĩ) : Phải đó con, vì phu phụ là tiểu-tiết, mà Tổ-quốc là đại-nghĩa, phải sát thân hy sinh đi con, hy sinh đi con.

(Kiều-Nhan) : Con phải hy sinh, trời ôi con hy sinh !

Kế đây là một lớp tuồng « **Lỡ bước sang ngang** » của soạn giả Thu-An và Hoàng-Khâm do đoàn Thanh-Minh trình

diễn, trong đó hai vai đào kép thử tình nhau bằng câu Vọng-cổ :

(Lam-Sinh) (Hữu-Phước) : Không, anh cảm thấy tim anh chập chờn mở cánh… Đạp trên cành xuân thắm mảnh vườn yêu.

(Tuyết-Anh) (Bích-Sơn) : Còn Cẩm-Nhung ?

(Lam-Sinh) (Hữu-Phước) : Cẩm-Nhung ! Em ôi, hình ảnh Cẩm-Nhung đã lặn mất giữa màu hoa trinh trắng. Đẹp mơ-màng trong sáng như vầng trăng thu tỏ rạng tự…

(Ca Vọng-cổ) Câu 13 : …muôn đời. Anh sung sướng được em yêu bằng một thứ tình câm lặng không lời. Nhưng chứa chan kín đáo biết bao lời chung thuỷ của con tim. Chớ không như ai, nói yêu để gởi lời yêu theo mây gió, nói chung tình nhưng lại phản tình bằng muôn ngàn thủ đoạn bước sang ngang.

(Tuyết-Anh) (Nói giặm) (Khóc cảm động thử lòng Sinh) : Sao mãi đến bây giờ anh mới nói ? Em… em đã lỡ ưng người ta rồi.

(Lam-Sinh) : Sao ? Em nói sao ?

(Tuyết-Anh) : Em sắp lấy chồng…

(Lam-Sinh) 14 : Em sắp có chồng ! (đau khổ) Thế là hết. Thế là thuyền mơ anh sau phút chơi vơi vì sóng gió… phải mở lòng thêm lần nữa để đưa rước một người tách bến sang sông, thay bạn đổi tình. Trên bến đời nhiều hoa gấm, khách yêu không đợi một người. Và tất cả đều đưa mắt ngó

mênh mông như bướm ong sợ xuân vội tàn, sợ tình vội cũ, thay đổi sắc màu theo nhịp bước thời gian.

(Tuyết-Anh) (Nói giặm) : Em yêu anh... em có thể chết vì anh... nhưng đã lỡ như thế... em biết làm sao ?

(Lam-Sinh) 15 : Cám ơn em đã đến với anh vào những phút u buồn tẻ lạnh, đem lại nguồn cảm mới có thể làm sống dậy một con tim. Nhưng em sắp đem ra khỏi đời anh tất cả những gì mầu nhiệm và huyền-ảo nhất trần gian. Kể từ đây, với một hồn lạnh, một thân côi, một khối sầu tuyệt vọng... anh sẽ bắt đầu nghe lại tiếng tim rạn vỡ như nói một niềm thương đau khổ mấy muôn phần.

(Tuyết-Anh) 16 : Anh ôi ! Chúng ta đã lỡ hẹn lỡ yêu với mộng đời không trọn. Thôi thì anh quên đi những gì đáng tiếc của ngày qua. Anh hãy gượng vui để chờ duyên thời gian mầu nhiệm đem đến cho anh một người đẹp không nhanh chân phản bội và chẳng vội vàng yêu, anh hãy quên em như Nhung đã quên anh. Quên như thời gian quên ngày tháng, như đò ngang quên khách đợi chờ.

(Thơ) :
Bến yêu mấy chuyến đò ngang,
Là anh còn gặp mấy nàng xinh xinh.
Trăm năm hẹn một mối tình,
Lòng yêu trắng một mầu xinh trắng lòng.

(Lam-Sinh) (Bỏ lại ghế ngồi ôm đầu đau khổ) Nói : Thôi, em hãy về đi.

(Tuyết-Anh) : (tươi cười đến gần nhìn âu yếm) Nói : Anh !

(Lam-Sinh) Nói : Còn gì nữa mà anh em.

(Tuyết-Anh) Nói : Em muốn nói giỡn với anh vậy chớ em hổng có ưng ai hết.

(Lam-Sinh) Hỏi : Sao ? Em nói sao ?

(Tuyết-Anh) : Nói là em hổng có sao hết.

(Lam-Sinh) : Vậy mà em…

(Tuyết-Anh Phụng phịu) nói : Ai biểu từ lâu nay anh làm khổ em chi.

(Lam-Sinh) : Anh xin lỗi em. Anh hối hận đã không nhìn thấy một vừng trăng trước mặt !…

Tiếp theo đây một đoạn tuồng « **Nửa đời hương phấn** » của soạn giả Hà-Triều Hoa-Phượng do đoàn Thanh-Minh Thanh-Nga trình diễn, lúc các vai chánh dùng Vọng-cổ để giải-thích thái-độ của mình trước cảnh chia-ly thảm-não :

(CANG) (Hữu-Phước) : Bây giờ em đã có vợ rồi. Anh không cần phải giấu em nữa. Tùng, cô Hương xa em là do nơi anh.

(TÙNG) (Thành-Được) : (Ngạc nhiên nhìn Cang)

(CANG) : Vì anh sợ Hương sẽ là vợ của Tùng.

(TÙNG) : Trời !

(CANG) : Nên cô Hương mới âm-thầm dứt áo ra đi trong khi lòng cô vẫn tha thiết…

(Vọng cổ) 1 : Yêu Tùng, nước mắt của cô rơi theo từng bước ngập ngừng, nhìn cô Hương đi mà lòng anh se thắt.

Nhưng Tùng ơi ! Vì những lời trăn trối của mẹ cha, vì danh giá của gia-đình ta, mà buộc lòng anh phải yêu cầu Hương nên phải xa Tùng vĩnh-viễn.

(TÙNG) (nói) : Anh tàn nhẫn quá anh Hai, Hương ơi ! Tùng có hay biết gì đâu !

(CANG) 2 : Ngày nay mọi việc xong xuôi, em của tôi đã có vợ rồi, ơn của cô xin ghi nhớ muôn đời. Sự hy sinh của cô thật là cao cả và cũng là cay đắng xót xa. Cô Hương, cô hãy rán quên đi mọi việc đã qua, rồi thời gian sẽ giúp cô sớm thiết tha yêu lại cuộc đời tươi đẹp như hoa.

(HƯƠNG) (Út Bạch-Lan) : Cám ơn anh (nức nở).

(TÙNG) (quá đau đớn) : Hương !

(HƯƠNG) : Tùng ! (càng khó nhiều).

(CANH) (ca tiếp) 3 : Cô Hương, trong những giờ phút đau khổ nhứt người ta cần phải khóc thật nhiều cho vơi bớt phần nào chua xót. Nhưng trong hoàn cảnh nầy, những giọt nước mắt của cô nó có giá-trị như những liều thuốc hồi sinh. Nó sẽ làm sống lại mối tình đã chết trong lòng Tùng tự bấy lâu nay. Cô Hương ôi ! Cô đã đi gần mút quãng đường dài cao đẹp, thì xin cô hãy gắng thêm vài bước nữa, chớ đừng vì một phút yếu dạ non lòng mà cô bỏ cả một công trình.

(HƯƠNG) : Vâng, tôi sẽ cố gắng.

(Ca) 4 : Tùng ơi ? Chắc đây là lần chúng ta gặp gỡ sau cùng. Hương khuyên Tùng hãy rán quên Hương và Hương cũng rán quên Tùng. Xa nhau Tùng cho phép Hương được giữ lại những vật kỷ-niệm mà Tùng đã tặng cho Hương và

cả bức thơ nầy nữa, vì bây giờ Tùng đã hiểu Hương. Tùng ơi ! Đêm đêm Hương sẽ thắp nhang cầu trời phật phù hộ cho Tùng yên vui với hạnh phúc. Tùng có hạnh phúc thì Hương mới được vui. Tùng ơi ! Hương sẽ vui sống với hạnh phúc của vợ chồng Tùng.

(Nói luôn) : Từ giã anh Hai. Vĩnh biệt Tùng. (đi)

(TÙNG) nói : Không ! Hương ơi ! Trong khi Tùng cưới vợ để trả thù Hương thì trái lại Hương đem cả tương lai hạnh phúc mà hiến dâng…

(Vọng-cổ) 5 : Trọn vẹn cho Tùng… Thật không còn gì cao cả cho bằng. Vậy mà bấy lâu nay Tùng nỡ nguyền rủa và khinh bỉ Hương. Nhưng Hương ơi ! Nguyền rủa và khinh bỉ vì hiểu lầm nhau chắc còn ít đớn đau hơn là khi đã hiểu được nhau, khi mà Tùng vừa cưới vợ xong rồi.

(HƯƠNG) (Lối giặm) : Thôi Tùng hãy quên đi mọi việc cũ. Rán mà thương vợ cho gia-đình êm ấm, cho anh Hai được vui lòng và (khóc nghẹn) Hương cũng vui nữa.

(TÙNG) (Ca) 6 : Hương ơi ! Làm sao Tùng quên Hương cho được. Anh Hai ! Tôi không còn lòng dạ nào mà thương ai hết. Người như vầy mà anh cho là xấu xa. Dĩ vãng xấu không đáng sợ đâu anh à. Sợ là sợ cái xấu trong hiện tại và tương lai kìa. Đâu anh hãy thử tìm khắp nơi coi ở đâu có được một người đàn bà cao đẹp như thế nầy. Tôi sẽ đi với Hương. Hương ! Tùng sẽ đi với Hương, chúng ta sẽ chung sống với nhau dầu trong mái tranh vách lá nghèo nàn.

Kế tiếp là hồi kết-cuộc của vở tuồng « **Tấm lòng của biển** » của Hà-Triều Hoa-Phượng và Cô Nguyệt trình bày

trên dĩa Lam-Sơn ; các vai chánh cũng dùng Vọng-cổ để biểu-thị tấm lòng hy-sinh cao-cả của mình :

(THANH) (Thanh-Nga) Câu 3 : Má ! Má ơi ! Dòng sữa ngọt của má đã nuôi con đến ngày khôn lớn, thì có lẽ đâu trái tim con lại khô cạn máu thâm tình… Con đã vô tình phạm tội phụ ơn dưỡng dục sanh thành… Vậy mà bấy lâu nay má vẫn nuốt lệ khóc thầm không chịu nhìn con. Má chôn sâu sự thật vào trong dĩ vãng, sơn phết đời con bằng sự sang giàu vay mượn của người ta để cho con bề hiếu đạo không tròn.

(ÔNG ĐỆ) (Tám Vân) : Hai à, con nó nói vậy, em cũng nên nhận con cho nó đừng thắc mắc nữa.

(BÀ HAI) (Ngọc Nuôi) : Con !

(THANH) (Thanh-Nga) : Má !

(BÀ HAI) : Đâu phải đến nay má kêu tiếng con ơi lần thứ nhứt mà đã từ lâu má lén kêu nho nhỏ tiếng con…

(Vọng-cổ) 4 : *…*với tất cả thâm tình… Dầu con coi má như người dưng, má cũng coi con là như núm ruột của mình… Nhưng tiếng con tha thiết của má, từ đây con sẽ không còn nghe nữa. Vì má phải xa con, đi chôn giấu cái cội nguồn không rực rỡ, để cho con khỏi bị bên chồng khinh rẻ thì hạnh phúc tình duyên của con sẽ được nguyên lành.

(THANH) : Không ! Má đừng đi. Thà là tình con tan vỡ hơn là duyên má dở dang. Con còn nhỏ, đời con còn dài, lo gì má.

(ÔNG ĐỆ) : Con nó nói vậy em cũng nên nghe lời nó cho nó vui.

(BÀ HAI) *5 :* Vì muốn hy sinh cho con trẻ mà má chịu khổ đau đã hơn hai chục năm trời. Nay má đâu nỡ để cho con dang dở mộng xuân thời… Má phải đi. Dầu ở xa nhau nhưng lúc nào má cũng thương nhớ đến con. Lâu lâu má lại lén về thăm để nhìn con sống yên vui trong hạnh phúc, còn hơn là hy sinh một mối tình tươi đẹp để điểm tô hạnh phúc tình duyên cằn cỗi của tuổi già.

(ÔNG ĐỆ) : Mẹ có lý của mẹ, con có lý của con, tôi không biết khuyên sao cho đúng nữa.

(BÀ HAI) : Con để má đi.

(THANH) 6 : Má ! Má không cần phải đi đâu cả. Anh Hưng ! Đây là má ruột của em, và ba em đã tục huyền với dì Hai nuôi vú này đây. Nếu anh thấy đó là một điều làm tổn thương danh giá thì anh hãy về, đừng để cho mẹ con em phải mỗi người một ngả. Má ơi ! Má đã vì con mà má phải sống như một người cô phụ đếm thời gian để chờ xuân sắc phai tàn. Mối tình đầu con dầu có hỏng, nhưng vẫn còn hy vọng ở ngày mai. Chớ con không để má thêm lận đận trên đường đời, lặng nhìn hạnh phúc buồn trôi.

Sau hết trong tuồng « **Hoa Mộc-Lan** » của s.g. Viễn-Châu và Ngọc-huyền-Lan do các tài-tử trình bày trên dĩa Lam-Sơn, có lớp đôi vợ chồng mới tiễn-biệt nhau bằng câu Vọng-cổ sau khi gối đầu bằng bản Sương-Chiều :

(BỘI-NGỌC) (Lệ-Thuỷ) : Rồi đây :

(Lối) :
Có những khi chén rượu rót đầu gành,
Hay những lúc nhung cừu phơi trước gió.
Khi sương trắng phủ giăng đầu cây cỏ.
Khách chinh phu ruổi ngựa…

(Sương chiều)

(Ca) :
Chốn biên thuỳ. Nhìn lá vàng tung bay.
Có gởi mộng hồn, về nơi quê cũ,
Để nhớ thương bóng ai, phương trời mỏi mòn đợi trông.

(HOA-MỘC-LAN) (Thanh-Nga) :
Ngày ra đi, lửa binh mờ biên cương
Chén ly bôi, cạn lời nhớ thương
Ngày trở về, vui chiến thắng
Nước non thanh bình
Thoả tình đợi trông.

(BỘI-NGỌC) :
Mới gần nhau, phút đã chia lìa
Người đi chốn ấy
Bao chiến công đón chờ người nam nhi.

(Vọng-cổ) (HOA MỘC-LAN) 4 : Bội Ngọc ôi, rồi đây khi bụi quan san mịt mùng vương vó ngựa, thì cũng chính là lúc kẻ phòng khuê tựa cửa đứng mong chờ… Tôi sẽ ra đi trong gió lạnh sương mờ… trăng lạnh tàn thu soi đường chiến mã, sương gió biên thuỳ sẽ chép lại vần thơ.

(Thơ) :
Biên thuỳ sớm nắng chiều mưa,

Mắt xanh vương ngấn lệ mờ mà chi.
Cạn rồi chén rượu chia ly,
Cầm tay đưa tiễn người đi chưa về.

5 : Muôn dặm hồn quê vẫn mơ về phương mây xa thẳm, nghe gần xa gió lộng giữa đêm trường… Vườn cũ đìu hiu rơi rụng cánh mai vàng, tôi ra đi gối đầu trên kiếm thép khi mộng hồn chưa trọn giấc Nam Kha, mũi đạn làn tên với gió bụi trường sa chưa nản chí mày râu nam tử thì nơi chốn thâm khuê người cô phụ hãy yên tâm mà đợi buổi tao phùng.

(Nói giặm) : Bội Ngọc ôi, tôi có một tâm sự bên lòng khó tỏ. Ngày trở về nàng sẽ rõ nguồn cơn.

(BỘI-NGỌC) 6 : Chàng ôi, gió giang đầu đã quyện khói sương tan, trăng chếch bóng bến Hàm-Dương sầu lặng lẽ, thuyền ngư phủ chập chờn ánh lửa như báo hiệu cuộc chia lìa khi trống điểm tàn canh, em chờ khi chấm dứt cuộc đao binh sẽ ra trước cổng đón người xưa trở lại ; em sẽ phủi cho ai bụi đường ngoài biên ải và trao tận tay ai mấy cánh mai vàng, mấy cánh mai nơi cổng vườn xưa của ngày vui năm cũ mà trong buổi chia lìa ta đã trao lời hải thệ sơn minh.

Ngoài sự áp-dụng cho tuồng Cải-Lương, bản Vọng-cổ còn được triệt-để khai-thác trên các dĩa nhựa về nhiều đề-tài khác nhau, xin lược-kê như sau :

- Luân-lý và tình-cảm gia đình : Thâm ân từ mẫu, Mẹ dạy con (sắp có chồng), Tình phụ tử, Chạnh lòng hiếu thảo, Chén cơm cúng mẹ, Hương cau quê ngoại, Phận làm dâu,

Lòng mẹ, Tình mẫu tử, Người chồng lý-tưởng của em, Đội gạo đường xa, Đêm xuân nhớ mẹ, Người vợ hiền, v.v…

- Xã-hội : Quả báo nhãn tiền, Kiếp nghèo, Đời mưa gió, Em bé đánh giày, Sầu vương ý nhạc, Tình anh bán chiếu, Em thương người nghệ-sĩ, Nhạc-sĩ với cung đàn, Đời vũ-nữ, Lắng tiếng mưa rừng, Gánh chè bột khoai, Em tôi làm nghề chiêu-đãi, v.v…

- Đạo hạnh : Quả tim bất diệt, Dưới cội bồ-đề, Thích ca tầm đạo, Quan-Âm Thị-Kính, Dưới bóng từ bi, Luận về đạo Phật, Nguyệt-Kiểu xuất gia, Cha về cõi Phật, Tiếng chuông chùa Xá-Lợi, Mục-Liên tìm mẹ, v.v…

- Nhân vật truyện Tàu : Thoại-Ba Công-chúa, Dương-quí-Phi, Lưu-kim-Đính giải-giá Thọ-Châu, Chung-vô-Diệm, Vua Trụ thiêu mình, Giọt lệ Hàn-Giang, Bá-ấp-Khảo, Tiết-đinh-San, Tôn-Tẫn giả điên, Tiết-Cương tế mộ, Ngưu-Cao tảo mộ, Tống-tửu Đơn-hùng-Tín, Tống-tửu Ô-hắc-Lợi, Triện-tử-Long, Tần-Quỳnh khóc bạn, Thái-sư Văn-Trọng, Hán-Đế biệt Chiêu-Quân, Hạng-Võ biệt Ngu-Cơ, Hoa rơi trong Ngự-Uyển, Tiếng cười Bao Tỷ.

- Nhân-vật lịch sử Việt-Nam : Ánh lửa Mê-Linh (Trưng Nữ-Vương), Giọt lệ Chí-Linh, Trọng-Thuỷ Mị-Châu, Lê-Lai cứu chúa, Bạch-thu-Hà, Võ-đông-Sơ, Thứ-phi Phi-Yến, Tiếng Quyền-Sầu (Phan-thanh-Giản), Trống loạn Thăng-Long-Thành, Khóc vị anh-hùng Yên-Thế, Huyền-Trân công-chúa, Anh-nữ trước pháp-trường, Khóc Trương-công-Định, Giòng lệ biệt cố-nhân, Phan-văn-Hùm, Hồi chiêng nơi Pháp-địa, Ngọc-Hân Công-chúa, v.v…

- Chinh-nhân hiệp-sĩ : Người ấy là anh, Hẹn ngày Thanh-bình, Cô lái đò, Hàng chè tươi, Thơ xuân ngoài chiến tuyến, Cung đàn ướt lệ, Tình anh lính chiến, Bức tâm thơ người chinh-phụ, Đò chiều biên-giới, Hoàng-tử lòng em, Tình cá nước, Lẻ bóng, Tiễn chàng ra mặt trận, Tâm tình người chinh-phụ, Biệt Kinh-thành, v.v…

- Sự tích xưa : Viếng Tháp Chàm, Hòn Vọng-phu, Phạm-Công Cúc-Hoa, Thoại-Khanh Châu-Tuấn, Hồn bướm mơ tiên, Mang xuống tuyền đài, Thiếu-phụ Nam-Xương, v.v…

Sau đây chúng tôi xin chọn lọc một ít bản Vọng-cổ có liên-quan đến các đề-tài nói trên, để làm thí-dụ. Đầu tiên là bài « Thâm ân Từ-mẫu » của soạn giả Kiên-Giang, một nhà văn thường sáng-tác về Luân-lý gia-đình. Bài nầy do cô Ngọc-Giàu đơn ca trên mặt dĩa Lam-Sơn :

- « **Thâm-ân từ-mẫu** » (Vọng-cổ) (Luân-lý gia đình)

1 : Hỡi du khách đừng đi vội-vã, hãy cùng tôi ngắm dáng hình cò bay lả, mà liên tưởng đến người mẹ khô gầy… Bóng cò trắng nghiêng nghiêng theo nắng xế dài… Chính vóc dáng hình hài tuyệt mỹ của người mẹ Việt-Nam suốt đời tận tuỵ vì chồng con… từ ngày cất bước vu qui cho đến khi kiệt tàn hơi thở.

2 : Sắc trắng là tấm lòng trong trắng của đấng mẹ hiền. Dù khổ đau chua xót ưu phiền, mẹ vẫn đem nụ cười che nước mắt, nhịn ăn nhượng mặc, chắt mót từng đồng từng chữ, vắt máu thành sữa, mài đá thành cơm, dầu nắng mưa

cay đắng làm héo mòn thân xác, tình mẹ thương cơn vẫn dạt dào lai láng như nước trong nguồn chảy ra.

3 : Từ ngàn xưa, những bậc vĩ nhân liệt sĩ làm nên việc lớn đều nhờ công đức của mẹ hiền, dạy dỗ con từ ngày con vừa đỏ đẻ cho đến lúc vô trường, nhưng khi con làm nên sự nghiệp có gia thế uy quyền thì bầu sữa ngọt đã vơi, giòng máu tươi đã cạn, thân mẹ già như trái chín cây.

(Thơ Vân Tiên) :

Lưng còm tóc bạc thân gầy,
Mẹ già hưởng được bao ngày yên vui.
Bao nhiêu người mẹ trên đời,
(Đều) thương con tha thiết đến hơi thở tàn.

4 : Người Á-Đông ta nặng mang truyền thống luân thường đạo lý thì làm sao quên được công ơn từ mẫu ví như nước trong nguồn. Nước Cửu-long-Giang dầu cạn, đá Trường-Sơn dẫu mòn… công ơn từ mẫu vẫn còn trơ trơ, khi con mới nói bập bẹ thì tiếng mẹ, mẹ là tiếng nói đầu tiên, ôi ! tha thiết thiêng liêng khi con kêu mẹ kêu cha, môi thơm sữa nở tròn tựa đóa hoa tươi thì mẹ quên hết nỗi nhọc nhằn đau đớn dầu phải hy sinh làm thân trâu cày ngựa cỡi để nuôi con khôn lớn nên người.

5 : Khi con yên bề gia thất nên vợ chồng, mẹ vẫn lo cho con như thuở ẵm bồng. Nếu con của mẹ chí thú làm ăn lập nghiệp tiến thân làm rỡ ràng làng nước thì danh của mẹ được vẻ vang, nếu rủi ro có đứa con du đãng hoang đàng, xóm làng gièm siểm thì mẹ phải cam chịu tiếng thị phi, dầu

phải chạy nợ hỏi bạc góp tiền vay để nuôi con lúc con nằm nhà thương hay đền tội trong chốn lao tù.

6 : Nếu các vị vua chúa thời xưa được ướp xác trong nấm mồ cẩm thạch thì tại sao ta không ướp xác mẫu thân bằng thuỷ tinh ngọc bích « Dạ-minh-Châu » để con ngỡ mẫu thân còn sống muôn đời… Trước mồ mẹ con sẽ tạc tượng hình con cò trắng lặn lội bờ sông vì con muốn giữ lại hình dáng khô gầy chính là hiện thân của người mẹ suốt mấy mươi năm nay làm nội tướng trong mặt trận gia-đình.

(Thơ) :
Con cò lặn lội bờ sông,
Đó là hình ảnh tấm lòng mẫu thân.
Vái trời mẹ sống trăm năm,
Để con đền đáp thâm ân biển trời.

- « **Quả báo nhãn tiền** » (Xã-hội) (Luận về luật Nhơn-Quả của soạn-giả Quy-Sắc, do nghệ-sĩ Thanh-Hải trình bày trên dĩa Lam-Sơn) :

1 : Bởi người đời chẳng tin luật tuần hoàn quả báo nên vẫn say mê ác bạo tham tàn… Đến khi rước quả khổ, ăn năn thì đã quá muộn màng… Phải biết luật trời không tư vị : ai gieo gió thì gặt bão mai sau. Sách Bửu-Giám cũng dạy rằng : Làm dữ thì có dữ trả, làm lành thì được trả lành, nếu chưa trả là tại ngày giờ chưa đến…

2 : Sử sách từ ngàn xưa để lại đã chứng minh luật trả vay không sai chạy mảy may nào. Ví như Trụ-Vương một nhà vua dũng lược anh hào. Nhưng vay nợ máu quá nhiều rồi cũng phải trả ngày sau. Luật nhân quả buộc nhà vua tự

đốt tại Trích-tinh-lầu để răn dạy chúng sanh tránh bạo tàn vì bả lợi danh.

3 : Lê-ngoạ-Triều một nhà vua bạo ngược, không tin luật quả báo nhãn tiền, tận sát anh đoạt lấy ngai vàng, giết dân chúng để xem máu đổ ; ngược đãi cả tu nhân tăng giới, róc mía trên đầu Đại-Đức Quách-Ngang. Tội lỗi ấy Ngoạ-Triều cũng phải trả ; bán thân bất toại bịnh Trời dành. Hồn oan bu quanh đòi mạng ; mới hai mươi bốn xuân xanh phải chịu lìa trần…

4 : Người đời tại sao có kẻ tật nguyền câm điếc là do kiếp trước nuôi nhiều tàn bạo gian hùng… Tội kia chưa trả thì đã vội xuống Diêm-đường… Nên phải đầu thai sang kiếp khác trả tội tình mà kiếp trước đã vay. Cách trả ấy Phật gọi là SANH-BÁO chẳng ai thoát khỏi luật kia. Nếu kiếp này làm lành làm phước là nuôi quả đẹp cho kiếp sau này.

5 : Thân mẫu của ông Văn-Xương là bà Diệu-Huệ chơn nhơn cũng đã dạy rằng… Nhân vật tuần hoàn sống thác, ở và lìa khỏi dương trần, không nhứt định ; ở tạm rồi đi như trăng tròn trăng khuyết ; hoa nở rồi tàn đi… Hết sanh đến tử, hết tử rồi sanh luân hồi không dứt. Như thế trần gian là cõi tạm thì chúng ta tranh danh đoạt lợi để làm gì.

6 : Nam mô A di đà Phật. Nếu thiện nam tín nữ tin lời Kinh Ngọc-Lịch : xét ghi công quả ; phân biệt ngay gian, quả báo trước mắt ; linh hiển vô cùng. Ai làm lành thì đặng phước ; ai làm dữ thì ngày sau mắc hoạ. Lời Kinh răn dạy minh bạch rõ ràng… Bần tăng ước mong thiện nam tín nữ ;

nên thấy luật quả báo nhãn tiền, mà lòng ghê sợ hãi hùng, tự răn tự bỏ chuyện làm ác gian.

- « **Quả tim bất diệt** » (Đạo-hạnh) (Vọng-cổ của soạn-giả Viễn-Châu do Cô Thanh-Nga đơn ca trên dĩa Việt-Hải) :

1 : Qua lớp khói mờ bay, trông thấy một nhà sư còn ngồi chấp tay niệm Phật, mà bao người chứng kiến phải tuôn rơi chan chứa lệ muôn hàng. Vũ trụ ngừng quay trong ngọn lửa kinh hoàng, trời ôi ! da thịt nào không nứt nẻ, máu xương nào không cháy rụi thành than, khói xám tung bay mờ cả một khung trời, mắt nhìn nhau qua màn lệ rưng rưng, khi chiếc áo nhà tu đã dần dần tan trong lửa đỏ.

2 : Đại-lộ mang tên hai nhà ái-quốc (Phan-đình-Phùng và Lê-văn-Duyệt) mà ngày xưa đã nêu gương chí sĩ anh hùng, ngày nay có một nhà sư cũng đã tự thiêu mình, mượn cái chết để bảo tồn Phật-pháp há nại điều sanh tử tồn vong, nguyện cúng dường nhục thể tự thiêu thân, miễn Phật-giáo được trường tồn vĩnh cửu. Đạo mất còn mới là điều trọng hệ, còn xác thân này là cát bụi mà thôi.

3 :Ngồi dưới ánh nắng hồng gay gắt bao quanh người có mấy trăm vị tăng ni, những tiếng cầu kinh tụng niệm lâm-râm, những giọt lệ chảy dài trên khoé mắt, vị chân tu vẫn điềm nhiên niệm Phật khi ngọn lửa hồng bao phủ toàn thân.

(Thơ) :

Nam mô tam bảo từ tôn,
Tràng phan tiếp dẫn linh hồn siêu thăng.
Xác thân dù đã tiêu-tan,
Danh thơm vẫn ở thế-gian muôn đời.

4 : Sáu tháng trôi qua trong uất hờn nghẹn thở, nhưng thâm tâm mỗi người như bảo nhỏ một triều đại rồi đây sẽ sụp đổ suy tàn, gieo giống vô lương sẽ gặt trái không hiền, đạo huyền vi đang cần người bảo vệ thì thể xác này như cát bụi phù du. (Thơ Vân-Tiên) : Ngậm ngùi thương một nhà tu, Máu tim nghẹn chảy lệ sầu trào dâng. Cửa thiền vắng tiếng chuông ngân, Niềm đau nỗi hận khó phân nên lời.

5 : Ngày 28 tháng 4 là ngày rước nhục thân ra hoả thiêu nơi dưỡng địa là cả một ngày tang của phật giáo đồ, cảnh vật hôm nay cũng ảm-đạm bơ phờ, theo sau chiếc linh xa đoàn người lặng lẽ, miệng thì thầm niệm tiếng nam-mô, khi ngọn lửa hồng tắt hẳn giữa lò thiêu, mỗi người lo góp nhặt mấy viên xá-lợi, thì lạ thay quả tim của nhà sư quá cố vẫn còn nguyên giữa mớ tro tàn.

6 : Cho hay phật-pháp nhiệm mầu lẽ đạo huyền vi, qua bao nhiêu tai biến khổ nguy, công quả cũng đến kỳ viên mãn, giờ đây nhà sư tự thiêu buổi trước cõi non bồng đã trực vãng siêu thăng, trên đoá hồng liên nghi ngút khói hương hình ảnh vị bồ tát vẫn đượm vẻ từ bi vô lượng, khách thập phương vào đây chiêm ngưỡng thấy lâng lâng thơi-thới tâm hồn ; hết cơn sóng gió phũ phàng, Phật-giáo lại đến hồi hưng thịnh.

(Thơ) :

Thế gian vật đổi sao dời,
Quả tim bất diệt muôn đời còn đây.

- « **Thoại-Ba Công-Chúa** » (nhân-vật truyện Tàu) (Vọng-cổ của soạn giả Viễn-Châu do Cô Thanh-Thanh-Hoa

trình bày trên dĩa Lam-Sơn).

1 : Địch Lang ôi ! khá dừng cương để thiếp đây tỏ bày hơn thiệt rồi sẽ lên yên lướt dặm băng ngàn, một năm dư nghĩa phu thê còn chạm khắc quả tim vàng, cớ sao nhứt nhơn nhứt mã chàng nỡ đành trở lại Tống Bang ; có phải chăng vì sợ lỗi câu trung quân ái quốc và chẳng vẹn niềm thần tỉnh mộ khang, chàng đang tâm én nhạn đôi đàng, để cho thiếp đành lỡ duyên kim cải.

2 : Phu Lang ôi ! yểm luỵ tống quân bán lộ, nhìn mặt nhau nói chẳng nên lời, tấm lòng son thiếp xin phú có đất trời :

Vạn Lý phong yên quy cố quốc,
Lưỡng hàng bị lệ Tống tình lang.

Dù chàng có nhớ cố hương cũng tỏ bày cho thiếp đây được rõ, có lý đâu khi trống canh điểm hồi bán dạ, chàng lại nỡ một mình đi khoá mã đề thương !

4 : Địch Lang ôi ! đâu lẽ chàng đành tâm phản hồi cố quốc để cho Thoại-Ba vàng võ chốn cung hoàng… đêm đêm tựa cửa rèm châu thắt thẻo mơ màng… đốt mấy tuần hương toả khói thiếp gởi hồn sang tận Tống Bang, bán dạ tư lương sầu đoạn đoạn, can tràng thống thiết lệ kim y… duyên mà chi, nợ mà chi, ông tơ xe đường chỉ rối để cho tim ai phải tê tái tơi bời.

5 : Địch Lang ôi ! từ Tống bang lạc đường sang Thợn quốc, ai đã xui chi cho gió bắt mưa cầm, gái thuyền quyên tao ngộ khách anh hùng, một năm dư trong hương nồng lửa đượm đến ngày này thập ngoạt hoài thai, dù thiếp chưa biết

đứa con của đôi ta sẽ là gái hay trai, nhưng đó là kết quả của ngày chung chăn xẻ gối, thiếp có làm gì nên tội mà chàng nhẫn tâm bỏ thiếp cho đành.

6 : Địch Lang ôi ! chàng đã quyết vẹn bề trung hiếu, thiếp cũng đành để cho chàng trở về cho trọn chữ hiếu trung, vó ngựa bôn ba chàng khá ruổi dung, nơi Thợn quốc thiếp vẫn chờ ai trở lại, chàng ôi, *Kim nhựt phân ly quân bất tái, Kỷ hàng châu lệ tống quân bi…* Thoại-Ba nầy nén tim đau tiễn chàng về Tống quốc, lệ chia ly đẫm ướt khăn hồng. Địch Lang ôi ! sau khi về đến cố hương cho trọn niềm thần tử, nơi Tống trào xa diệu vợi chàng có còn nhớ thiếp hay chăng ?

- « **Ánh lửa Mê-linh** » (Trưng Nữ Vương) (Sử Việt-Nam) (Soạn giả Viễn-Châu, cô Lệ-Thuỷ ca độc chiếc trên dĩa Việt-Hải)

1 : Mê-Linh ơi, hãy khóc lên đi giữa mùa ly loạn để an-ủi kẻ ngàn năm xa vắng bạn tâm đầu… xé mảnh khăn tang đổ lệ tiếc thương chồng… chàng ra đi không bao giờ trở lại, mảnh hình hài trả nợ núi sông, thôi rồi tan vỡ cuộc ái-ân, lỡ nhịp cầu Ngân ô thước chịu chia lìa, nửa gánh giang san nửa mối duyên hài, nặng oằn vai thù nhà nợ nước.

2 : Sét đánh ngang tai khi hay tin chàng tuyệt mạng bởi nơi tay gã Tô-Định tham tàn, cố nén thương tâm sao lệ cứ tuôn tràn, nguồn uất hận trào dâng lên tim phổi, lửa căm hờn sôi sục cả buồng gan, sống tôi đòi đâu biết sống là sống là ham, thà một thác cho vẹn niềm phu phụ. Trưng-Nhị em

ôi ! Hãy đứng lên một lòng em với chị cứu quê nhà và trả vẹn thù riêng.

3 : Xếp lại chỉ kim lên đường ra chiến trận, gái Mê-Linh quyết đứng lên rửa hận cho chồng… cho lũ xâm lăng rõ mặt giống Tiên Rồng… chớ đâu phải khoanh tay bó gối để muôn đời chịu mãi nhục nô vong, lúc xuống biển mò trai, khi lên non tìm ngọc, sống lầm than trong khổ nhọc nhưng toàn dân Giao-Chỉ ngàn năm vẫn mang nặng mối căm thù.

4 : Một nén hương thơm, đôi tuần rượu lạt, chạnh tình xưa chan chứa lệ đôi hàng, tại vì đâu cho phượng phải xa hoàng, vung gươm thiêng phất cờ nương tử, chốn sa trường rõ mặt gái Mê-Linh, trước phút ra quân Bà đưa cao lưỡi kiếm với một lời thề khẳng-khái : trước cứu quê hương khỏi vòng nô lệ sau đối cùng ai vẹn chữ cang thường.

5 : Một buổi bình minh sương còn ướt đọng cành cây, qua rặng núi sao mai vừa ló dạng, ánh lửa Mê-Linh oai hùng chiếu sáng, đó là lúc hai Bà truyền lịnh xuất quân, trên lưng voi cờ phất trống rung, giặc khiếp đảm chen nhau tìm đường tẩu thoát, ai dám bảo nữ nhi không gan đồng da sắt bởi quần thoa đâu nhượng kẻ râu mày. Mê-Linh ơi ! hãy cười lên đi trong ánh sáng ngời bay trong bóng cờ nương tử : *Mê-Linh ánh lửa chưa tàn. Ngàn năm rạng tiếng nhị hoàng Trưng-vương.*

- « Người ấy là anh » (Chinh-nhân) (Vọng-cổ, s.g. Viễn-Châu, do cô Diệu-Hiền đơn cơ trên dĩa Việt-Hải).

1 : Pháo cưới nổ vang tiễn đưa những nàng xuân nữ hân hoan rộn rã bước theo chồng, mùa đông năm nay sao lạnh

lẽo khôn cùng, em bâng khuâng nhìn xác pháo, dạ bàng hoàng theo gió lạnh mùa đông, mẹ hỏi em có nhớ đến chồng không, em bâng khuâng e thẹn cúi đầu hướng nẻo xa xôi, mơ kẻ chiến binh ở miền đèo cao núi thẳm.

2 : Chồng của em một trai làng gương mẫu, giờ đây là một chiến binh dũng cảm can trường, buổi lìa quê vác súng lên đường, em gởi thơ hỏi ngày làm lễ cưới, anh trả lời hãy đợi đến năm sau.

(Thơ) :

Khuya rồi gió động tàu cau,
Tưởng anh quay gót phương nào về đây.
Đầu thôn trống điểm sang tư,
Suốt mấy canh dài, trằn trọc nào an.

4 : Mỗi khi nghe súng nổ xa xa lòng em bàng hoàng run sợ nhớ đến người yêu trong khói lửa biên thùy, hoa thắm tàn phai rụng cánh mái hiên ngoài, em không sợ như hoa phai hương rã cánh, chỉ sợ sa trường mũi đạn lằn tên.

(Thơ) :

Vái trời cho gió thổi lên,
Cho mai trổ nhụy cho bền chí trai.
Làm người trên cõi trần ai,
Gia đình Tổ-quốc hai vai nặng oằn.

5 : Năm nay khi mùa đông vừa trở lại, pháo cưới đâu đây lại nổ rộn cuối chân trời, em thấy lòng em như xác pháo tơi bời, thì kia, một quân nhân với làn da xạm nắng bước kiêu hùng trở lại quê xưa, bến đò chiều lặng lẽ như mơ, mùi

khói súng lẫn trong mùi khói pháo, em không dằn được cơn cảm xúc, lệ rưng rưng ra đón anh về.

6 : Hò hơ… Tay bưng quả nếp vô chùa. Thắp nhang lạy Phật. Hò hơ… Thắp nhang lạy Phật xin bùa anh đeo… Mùa đông năm nay em không thấy lạnh bởi em đã ở cạnh bên người chiến sĩ hiên ngang, chàng nhủ em rằng : em ôi ! sống gần nhau bên hạnh phúc, anh bỗng nhớ đến các bạn đang xông pha tận chốn sa trường. Thế rồi hôm sau anh lại giã từ em tiếp tục con đường sứ mạng, em bá vai anh bảo nhỏ : « kẻ dám quên hạnh phúc riêng mình, người ấy là anh ».

- « **Hẹn ngày thanh-bình** » (Gương chiến-sĩ) (Do Hùng-Cường và Bạch-Tuyết trình-bày trên đài Truyền-Hình Việt-Nam). (Không rõ tên tác-giả, xin cáo lỗi).

(Bạch-Tuyết) Câu 1 : Em quyết chí noi gương các bực nữ-lưu đi vào lịch-sử, như Bùi-thị-Xuân, Trưng-Vương liệt-nữ khi ngồi voi xông trận cứu quê nhà… Lời nói của Triệu-Trinh-Nương ngàn năm như Thái-dương muôn thuở sáng lòa. Còn như tiếng sét vang dội trong lòng những ai quên nhiệm-vụ thiêng-liêng : Tôi muốn cỡi cơn gió mạnh, đạp làn sóng *dữ*, chém cá tràng kình ở biển đông. Tôi muốn quét sạch cõi bờ cứu dân thoát vòng ly-loạn, chớ tôi không muốn bắt chước những người chỉ biết cúi mặt quay lưng, để trọn đời làm trâu cày ngựa cỡi.

(Lối giặm) :
Ta hãnh diện làm dân Việt-Nam
Đã mang dòng máu chống xâm lăng.

Phải đi theo bước Trần-hưng-Đạo
Phải xét theo lời của Quang-Trung.

(Hùng-Cường) 2 : Tuyết, em nói như thế, nghĩa là : Ta phải mang sắt thép dọc ngang trên chiến địa, hái vinh quang trên xác máu quân thù… Phải xếp thành đội ngũ vùng lên như muôn sóng bạc đầu… Nói lên ý-chí toàn dân Việt, là đem cái chết kiêu-hùng để đổi lấy *tự-do*. Nếu nhận xích xiềng để sống yên thân trên mảnh dư đồ của ông cha để lại, thì ăn sao ngon chén cơm Đồng-Tháp, nuốt sao trôi hớp nước Cửu-Long, hổ thẹn cúi đầu đứng nhìn dãy Trường-Sơn.

(Lối giặm) :
Đã có Mẹ hiền là Việt-Nam,
Thì khi mẹ gọi cứu giang-san.
Hàng-hàng lớp-lớp lao vào giặc,
Thịt nát xương tan cũng chẳng màng.

(Bạch-Tuyết) 3 : Nếu tình yêu nước không riêng dành cho nam giới, thì bước đến chiến trường nào phân biệt gái trai. Có chung lòng quả cảm, có chung chí quật cường, có chung niềm thù hận, thì già sáu mươi, trẻ nhỏ mười lăm cũng có thể cầm gươm ôm súng, cũng có thể chia điều vinh-dự một công dân. Chớ thân xác lớn mà lòng hèn yếu, thì trai mười tám cũng thua gái mười lăm, không bằng cụ già sức yếu. Vì những người đó có mắt như mù, có tai như điếc ; nên chẳng thể vì dân mà tiêu diệt lũ hung tàn.

(Hùng-Cường) (Ngâm) :
Gặp gỡ nhau rồi tạm biệt nhau,

Anh về Quảng-Trị, em Cà-Mau.

(Bạch-Tuyết) (Ngâm) :
Việc non việc nước là trên hết,
Chuyện của chúng mình gác lại sau.

(Hùng-Cường) 4 : Gác việc riêng tư để giết quân thù, hẹn buổi trùng-quang tưng-bừng chiến thắng. Bốn mắt chia ly như thầm căn-dặn : mai mốt có nhớ nhau xin hãy tặng chiến công đầu… Quảng-Trị xa xôi là miền nắng lửa mưa dầu… Nơi trui luyện những người yêu nước thành trụ đồng rào chận gót xâm lăng. Em ở cuối miền đất nước, gởi ra tuyến đầu hạt gạo Cà-mau. Ta cùng vun xới cành lá Tự-Do, mau chóng đến mùa trổ hoa Hạnh Phúc, cho trái chín thương yêu ngọt dịu muôn đời.

(Lối giặm) :
Thanh-bình ngày ấy không xa lắm,
Nếu mọi người dân quyết một lòng.
Nguyệt điện xa vời còn với tới,
Huống hồ bình giặc giữ non sông.

(Bạch-Tuyết) 5 : Đẹp đẽ thay màu xanh áo lính, màu quê hương đồng lúa gợn chân trời ! Áo thấm mồ hôi của người chiến-sĩ mà khổ sở gian nguy không nói được nên lời… Cũng như luống cày thơm, thấm mồ hôi đổ, của bác nông phu nghèo khai-thác phù sa. Cả hai được màu xanh quê hương ấp-ủ, như mẹ hiền săn-sóc đứa con thơ. Nếu chiến sĩ không thể rời xa áo lính, người dân cày chỉ gần gũi ruộng nương. Thì anh ôi ! đứa trẻ thơ cũng không thể lìa xa dòng sữa mẹ hiền.

(Lối giặm) :

Trưng-Vương ngày trước cầm thoi dệt,
Có giặc, buông thoi cầm giáo gươm.
« Giặc đến nhà, đàn bà phải đánh » :
Đó là ngạn-ngữ của dân Nam.

(Hùng-Cường) 6 : Em hãy cho anh nhìn kỹ mặt em. Hãy cho anh nắm lấy đôi tay nhỏ. Anh thấy mến em hơn vài giây phút trước, hơn những lúc ta cùng quen nhau, cùng chung học dưới mái trường xưa. Bởi vì em khác hơn một số bạn bè, không lấy nhạc điệu loạn cuồng để thay thế nhịp đi cứu nước. Không dùng phấn son để che dấu gương mặt hổ người, vì quên trách nhiệm với sơn hà.

Lòng anh như nở trăm hoa,
Vườn hoa chính-nghĩa quốc gia sáng ngời.
Từ xưa cho đến muôn đời,
Những khi quốc biến ta đáp lời núi sông.

- « **Viếng Tháp Chàm** » (Sự tích xưa) (Vọng-cổ, soạn giả Quy-Sắc, do nghệ-sĩ Hữu-Phước đơn ca trên dĩa Lam-Sơn).

1 : Màn quên lảng không thể phủ trùm thân Tháp, trên rêu xanh còn u-uất nhớ Chiêm Trào… Quanh chân Tháp như còn ủ vết máu đào… Máu của đám tàn quân Lâm Ấp cương quyết giữ Đồ Bàn cho đến lúc tàn hơi… Đã mấy trăm tuổi Tháp không sờn tuế nguyệt. Chân không lay dù muôn vạn bể dâu. Vạn năm sau Tháp vẫn giữ nguyên hình trong sương gió.

2 : Dù thế, những đêm gió biển đùa hơi lạnh, lòng Tháp gợn hơi buồn. Tháp cố vươn mình che trăng bạc như che đậy nỗi lòng. Chắc Tháp buồn vì nhớ dòng lịch sử xa xưa. Nhớ cái thuở…

Gió Nam thổi thành Hời run rẩy sợ,
Trời Chiêm đành im lặng, biển Chàm câm.
Nên Tháp mãi vang lời trong hơi gió,
Nỗi hờn còn trong tiếng vọng dư âm.

3 : Gió đông thổi dế trùng im tiếng hát. Nhưng núi rừng Hời chẳng chịu thôi rên. Trên đồi hoang Tháp âm thầm chua xót. Gởi lòng trong sương lạnh lúc trăng lên… Rải rác quanh đồi vài pho tượng ; mắt trừng trừng oán hận nấu tâm can. Phảng phất đâu đây linh hồn Chàm ủ rũ, trong gió đêm hiu hắt khóc Chiêm đình.

4 : Đây chính là chỗ trú quân của những thượng tướng anh hùng Chiêm quốc, hoặc đây là cung ngọc của các vị vua chúa, thì đống gạch vụn giữa lòng Tháp có thể là chỗ ngự của Chiêm hoàng… Hay của các Chiêm nương lá ngọc cành vàng. Mấy lớp gạch thẳng hàng ngang hông Tháp, cũng có thể là ngự uyển của Chiêm Vương… Là nơi giải muộn của Hoàng triều, là nơi tình tự của các vị tử hoàng cùng các cô Chiêm nữ yêu-kiều.

5 : Cũng không chừng đây là kinh thành Phật thệ, của Chế-bồng-Nga khí phách ngang tàng. Các khóm cây kia là tam cung lục viện của Chiêm hoàng. Cái thuở can qua pha máu lệ, mà Chiêm binh rần rộ chiếm Thăng-Long. Đây là chỗ các tướng hùng bàn mưu lược. Bãi biển kia là chỗ thao

dượt ba quân. Trên xác lá khô như còn đọng, tiếng hát hò quát tháo của quân Chàm.

6 : Còn đâu nữa lâu đài Phật thệ, còn đâu thời oanh liệt Chế-bồng-Nga. Thời rực rỡ oai hùng đâu thấy nữa. Di tích Chàm còn lại bấy nhiêu thôi. Vài tháp vắng cỏ cây bao phủ, vài miếu hoang ủ rũ âu-sầu… Mây năm tháng cứ trôi và trôi mãi. Tháp vẫn buồn và mãi mãi vẫn buồn. Nhưng buồn chi nữa Tháp ôi ! Tiếc làm chi nữa cái thời đã qua…

g) Dân-tộc tính của bản vọng-cổ

Có người cho bản Vọng-cổ đượm giọng buồn thảm nên không thích nghe. Đó là một ý-kiến sai lầm của những lỗ tai không ưa cổ-nhạc. Không phải tất cả bản Vọng-cổ đều có giọng buồn chán và yếm-thế. Tùy lời ca và cách trình-bày, bản Vọng-cổ có thể dùng để chọc cười thính-giả được. Phần nhiều các bài Vọng-cổ do Văn-Hường hay Hề-Minh trình bày đều có tánh cách khôi hài, hoặc mỉa mai thế sự.

Qua giọng ca trong-trẻo tươi trẻ và ngọt-ngào của Lệ-Thủy hay làn hơi thanh-thoát rung cảm và nhẹ-nhàng của Diệu-Hiền, nhiều bài Vọng-cổ được gột rửa tánh-chất thê lương của nó và chứa đựng được nhiều lạc-thú yêu đời.

Thế nên bản Vọng-cổ dùng để tả tâm sự của người đời trong lúc buồn phiền hay lúc hoan-hỉ, lúc nghiêm-nghị hay lúc khôi-hài đều được tất cả. Tựu-trung bản Vọng-cổ là một bản ca được phổ-biến nhất trong dân-gian, từ thành-thị đến thôn-quê và từ Nam chí Trung-Bắc phần, không nơi nào phủ-nhận quyền ngự-trị của nó trên đài cổ-nhạc. Một bản ca được công-chúng hoan-nghinh như vậy tất phải có

« dân-tộc-tính » và nói lên được cái gì uẩn-súc trong lòng người Việt-Nam. Để minh-chứng điều nầy, chúng tôi xin trích-lục một đoạn văn trong bài hồi-ký của Linh-Mục Vũ-văn-Thiện đã đăng trên Báo « Thẳng-Tiến » ngày 17-11-1963. Với một lối văn bình-dị mà hữu duyên, Linh-Mục đã nhận-xét một cách rất xác-đáng về sự hấp-dẫn của bài Vọng-cổ :

« Điệu nhạc Vọng-cổ quá thu hút mãnh-liệt tâm hồn người dân miền Nam, thậm chí một người Bắc như tôi cũng thấm-thía cái sức thôi miên có một đó. Nó như nắm lấy trái tim, xoắn chặt gan ruột. Có những lỗ tai quê mùa không chấp nhận một thứ âm-nhạc nào, đã phải bịn rịn chung quanh sáu câu Vọng-cổ. Điệu nhạc thần diệu nầy mới ra đời chỉ ba bốn chục năm nay, không thể không trả lời cho một nhu cầu thiết thực của người dân luôn mang tâm-trạng kẻ lưu đày…

« Ngày nay, nhạc điệu trẻ tuổi nhất của nền quốc nhạc bốn ngàn năm văn-hiến Việt-Nam đã thay chỗ tổ tiên của nó xâm lăng thôn-quê và thành-thị.

« Đến như dân Hà nội mà cũng mê say Vọng-cổ thì thôi ! Tôi còn nhớ hai rạp Quảng-Lạc và Tố-Như đắt khách nhất tại Thăng-Long, cũng là rạp chuyên diễn tuồng Vọng-cổ Nam-Việt : các gánh hát có khi từ trong Nam ra, song cũng có khi tuyển mộ đào kép ngay tại chỗ ».

Thiết tưởng, khi một vị Linh-Mục đã phô bày ý-kiến về bản Vọng-cổ như vậy, thật không có lý-do nào để phủ-nhận cái giá-trị về dân-tộc-tính của bản nhạc đặc-sắc ấy.

*

Đến đây chúng tôi xin kết thúc bài khảo-cứu về bản Vọng-cổ. Sở dĩ chúng tôi sưu-tầm kỹ hơn mấy bản nhạc khác là vì muốn lưu lại sau nầy những kỷ-niệm về sự biến-chuyển và cải-tiến không ngừng của một điệu nhạc đã được phần đông người Việt-Nam ái-mộ. Kế tiếp, chúng tôi lược-khảo về các giọng Lý :

E) GIỌNG LÝ

Giọng lý có nhiều giọng : Lý giao-duyên, Lý Ngựa Ô, Lý Huế, Lý Tam-Thất hay Lý Con Sáo.

1) Lý giao-duyên

Lý giao-duyên thường để cho vai Đào lý khi trông chồng hay nhớ con đi lâu về. Nàng Lý-ngọc-Thơ trong tuồng « **Bội-phu quả báo** » của s.g. Nguyễn-trọng-Quyền, vừa may vừa Lý giao-duyên :

Đã hai thu, chàng đâu vắng bặt ?
Tin cá thơ nhàn, trong nhớ nỗi chàng, trằn trọc năm canh.
Hỡi nầy chàng ôi, khuya sớm cô phòng,
Rẽ cặp giao-loan, lẽ cặp oan-ương !
Chỉ lìa kim, tỷ niềm chồng vợ,
Xa mối tơ tình, thêm rối tơ lòng. Dạ tợ mành xe !
Nầy chàng ôi, nghe dế ngậm sầu.
Đòi đoạn héo don, nào bạn phụng loan ?

2) Lý Ngựa Ô

Lý Ngựa Ô có hai hơi : Hơi Bắc và hơi Nam. Hơi Bắc lý man và nhịp một, còn hơi Nam chậm hơn và nhịp tư lơi.

Sau đây bài Lý Ngựa Ô-Bắc của nàng Lý-ngọc-Thơ và công-tử Bốc-thiên-Vận trong tuồng « **Bội-phu quả-báo** » nói trên :

(Lý-ngọc-Thơ) :

Á thưa, kính thưa Viên-tử, danh-gia,
Chồng tôi thi khóa, đã quá hai năm,
Ngư trầm nhạn yểu, đậu không chưa hiểu. Bỏ tôi một mình.
Ý ! một, một mình, bỏ tôi một mình quạnh hiu,
Thấy mưa, mưa chạnh tình, chạnh tình không vui.

(Bốc-thiên-Vận) :

Á mưa chan, mưa chan rỉ-rả ngoài hiên,
Vào đây tá-túc, bỗng chút nghe than,
Chồng nàng ứng thí, quan san vạn lý. Biết nên chăng là !
Ý biết đà, biết đà nên danh.
Vậy chớ chồng nàng, chồng nàng tên chi ?

(Lý-ngọc-Thơ) :

Á Phan, Phan sanh, vốn kẻ hàn nho,
Thái-Hòa tên đặt, còn mặc thanh-khâm,
Nay hăm-mốt tuổi, con nhà dòng-dõi. Thơ hương roi truyền.
Ý roi, roi truyền, roi truyền thế-gia.
Cửa nhà, anh ở Quảng-Xuyên.

(Thiên-Vận) :

Á nghe, tôi nghe họ nói vang tai,

Phan-sanh đã trốn, gần bốn tháng nay,

Về rày hương-quán, bộ danh đã hoán. Thu khoa hỏng rồi !

Ý hỏng, hỏng rồi, hỏng rồi, hết trông,

Ảnh, ảnh về, ảnh về đã lâu !

3) Lý Huế

Lý Huế hơi nhẹ-nhàng và chậm, nhịp tư lơi. Cô Ái-Hoa trong tuồng « **Vì nghĩa liều mình** », sau khi hay tin chồng tử-trận và quá lời nhiếc mắng tên Xã, có Lý Huế với đứa con như sau :

(Ái-Hoa) :

Con ôi !

Bởi cái tin sét đánh kia làm cho mẹ rất đỗi đớn đau.

Nghe những lời bất chánh nọ, mẹ càng thêm nỗi xúc tâm.

Mẹ lỡ tay đà xỉ mạ nó quá lời,

Chắc về đây nó sanh oán hận,

Sẽ kiếm điều hại mẹ con ta !

(Trần-tử-Minh) :

Bây giờ cũng đã khuya rồi,

Xin mẹ vào phòng nội nghỉ an.

Việc lánh thân, sáng mai ta sẽ luận bàn.

4) Lý con Sáo

Lý con Sáo cũng gọi Lý-Tam-Thất có hơi Nam ; Lúc sau nầy điệu Cải-lương thường dùng.

Nàng Khương Thị (Cô Mỵ Lan) xin đi tìm chồng ở Vạn-lý trường thành, có lý con Sáo :

Ôi ! xót-xa ngóng đợi bóng người chinh-phu,
Mà đâu nào thấy chi.
Tôi đây mới xin phép mẹ già,
Cho tôi lướt dặm trường.
Xuống trường thành để hỏi thăm ai,
Cho rõ câu rủi hay là may.
Không thế nào ngồi không mãi đây,
Ôi ! đớn đau, muôn đắng ngàn cay !

G) BÌNH

Bình là đọc phân minh từng câu, từng điệu như bình Kiều, bằng câu văn lục bát. Trong cảnh thừa nhàn, một vai tuồng thường bình vài câu để tả gia-cảnh của mình.

Trong tuồng « **Tham phú phụ bần** » (T.V.K.) vai Hương-Hộ có bình như sau (khi mở màn thấy Hương-Hộ bưng chén trà uống rồi để xuống, kế bình) :

Thanh nhàn vui thú thôn quê,
Bạc tiền sẵn để hộ về thân sau.
Đợi nầy được tiếng mình giàu,
Quan dân yêu chuộng ai nào dám khinh.

Lớp Huỳnh-kỳ-Thoại (tuồng Tham-phú) bãi trường về nhà hay tin cha mẹ bị thủy-tai và bị chà xã-tri đòi nợ, có bình trước khi bắt qua ca Oán :

(Bình) :
Con thẹn người nằm giá khóc măng,

Hai mươi bốn thảo chưa bằng người xưa.

(Ca Tứ-Đại, lớp xang đài) :
Cám thương gia thế đảo điên,
Hạn thất mùa đã gần tam niên,
Thấy khốn cùng con hết lòng cầu nguyện,
Hay đâu trời lại thêm điều tai biến,
Khiến cho ngập lụt, hết kể chi viên-điền,
Chủ nợ lại đòi tiền,
Khổ bấy tấm thân nầy,
Dưỡng sinh đòi đức cao dày,
Chưa đền bồi cho xong.

(Hương-chủ) (ca) :
Buồn thay trời chẳng công,
Nỡ hại dân trong cơn cơ cần,
Phải mắc nợ nần,
Còn vương nạn thủy tai,
Lại sợ điều khốn khổ nay mai.

Trên đây nêu một vài trường hợp có thể dùng câu bình để bắt qua ca cho êm. Hiện nay người ta lạm dụng câu bình và cho hai vai tuồng đương đối-thoại lại bình nhiều câu liên-tiếp, làm nguội vở tuồng và nghe mất hay.

H) NGÂM

Điệu ngâm có ngâm thi tứ-tuyệt, thi bát-cú hoặc ngâm lục bát, hay song thất lục bát.

1) Ngâm tứ-tuyệt thất ngôn

Trần-tử-Minh, trong tuồng « **Vì nghĩa liều mình** », bị tên Xã trưởng làng Thiện-lương lập mưu đốt nhà để bắt mẹ về ép duyên, có ngâm tứ-tuyệt như sau : (Cha của Tử-Minh cũng bị tên Xã ép đi lính đã tử trận)

Cám bấy mẫu thân mắc khổ nàn,
Cũng vì chú xã dạ tâm lang.
Lập mưu đành dứt tình thê tử.
Nhớ đến càng thêm lụy ứa tràn.

2) Ngâm tứ-tuyệt bát-ngôn

Lối thơ mới bát-ngôn cũng được ngâm trong điệu Cải-lương (khóc Phan-văn-Hùm) :

Lòng đất lạnh vùi thân người trung liệt,
Giữa bao tình luyến tiếc của ngàn dân.
Phan-văn-Hùm ghi trên trang sử Việt,
Để ngàn đời noi dấu bậc tiền nhân.

3) Ngâm thi bát-cú

Phan-thái-Hòa, trong tuồng « **Bội-phu quả-báo** » (Nguyễn-trọng-Quyền) lúc làm tờ ly-dị với vợ có ngâm bát-cú :

Cất bút để tờ lụy ứa theo,
Vận cùng đâu khiến phải nghiêng nghèo.
Ba ơn trĩu nặng như hoàn núi,
Bốn biển lênh đênh tợ cánh bèo.
Hàn-Tín không thời thê, tẩu ngạo,
Tô-Tần, có lúc ấn, gươm đeo.
Phụ tình riêng trách lòng ai cạn,

Duyên nợ gì xui có bấy nhiêu !

4) Ngâm lục-bát

Ái-Hoa tiễn chồng đi tùng chinh có ngâm lục-bát (tuồng Vì nghĩa liều mình) :

Chàng dầu muôn dặm tràng đình,
Em nguyền nắm giữ hiếu trinh một niềm.

5) Ngâm song-thất lục-bát

Trước khi ca Vọng cổ thường có ngâm bốn câu song thất lục bát như sau (Phan-văn-Hùm) :

Ai yêu nước, ai yêu nòi giống !
Mau lên đường để chống xâm lăng.
Đầy trời mây hận phủ giăng,
Muôn dân thống khổ nặng oằn điêu linh.

I) HÒ

Lối hò cấy lúa, Hò chèo ghe, Hò đưa đò của miền Nam mới áp-dụng trong điệu Cải-lương lúc sau nầy. Cô lái đò trong « **Trai làng Đông-Thái** » hò bốn câu sau :

Hò ơ… Ai về Đông-Thái đêm nay,
Cho tôi nhắn gửi một vài câu thơ :
Vụ-Quang cỏ dại phủ mờ,
Rừng thiêng ngóng đợi ờ…
Hò ơ… Rừng thiêng ngóng đợi màu cờ năm xưa.

K) NÓI THƠ

Giọng nói thơ Vân-Tiên miền Nam cũng có dùng vào điệu Cải-lương và thường để chung với câu ca Vọng cổ :

Vọng-cổ Phan-văn-Hùm

(Câu 6) : Diệt thù giải phóng quê hương,
Dựng nền độc-lập phú-cường vinh-quang.
Dầu ông thác xuống suối vàng,
Thiên thu còn mãi tên Phan-văn-Hùm.

L) THÁN

Điệu Thán của Cải-Lương có đờn phụ-họa đưa hơi, dùng để than khóc người quá vãng.

Trong tuồng « **Vì nghĩa liều mình** », lúc Huỳnh-công-Nghĩa, một chiến-sĩ, quì gần xác bạn là Trần-tuấn-Kiệt bị tử-trận, nói lối thương và Thán như sau :

(Lối) :
Anh Tuấn-Kiệt ôi ! Những tưởng đôi ta còn hiệp mặt,
Nào hay một phút hóa chia ly.
Cám thương chàng mạng bạc lâm nguy,
Bề gia thất lấy chi nâng-đỡ.

(Thán) :
Trách bấy trời cao chẳng đoái thương,
Khiến nên một phút rẽ đôi đường.
Suối vàng đó đã đành an phận,
Đây ở dương gian luống đoạn trường !

Cũng trong tuồng trên, Trần-tử-Minh, con của Tuấn-Kiệt, khóc cha và ông bằng điệu Thán :

Thảm bấy cho cha tử chiến trường,
Ông vì mắc nạn phải tai ương.
Nén hương khấn vái hồn linh hưởng,

Cơm hẩm trà thô gọi chút thương…

M) GIỌNG QUẢNG

Giọng Quảng là giọng của bản Bắc Việt-Nam, như Tây-Thi biến thể giọng Quảng-Đông. Sau lần lần có ban Cải-lương lấy những bản Quảng-Đông chính-thức như Mành Bản, Dĩ-Phạn, Phành-Phát, Bọc-cẩm-Lung, Sắt-Dùi-Thẩu, Lạc-âm-Thiều, Xão-Bản, Xái-phì, v.v… rồi đặt bài ca bằng tiếng Việt, để vào tuồng như Ban Phụng-Hảo hồi mấy năm về trước, khi diễn tuồng Tàu.

Gần đây Ban « **Đồng Ấu Minh-Tơ** » và nhiều ban Cải-lương khác áp dụng phương pháp này để diễn tuồng Tàu. Những giọng Hồ-Quảng không bành-trướng được vì nó thiếu « dân tộc tính ».

N) GIỌNG CẢI-CÁCH HAY TÂN NHẠC

Giọng Cải-cách, cũng gọi giọng Tân-nhạc, là giọng hát theo âm-điệu Tây-Phương. Giọng nầy có hay lối :

- Lối hát theo bản Tây-Phương có sẵn mà lời Việt.

- Lối sáng-tác bản mới theo nhạc-luật Tây-Phương bằng lời Việt.

1) Trước kia, khoảng năm 1922-1930, một tuồng Cải-lương mới khai diễn có chưng các vai đào-kép trong màn đầu và thường hợp-xướng bản Madelon hay bản Marseillaise bằng lời Việt.

Dưới đây xin lấy thí-dụ bản Madelon tròng tuồng « **Vì nghĩa liều mình** » (T.V.K), trình diễn tại tỉnh-lỵ Biên-Hòa,

đêm 4-1-1925, để giúp tài-chánh cho Hội Ngân-Khố Học-Đường (Caisse des Ecoles) chủ-trương việc nuôi học sinh nghèo trong tỉnh : **Điệu Madelon**

Nay nhờ quan trên lòng thương đến các con học trò,
Thêm người hào-gia cùng viên-chức rán hết lòng lo.
Lo đoàn ngây thơ cho sung-sướng ấm no vui vầy.
Vì vậy cho nên kêu các nơi cùng nhau lúc nầy,
Đến giúp chúng tôi bạc tiền thiếu chi,
Thương xót chúng tôi là đoàn ấu trĩ,
Lập quán phát cơm con nghèo khổ ăn.
Công ơn các quan thiệt to vô ngần,
Chúng tôi cảm mến ơn dày,
Lập ra cuộc hát bữa nay,
Giúp vui quan khách đến xem, anh em tôi mừng rỡ thay !

(Điệp-khúc) :
Ngày nay mới có « La Caisse des Ecoles »,
Từ này về sau, chúng tôi hết lo đói khốn.
Xin quí Ông quyên tiền « Ngân-khố Học-đường »,
Mai sau nầy con cháu đặng hưởng.
Thời ơn ấy sánh như trời như biển cao xa,
Làm người Nam ai lại không chuộng dân tân-hóa,
Đoàn trẻ thơ để lời cảm mến các quan,
Chúc đồng bang, Ông cùng Cô, đặng bình an năm trăm năm !

Hồi thời kỳ tiền chiến, lối lời Việt hát theo bản Tây được bành-trướng mau lẹ trong nhiều ban Cải-Lương và người ta thường nghe hát những bản sau nầy : J’ai deux amours, le

chant du Marin, C’est pour mon papa, Quand on est Matelot, Horsey, v.v…

2) Trong ít lâu lối thứ nhì là lối sáng-tác những bản Tân-nhạc bằng lời Việt xuất hiện, do một nhóm sinh-viên Đại-học chủ-trương, như : Tiếng gọi Thanh-niên, Ải Chi-Lăng, Bạch-đằng-giang, Hồn Tử-sĩ, Hờn sông Gianh, Kinh cầu nguyện, v.v… : **Tiếng gọi Thanh-niên**

Nầy anh em ôi, đứng lên đáp lời sông núi,
Đồng lòng cùng đi đi đi mở đường khai lối.
Vì non sông nước xưa, truyền muôn năm chớ quên,
Nào anh em Bắc Nam, cùng nhau ta kết đoàn.
Hồn thanh xuân như gương trong sáng.

Rồi trong vòng mười lăm năm sau này, những bản Tân-nhạc được soạn ra vô số, song bản nào có « dân-tộc-tính » được tồn-tại, còn những bản không có tính cách dân-tộc, nhất là loại « khóc gió thương mây » đều bị vùi chôn trong quên lãng.

IV. VĂN CẢI-LƯƠNG VÀ CÁCH SOẠN BÀI CA

Văn Cải-lương có thể viết theo hai lối : Như soạn tuồng Tàu hay dã sử có thể viết theo lối văn cổ-điển được. Khi soạn tuồng Xã-hội hay loại Hương-xa, nên viết lối văn nay.

Những câu nói lối của Cải-lương có thể viết bằng văn vần từ 4 đến 9 chữ hoặc nhiều hơn.

Ví như trong vở tuồng tàu « **Lưu-Kim-Đính** » những câu lối thường viết bằng văn vần :

(Cao-quân-Bảo) :
Tôi đã hết lời ngon ngọt,
Nàng thêm nhiều tiếng chua cay.
Vậy khá tua đỡ lấy giáo nầy,
Chớ trách mỗ sao không kiêng nể.
(Hai người đấu thương, Kim-Đính trá bại vào rừng)

(Lưu-kim-Đính) :
Xin công-tử bớt hờn đừng giận,
Khá ngừng thương tôi tỏ một điều.
Đánh hồi giờ, sức đã biết nhiều,
Thiếp chịu sút, xin theo sửa tráp (ước đặng cùng chăng).

(Cao-quân-Bảo) :
Đây vì việc gấp,
Chẳng tiện nói sòng.
Nàng ở lại kén chồng,
Tôi đi qua cứu chúa.

Như trước khi chúng ta đã thấy trong mục « Các giọng Cải-Lương » hầu hết các lối văn Việt-Nam đều được Cải-Lương sử-dụng :

- Bình, dùng văn Lục-Bát.

- Ngâm, dùng thi Tứ-tuyệt thất ngôn, Tứ-tuyệt bát ngôn, thi Bát-cú, hay thơ Lục-Bát và Song-thất Lục-Bát.

- Thán, dùng thi Thất-ngôn tứ-tuyệt.

Về những bài ca Bắc, Oán, Nam thì tùy câu đờn dài vắn để soạn câu ca, nhưng phần thường phải có vần nghe mới hay và giọng phù trầm của lời ca phải ăn theo vận bình trắc của chữ đờn.

Lời văn đặt xen lẫn tiếng Nôm và chữ Nho. Ít có câu ca soạn thuần chữ Nho như văn hát Khách, Xướng, Bạch, Ngâm, trong điệu hát Bội.

Nhưng cũng có bài ca soạn bằng chữ Nho như hai bài Bình-bán vắn và Hành-Vân dưới đây :

- Bình-bán vắn

Ta cửu trùng khấu đầu bái mạng,
Tứ ngu thần ca lễ tống an.
Tứ phang lại du minh hoàng
Tụy hườn dinh võ văn bá quan.
Tiêu thiều nhạc tấu ca xang,
Chúc thánh thọ tuế tăng thiên vạn,
Oai đức nhuận thanh bình hải ngạn,
Sanh thế thượng tu cập vi hoan.
Kim tiêu tứ hải sum đàng,

Phụng thăng long, ứng phụng thiên nhan.
Quê hương trình mãn xa ban,
Cẩm tú mỹ lâu đài hiên ngang,
Thành thập niên tú lệ bá ban,
Tống triều tiên thính lai du ngoạn,
Châu bửu hội nhơn vật cường tráng,
Kinh thành đế đô thanh xuân vĩ hoan.
Kim hoan ảnh tùng gia quan,
Chung cổ ký binh hành nghiêm trang,
Tọa long xa cửu trùng chánh đoan,
Tống đế ngự hổ cứ long bàn,
Vinh khang phiên hoa vô hạn,
Miên trường giang san đại danh phú lang.

- Du xuân Hành-vân khúc

Mạng hứng hoa-viên hề,
Tình nguyện hứng hoa-viên hề,
Nhứt nhựt thanh nhàn thị tiên.
Song-song đào dương mai trước,
Lý cúc đối khiếu mẫu đơn,
Xuân sắc tân, chiêu hồi hồ-điệp.
Kim oanh huỳnh ly phi yến,
Tranh thượng phong, chiếm sào đoạt chi,
Thần trì hề khoái tâm đề từ.
Trùng-trùng đào hồng mai bạch,
Tráng thi trường, thừa nhàn vịnh ngâm,
Thiều hoa tái lai dương tầm,
Xao cầm điều Thượng-lâm,
Hồng lục thi độc ngâm.

Nhứt thiên thu ân Thánh-đế,
Hứng hoài xuân sắc dung-dung,
Bất đãi tái thưởng Vu-phong,
Vạn hồng chung, đồng nghinh cốc-phong.
Huyền hồ hoàn, hốt quan trì ngư,
Nhứt xang tầm phương-giai thú,
Toán lai, danh lợi bất như.
Trần-phong-Sắc (ngẫu đề)

Việc soạn bài ca cho tuồng Cải-lương. – Viết tuồng Cải-Lương, điều khó nhất là sắp bài ca cho trúng chỗ. Trong điệu Cải-Lương có nhiều giọng : Bắc, Oán, Nam, Lý, Bình, Ngâm, v.v… Mỗi giọng đều có tiết-điệu riêng, không giống nhau. Muốn để bài ca cho đúng điệu, phải biết đờn và biết mùi của mỗi bản. Tùy lúc vui, buồn, giận, sợ của vai tuồng phải chọn lọc kỹ trong những bản đờn, bản nào hợp với hoàn-cảnh và hạp với vai tuồng mới để vào.

Nếu để sai, người ta biết rằng tác-giả không thạo đờn. Như có Ban kia cho vai Vua lý giao-duyên, thật nghe trái tai vô cùng, vì bản Lý giao-duyên mỗi câu đều sắp nhịp ngoại ở sau có giọng than thân tủi phận, thường để cho vai Đào lý trong khi thương nhớ chồng đi xa lâu về, hoặc để cho vai trẻ em lý mà thôi. Không khi nào Vua nói chuyện lại để Lý Giao-duyên.

Dưới đây xin biên một ít bản đờn để làm tỉ-dụ tổng-quát :

- Lúc vui nên để ca bài Bắc như : Xang-xừ-líu, Sơn-đông hướng mã, Thu-Hồ, Long-hổ-hội, Khóc-hoàng-thiên, Khổng

Minh tọa lầu, Ngũ-điểm-Mai, Bài Tạ, Tam-pháp nhập môn và các bản Bắc vắn mới chế, v.v…

- Lúc giận ca : Kim-Tiền, Mẫu-Tầm-Tử, v.v…

- Lúc buồn ca : Xuân nữ, Văn-thiên-Tường, Tứ-Đại, Phụng Hoàng, Giang Nam, Phụng-cầu, Ngâm, Thán, v.v…

- Nói chuyện thường ca : Thủ Phong-nguyệt, Lưu-thủy Trường, Tây-Thi, Cổ-bản, Xuân-tình, Xàng-xê, v.v…

- Nói chuyện có hơi buồn ca : Nam-Xuân, Nam-Ai, Chuồn Chuồn, Sương chiều, Hành-vân hơi nam, v.v…

Ngoại trừ bản Vọng Cổ, tùy lời ca và cách trình bày, có thể dùng trong lúc vui, lúc buồn, lúc nghiêm-trang hay lúc khôi hài cũng đặng (xin nghe trong các dĩa hát).

Sau này có nhiều bài ca mới sáng-tác cũng nên cẩn-thận trong sự chọn lọc để sắp cho đúng chỗ theo âm-điệu của mỗi bài mới hay.

Lúc tiền chiến, trong giới Cải-Lương có nhiều danh ca biết nhiều bài bản dài, nên ca nghe rất hay. Ngày nay vì thời cuộc, những danh ca ấy mai-một lần lần, còn những mầm non trong đợt sóng mới, chuyên về Vọng cổ và bài bản vắn.

Sau đây xin nêu vài thí-dụ của những bài ca đặt đúng chỗ và đúng điệu :

Trong tuồng « **Gia-Long tấu-quốc** » (của một nhóm trí thức, trình diễn năm 1943) lớp Lê-phước-Điển bị quân Tây-Sơn bắt dụ hàng, nhưng đấng trung thần quyết liều thác chẳng chịu qui-thuận :

(Lê-phước-Điển) (nói lối) : Giờ nầy là giờ kẻ hạ thần đáp đền ơn vua nợ nước, lại là giờ chúa tôi ta vĩnh-biệt thiên thu. Vậy kẻ hạ-thần xin lạy Chúa thượng mà…

(Vô ca Xàng-xê) (lớp Xề) :
Giã từ, và cầu nguyện sau nầy,
Hoàng-thượng thoát qua tai nàn,
Phục an nước Nam cơ đồ,
Dầu hạ thần ở nơi cửu tuyền,
Thời cũng là được ngậm cười.

(Trở) :
Dạ ngay chúa can đành xả thân,
Ôi thánh quân có biết chăng cho ngu hạ,
Tân tâm ngõ lo đền quốc vương,
Nào hay thất thời sa cơ,
Đem cái chết đây để xử xong nhiệm-vụ.
Nhưng một khối trung hồn,
Nguyện phưởng-phất theo phò thánh-quân.
Ngày nầy trong giờ lìa nhau.
Nên ngu phu kính xin từ biệc (Chúa thượng vạn tuế. Tự tử)

Bản xàng-xê lớp Xề, năm câu đầu đều xuống chữ *xề*, nên có giọng trầm hùng rất hạp với tình cảnh của người sắp lâm chung, hay sắp tuẫn-tiết để giữ tròn tiết-nghĩa của đấng tôi trung. Để cho vai Lê-phước-Điển, ca xàng-xê lớp Xề chỗ nầy thật đúng điệu-nghệ, phi người biết đờn khó để bài ca trúng chỗ như vậy được.

Cũng trong tuồng trên, lớp Công-Chúa Ngọc-Truyền (Năm Phỉ) hay tin chồng bị tử trận, bèn làm lễ cúng chồng và ca Nam-Ai như sau :

(Công-Chúa) (nói lối) : Phò mã ôi ! Đạo chúa tôi là nghĩa trong, niềm phu phụ ấy tình thâm. Trời nỡ xui tôi bỏ chúa, vợ mất chồng. Phật xin độ kẻ dương-gian người âm-phủ. Phò mã ôi ! Đất Hà tiên còn lay động, trời Phú-quốc vẫn mịt mù. Đứng anh hùng sanh vi tướng tử vi thần, dầu sanh tử cũng bảo vợ hiền phò chúa thánh. Tình sâu không phân cạn, nghĩa nặng khó đền bồi. Tạm nén hương cầu nguyện linh hồn, nơi âm cảnh niệm tình chứng chiếu.

(Nam Ai) :

Sâm Thương chia rẽ mối tình trường,
Hờn vì đâu xui, cho cảnh ly hận sầu.
Cơ cầu chi bấy tạo công,
Phận thiếp cũng quyết cùng nhau,
Câu tử sanh cho đồng.
Vái vong hồn chàng anh linh
Chứng minh cho thiếp báo thâm cừu.
Ơn nhà nợ nước sau nếu lo xong,
Sẽ xin theo chàng,
Để trọn tình phu thê,
Cảnh khốn nguy lễ dưng sơ tạm,
Tưởng nhau về minh chứng lòng thành.
Xin lễ bái kính chàng,
Nơi cực lạc hồn an !

Cho Công-chúa ca bài Nam Ai để cúng chồng thật rất nhằm điệu. Nếu để bài khác vào chỗ nầy không thể nào hay

bằng.

V. ÂM-NHẠC CẢI-LƯƠNG VÀ VỊ-TRÍ CÁC NHẠC-KHÍ

Âm-nhạc Cải-Lương hơi nhẹ-nhàng vì dùng đờn dây tơ và dây kim, không có kèn trống như hát Bội. Có 6 thứ đờn thường dùng trong điệu Cải-lương như sau :

1) Đờn kìm

Đờn kìm cũng gọi « Nguyệt cầm » có hai dây tơ và tám phím. Người đờn Kìm ngồi trông ngay ra sân khấu, giữ nhịp Song-Lang và thường điều-khiển ban nhạc.

Tiếng Kìm tuy không trong và thanh như tiếng Tranh hay Lục huyền-cầm, nhưng cũng có âm-hưởng nhiều nên khi hòa với cây Tranh nghe rất hay.

Tùy hơi cao thấp của diễn-viên đờn Kìm có thể đờn năm dây Hò như sau : *Hò nhứt* ăn vào bực thứ nhứt dây Tiếu ; *Hò nhì*, ăn vào bực chữ Xự dây Tiếu ; *Hò ba* ăn vào bực chữ Xang ; *Hò* tư thường gọi dây Chinh, ăn vào bực chữ Xê và *Hò năm* ăn vào bực chữ Cống dây Tiếu.

Khi nam diễn-viên ca Vọng-Cổ, đờn dây Hò nhứt, lúc nữ diễn-viên ca, đờn dây Hò tư. Nếu có kép ca hơi cao hơn bực thường thì đờn Hò nhì, thay vì Hò nhứt. Còn gặp đào ca hơi rất cao, trở đờn dây Hò năm, thay vì Hò tư.

2) Đờn Tranh

Đờn Tranh hay đờn Thập-Lục có 16 dây. Tiếng đờn Tranh được thanh-tao nhờ dùng dây kim và nhấn có tiếng ngân nhiều. Cũng như cây Kìm, đờn Tranh có thể đổi bực dây Hò

tùy hơi cao thấp của người ca. Đờn Tranh nhờ nhiều dây nên được ba âm-giai : Thượng, trung, hạ, có tiếng song-thinh nhiều và đờn nghe dịu ngọt.

3) Đờn Cò

Cây Cò, cũng gọi đờn Nhị, có hai dây tơ, không có phím và dùng cây cung để kéo ra tiếng. Đờn Cò là thứ đờn đắc dụng nhất của Âm-nhạc Việt-Nam. Nó chẳng khác nào cây Violon trong âm-nhạc Âu-Mỹ. Luôn luôn nó có mặt trong nhạc Hát Bội, nhạc Cải-Lương, nhạc Tài-Tử, các ban Nhạc-Lễ. Thậm chí trong các đám Bóng rỗi hay Thầy Chùa làm đám cũng đều có nó.

4) Đờn Sến

Cây Sến có hai dây tơ và có đủ bậc như cây Banjo, nên đờn ít nhấn và có nhiều chữ lợ nghe ngộ. Có khi đờn ba dây nghe hơi như đờn Tỳ.

5) Guitare

Cây Guitare cũng gọi Lục-huyền-cầm hay Tây-ban-cầm, có sáu dây kim, nhưng thường đờn có năm dây. Đờn nầy gốc ở Tây-ban-Nha mới nhập-tịch nhạc Việt độ ba mươi năm nay. Tiếng thanh như đờn Tranh, khi đờn bực cao. Cây Guitare dùng đờn Vọng-cổ và bài Oán nghe hay, nhưng khi đờn Bắc và đờn Nam không hay bằng đờn Kìm. Lúc gần đây mới có cây Octavina, giống như cây Guitare song nhỏ hơn và cách sử-dụng y như cây Guitare.

6) Violon

Cây Violon, cũng có tên là Vĩ-Cầm, có bốn dây tơ và cung kéo như đờn Cò. Nhập-tịch nhạc-Việt một thời-kỳ với cây Guitare, do Jean Tịnh khởi dùng trước. Đờn nầy dùng phụ-họa với cây Guitare hay cây Tranh để đờn Vọng-Cổ nghe hay, nhưng ít dùng đờn các bản khác vì tiếng nó kêu lớn làm lấn-áp mấy cây đờn kia.

7) Ống Sáo

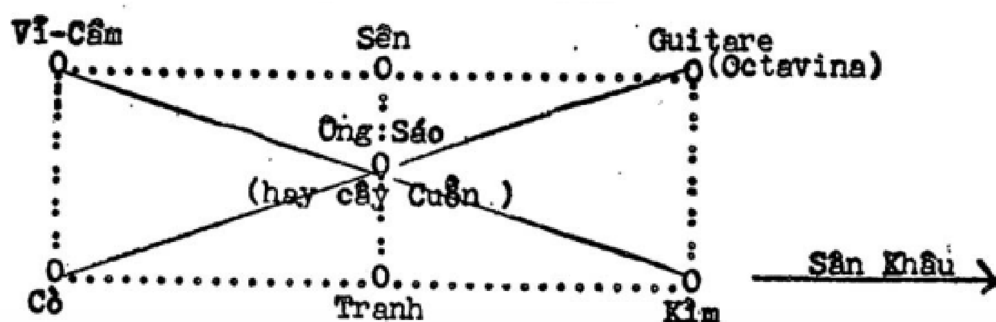
Ống Sáo, hoặc ống Tiêu, cũng có dùng trong điệu Cải-Lương, nhưng nó có một bậc Hò, không thay đổi đặng như các cây đờn. Thành-thử người ta phải theo bậc Hò bất di bất dịch ấy.

8) Cây Cuỗn

Cây Cuỗn giống như cây Kèn, nhưng không có cái Loa. Nó dùng trong những gánh Cải-Lương hát giọng Hồ-Quảng.

Ngoài ra, trong âm-nhạc cổ Việt Nam còn có cây Tỳ Bà, cây Tam, cây Độc Huyền, cây Gáo, nhưng giới Cải-lương ít hay dùng.

Vị-trí các nhạc-khí Cải-Lương



VI. NHẬN XÉT VỀ ÂM-ĐIỆU CẢI LƯƠNG

Luận về âm-điệu, Cải-Lương có một vài khuyết-điểm và cũng có chỗ ưu-điểm đáng nêu lên.

Bài ca Cải-Lương đặt theo bản đờn, nên kịch-sĩ phải tùy âm-nhạc, không được tự-do phô-diễn hết tài-nghệ của mình như trong điệu hát Bội. Ca dư hơi thì trễ đờn, còn thiếu hơi dứt trước đờn. Kịch-sĩ bị bó-buộc trong khuôn-khổ nhịp đờn, dầu có hơi hám nhiều cũng không thể vượt ra ngoài nhịp vì sợ ca lỗi nhịp. Điều ấy làm trở ngại cho thiên-tài của kịch-sĩ.

Lúc sau này, trong điệu Cải-Lương có bản Vọng-cổ thêm nhiều nhịp (nhịp 64). Bài ca Vọng-cổ đặt không ăn sát câu đờn, miễn vô đầu và dứt câu đờn, ca cho trúng hơi, trúng nhịp song-lang thời được. Nhờ vậy có nhiều kịch-sĩ được tự-do phô-bày hết khả-năng của mình trên sân-khấu hay trên dĩa nhựa.

Một khuyết-điểm thứ hai là đương nói chuyện kế bắt qua ca. Trừ một ít danh ca biết cách « mở hơi » cho câu ca của mình có hứng-thú, còn phần đông vô ca nghe khô-khan lã-chã lắm, không có mùi vị chút nào. Lỗi ấy một phần do ban âm-nhạc thờ-ơ, không thuộc chỗ nào sắp ca đặng rao đờn trước hầu gợi ý cho khán-giả có cảm-giác vui buồn trước khi nghe ca, như bên âm-nhạc hát Bội. Trong điệu hát Bội nhờ những tiếng « ra vĩ » sau chót mấy câu lối mà giàn âm-nhạc biết diễn-viên sắp muốn bắt qua Ngâm, Thán, Oán, hoặc muốn bắt qua hát Nam hay hát Khách, nên khởi

đờn gợi ý trong ba nhịp trống, rồi diễn-viên mới bắt qua câu hát của mình.

Sau hết, điệu Cải-Lương được chỗ ưu-điểm là nhờ âm-nhạc biết tùy hơi cao thấp của kịch-sĩ để lên dây Hò, nên kịch-sĩ ca đúng hơi « thiên-phú » của mình không rán hơi quá như bên hát Bội (vì đào kép hát có một hơi Hò). Nhờ vậy kịch-sĩ Cải-Lương ca khỏe hơn.

VII. KẾT LUẬN TỔNG-QUÁT VỀ CẢI LƯƠNG

Để kết thúc chương khảo-cứu về Cải-Lương, chúng tôi xin lần lượt trình bày về ba vấn-đề sau này :

1) Các thời kỳ biến-chuyển của nền ca-kịch Cải-Lương.

2) Nghệ-thuật Cải-Lương được giới mộ-điệu ưa-thích vì nó đi sát với quần chúng.

3) Giải Thanh-Tâm.

*

A) CÁC THỜI-KỲ BIẾN-CHUYỂN CỦA NỀN CA-KỊCH CẢI-LƯƠNG

Bộ-môn Cải-Lương chánh-thức thành-hình từ năm 1917 đến nay gần 50 năm có thể tạm chia làm ba thời-kỳ như sau :

- Thời-kỳ thứ nhứt từ năm 1917 đến năm 1922
- Thời-kỳ thứ hai từ năm 1923 đến năm 1945
- Thời-kỳ thứ ba từ năm 1946 đến năm 1965

Trong **thời-kỳ thứ nhứt** có bốn ban Cải-Lương đầu tiên ra đời tại Mỹ tho như ban « Thầy Năm Tú », ban « Đồng bào Nam » của cô Tư Sự, ban « Nam-đồng-ban » và « Tái-đồng-ban » của Ô. Hai Cu. Sau đó ít lâu có 4 ban khác ở các tỉnh xuất hiện : « Văn-hí-ban » của Ô. Huỳnh-kim-Vui ở Chợ lớn, « Sĩ-đồng-ban » của Ô. Bảy Sô ở Long-xuyên, « Kỳ-lân-ban » của Bà Huyện Xây ở Vũng-Liêm (Vĩnh-Long). « Tân-phước-Nam » của Bác-sĩ Minh ở Sóc trăng. Đây là 8 Ban ca-kịch tiền phong xuất-hiện tại Nam-Phần.

Trong thời-kỳ sơ-khởi nầy, những tuồng tích còn lấy trong các thơ xưa như : Vân-Tiên Nguyệt-Nga, Kim-vân-Kiều, Trần-đại-Lang Xướng-tử-Ca, Thoại Khanh Châu-Tuấn, Lâm-sanh Xuân-Nương, Thạnh-Sanh Lý-Thông, v.v… Rồi lần lần tuồng soạn theo dã-sử Việt-Nam như : Nữ-Vương Trưng-Trắc, Triệu-Ai-Vương với Bà Cù-Thị, Trọng-Thủy Mỵ-Châu, Lê-Lai cứu chúa, Lê-Lợi khởi nghĩa, Cao-Hoàng phục quốc, v.v…

Kế đó có một ít tuồng Tàu trình-diễn : Phụng-nghi-Đình, Hoàng-phi-Hổ đầu Châu, Tống-tửu Đơn-hùng-Tín, Thôi-tử thi Tề-Quân, Xử bá đao Từ-hải-Thọ, Anh-hùng-Náo, v.v…

Những soạn-giả hữu danh đương-thời : Trương-duy-Toản, Đào-Châu, Mộc-Quán Nguyễn-trọng-Quyền, Trần-phong-Sắc, Ngô-vĩnh-Khang.

Về phần nghệ-sĩ có những ngôi sao sáng xuất-hiện, phái nữ có : Hai Cúc, Năm Phỉ, Phùng-Há, Tư Sạng, Hai Xiêm, Mười Nhường, Ba Hui, Hai Phụng, Bảy Ngọc, Tư Mão, Hai Vui, Ba Nhàn, v.v…

Phái Nam : Bảy Thông, Tám Cang, Hai Giỏi, Năm Châu, Tư Chơi, Tám Mẹo, Tư Út, Ba Du, Hai Bông, Năm Long, Mười Mùi, Hai Quản, Bộ Thế, Sáu Cụt, Tư Thạch, v.v…

Tiếp qua **thời-kỳ thứ hai** (1923-1945) là thời-kỳ Hưng-Thịnh của điệu Cải-Lương. Trong khoảng thời-gian nầy nước nhà được thanh-bình nên Cải-Lương phát-triển không ngừng. Có nhiều đại-ban ra đời như : Tân-Thình, Tập-ích-ban, Trần-Đắc, Tân-hí-ban, Võ-hí-ban, Nhã-tĩnh-ban, Phước-Cương, Huỳnh-Kỳ, Nhạn-Trắng, Mộng-Vân, Sao-Mai,

Hề-Lập, Nam-Phi, Nam-Phương, Phụng-Hảo, Việt-Kịch Năm Châu, Kim Thoa, Hậu Tấn, v.v…

Trong thời-kỳ nầy có nhiều tuồng Xã-Hội, tục gọi tuồng Tây, xuất hiện như : Tội của ai, Tiếng nói trái tim, Giá-trị danh-dự, Giấc mộng cô-đào, Trọn tiết với chồng, Lỡ tay trót đã nhúng chàm, Tình trường nham hiểm, Khúc oan vô lượng, Áo người quân tử, Tơ vương đến thác, Tứ đổ tường, Duyên chị tình em, Tô-ánh-Nguyệt, Đoạn tuyệt, Đời cô Lựu, Lan và Điệp, Vó ngựa truy phong, Cách-lan phương-tử, Túy-Hoa Vương-nữ, Gió ngược chiều, Khi người điên biết yêu, Hồn bướm mơ tiên, Men rượu hương tình, Tham phú phụ bần, Vì nghĩa liều mình, Hai khối tình Hàm Lê. (Trong số tuồng nầy có bổn phóng-tác theo tiểu-thuyết hoặc kịch Âu-Châu).

Kế theo là những tuồng dã-sử : Gương liệt-nữ (Triệu Ẩu), Hận nước thù chồng (Trưng-Vương), Giọt máu chung tình (Võ-đông-Sơ và Bạnh-thu-Hà), Võ-Tánh tử tiết, Gia Long tẩu quốc, v.v…

Tuồng Tàu : Đường-hoài-Ân bị tinh trù, Quan Công tẩu mạch thành, Lưu-kim-Đính giải giá Thọ-Châu, Phụng-nghi-Đình, Xử án Bàng-quí-Phi, Mạnh-lệ-Quân thoát hài, Trường-hận (Dương-quí-Phi), Quần-anh-kiệt, Huê-dung-đạo, Mộc-quế-Anh dâng cây, Xử án Quách-Hòe, Tranh-Châu Mộng Hồ-điệp, Dư-Nhượng thích khách, v.v…

Tuồng Phật : Bố-thí bất-nghịch-ý, Tiền thân Phật-Tổ, Quan-Âm Thị-Kính, Thích ca đắc-đạo, Trần Huyền-Trang, v.v…

Những soạn-giả trong thời-kỳ thứ hai : Mộng-Vân, Đặng-công-Danh, Nguyễn-công-Mạnh, Nguyễn-thành-Châu, Huỳnh-thủ-Trung tức Tư Chơi, Trần-duy-Lân, Lê-hoài-Nở, Trần-hữu-Trang, v.v…

Nghệ-sĩ phái nữ có : Năm Phỉ, Phùng-Há, Tư Sang và thêm các cô Kim-Thoa, Bảy Nam, Thanh-Tùng, Thanh-Loan, Hai Đàng, Tư Kỳ, Chín Bia, Mười Truyền, Bích-Thuận, Năm Sadec, Bảy Lựu, Chín-Lê, Kim Cúc, Kim Lan, Ngọc-Xứng…

Phái Nam : Năm Châu, Tư Chơi, Tư Út, Bảy Nhiêu, Duy-Lân, Từ-Anh, Ba Vân, Mười Bửu, Năm Định, Năm Nở, Tám Mẹo, Hai Thiêng, Ba Thâu, Hai Tiền, Tám Danh, Hai Hoành, Văn Ngân, v.v…

Thời-kỳ thứ ba là thời-kỳ chính-biến (1946-1965). Trong thời-kỳ nầy tình-thế nước nhà bất ổn-định nên ban đêm thường bị giới-nghiêm, các ban Cải-Lương chịu ảnh-hưởng rất nặng nề về phương-diện tài-chính. Nhưng cũng có, nhiều ban hết sức cố gắng để vượt qua hoàn cảnh khó-khăn nầy.

Từ hồi hậu thế-chiến thứ hai đến nay có nhiều ban Cải-Lương ra đời. Song phần đông bị mai-một vì không được giới mộ-điệu ủng-hộ. Hiện nay còn những Ban hạng A-B như sau : Thanh-Minh Thanh-Nga, Dạ-lý-Hương, Hương-mùa Thu, Kim Chưởng, Kim Chung, Thủ Đô, Lan-Được, Thống Nhứt, Thanh Hương Hùng Minh, Phước Chung, Hoa Sen, Thanh Tao, Trăng mùa-Thu, Hoa-thủy-Tiên, Tuấn-Kiệt, Sao ngàn Phương, Ánh-chiêu-Dương, v.v… Ngoài ra có nhiều

tiểu-ban đi lưu diễn ở các Tỉnh, Quận, các chợ nhỏ, ít khi về Thủ-Đô, nên không thể kể vào đây.

Năm 1964, Đoàn Thanh-Minh Thanh-Nga của Bà Nguyễn-thị-Thơ được tặng giải thưởng « Ban ca-kịch xuất-sắc nhất » là nhờ sân khấu sáng đẹp, tuồng tích chọn lọc, diễn-viên ưu-tú. Đoàn nầy sở trường diễn tuồng Xã-hội được công-chúng tán-thưởng tài-nghệ của các kịch-sĩ đã diễn-xuất đồng-đều và sống-thực.

Những tuồng xã-hội của Đoàn Thanh-Minh Thanh-Nga đã diễn lược kê như sau : Lỡ bước sang ngang (soạn-giả Thu-An và Hoàng-Khâm), Nửa đời hương phấn (Hà-Triều Hoa-Phượng), Con gái chị Hằng (H.T.H.P.), Rồi 30 năm sau, Đêm vĩnh-biệt (H.T.H.P.), Vụ án song hôn (Hoàng Khâm), Hai chuyến xe hoa (Thái-thụy-Phong), Ngã rẽ tâm tình (Nguyễn-Phương), Hai nàng dâu trẻ (Thái-Thụy-Phong, Trần-Đình), Phu tử tùng tử (H.T.H.P.), Tiếng sét nửa đêm (Mộc-Linh), Vàng sáu bạc mười (Hoàng-Khâm), Tấm lòng cửa biển (H. T. H. P. và Cô Nguyệt), Giấc mộng đêm xuân (Nhị-Kiều), Đôi mắt người xưa (Nguyễn-Phương), Yêu trong hoàng-hôn (Nguyễn-Phương), Cô giáo Hiền (Hoàng-Khâm), Mây trái hướng (Thái-thụy-Phong và Hoàng-tiên-Thúy), Người tình của biển (Nguyễn-Phương), Hắc-y nữ-hiệp (Hoàng-Khâm), Bông-hồng cài áo (Hoàng-Khâm), Chiều con non Thái (Bạch-Diệp, Minh-Nguyên), Đoạn-tuyệt (Trần-duy-Lâu), Sân-khấu về khuya (Nguyễn-thành-Châu).

Ngoài ra, đoàn Thanh-Minh Thanh-Nga cũng có diễn các loại tuồng khác :

- Tuồng Tàu : Khói sóng Tiêu-tương (Hà-Triều, Hoa-Phượng và Cô Nguyệt), Võ-Tắc-Thiên (Phương-Ngọc), Dương-quí-Phi (Trương-Vũ), Tình nở hoa xuân (Nhị-Kiều và Thanh-Xuân), Trần-thế-Mỹ (Nhị-Kiều), Người đẹp Bạch-hoa-Thôn (Hoàng-Khâm), Bích-vãn-cung kỳ-án (Phương-Hà, Bá-Chi), Trăng rụng bến Từ-Châu (Nhị-Kiều và Anh-Tuấn), Tình nở Đào-hoa-Thôn (Ngọc-huyền-Lan và Viễn-Châu), Mộng giai-nhân (Trọng-Điệp), Hoa-mộc-Lan (Ngọc-huyền-Lan và Viễn-Châu), Một trang tình sử (Hoàng-Khâm), v.v…

- Tuồng Nhựt : Nỗi buồn thu-thảo (H.T.H.P.), Giấc mộng Vương-Phi (Nhị-Kiều), Khi hoa anh-đào nở (H.T.H.P.).

- Tuồng dã-sử : Mây bốn phương trời (Yến-Linh Hoa-Phượng), Bên hào Lạc-Thủy (Lê-minh-Hùng, Thái-Sơn, Lê-Khanh), Đồ-Bàn di hận (Lê-Khanh), Người đẹp bán tơ (Kiên-Giang), v.v…

- Tuồng Hương-xa : Mộng đẹp nửa đời hoa (Nguyễn-Phương), Hận-tình Vương-nữ (Tuấn-Khanh), Trăng rừng vẫn sáng (Phương-Hà, Trang-Khanh), Mưa rừng (H.T.H.P.), Phương-Dung Hoàng-Hậu (Trường-xuân Trúc và Nhị-Kiều), Gió ngược-chiều (Nguyễn-thành-Châu), v.v…

Nghệ-sĩ của Đoàn (Nữ) : Thanh-Nga, Kim-Loan, Phương Ánh, Ngọc-Nuôi, Kim-Giác, Kim-Nga, Thanh-Lệ, Bé Hương-Lan, v.v… (Nam) : Hữu-Phước, Việt-Hùng, Thanh-Tú, Hoàng-Giang, Tám-Vân, Minh-Điễn, Kim-Quang, Chí-Hiếu, Ba-Nghĩa, Hương Huyền, Hoàng-Đức, Bảo-Quốc.

- DẠ-LÝ-HƯƠNG. – Đoàn nầy đào-kép đồng-đều và diễn-xuất ca ngâm khá.

Tuồng : Cô gái Đồ-Long (H.T.H.P.), Anh hùng xạ-điêu (H.T.H.P.), Sương mù trên non (H.T.H.P.), Thành-Cát Tư-Hãn (Thiếu-Linh), Vô-Kỵ Triệu-Minh (H.T.H.P.), Người đao-phủ (Thiếu-Linh), Bụi mờ ải-nhạn (H.T.H.P. và Tuấn-Khanh), Người không mẹ (Thiếu-Linh), Võ-Tòng sát tẩu (Thiếu-Linh), Nỗi buồn con gái (H.T.H.P.), Hoa thơm phong nhụy (Trần-Hà Ngọc-Điệp), Tuyệt-tình-ca (Hoa-Phượng, Ngọc-Điệp).

Diễn viên (Nữ) : Bạch-Tuyết, Như-Ngọc, Kim-Ngọc, Mai-Lan, Hồng-Nga… (Nam) : Tấn-Tài, Thanh-Sang, Minh-Đức, Minh-Tấn, Ba Xây, Văn Hường, Tư Rọm, Hoàng-Long…

- HƯƠNG MÙA THU. – Đoàn nầy nhờ có soạn-giả Thu-An làm giám-đốc và đạo-diễn nên tuồng-tích khá và diễn-xuất khả-quan.

Tuồng : Tiếng trống sang canh (Thu-An), Xác áo bên cầu gỗ (Thu-An), Gió ngựa đêm trăng (Thu-An và Anh-Phương), Lá của rừng xanh (Thu-An), Nước ngược dòng (Thu-An), Chiều lạnh tuyết băng sơn (Thu-An), Châu-Bích-Lệ (Thu-An), Bà chúa ăn mày (Thu-An), Gươm ngũ-đế (Thu-An và Lê-Trí), Quán ma (Thu-An), Tiếng súng một giờ khuya (Thu-An), v.v…

Nghệ-sĩ (Nữ) : Ngọc-Hương, Bo-Bo-Hoàng, Hoài-Mỹ, Bạch-Lê, Bạch-Liên, v.v… (Nam) : Út Hiền, Văn Khoe, Hoàng-kim-Bằng, Hề Minh, Bảy Xê, Huỳnh-Minh, Công-Khanh, Minh-Đạt, Thanh-An, v.v…

- KIM-CHƯỞNG. – Đoàn nầy nhờ khéo lèo-lái nên được cái danh hiệu « Đệ nhứt anh hùng lưu-diễn » và được nhiều

tuổi nghề hơn các bạn đồng hành.

Tuồng : Thuyền ra cửa biển (Yên-Trang và Phong-Anh), Hai chiều ly-biệt (Thu-An), Người gọi đò bên sông (Mộc-Linh), Trống hoàng-hôn (Lê-Trí và Thu-An), Quỹ Bảo (Mộc-Linh), Mặt trời đêm (Tuấn-Khanh), Người anh khác mẹ (Thu-An và Phan-Khương), Nhà sư và tướng cướp (Mộc-Linh), v.v…

Nghệ-sĩ (Nữ) : Trương-ánh-Loan, Phượng-Liên, Thanh-Nguyệt, Thanh-Nhàn, Kim Nên, Mộng-Thu, v.v… (Nam) : Diệp-Lang, Phương-Quang, Dũng-thanh-Lâm, Trường-Xuân, Phi Hùng, Hề Chơn-Tâm, Hề Vui, Hữu Nhiêu, Vũ-phương-Giang.

- KIM-CHUNG. – Công-Ty Kim-Chung đã chuộc được nhiều danh ca và tạo được bốn đoàn ca-kịch. Đây là lần đầu tiên một tổ-chức qui-mô đã thành-lập để kinh-doanh ngành Cải-Lương.

Tuồng : Thượng phương bảo kiếm (Vạn-Lý), Rừng thẩm giao duyên (Ngọc-Văn), Hoa đào trước gió (Nguyễn-Huỳnh), Đêm buồn tàn thu (Ngọc-huyền-Quân và Vạn-Lý), Lương-sơn-Bá, Chúc-anh-Đài (Ngọc-Văn, Hoài-Hương), Tình hận trên băng hồ (Yên-Lang), Mảnh áo quê nghèo (Yên-Lang), Tiếng cười Bao-Tự (Ngọc-Văn), Trời lạnh sương khuya (Yên-Lang), Anh hùng Lã-phụng-Tiên (Ngọc-Văn), Tiếng hát trên sông Loa (Ngọc-huyền-Quân và Thanh-Cao), Cánh hồng tả tơi (Vạn-Lý).

Nghệ-sĩ (Nữ) : Kim-Chung, Lệ-Thủy, Anh-Hồng, Diệu-Hiền, Bích-Hợp, Kiều-lệ-Tâm, Mỹ-Châu, Hà-mỹ-Xuân, Thu-

Hương, Ái-Lan, Thúy-Liễu… (Nam) : Hùng-Cường, Thanh-Hải, Kim-Nguyên, Huỳnh-Thái, Minh-Cảnh, Phước-Hậu, Út-Hậu, Thanh-Nhàn, Thanh-Phương, Ngọc-Ẩn, Quan-Hữu, Hề Văn-Hường, Hề Ba Hội, Hề Tư Vững…

- THỦ-ĐÔ

Tuồng : Chiếc áo ân-tình (Thu-An, Phong-Anh), Sầu Quan-Ải (Thu-An và Thiếu-Linh), Xấp thơ tình (Kiều-Lê và Võ-hoài-Nam), Nhạn Nam sầu én Bắc (Hiền-Lương), Hoa đào trên kiếm thép (Linh Khanh), Giây oan (Thiếu-Linh), Tình người tử tội (Thiếu-Linh).

Nghệ-sĩ (Nữ) : Mỹ-quyên-Chi, Huỳnh-Hoa, Phương-lan-Y, Tô-kiều-Lan, Hồng-Hoa… (Nam) : Phương-Thảo, Thanh-Hiền, Văn-Sa, Hữu-Hạnh, Sáu Nhỏ, Minh-Quang, Hà-trúc-Phương, Tường-Lân…

- THỐNG-NHỨT

Tuồng : Lưới-trời (Vân-An), Tần-thủy-Hoàng (Điền-Long), Phút sau cùng (Điền-Long), Gã câm và người đẹp (Hoài-Nhân), Sầm-sơn lệ-sử (Vân-An), v.v…

Nghệ-sĩ (Nữ) : Ngọc-Bích, Ngọc-Kim, Thanh-Xuân, Kim-Hà, Thu-Vân, Mỹ-Ngọc… (Nam) : Út Trà-ôn, Minh-Châu, Hoàng-Sương, Quốc-Việt, Ngọc-Trai, Chơn-Tâm, Hoàng-Liêm, Văn-Núi, Quang-Hiền, Yến-Đạt…

- LAN và ĐƯỢC

Tuồng : Đồ-Long-đao (Hoài-Thanh), Thuyền-về bến ngự (Hoài-Sơn), Mây chiều xuyên nguyệt thôn (Kiên-Giang, H.T.H.P.), Khi rừng mới sang Thu (Quy-Sắc), Đồng xanh cát

trắng (Quy-Sắc), và Châu-sơn-Dũng), Lối mộng vào tim (Thanh-Cao), Qua mùa phượng-vĩ (Phượng-Hà, Hoàng-Quân), Sầu qua mấy nhịp cầu duyên (Thanh-Cao), Nối quãng đường tình (Hoài-Nhân), Hoa nở cuối mùa (Quy-Sắc).

Nghệ-sĩ (Nữ) : Bạch-Lan, Ngọc-Giàu, Thanh-thanh-Hoa, Thanh-Thanh-Nga, Kim Huệ, Hoàng-Vân… (Nam) : Thành-Được, Ba Vân, Nam-Hùng, Văn-Ngà, Thanh-Sơn, Út Nhị, Văn-Chung, Thanh-Kỳ, Văn-Sa…

Các Ban ca-kịch và các nghệ-sĩ kể trên đây do theo tình-trạng sân khấu Cải-Lương trong khoảng *đệ nhứt lục cá nguyệt năm 1965*. Về sau tất cả có sự thay đổi vì một vài ban bị tan rã, nhưng các đào kép chánh ở những ban ấy cũng được mời cộng-tác với các đại-ban khác.

Gia dĩ có những ca-sĩ trên Đài Phát-Thanh, không phải diễn-viên sân-khấu, nhưng cũng có tên tuổi như :

(Nữ) : Cô Ba Bến tre, Cô Năm Cần-thơ, Cô Ba Trà-Vinh, các cô Lê-Liễu, Bạch-Huệ, Ngọc-Ánh, Hương-Xuân, Thanh-Hoa, Hạnh-Ngộ, v.v…

(Nam) : Tám Thưa, Thành-Công, Năm Phồi, Năm Bửu, Tám Bằng, Sáu Vị, Bảy Quới, Chín Sớm, Sáu Thoàn, Ba Ngươn, v.v…

(Danh-cầm) : Bảy Bá, Năm Cơ, Văn Vĩ, Hai Biểu, Bảy Hàm, Ba Khuê, Chín Trích, Ngọc-Sáu, Ba Dư, Văn Lắm, Hai Thơm, Hứa Duyên, Út Trọng, Bảy Phải, Năm Hưng, Duy-Nhất, v.v…

B) NGHỆ-THUẬT CẢI-LƯƠNG ĐƯỢC ỦNG-HỘ VÌ NÓ ĐI SÁT VỚI QUẦN CHÚNG

Hát Bội là lối diễn trò cho một hạng người biết thưởng-thức xem, còn Cải-Lương là lối diễn cho đủ hạng người xem. Từ thượng-lưu trí-thức đến hạng bình-dân đều có thể là khán-giả của Cải-Lương. Nghệ-thuật Cải-Lương rất dễ hiểu. Lời văn giản-dị ; các điệu ca ngâm nhứt là bản Vọng-cổ và Nam-Xuân, Nam-Ai có nhiều dân-tộc-tính.

Tuồng tích thường đi sát với quần chúng. Khi xem tuồng xã-hội, khán-giả có cảm tưởng hoàn-cảnh của các vai tuồng có thể xảy đến cho mình và do đó sự cảm-xúc càng thêm mạnh và in sâu vào trí não.

Ngoài ra Cải-Lương có đủ các thú tiêu-khiển « Cầm ca thi họa » để cho khán-giả giải muộn. Trước hết có âm-nhạc cổ-điển, nhạc Âu và ca ngâm nhiều bài bản tân và cổ. Kế đó có những lời văn và câu thi soạn theo lối nay dễ cho người xem thưởng-thức.

Cải-Lương còn cho xem những tranh cảnh hội-họa và gợi khiếu thẩm-mỹ về thuật kiến-trúc và xây dựng vở kịch, từ hình-thức đến nội-dung.

Sau hết là cách sử-dụng ánh-sáng trên nhiều màu sắc tươi đẹp của Y-trang và tranh-cảnh. Tóm tắt, Cải-Lương là một sản-phẩm của dân-tộc nên được sự ưu-đãi của Đồng-bào.

C) GIẢI THANH-TÂM

Do sáng-kiến của Ông Trần-tấn-Quốc, một ký-giả kỳ-cựu, giải Thanh-tâm đã được thành-lập từ năm 1958 và liên

tiếp mỗi năm kế sau đều có phát Huy-Chương vàng và Bằng danh-dự cho những nam nữ nghệ-sĩ trẻ tuổi có triển-vọng nhứt trong năm.

Ban tuyển chọn gồm có những ký-giả kịch-trường, những kịch-sĩ ưu-tú và những soạn-giả tên tuổi, đủ bảo-đảm cho sự xác-đáng trong việc tuyển chọn. Những nghệ-sĩ được chọn phải hội đủ số điểm tuyệt-đối về diễn-xuất, ca-ngâm, sắc-vóc và đức-hạnh hay cảm tình.

Dưới đây xin biên danh-sách những nam nữ nghệ-sĩ đã đoạt giải từ năm 1958 đến năm 1964 :

- Năm 1958 : Nữ nghệ-sĩ Thanh-Nga.

- Năm 1959 : Nữ nghệ-sĩ Lan-Chi và Nam : nghệ-sĩ Hùng-Minh.

- Năm 1960 : Nữ nghệ-sĩ Bích-Sơn và Ngọc-Giàu.

- Năm 1961 : Nữ nghệ-sĩ Thanh-Thanh-Hoa.

- Năm 1962 : Nữ nghệ-sĩ Ngọc-Hương và Ánh-Hồng.

- Năm 1963 : 3 Nữ nghệ-sĩ : Bạch-Tuyết, Kim-Loan, Trương-ánh-Loan, 3 Nam nghệ-sĩ : Tấn-Tài, Diệp-Lang, Thanh-Tú.

- Năm 1964 : Nữ nghệ-sĩ Lệ-Thủy và Nam nghệ-sĩ Thanh-Sang.

Mỗi năm giải Thanh-Tâm đều có tổ-chức một cuộc lễ long-trọng để phát Huy-chương vàng và Bằng danh-dự cho nam nữ nghệ-sĩ trúng tuyển. Nhân dịp ấy một bổn tuồng được chọn để cho các nghệ-sĩ chiếm giải trình diễn. Trong buổi lễ có mời nhiều nhà trí-thức, các quan khách và khán-

giả đến xem đặng thưởng-thức tài-nghệ của những kịch-sĩ mới vừa đoạt giải.

Đây là một sáng-kiến rất hữu-ích cho nền kịch-nghệ nước nhà, đáng được khuyến-khích và ủng-hộ, trong tương-lai.

Để đại-diện cho các nghệ-sĩ đoạt giải « Thanh-Tâm », chúng tôi đăng ảnh của cô Thanh-Nga, nghệ-sĩ được Huy-Chương vàng đầu tiên năm 1958 và Cô Lệ-Thủy được Huy-Chương vàng sau chót năm 1964.

Sau nầy Ban tuyển-chọn Giải-Thanh-Tâm có công-bố danh sách những nghệ-sĩ được hai giải trong năm 1965 như sau :

1) Diễn-viên xuất-sắc nhất trong năm 1965 (không hạn tuổi) : Nam nghệ-sĩ Hữu-Phước. Nữ nghệ-sĩ Bạch-Tuyết.

2) Diễn-viên có triển vọng nhất trong năm 1965 (trong hạn tuổi 16-24) : Hai nữ nghệ-sĩ : Bo-Bo Hoàng và Thanh-Nguyệt.

Trong năm 1966 : Diễn-viên xuất-sắc : Thành-Được và Thanh-Nga. Diễn-viên có triển-vọng : Phượng-Liên và Phương-Quang.

Năm 1967 : Diễn-viên xuất-sắc : Ngọc-Giàu, Thanh-Hải. Diễn-viên có triển-vọng : Mỹ-Châu, Ngọc-Bích và Bảo-Quốc, Phương-Bình.



*Nhà soạn-kịch Nguyễn-thành-Châu, kiêm diễn-viên và đạo-diễn, hơn bốn mươi năm trong nghề, đã nâng cao trình-độ nghệ-thuật Cải-Lương của nước nhà. Hiện nay Ông điều-khiển đoàn ca-kịch « **Ánh Chiêu-Dương** » được sự ủng-hộ nồng-nhiệt của khán-giả.*



*Một màn tuồng xã-hội « **Khúc oan vô lượng** », sân khấu Trần-Đắt (1927). Các vai : Lê-gia-Khanh (Năm-Châu), Hoàng-bích-Vân (Phùng-Há), Phạm-hoằng-Khai (Tư Út).*



Tuồng xã-hội (xưa)



Cô Thanh-Nga được Huy-chương vàng « Giải Thanh-Tâm » đầu tiên năm 1958.



Cô Lệ-Thủy, H.C.V. Giải Thanh-Tâm 1964.

CHƯƠNG THỨ BA : THOẠI-KỊCH

Thoại-Kịch hay Tân-Kịch là kịch nói chuyện thường. Loại kịch nầy khó diễn-tả vì kịch-sĩ phải có năng-lực diễn-xuất trên mức thường. Lối kịch thơ lại càng khó diễn bởi nó đòi hỏi nơi diễn-viên một trình-độ học-thức khá cao.

Trong năm 1960, trên sân-khấu Việt-Nam có xuất-hiện vài ba Ban Tân-Kịch trong các kỳ Đại Nhạc-Hội. Có vài vở kịch xem đặng như : « Nhạc lòng năm cũ » của ban Dân-Nam và « Nước mắt con tôi » hay « Sau phút lỗi lầm » của ban Kim-Cương. Nhưng rất tiếc, người tổ chức Đại-nhạc-Hội dành cho các ca-sĩ tân-nhạc một khoảng thời giờ quá dài, còn vở kịch nòng cốt để diễn sau chót rất trễ. Sự thể ấy làm chán-nản lòng trông đợi của khán-giả. Thành thử các Đại-nhạc-Hội được sự ủng-hộ của khán-giả trong mấy đêm đầu rồi sau thưa lần. Đó là lý-do chánh làm cho Tân-Kịch diễn thường trực không đặng. Nếu các ban Tân-kịch muốn đứng vững và hấp-dẫn quần chúng, nên cải-tiến từ hình-thức đến nội-dung.

Về hình-thức sân-khấu, Tân-kịch còn đơn-giản lắm. Chẳng khác nào sân-khấu Cải-lương hồi mới sơ-khởi. Thế nên cần chấn-chỉnh sân-khấu lại bằng cách tạo thêm tranh-cảnh và trang-trí các màn kịch cho phù-hợp với đời sống mới ngày nay.

Về nội-dung nên chọn lọc những tuồng vừa có bề rộng và có bề sâu, diễn được 3 tiếng đồng-hồ. Phần thường tuồng của Tân-kịch thiên về lối kịch xã-hội và các vai trò

đều nói chuyện suông không có ca. Thế nên toàn thể khán-giả không được mãn nguyện. Phải nhận-chân rằng có một hạng khán-giả trí-thức biết thưởng-thức lối thoại-kịch không có ca-nhạc. Còn phần đông, nhất là hạng bình-dân, chưa nhận-định được giá-trị của lời văn và ý-nghĩa sâu xa của vở kịch, nên họ mau chán. Nếu nói chuyện hoài không có ca nhạc giúp vui, họ xem rồi một vài lần không thích đi xem nữa.

Vậy những nhà tổ-chức Đại-nhạc-Hội hay các Ban Giám-đốc Tân-kịch nên bớt mấy màn ca tân-nhạc đầu, hoặc để ca-sĩ trình bày trong lúc hạ màn đặng đổi cảnh trong vở kịch nồng cốt, cho bớt nguội. Còn trong thân tuồng nên cậy nhạc-sư soạn một ít bản tân-nhạc văn-vắn theo ý-nghĩa của tuồng, rồi cho kịch sĩ ca giặm trong các màn. Điều nầy rất dễ làm vì phần nhiều kịch-sĩ đều biết ca tân-nhạc và tân-kịch có thể đi đôi với tân-nhạc một cách rất thích hợp. Cũng có thể cho đệm thêm tân-nhạc trong những lớp gay cấn của tuồng.

Như thế, các hạng khán-giả đều hoan-nghinh và Tân-kịch sẽ đứng vững được. Chứ hiện nay, người ta có cảm-tưởng rằng Tân-kịch không thể đứng một mình, nên phải cậy sự giúp đỡ các ban vũ, kích-động-nhạc, ca cải-cách, ảo-thuật, v.v… Sự trạng ấy làm cho các đêm trình diễn thành một đêm « xà bần các loại » chứ không còn nghệ-thuật sân-khấu nữa.

VĂN KỊCH. – Văn kịch là lối văn siêu-tả-chân, thường viết bằng lối văn xuôi mới hạp với hoàn-cảnh thực-tế ngoài đời. Những vở kịch xã-hội tâm-lý tình-cảm luôn luôn viết

bằng tản-văn, ngoại trừ những vở kịch về sử, có thể viết bằng vận văn. Kịch thơ rất khó diễn vì nếu kịch-sĩ không đủ trình-độ học-thức và không đủ tài diễn-xuất sẽ học thuộc lòng vai tuồng của mình rồi nói trên sân-khấu như học trò trả bài.

Dưới đây xin trích một đoạn kịch xã hội « **Hai khối tình** » (T.V.K.) đã trình diễn tại Saigon và các tỉnh Nam-Phần trong năm 1943 lúc Trạng sư Xương vào nhà dưỡng bịnh trong khám đường thăm cô Cúc để khuyên giải cô chẳng nên thất chí mà hủy mình :

(Trạng sư Xương) (Tám Mẹo) : Anh vô đây trước thăm em vì nghe em có bịnh, sau để khuyên em nên phản-cung những lời em đã khai trước quan Thẩm-án.

(Cô Cúc) (Năm-Phỉ) : Không thể đặng. Em đã nhận tội giết ông Dương rồi, có lý nào em lại phản-cung.

(Trạng sư Xương) : Nếu em không phản-cung tất em quyết-thí thân em và hy-sinh luôn tình mẫu-tử đối với mẹ em nữa. Rốt cuộc em đổi lấy sự gì ? Ra giữa Tòa, em khai cái thói hèn hạ của thằng cha Dương kia đặng làm nhục vong-hồn của nó. Em làm cho em bị tù-tội đặng cho người tình bạc-bẽo nọ buồn rầu ăn-năn (ám-chỉ cậu Hoàng). Hứ ! Đổi như vậy rẻ quá ! Thằng cha Dương đó, khi sống nó không biết cái nhục mà chừa, nay chết rồi ai kể gì vong hồn của nó. Còn người tình bạc-bẽo nọ, nếu nó có chút lương tâm, biết trọng danh-dự, nó không thể nào bội ước. Khi đã bội ước, nó đâu biết ăn-năn mà em phải thí thân với nó ?

(Cô Cúc) : Em thí thân đây chẳng phải muốn làm nhục vong hồn thằng cha Dương : cố ý làm nhục vong hồn người khuất mặt, cái thái-độ ấy rất khiếm-nhã. Em cũng không muốn cho người tình bạc-bẽo nọ ăn năn vì chính nơi em đã biểu người cưới vợ khác đặng hưởng thú giàu sang. Em quyết thí thân là vì em nhìn thấy cuộc đời nhiều nỗi khắt-khe giả dối. Người thì khẩu phật tâm xà, kẻ lại phụ bần tham phú. Than ôi ! cái văn-minh vật-chất ngày nay dường như đã làm nguội lạnh lòng đạo đức của người đời !

(Trạng-sư Xương) : Em chẳng nên vì một hai con chiên ghẻ trong đời, rồi xem đời với con mắt quá bi-quan ! Em xét kỹ lại coi, trong xã-hội ta cũng còn nhiều người biết lấy nhơn, lấy nghĩa, để xử-sự cùng đồng-loại. Em đây là một phần-tử của xã-hội, em phải vì xã-hội, vì mẹ, vì bạn mà lo bảo-thủ thân em. Nhứt là vì mẹ, nếu một mai em có bề gì, thím ở nhà khó sống nổi trong cảnh sầu thảm cô đơn.

(Cô Cúc) : Em xin anh làm ơn nói giùm với má em rằng : em chết đây là tại đời giả-dối giết em, chớ không phải em tự ý muốn chết mà bỏ mẹ.

(Trạng-sư Xương) : Sự sống của con người có nhiều mục-đích tốt đẹp, em chẳng nên bỏ qua. Nếu trong quá-khứ em thất bại vì tình, buổi tương lai em lo trau-giồi chữ hiếu, hoặc em lo tô-điểm nền văn. Đó là những mục-đích cao-thượng, em nên đeo đuổi, cần gì em phải hủy mình ?

(Cô Cúc) : Em chẳng còn một chút nghị-lực nào để lo tính việc khác được.

Trạng-sư Xương : Thủng-thẳng nguôi-ngoai rồi nghị-lực sẽ trở lại. Em phải nghĩ tình-nghĩa mẹ con, đặng để cho anh lập thế cứu em.

(Cô Cúc) : Xin anh đừng lo cứu em. Để em mở đường cho đoàn phụ-nữ sau nầy bước tới và trừ cái nạn hiếp-dâm cùng cái thói phụ tình. Dù em phải bị tù-tội, em cũng vui lòng.

*

Tóm tắt, văn kịch nên bình-dị và chẳng nên cho một người nói dài quá làm nguôi vở tuồng. Mỗi vai nói chừng mươi hàng là nhiều, rồi để cho vai khác nói. Như thế, lối đối-thoại được sôi-động và hào-hứng hơn.

DANH-SÁCH NGHỆ-SĨ trong bộ môn Thoại-Kịch. (Lược-kê theo trí nhớ, xin cáo lỗi nếu có sai-sót).

Nữ : Kim-Cương (Hoàng-Dũng), Thẩm-thúy-Hằng, Bích-Thuận, Bích-Sơn, Bích-Thủy, Túy-Phượng, Túy-Hồng, Túy-Hoa, Kiều-Hạnh, Hồng-Hạnh, Tường-Vi, Diễm-Kiều, Hương-Xuân, Bạch-lan-Thanh, Bạch-Trường, Bảy-Ngọc, Kiều-Oanh, Phương-Lan, v.v…

Nam : Vân-Hùng, La-thoại-Tân, Anh-Lân, Tùng-Lâm, Xuân-Phát, Ngọc-Đức, Khả-Năng, Hoàng-Mai, Thanh-Việt, Phi-Thoàn, Vũ-đức-Duy, Vũ-Huân, Vũ-Huyến, Hương-Huyền, Hoàng-Long, Nguyễn Long, Anh-Tuấn, Thanh-Hoài, Duy-Chức, Châu-Hý, Ngọc-Phu, Hoàng-Năm, Minh-Ngọc, v.v…

Những ban thoại-kịch hiện-hữu :

Ban : Kim-Cương Thoại-kịch, Thẩm-Thúy-Hằng, Tân-Dân-Nam, Bích-Sơn, Vũ-Huân, Vũ-đức-Duy, v.v…

Vở Kịch : Nước mắt con tôi, Nhạc lòng năm cũ, Sau phút lỗi lầm, Cuối đường hạnh phúc, Trà-hoa-Nữ, Mưa nguồn, Gió lốc, Yêu trong bóng tối, Cùng một đời hoa, Tình ngang-trái, Sông dài, Khát sống, Dưới hai màu áo, Dưới gác Thánh-Đường, Áo người trinh nữ, v.v…



Cô Túy-Phượng, đào chánh Ban thoại-kịch Tân-Dân-Nam.



Thẩm-Thúy-Hằng



Kim-Cương

CHƯƠNG THỨ TƯ

A) THÚ XEM DIỄN KỊCH

Xem đến đây quí độc-giả cũng đã lãnh-hội được phần nào về ba bộ môn diễn kịch của nước nhà. Mỗi bộ môn đều có chỗ đặc-sắc riêng của nó. Khi nhàn rỗi quí vị cũng muốn đi xem diễn kịch để giải muộn. Đó là một thú vui lành mạnh và bổ ích cho tinh thần, ít tai hại hơn các thú vui khác như « Tứ đổ tường » dễ làm cho con người sa ngã ở chốn phồn-hoa đô-hội.

Thiết tưởng không chi thú-vị bằng đi xem một vở tuồng rồi về nhà bình-luận : biết chỗ hay chỗ dở của vở tuồng từ hình-thức lẫn nội-dung, biết tuồng viết có kỹ-thuật hay không, biết văn-chương thế nào, kịch-sĩ ca-diễn ra sao. Đó là một việc rất lý-thú mà phần đông khán-giả kịch-trường đều mong muốn. Để phê bình một cách xác-đáng những vở kịch đã được xem trình-diễn, tưởng nên biết sơ qua các thể-thức cấu tạo một vở kịch kim-thời.

Trước khi đi sâu vào vấn-đề, chúng ta thử tìm hiểu về tiếng *Kịch*. Kịch nghĩa là gì ? Kịch tiếng Pháp gọi là *drame*, gốc tiếng Hy-lạp *drama*, có nghĩa đen là *hoạt-động* vì trong Kịch toàn là thực-hành và hoạt-động cả.

Kịch có nghĩa rộng là hoạt-động của trò *đời*. Kịch là những tình-cảnh éo-le, những mảnh đời ngang trái, những sự mâu thuẫn trầm-trọng khi tranh-chấp lợi-quyền, những cuộc xung-đột mãnh-liệt vì bổn phận, vì danh-dự, vì tình, vì tiền, vì thù-hận hay vì địa-vị trong xã-hội, giữa người thiện

kẻ ác, giữa quân-tử và tiểu-nhơn, giữa hiền ngu, trung nịnh.

Diễn kịch là phô bày trên sân khấu những hành-động của các nhân-vật nói trên để cho người xem thấy chỗ « lành dữ » đặng răn mình. Tóm tắt diễn kịch là trình bày các hành-động của trò đời. Các hành-động ấy có khi có thực, có khi bịa đặt ra nhưng có vẻ như thực.

Hiện nay trong xứ ta có ba loại diễn kịch :

a) Thoại-kịch là kịch nói chuyện thường, không có ca ngâm (giống như Comédie của Pháp).

b) Ca-kịch là kịch có ca-ngâm như Cải-Lương (hơi giống Vaudeville của Pháp).

c) Nhạc-kịch là loại kịch có kèn trống lớn như Hát-Bội (hơi giống Opéra của Pháp).

Khi Cải-Lương có dùng kèn trống lớn của âm-nhạc Âu-tây và có Vũ thì gọi là Ca-Vũ-Nhạc-Kịch.

Muốn soạn một vở kịch trong ba loại trên đây cần phải áp-dụng những phương-pháp sau nầy.

B) BÀN VỀ SOẠN KỊCH

Những thể-thức thông-thường để xây-dựng một vở kịch kim-thời có thể chia làm bốn phần cốt-yếu như sau : lựa đề-tài, sáng-tạo nhân-vật, bố-cục và lập-từ.

1) Lựa đề tài

Diễn kịch là một lối tuyên-truyền rất đắc-lực và hữu-hiệu nhất. Thế nên phải lựa những sự tích tốt đẹp đem ra

diễn đặng làm gương cho người đời. Một đứa trẻ xem hát, thấy người trung, người hiền, biết thương, biết khen, thấy đứa nịnh, kẻ ác, biết ghét, biết chê, tất là tập cho nó có tánh thiện-cảm về điều « phải » ở đời. Rồi mai sau, khi lớn khôn, nó biết đâu là chánh-nghĩa, đâu là tà-ác để giữ tròn bổn phận làm người.

Chẳng nên lựa những chuyện tình lả-lơi đem diễn trước mắt muôn người làm cho thanh-niên nam nữ xem rồi có xu-hướng ác-cảm, làm tổn-thương đến luân-lý cang-thường và bại-hoại thuần-phong mỹ-tục. Dường ấy, chẳng những thinh-danh của soạn-giả sẽ bị hoen-ố, mà soạn-giả còn đắc tội với quốc-gia xã-hội.

Vậy nên lựa trong một đoạn lịch-sử, hay một khoảng tuồng đời, nơi đó có ẩn ý một gương cao-thượng, như trung thần, hiếu-tử, nghĩa-phu, tiết-phụ, v.v… và có đủ nhân, nghĩa, lễ, trí, tín. Những vở kịch như thế, tất có giá-trị và đáng nêu lên cho người xem.

Nếu lựa được cốt tuồng có *kịch-tính*, càng thêm hay. Dưới đây xin nêu ít vở tuồng Tây, tuồng Tàu và Việt-Nam có kịch-tính để làm thí-dụ :

Trong các tuồng Pháp, có tuồng « Le Cid » tả sự xung-đột mãnh liệt giữa danh-dự và ái-tình trong vai Rodrigue và sự gay cấn dữ-dội giữa lòng hiếu-đạo và tình yêu trong vai Chimène.

Tuồng Tàu « **Huê dung đạo** » có sự xung đột trong tâm khảm giữa bổn phận làm Tướng và lòng biết ơn trong vai

Quan-Công, người anh-hùng nghĩa-khí không chịu giết kẻ dưới ngựa.

Tuồng « **Xử tội Bàng-Quí-Phi** » có sự tranh đấu dằng-dai giữa vấn-đề an-ninh quốc-gia và ái phi trong vai Tống-nhơn-Tôn.

Tuồng Việt « **Tô-Ánh-Nguyệt** » diễn tả sự hy-sinh cực-điểm của người mẹ giữa tình mẫu-tử phân-ly và sự bảo-tổn danh-giá cho chồng trong vai cô Nguyệt.

Tuồng « **Máu nhuộm Phụng-hoàng Cung** » có điều nan-giải giữa lòng thương quê-hương tổ-quốc và tình phu-phụ trong vai Kiều-Nhan.

Trên đây lược-kê những tuồng có mang nhiều kịch-tính và được xem là tuồng có giá-trị trong Kịch-trường. Nhờ những cảnh-tình nan-giải, những trạng-huống trái-ngang khó xử trong các vai tuồng, nên mới nảy ra *kịch-tính*.

Ngoài ra, nhà soạn kịch nên lưu ý về năm điều chủ-yếu sau đây :

a) Trong vở kịch chẳng nên phô bày từ đầu chí cuối toàn những sự gian-xảo độc-ác. Nếu có việc ác, tất phải có việc thiện để đối chọi lại.

b) Tả người ác dù mưu-mô xảo-trá thế nào, cũng không nên để lấn-áp người thiện và làm giảm nhân-phẩm người thiện. Khi kết-thúc nên để cho việc thiện thắng ác luôn luôn.

c) Nếu tả về tình, nên lựa những chuyện tình cao thượng, như trung thắng tình, nghĩa thắng tình, hiếu thắng

tình, danh-dự thắng tình, chẳng nên theo lối thường tình hạ đẳng.

d) Cốt chuyện phóng-tác hay sáng-tác, dù tình tiết ly-kỳ thế nào, khi kết-cuộc phải có ngụ ý khuyên răn, cho người xem biết rõ cái chủ-não của chuyện là đề-cao tinh-thần hy-sinh cho bổn phận làm người, và kẻ làm ác, sau cùng phải chịu luật « nhân quả ».

e) Vấn-đề đã đặt ra rồi, phải giải-quyết cho ổn-thỏa có thủy có chung và kết-cuộc rõ ràng minh-bạch, chẳng nên bỏ dở để cho người xem nghĩ sao cũng được.

Tóm tắt, khi lựa đề-tài cho một vở kịch nên quan-tâm đến thực-tế và nội-dung câu chuyện phải cho hợp lý, chẳng nên kể chuyện hoang đường phi lý. Khi viết kịch, soạn-giả luôn luôn tự hỏi : « Việc nầy có thể xảy ra ngoài đời được chăng ? » Nếu không thể xảy ra được, tốt hơn đừng để vào.

Lựa xong đề-tài rồi khởi công sáng-tạo các nhân-vật của tuồng.

2) Sáng tạo các nhân-vật (Création des personnages)

Phần thường, các kịch-gia ở xứ ta, trước khi soạn một vở kịch, hay đến xem khả-năng ca diễn của những đào kép trong đoàn hát mà mình muốn cho diễn vở kịch sắp viết. Rồi tùy sở-trường của mỗi diễn-viên, kịch-gia sáng-tạo các nhân-vật của vở tuồng. Người kép nầy sở-trường về vai kép « mùi », người kia về vai kép « độc ». Cô nọ hay về vai « đào thương », còn cô kia về vai « đào lẳng », hoặc anh hề nọ có biệt-tài chọc cười khán-giả bằng lời nói trào-lộng hay

bằng cử-chỉ khôi-hài, v.v… Cái khéo của soạn-giả là biết khai-thác những chỗ ưu-điểm của diễn-viên để sắp-đặt các vai tuồng cho ăn khớp với nhau, và làm nổi bật tài ca-ngâm, diễn-xuất của đào kép. Nhờ đó giá-trị của bổn tuồng được nâng cao và tuồng được sự ủng-hộ nồng-nhiệt của khán-giả. Một vở kịch dù viết hay đến bực nào, nhưng diễn-viên không đủ tài lột hết tinh-thần của các vai trò quan-trọng, vở kịch ấy sẽ bị mất giá-trị và bị bỏ rơi.

Khi sáng-tạo các nhân-vật rồi cần phải biết sử-dụng các nhân-vật ấy. Xin đừng quên rằng đây là nhân-vật kịch, chứ chẳng phải nhân-vật tiểu-thuyết, nên không bao giờ thốt ra những lời trơ-trẽn, vô-vị như : Tôi yêu, tôi ghét, tôi giận, tôi buồn, v.v… Nội tâm của nhân-vật kịch phải thể-hiện bằng cử-chỉ, bằng động-tác, chứ chẳng phải bằng lời nói suông.

Số nhân-vật của vở tuồng, chẳng nên sáng-tạo nhiều quá hoặc ít quá. Phải vừa đủ cho việc giải-quyết vấn-đề và cũng tùy số diễn-viên của đoàn hát. Một tuồng Cải-Lương thường thường có ít nhứt : 1 vai lão, 1 vai mụ, 2 vai kép mùi, 1 vai kép độc, 2 vai đào thương, 1 vai đào lẳng, 1 hay 2 vai khôi-hài. Đây là những vai chánh (rôle principal), còn vai phụ (figurant), muốn bao nhiêu cũng được.

Về tuồng Hát-Bội thường có mấy vai chánh như sau : 1 vai vua, 1 vai lão trung, 1 vai lão nịnh, vài ba vai kép mùi, vài ba vai tướng, 2 vai đào ai, 2 vai đào chiến, v.v… Hát Bội thường hát tuồng truyện nên các vai tuồng đều có sẵn, trừ ra khi nào hát tuồng Đồ mới tùy ý soạn-giả thêm bớt vai tuồng.

Trong một vở tuồng, khi tạo một vai nịnh hay một vai độc-ác rồi, thì từ đầu chí cuối vai ấy vẫn giữ một lập-trường của mình, chẳng khi nào nửa chừng lại đổi tánh-chất đặng. Có khi soạn-giả cho vai độc-ác ăn-năn trong màn chót, có ý vớt-vát phần nào lòng thương-hại của khán-giả, để gỡ bớt tội hung-tàn hiểm-độc cho vai kia. Nhưng cuối cùng thường để cho vai ấy tự xử lấy mình đặng tròn câu : « Thiện ác đáo đầu chung hữu báo » và hễ vay nợ xương máu, thì sau phải trả nợ máu xương. Sáng-tạo xong các vai tuồng, bước qua giai-đoạn bố-cục.

3) Bố cục (Disposition)

Đây là một điểm rất quan-trọng. Soạn một bộ tiểu-thuyết có thể không cần xếp đặt trước. Nhà-văn cứ tuần-tự thuật lại các việc đã xảy ra như sự thật ngoài đời. Còn xây dựng một vở kịch khác hẳn cách cấu-tạo một chuyện tiểu-thuyết. Thời-gian trình-diễn một vở kịch thường từ hai đến ba giờ, hoặc lâu lắm bốn giờ là cùng. Nhưng nó thay thế một khoảng thời-gian lâu hơn từ 24 giờ đến nhiều năm. Thế nên muốn viết một vở kịch phải có sự xếp-đặt các lớp-lang trước, gọi là *Bố-cục*. Bố-cục một vở kịch là phân màn hay hồi (actes) và phân lớp hay kịch (scènes). Màn là một đoạn dài trong vở kịch. Trong một màn có nhiều lớp kịch. Khi có một vai vào hay một vai ra là lớp nầy chuyển sang lớp khác. Giữa hai màn có nghỉ gọi là « entr'actes ». Phần thường trong lúc nghỉ người ta hạ màn đi đường (décor fixe), rồi cho diễn một lớp trò phụ gọi lớp bông-lơn (intermède) cũng theo ý nghĩa của tuồng, để có đủ ngày giờ đổi cảnh cho

màn sau. Nếu tuồng có ba màn trở lại, không cần lớp bông-lơn.

Trong mỗi màn, các vai tuồng khi vào hay ra sân-khấu đều phải có lý-do và có vẻ tự-nhiên, nhằm lúc. Chẳng nên cho ra vào một cách tự-do, đột-ngột quá làm cho khán-giả có cảm-tưởng rằng : tuồng bố-cục có sự giả-tạo, chứ không phải thực-sự. Mỗi màn diễn ít nhứt trên nửa giờ. Nếu được lâu hơn nữa càng thêm hay.

Soạn tuồng Cải-Lương hay Thoại-Kịch, rất khó là lúc hạ màn. Người đóng trò phải ra một điệu-bộ gì, nói một câu gì hay ca một bản gì để kích-thích cảm-quan của khán-giả hầu giúp cho sự hạ màn bớt « sượng ».

Khi phân màn rồi, khởi viết tuồng. Việc nào xảy ra trước viết trước, việc xảy ra sau viết sau. Câu chuyện phải tuần-tự phát triển mới hay. Như kịch soạn theo truyện hoặc tiểu-thuyết, nên lựa những lớp chánh có trực-tiếp ảnh-hưởng đến đầu-đề của mình mới đem vào, còn những lớp phụ-thuộc nên nhận bớt. Trái lại mình có thể sáng-tạo thêm những lớp mới để cho cái *Gút* (Noeud) của vở kịch được rõ-rệt thêm càng hay.

Trong một vở kịch, điều quan-trọng nhứt là chỗ « thắt gút ». Cái gút cần phải thắt chặt rồi mở ra lần lần mới hay. Chẳng nên thắt một cách lỏng-lẻo quá hay rắc-rối lộn-xộn quá làm cho khán-giả phải khó-khăn mới hiểu được đâu là cái Gút, thời mất hứng-thú. Mở gút cần phải tự-nhiên nghĩa là không dùng đến sự kỳ-quặc thần-bí có phép mầu-nhiệm ngoài lẽ thường và phải hợp với luận-lý (logique).

Tựu-trung một vở kịch gồm có ba đoạn :

a) Khai-đề (Exposition) : là đoạn đầu để cho khán-giả biết câu chuyện xảy ra thế nào. Ấy là đoạn khởi cột mối dây cho lần lần thành gút. Đoạn nầy thường ở màn đầu của vở kịch và các vai chánh thường xuất-hiện để khởi-công các động-tác.

b) Kịch biến (Péripéties) : là lúc chuyện ấy biến-chuyển ra sao. Trong đoạn nầy nên dùng những « miếng kịch » (coups de théâtre) cho khéo và có vẻ tự-nhiên. Miếng-kịch là những sự đột khởi bất ngờ xảy đến một cách mạnh-bạo làm cho khán-giả ngạc-nhiên hay hoảng-hốt.

Ví như trong tuồng « **Lỡ bước sang ngang** » của T.A. và H.K. lúc Lam-Sinh, một họa-sĩ rất nghèo túng, bỗng nhiên có một số tiền to để mua cái biệt-thự của ông chủ tiệm cầm đồ, thì khán-giả ai ai cũng lấy làm ngạc-nhiên cho việc bất ngờ ấy. Sau mới rõ là số tiền kia do anh bán một bức tranh đến 10 ngàn đồng cho một người nặc-danh, và người ấy chẳng ai khác hơn là Cô Tuyết-Anh, một con nhà giàu, thầm yêu anh và muốn kết hôn cùng anh.

Còn miếng-kịch đã gây sự hoảng-hốt cho khán-giả là trong tuồng Nhật « **Địa-ngục-môn** », tuồng nầy đoàn Thanh-Minh Thanh-Nga có trình diễn với nhan-đề « Hoa rụng đêm khuya ». Một người võ-sĩ-đạo tài-ba yêu một cô gái có chồng và buộc nàng phải lập mưu giết chồng. Người thiếu-phụ ấy bèn bày kế cho anh ta thừa lúc ban đêm trời tối, vào phòng của chồng có cửa sổ để mở ra vườn phía hướng đông, rồi lén hạ sát chồng nàng. Khi người võ-sĩ thi-

hành xong mật kế, khán-giả rất đỗi kinh-hoàng vì người bị hạ-sát chẳng phải là ông chồng mà chính là người vợ vào nằm chết thế cho chồng đặng giữ tròn câu tiết-liệt và chung-thủy với chồng. Nhờ miếng-kịch tài-tình ấy, tuồng « Địa-ngục-môn » được trúng giải thưởng Điện-ảnh ở Âu-Châu hồi mấy năm về trước.

c) Đoạn-kết (Dénouement) : là đoạn mở cái « gút » cho người ta thấy kết-cuộc câu chuyện ra thế nào. Mở gút có nhiều lối. Lối thứ nhứt là ban đầu các vai chánh vốn bà-con thân-thích nhưng không biết nhau nên xem nhau như người dưng nước lã hoặc xem nhau như thù-nghịch. Đến lúc mở gút, các vai tuồng mới nhận nhau. Ấy là *kết-cuộc bằng lối nhận nhau* (Dénouement par reconnaissance).

Trong vở « **Tấm lòng của biển** » (H.T.H.P.), cô Thanh ban sơ không biết bà vú là mẹ ruột nên có ý khinh-bạc. Đến sau biết được, cô rất hối-hận và dám hy-sinh mối tình đầu của mình để cho mẹ được an-thân. Đấy là lối kết-cuộc nhận nhau.

Lối thứ hai là kết-cuộc bằng sự « *biến-cách* » (Dénouement par révolution) nghĩa là vai chánh bị một tai-biến bất ngờ làm đảo-điên tình-thế. Rồi có người đến giải-cứu và sau cùng được kết nghĩa với người ân. Lối « biến-cách » còn nhiều thể-thức khác.

Sau hết, muốn bố-cục một vở kịch cho có phương-pháp, còn cần phải theo những lệ sau đây mà các kịch-gia thời xưa ở Âu-Tây rất chú-ý. Đó là lệ « Tam-duy-nhất » (Règle des trois unités) :

a) Hành-động duy-nhất (Unité d'action) : Các thành-phần của vở kịch phải khuynh-hướng theo một việc then chốt của câu chuyện. Những vai trò phải tập-trung động-tác vào sự giải-quyết vấn-đề, chẳng đặng hành-động rời-rạc ngoài đề.

b) Trường-sở duy-nhất (Unité de lieu) : Việc đã xảy ra ở chỗ nào, như trong một đô-thị hoặc trong một cảnh đồng quê, một trại lính, trên một chiếc tàu, v.v… thì từ đầu chí cuối cứ ở một nơi ấy.

c) Thời-gian duy-nhất (Unité de temps) : Câu chuyện phải xảy ra trong một ngày hay lâu lắm là trong năm ba bữa là cùng.

Nhờ giữ đúng lệ nói trên nên những vở kịch cổ như của Corneille, Racine, Molière, được xem là những tấn kịch gương mẫu về cách kết-cấu chặt-chẽ và đề-tài nghiêm-chỉnh.

Ngày nay lệ Tam-duy-nhất không buộc phải theo sát vì các nhà soạn kịch kim-thời cho lệ ấy quá nghiêm-khắc. Trừ lệ Hành-động duy-nhất là điều cốt-yếu phải theo, còn hai lệ sau có thể di-dịch được, nhưng cũng không nên làm sai-lạc quá.

Về việc phân số màn, mỗi tuồng chừng năm màn (năm cảnh) là nhiều rồi. Hiện nay bên Âu-Mỹ người ta soạn chừng ba màn hoặc bốn màn là cùng. Có tuồng chừng hai màn (hai cảnh). Ít màn chừng nào, vở tuồng càng thêm hay vì nó gần lệ « tam-duy-nhất » hơn. Vả lại soạn ít màn rất khó ; nhưng nếu làm đặng mới thấy biệt-tài của soạn-giả.

4) Lập từ (Elocution)

Lập-từ là cách dùng lời văn để diễn đạt tư-tưởng trong các loại tuồng. Hiện nay sân-khấu Việt-Nam có ba loại tuồng : Hát-Bội, Cải-Lương và Thoại-kịch.

Tuồng Hát-Bội có tuồng *Pho* là tuồng lấy tích trong truyện, sách sử và tuồng *Đồ* là tuồng lấy tích chuyện ngoài.

Viết tuồng Pho hay tuồng Đồ phải dùng văn cổ-điển nghĩa là cách hành-văn phải theo lối xưa mới trúng điệu. Chẳng nên dùng lời văn nay trong tuồng cổ vì người xưa không thể có những tư-tưởng nay. Ví như cho vai Châu-Du nói những tiếng : « Kết-quả cuộc hành-quân » hay « Kế-hoạch ấy có ảnh-hưởng trực-tiếp đến cuộc bang-giao giữa hai quốc-gia Ngô-Thục », v.v…

Một điều phải tránh là không nên dùng văn xuôi, văn kịch để viết tuồng Hát-Bội. Vì nếu Hát-Bội không có câu lối Xuân, lối Ai, hát Nam, hát Khách và không có Âm-nhạc phụ-họa, thời không còn là Hát-Bội nữa. Vả lại nghệ-sĩ Hát-Bội không thể diễn trò bằng lối văn xuôi.

Vậy soạn tuồng Hát-Bội luôn luôn phải dùng văn vần vì lời thơ có vẻ trang-nghiêm hạp với cốt tuồng thường là câu chuyện xảy ra ở trốn triều-đình, việc vua với quan, thuộc về quí phái.

Về việc soạn tuồng Cải-Lương, như trước kia đã thấy, có hai lối văn. Nếu soạn tuồng Tàu, tuồng Sử, có thể viết theo lối văn cổ-điển được, nhưng nên tránh những câu chữ nho quá xưa và khó hiểu. Còn khi soạn tuồng Xã-hội, tuồng Hương-Xa, nên dùng lối văn nay, tản-văn hay vận-văn cũng

được, miễn cách hành văn và tư-tưởng phải theo nay. Ngữ-pháp phải cho minh-bạch rõ-ràng, dù hạng trí-thức hay hạng bình-dân cũng đều am-hiểu.

Soạn Thoại-kịch nên dùng văn xuôi cho có vẻ tự-nhiên như lời nói chuyện thực ngoài đời. Lời văn phải gói ghém vắn tắt. Chẳng nên cho một vai nói nhiều cả trang giấy, như lối văn diễn-thuyết, làm cho khán-giả phải chán-nản. Nên xén cắt bớt cho khéo và dùng văn đối thoại (dialogue) hoạt-bát, để cho câu chuyện được sôi-động.

Đối-thoại thường cho hai người hoặc ba người nói là cùng. Nếu để nhiều người nói tất làm cho câu chuyện tản-mác rời-rạc thành mất hay. Có một đôi khi, trong vở kịch, dùng lối độc-thoại (monologue) cho một người nói để tỏ nỗi u-uất trong lòng hoặc tự bàn tính trước để giải-quyết một việc gì trọng-hệ, như Rodrigue trong tuồng « Le Cid ». Nhưng chẳng nên cho nói dài.

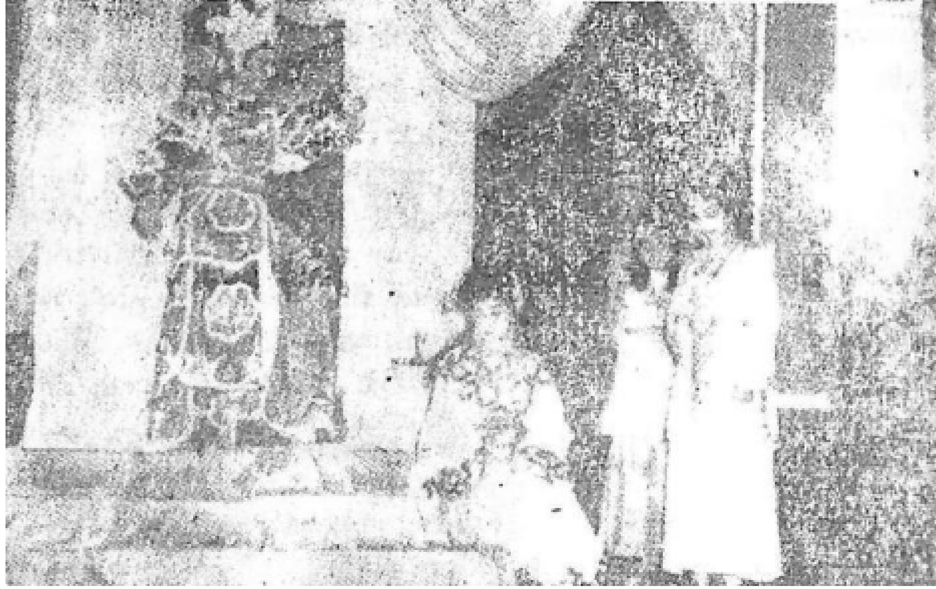
Luận tổng-quát, trong việc lập-từ cho ba loại tuồng nói trên, nên tùy vai tuồng để viết lời nói. Như vai thượng-lưu đài-các phải dùng giọng đài-các. Vai thường-nhân phải nói giọng tầm-thường. Vai tôi-đòi chẳng nên cho nói những câu cao-kỳ quá. Trái lại cũng không nên cho nói những lời thô-lỗ cộc-cằn quá.

Dù soạn bi-kịch (tragédie), hí-kịch (comédie) hay bi-hí kịch (tragi-comédie), đều phải cho các vai tuồng nói những lời trang-nhã, có lễ-độ, tránh những lời văn có tánh cách dâm-phong rút trong mấy bộ tiểu-thuyết tình khả-ố. Tùy ý-

nghĩa câu chuyện, một đôi khi cũng phải dùng đến giọng hùng-hồn, những lời cao-thượng.

Văn Kịch khác hơn văn Tiểu-thuyết. Trong tiểu-thuyết tác-giả thường lộ ra khi tả cảnh, tả tình, tả tâm sự của các vai truyện và nhất là khi lý-luận về một vấn-đề trọng-đại, hay về tâm-lý, triết-lý, v.v… Còn trong một bản kịch, tác-giả đã hòa mình vào các vai tuồng rồi không được xuất lộ chút nào cả và không thể dùng những lời phán-đoán cầu-kỳ quá hoặc những câu văn-vẻ quá làm cho khán-giả có cảm-tưởng rằng tác-giả có ý mượn những lời văn ấy để phô-trương mình ra.

Mấy năm gần đây, có một ít ông thầy tuồng Cải-lương soạn những câu văn vần để cho nữ-ca-sĩ ngâm ở hậu-trường. Cái ý-kiến ấy tuy mới-mẻ, song không hạp với lối soạn kịch vì tác-giả đã vô tình lâm vào chỗ khuyết-điểm nói trên và còn làm cho sự diễn trò trên sân khấu bị ngưng lại, nên mất vẻ tự nhiên.



Tuồng Tàu

KẾT LUẬN

Diễn kịch là một cuộc giải-trí và cũng là một bài học cho khán-giả. Một nhà văn-hào Pháp đã nói : « Sân-khấu kịch-trường là đại-học-đường của quần chúng ». Một vở kịch viết có phương-pháp và khéo trình-diễn sẽ gây nơi tâm-trí khán-giả nhiều cảm-xúc và nhiều hào-hứng thâm-trầm.

Thế nào là một vở kịch khéo trình diễn ? Là một vở kịch có đủ mấy đặc-điểm dưới đây :

- Dàn cảnh và bố-cục có kỹ-thuật.

- Trang-trí và y-phục hạp thời-gian và không-gian.

- Nội-dung tuồng-tích lành mạnh, có đạo-lý và ngụ ý-nghĩa sâu xa về cách xử-thế, răn đời.

- Câu chuyện hợp lẽ phải, không giả-tạo, không kỳ-quặc.

- Tuồng có kịch-tính, cấu-tạo có phương-pháp. Cái Gút thắt lại và mở ra rất tự-nhiên, được rõ-ràng, không rắc-rối lộn-xộn.

- Lời văn điêu-luyện, trang nhã, hạp với loại tuồng và xứng với các vai.

- Tài diễn-xuất và ca-ngâm của kịch-sĩ được già-giặn, có nghệ-thuật, rất hấp-dẫn và gợi nhiều cảm-xúc cho người xem.

- Phần nhạc phụ-họa rất hay.

Đó là những yếu-tố căn-bản có thể đưa một vở kịch đến chỗ thành-công. Dĩ nhiên phải có sự hướng-dẫn của một Đạo-diễn đầy kinh-nghiệm.

Luận tổng-quát, ba điệu diễn-kịch của sân-khấu Việt-Nam hiện-hữu đều có chỗ ưu và khuyết-điểm.

Trong điệu Hát Bội, tuy phần nhiều tuồng tích có một nội-dung hợp đạo-lý luân-thường, nhưng cách bố-cục theo cổ-điển còn rườm-rà không hạp thời.

Điệu Cải-Lương lối dàn cảnh và cách bố-cục có kỹ-thuật theo nay, nhưng y-phục của diễn-viên, nhứt là loại Hương-xa, không hạp thời-gian và không-gian tính. Phần nhiều tuồng Cải-Lương hay đề-cao ái-tình, không đề-cao nghĩa-vụ làm người, nên khó kiếm được gương anh-hùng, nghĩa-sĩ, liệt-nữ, anh-thư, trong điệu nầy.

Điệu Thoại-kịch hay Tân-kịch, lúc sau nầy có một ít tuồng gây được sự cảm-xúc cho người xem, nhưng cách dàn cảnh và trang-trí sân-khấu chưa được hoàn-bị.

Còn về phần diễn-viên trong ba điệu có kẻ hay, người dở. Song kẻ hay thì ít còn người dở lại nhiều, nên mới xảy ra cái nạn mua chuộc đào kép, nhất là trong giới Cải-Lương, rất tai hại cho nền kịch-nghệ nước nhà. Lỗi ấy tại nơi người mình ham lập gánh quá, nhưng không tiên liệu sức mình về phương-diện tài-chánh và nhân-viên, thường hay bị đổ vỡ.

Trong một nước có nhiều ban hát quá, tất có trội về « lượng » nhưng phải kém về « phẩm ». Ví như nước Pháp là một nước có nền kịch-nghệ tân-tiến và trình-độ khán-giả

khá cao, nhưng đâu có nhiều ban hát như nước mình. Đó là người ta biết trọng phẩm hơn lượng.

Muốn cho nghệ-thuật sân-khấu nước nhà được phát-triển và hoàn-hảo hơn, phần đông các Ông Chủ gánh nên hùng vốn lại để cho nền tài-chánh được dồi-dào hầu chịu-đựng nổi trong lúc thưa giàn. Chẳng nên vay nợ để lập gánh và mua chuộc đào kép, vì làm như vậy mình gây tai-hại cho bạn đồng-nghiệp, rồi sau cùng mình cũng sẽ bị cảnh tan rã bởi lẽ dễ hiểu là đào kép của mình cũng sẽ bị kẻ khác có nhiều tiền hơn mua chuộc. Ước chi các Ông Giám-đốc đoàn hát nên giao kết thế nào đặng tránh nạn mua chuộc đào-kép.

Sở dĩ có nạn mua chuộc là vì hiện giờ những diễn-viên thinh-sắc lưỡng-toàn rất hiếm hoi. Trong ít năm nữa, trường Quốc-gia Âm-nhạc sẽ đào-tạo những mầm non ưu-tú. Chừng ấy cái nạn nói trên không còn nữa mà trình-độ diễn-xuất và ca-ngâm của kịch-sĩ được nâng cao hơn ngày nay bội phần.

Vậy chúng tôi rất trông-mong cho cơ-quan văn-nghệ của Chánh-quyền xúc-tiến công-tác về việc đào-tạo diễn-viên hầu mai sau nền kịch-nghệ nước nhà càng ngày càng tiến đến chỗ « Chân-Thiện-Mỹ ».

Imprimé par SUDASIE à Paris
Dépôt légal Novembre 1987
Numéro d'édition : 871101


tve-4U
CÙNG ĐỌC, CÙNG CHIA SẺ

Notes

[←1]

Cổ-văn, có câu : Trùng tí thử can tùy thiên phú dự : Anh hùng gặp thế nào phải theo thế nấy.

[←2]

Bạch-Thị, vợ lớn của Lợi-Đồ bị bịnh, ông thầy thuốc bắc Thạch-đạo-Toàn được mời đến chẩn mạch đầu thang. Chẳng may người vợ nhỏ Điêu-Thị lén bỏ thuốc độc vào thang thuốc, giết chết vợ lớn để rảnh tay. Thầy thuốc Thạch-đạo-Toàn can án giết người nên bị bắt giam.

[←3]

Sanh-địa : Chỗ làm ăn được. Vị sanh-địa trị tê-thấp. Nghĩa trước là nghĩa theo câu tuồng, nghĩa sau là nghĩa tánh dược.

Huỳnh-Kỳ : Huỳnh-đế và Kỳ-bá là hai ông tổ thầy thuốc.

Đương qui : Lập nghiệp. Vị đương-qui bổ tâm, bổ huyết.

Quán-chúng : Nghề làm thuốc hơn người ta hết. Vị quán-chúng là rễ cây ráng trị tả lợi.

[←4]

Thanh-nang : Sách thuốc ngoại khoa của thầy Hoa-Đà, đời Tam-Quốc.

[←5]
Đơn-Táo : Phương thuốc trường sanh của tiên luyện.

[←6]

Phương thang tô-hạp bịnh tình : đầu thang thì chữa đặng bịnh. Vị Tô-hạp trị ngoại cảm. Quyết minh : Biết chắc. Vị quyết-minh-tử trị đau mắt, nhỏ tan cườm.

[←7]

Thục-địa : Đất quen thuộc. Vị thục-địa là rễ cây địa-hoàng đã nấu chín dùng làm thuốc.

[←8]
Ngẫu triêm vi dạng : Xãy nhúm bịnh mọn.

[←9]
Vị kim-anh-tử, trị sát trùng và bạch trược.

[←10]

Chỉ-thiệt : trái trúc, uống tiêu thực.

[←11]

Chướng não : long óc. Vị chướng não, long não, trị ghẻ.

[←12]
Phòng-phong : Ngừa phong. Thanh phòng-phong trị nhức đầu.

[←13]

Ô. Diệp-văn-Cương ở Gò-Vấp, lúc sanh tiền, thường nói : « Khi tôi Nghe Tư Triều đờn Kìm và Cậu Năm Diệm đờn Tỳ rồi, tôi không còn muốn nghe ai đờn nữa cả ». (Xin đừng lộn Tư Triều, tức Nguyễn-tống-Triều, người Cai-thia, với Bảy Triều, tức Trần-văn-Triều, người Rạch-Gầm, con Cụ Năm Diệm và thân-sinh của nhạc sĩ Trần-văn-Khê. Bảy Triều có sáng-chế bản Oán dây Tố-Lan).